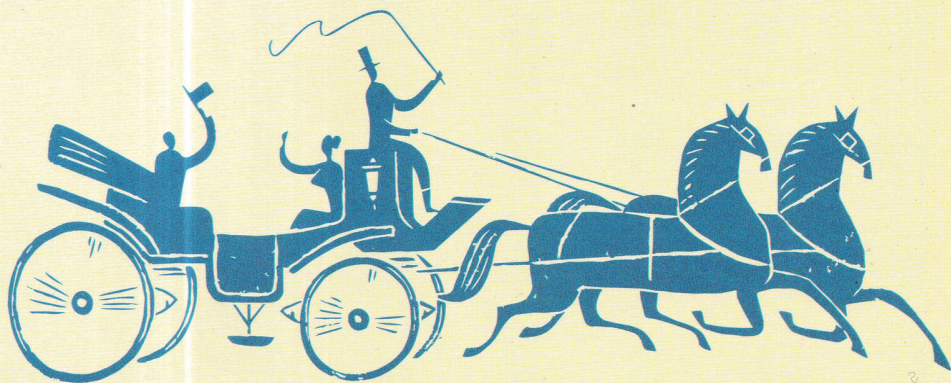


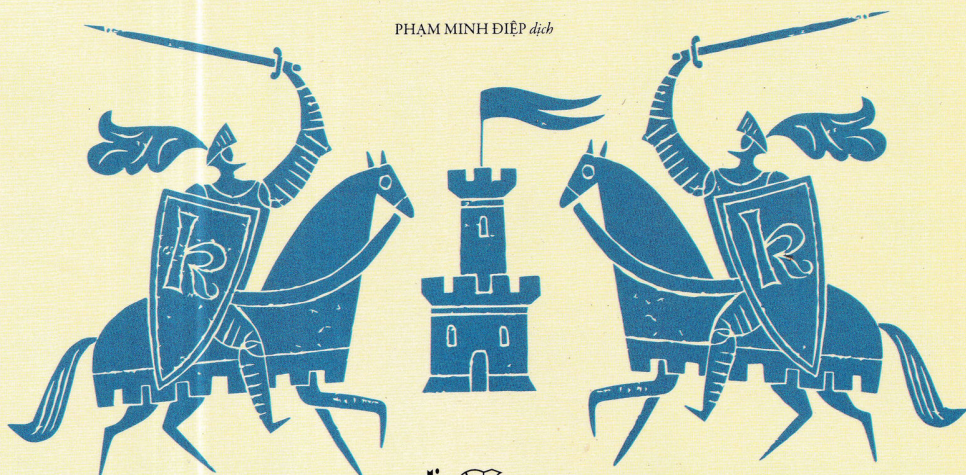
DAVID CRYSTAL



CÂU CHUYỆN NGÔN NGỮ

A LITTLE BOOK OF LANGUAGE

PHẠM MINH ĐIẾP dịch



nhà nam



THẾ GIỚI

NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI



Là phương cách giao tiếp chính của loài người, ngôn ngữ là một phần vô cùng phong phú và đa dạng trong đời sống của chúng ta. Có khoảng 6.000 ngôn ngữ trên thế giới, tuy rất nhiều trong số đó cũng đang biến mất nhanh chóng. Những ngôn ngữ vẫn được sử dụng thì mỗi ngày đều thay da đổi thịt, đến mức các thế hệ sống trong cùng một mái nhà có thể nói năng theo những cách rất khác nhau. Nắm bắt được sự phức tạp tinh tế của ngôn ngữ luôn hiện hữu quanh mình cũng đòi hỏi nhiều tâm sức hơn bạn tưởng, nhưng *Câu chuyện ngôn ngữ* của David Crystal có thể dẫn dắt bạn vào hành trình tìm hiểu này theo cách đơn giản và gợi mở nhiều hứng thú nhất.

Đi từ những tiếng bập bẹ đầu tiên của một em bé cho đến sự phát triển của ngôn ngữ mạng trong những năm gần đây, 40 chương sách sẽ giúp bạn tìm hiểu từng khía cạnh đóng góp vào cái mà ta gọi là “ngôn ngữ”. Khi theo chân từng bước phát triển của ngôn ngữ, cả nói riêng trong đời một cá nhân lẫn nói chung theo chiều dài lịch sử văn minh loài người, với những ví dụ sinh động và rõ ràng, người đọc dù nói thứ tiếng nào đi nữa khó lòng thờ ơ với câu chuyện cuốn hút về ngôn ngữ mà David Crystal đem tới.

BECOME A MEMBER!



Nhà Nam Reading Club



nhà nam
www.nhanam.vn



ISBN: 978-604-77-9613-7



Giá: 160.000Đ



CÂU CHUYỆN
NGÔN NGỮ

A LITTLE BOOK OF LANGUAGE
© 2011 by David Crystal
Originally published by Yale University Press

Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty Văn hóa & Truyền thông Nhã Nam.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng Internet mà không có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của nhà xuất bản và tác giả. Không ủng hộ, khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền. Chỉ mua bán bản in hợp pháp.

DAVID CRYSTAL

CÂU CHUYỆN
NGÔN NGỮ

A LITTLE BOOK OF LANGUAGE

PHẠM MINH ĐIẾP *dịch*

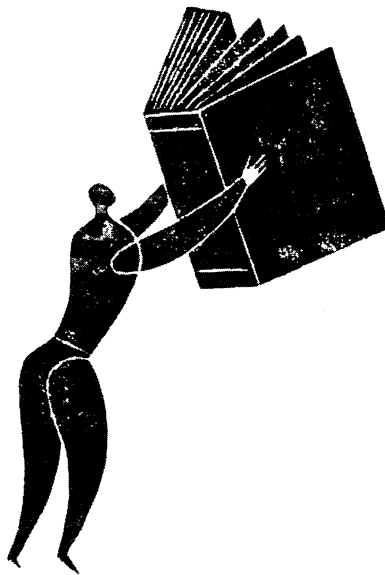


NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: Nhi ngữ	7
CHƯƠNG 2: Từ tiếng kêu đến từ ngữ	13
CHƯƠNG 3: Học cách hiểu	22
CHƯƠNG 4: Chấn rung	30
CHƯƠNG 5: Phát âm	39
CHƯƠNG 6: Khám phá ngữ pháp	47
CHƯƠNG 7: Trò chuyện	55
CHƯƠNG 8: Học đọc và học viết	61
CHƯƠNG 9: Chinh phục môn chính tả	70
CHƯƠNG 10: Quy tắc chính tả và các biến thể	79
CHƯƠNG 11: Quy tắc ngữ pháp và các biến thể	88
CHƯƠNG 12: Giọng và phương ngữ	96
CHƯƠNG 13: Thông thạo song ngữ	105
CHƯƠNG 14: Các ngôn ngữ trên thế giới	114
CHƯƠNG 15: Nguồn gốc của lời nói	124
CHƯƠNG 16: Nguồn gốc của chữ viết	131
CHƯƠNG 17: Chữ viết hiện đại	139
CHƯƠNG 18: Ngôn ngữ ký hiệu	149
CHƯƠNG 19: So sánh ngôn ngữ	157
CHƯƠNG 20: Những ngôn ngữ sắp mất đi	166
CHƯƠNG 21: Sự thay đổi của ngôn ngữ	174
CHƯƠNG 22: Khi ngôn ngữ biến thể	182
CHƯƠNG 23: Ngôn ngữ công việc	190
CHƯƠNG 24: Tiếng lóng	197
CHƯƠNG 25: Từ điển	205
CHƯƠNG 26: Từ nguyên học	213
CHƯƠNG 27: Địa danh	220
CHƯƠNG 28: Tên người	229
CHƯƠNG 29: Cuộc cách mạng điện tử	237
CHƯƠNG 30: Nhắn tin	244

CHƯƠNG 31: Vui chơi với ngôn ngữ	253
CHƯƠNG 32: Tại sao ta sử dụng ngôn ngữ?.....	260
CHƯƠNG 33: Ngôn ngữ hướng đến cảm xúc	270
CHƯƠNG 34: Đứng đắn về mặt chính trị.....	277
CHƯƠNG 35: Ngôn ngữ trong văn chương.....	284
CHƯƠNG 36: Phát triển phong cách.....	292
CHƯƠNG 37: Sự phức tạp của ngôn ngữ.....	300
CHƯƠNG 38: Ngôn ngữ học	308
CHƯƠNG 39: Ngôn ngữ học ứng dụng.....	315
CHƯƠNG 40: Thế giới ngôn ngữ <i>của bạn</i>	322
CHỈ MỤC	329



CHƯƠNG 1



Nhi ngữ

Đôi khi ta dùng ngôn ngữ vào những việc kỳ cục. Một trong những việc kỳ cục nhất xảy ra khi ta đối diện với một em bé mới ra đời. Ta làm gì?

Ta nói chuyện với bé.

Có thể ta nói “Chào con” hay “Con tên gì?” hoặc “Yêu chưa kìa!” hoặc là câu gì đó tương tự.

Tại sao ta làm thế? Chắc chắn bé chưa học được tí gì về ngôn ngữ hết. Bé hẳn không thể hiểu nổi một từ nào mà ta vừa nói cả. Vậy mà ta vẫn nói chuyện với bé như thể bé hiểu được ta nói gì.

Mẹ bé thường là người đầu tiên gọi hỏi và nói chuyện với bé. Dưới đây là một ví dụ thực tế được ghi âm chỉ vài phút sau khi một bé vừa chào đời:

Ô em yêu xinh chưa này, xinh ời là xinh này, em ời, nhĩ, em nhĩ... chào em... mẹ chào em... em ời em xinh xinh nhĩ...

Và người mẹ vừa tiếp tục như thế một lúc lâu vừa ôm ấp em bé. Trong lúc đó, em bé chẳng thèm để ý một chút nào hết. Bé đã ngừng khóc và nhắm tịt mắt lại. Có khi bé đã ngủ say rồi. Nhưng người mẹ chẳng quan tâm. Chị đang bị lờ tịt đi nhưng chị vẫn tiếp tục nói.

Và chị nói một cách rất buồn cười. Tôi không thể viết ra được giọng ấy, nhưng nó kiểu thế này:

Ô
Ô
Ô
em
yêu
xinh
chưa
này...

Bắt đầu câu nói, giọng chị rất cao, rồi chị hạ giọng xuống thấp hẳn. Cứ như thể chị đang hát. Khi chị nói “chào em” giọng chị lại lên rất cao và chị kéo dài câu ấy ra - “chàooo eeemmm”. Câu “em xinh xinh nhĩ” cũng rất cao, y như là chị đang hỏi vậy.

Một việc khác nữa, mà chúng ta không thể nhìn thấy nếu chỉ đọc đoạn thoại trên, là việc chị uốn tròn môi khi nói - chầu môi ra như thể chị đang thom ai đó. Nếu chúng ta nói gì đó - không kể là nói điều gì - “Có phải em yêu ời là yêu không nào?” chẳng hạn nhưng nói với đôi môi chầu ra hết cỡ, và lắng nghe âm thanh ta phát ra, thì lời đó nghe như thể lời trẻ con. Và đây chính là tên gọi của cách nói đó: nhi ngữ.

Tròn môi là đặc điểm quan trọng của nhi ngữ. Đặc điểm

quan trọng nữa là ngữ điệu cường độ của giọng nói. Còn một đặc điểm khác thường nữa của giọng nói mà người mẹ dùng với đứa trẻ. Chị nói đi nói lại một nội dung:

Ô em yêu xinh chưa này, xinh ời là xinh này, em ời, nhĩ, em nhĩ.

Điều này thực không được bình thường cho lắm. Có bao giờ ta gặp ai mà nói đi nói lại một nội dung liên tục ba lần liền không cơ chứ? Ta không tự nhiên mà đi nói với bạn mình thế này:

Chào John nhé, chào John nhé, chào John nhé. Đi mua đồ à? Đi mua đồ à? Đi mua đồ à?

Nếu ta mà nói như vậy thì có khi còn bị nhốt lại không biết chừng. Vậy mà khi ta nói thế với em bé thì chẳng ai thấy gì là lạ lùng kỳ cục.

Tại sao người mẹ làm như vậy? Tại sao rất nhiều người trong chúng ta làm vậy?

Thử đặt mình vào vị trí người mẹ đã nhé. Chị rất yêu em bé, và chị muốn nói với bé như vậy. Nhưng còn một điều này nữa: chị muốn em bé cũng nói lại với chị. Đáng tiếc thay, em bé chưa thể nói được. Nhưng chị nghĩ, biết đâu, nếu mình chỉ làm cho bé nhìn mình thôi, nhìn mình lấy lần đầu tiên thôi... nếu mình có thể làm cho bé chú ý đến mình thôi thì sao nhĩ...?

Ta sẽ không bao giờ khiến người khác chú ý đến mình nếu ta im lặng hoặc nói những điều bình thường. Thay vào đó, ta phải kêu to, hoặc huýt sáo. Ta nói điều gì đó khác thường, điều gì đó thật nổi bật: “Này, Fred! Đây cơ mà! Ê ê!” Thử nghĩ thêm về câu “Ê ê!” nhé. Âm thanh phát ra thật kỳ cục! Nhưng chúng ta nghe mọi người phát ra những âm thanh đó khi họ muốn ai đó ở đằng xa chú ý vào họ.

Và ta cũng tạo ra những âm thanh khác nhau khi ta muốn em bé chú ý. Ta không bao giờ có thể khiến các em bé chú ý nếu ta nói những điều bình thường theo một cách bình thường. Tôi đã nghe nhiều đoạn ghi âm những cuộc trò chuyện với các em bé sơ sinh, và không một ai nói với các bé như thế này, với một giọng thiếu cảm xúc và đầy thực tế:

Chào con. Mẹ là mẹ con đây. Đây là bệnh viện. Kia là bà đỡ. Còn đây là cái giường. Tên con là Mary nhé...

Đây là thứ ngôn ngữ chúng ta dùng với trẻ khi chúng lớn hơn một chút. Nghiêm túc hơn, nhiều thông tin hơn. Giống như cách giáo viên giảng bài. Người ta nói chuyện với trẻ hai tuổi như này. “Cẩn thận. Nước nóng đấy. Nước lạnh ở đây...” Chúng ta không nói chuyện với trẻ sơ sinh như vậy.

Giờ thử đặt mình vào vị trí em bé sơ sinh nhé. Ta đang nằm đây, lần đầu tiên bước ra thế giới, đủ thứ đang diễn ra xung quanh. Đây là một cảm giác không hề dễ chịu, cảm giác được sinh ra trên đời, và ta đã khóc rất nhiều. Nhưng giờ thì mọi thứ đang ổn dần dần. Ta được ủ ấm, ta thấy dễ chịu, và có ai kia đang tạo ra một số âm thanh hướng về phía ta - những âm thanh vô nghĩa, nhưng dù sao cũng vẫn là âm thanh... Có đáng để ta lắng nghe không nhỉ? Nếu ta nghe thấy “Đây là bệnh viện. Kia là bà đỡ. Còn đây là cái giường” với giọng đều đều, ta hẳn sẽ kết luận rằng thế giới này sẽ chán khủng khiếp, và có lẽ ta nên quay về nơi ta từng sống thôi. Nhưng nếu ta nghe thấy “Ồ em yêu xinh chưa này” với một giọng điệu lướt qua trầm bổng từ cao tới thấp, lặp đi lặp lại, vậy thì có thể thế giới này sẽ thú vị đây! Có lẽ ta nên mở mắt ra và nhìn thử xem - ồ ồ, có đôi môi nào trông hay chưa kia! Ai thế nhỉ? Cô ấy trông dễ thương ra phết!

Nhi ngữ là một trong những cách người mẹ và những người khác phát triển mối liên kết chặt chẽ với em bé sơ sinh. Nhi ngữ

đặt nền tảng cho sự phát triển ngôn ngữ. Cho dù không nhận ra, nhưng khi trò chuyện với trẻ sơ sinh theo cách này chúng ta đã bắt đầu dạy cho bé tiếng mẹ đẻ của bé - hoặc các thứ tiếng mẹ đẻ của bé, trong trường hợp bé sinh ra trong một gia đình nói nhiều hơn một thứ tiếng. Bằng cách lặp đi lặp lại câu từ, và khiến bé chú ý đến các câu đó, chúng ta đã bấm nút khởi động quá trình học tiếng. Khi con người bắt đầu học một ngoại ngữ, họ biết mình cần gì để có thể nói được những câu đầu tiên. Họ cần nghe thấy âm thanh của chúng, lặp đi lặp lại, to và rõ ràng, do một người biết cách nói chúng nói ra. Với trẻ sơ sinh cũng vậy. Nếu chúng nghe những âm thanh, từ, cụm từ lặp đi lặp lại, chẳng mấy chốc chúng sẽ học được ngôn ngữ đó.

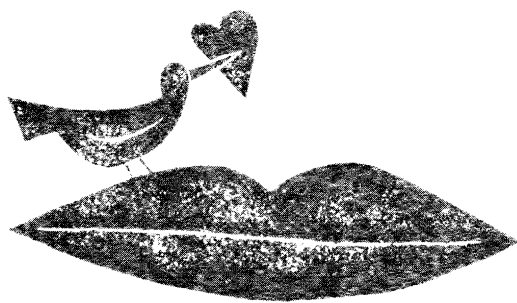
Nhưng chẳng mấy chốc là “mấy chốc”? Trẻ mất bao lâu để học cách nói? Và chúng sẽ học được phần nào của tiếng mẹ đẻ trước tiên?

TRẺ SƠ SINH, CHIM BỒ CÂU, VÀ THƯƠNG TÍCH

Ta dùng nhì ngữ để nói chuyện với trẻ sơ sinh. Nhưng có hai trường hợp khác nữa mà chúng ta cũng dùng đến nhì ngữ.

Một là khi chúng ta nói với động vật. Nếu ta lắng nghe kỹ cách ai đó trò chuyện với thú cưng, những điều ta nghe thấy rất giống với những gì xảy ra khi ta nói chuyện với trẻ sơ sinh. Thậm chí nghe ra còn kỳ lạ hơn nữa. Và người ta không nhận ra là mình đang hành xử như vậy. Có lần tôi ghi âm cuộc nói chuyện của mẹ tôi với con chim bồ câu của bà, rồi mở cho bà nghe. Bà không thể tưởng tượng nổi bà nói năng sao kỳ cục đến vậy! Nhưng con chim bồ câu thì không nghĩ thế đâu.

Trường hợp còn lại thì sao? Đó là khi chúng ta trêu chọc bạn bè, coi họ như những đứa trẻ. Thử tưởng tượng xem: bạn bị giập đầu ngón tay và bạn quay sang bạn mình để được họ cảm thương. Nhưng người bạn thì nghĩ là chuyện bé xé ra to. Bạn giơ ngón tay lên. "Nhìn này, đau lắm". "Ôi, chèm nàoooo, em iu bị đau chạy phải hôn?" Tất nhiên, sau chuyện này thì rất có thể người bạn đó không còn được coi là bạn nữa rồi!



CHƯƠNG 2



Từ tiếng kêu đến từ ngữ

Lắng nghe các âm thanh phát ra từ trẻ dưới một tuổi và vất óc ra xem chúng muốn nói gì là một việc vô cùng thú vị. Chúng ta có thể hiểu được nhiều điều về ngôn ngữ thông qua việc này.

Và điều đầu tiên mà chúng ta có thể thấy, nếu ta chú ý lắng nghe trẻ từ sớm, khi chúng khoảng một tháng tuổi, là những âm thanh chúng phát ra không hề giống ngôn ngữ chút nào. Chúng không nói. Chúng chỉ đang phát ra âm thanh - dùng âm thanh của mình để truyền tải những nhu cầu cơ bản.

Hầu như chúng ta đều gọi điều đó đơn giản là “khóc”. Nhưng các tiếng khóc không hoàn toàn giống nhau. Nếu em bé đói, tiếng khóc vì đói nghe sẽ thế này:

o o o o
a a a a
a a a a
a a a a

Mỗi tiếng “oa” đều khá ngắn, và có quãng ngừng giữa các tiếng.
Nếu em bé bị đau, chúng ta có thể nghe thấy ngay sự khác biệt. Tiếng khóc sẽ như thế này:

o
a
a o
a a
a a o
a a a
a a a o
a a a a
a a a a

Tiếng khóc vì đau bắt đầu khá cao và vỡ òa, lần vỡ òa tiếp theo ngắn hơn và thấp hơn, những lần tiếp theo cũng ngắn hơn nữa và thấp hơn nữa. Nếu em bé được bế và nựng, tiếng khóc sẽ ngừng. Nếu không, tiếng khóc theo dạng thức này sẽ lặp đi lặp lại cho đến khi có người tới dỗ dành bé.

Và nếu em bé vui vẻ thì sao? Thì những tiếng khóc của bé sẽ nhỏ hơn và dễ chịu hơn - giống như tiếng ọ ẹ. Đôi khi người ta gọi đó là “tiếng khóc sung sướng”.

Và vấn đề là ở chỗ này. Nếu ta không thể nhìn thấy em bé, mà chỉ nghe thấy những tiếng khóc đó, liệu ta có thể đoán được bé đang học tiếng gì không? Những tiếng khóc đó nghe có giống tiếng Anh, tiếng Pháp, hay tiếng Trung? Câu trả lời là “không”. Ở độ tuổi này, các em bé đều phát ra những âm thanh giống nhau

dù ở bất kỳ đâu trên thế giới. Các nhà nghiên cứu đã thí nghiệm và chứng minh điều này. Họ đã ghi âm những tiếng khóc vì đói, vì đau, và vì vui thích, từ khắp mọi vùng đất, tráo lẩn chúng, và đưa các tiếng khóc được ghi âm này cho thính giả phân biệt. “Anh/chị có thể đoán em bé nào là người Anh không?” Không. “Hay em bé nào người Pháp?” Không. “Hay em bé nào người Trung Quốc?” Không. Việc này là không thể.

Nhưng một năm sau, chính những em bé này sẽ phát ra âm thanh giống như tiếng Anh, hay tiếng Pháp, tiếng Trung. Lúc đó, chắc chắn các bé đã bắt đầu nói được một vài từ rồi. Vậy thì từ khi nào ta sẽ nghe thấy âm thanh của tiếng mẹ đẻ trong những tiếng kêu của trẻ? Hãy thử theo dõi một em bé trong suốt một năm đầu đời xem sao nhé.

Chúng ta sẽ không nhận ra những thay đổi trong tiếng khóc của trẻ cho tới khi trẻ khoảng ba tháng tuổi. Và rồi ta sẽ nghe được điều gì đó mới mẻ. Và ta còn nhìn thấy điều đó nữa kia. Ta thấy đôi môi bé vừa mấp máy vừa phát ra âm thanh, để cho âm thanh phát ra nghe như thể “uu”, hoặc hơi giống “brừ” như âm thanh ta phát ra khi ta thấy lạnh. Tiếng “gù” trong cổ họng nghe cũng tròn trịa và có chủ đích hơn. Ta không thể ghi lại những âm thanh này bằng các chữ cái sẵn có, nhưng rất nhiều âm thanh trong số này nghe giống như bé đang nói “gù” hay “cu” - và vì thế nên giai đoạn này thường được gọi là “gù”. Đây là một giai đoạn rất thú vị bởi đây là lần đầu chúng ta có cảm giác như em bé đang muốn nói điều gì đó tới ta.

Liệu có tồn tại tiếng “gù” Anh ngữ hay tiếng “gù” Pháp ngữ, tiếng “gù” Trung ngữ hay không? Không. Ở độ tuổi ba tháng, những em bé ở các khu vực ngôn ngữ này vẫn phát ra âm thanh giống hệt nhau.

Chỉ sau ba tháng nữa thôi, các em bé sẽ bắt đầu phát ra những âm thanh có chủ đích hơn. Chúng ta sẽ nghe được những âm thanh dường như ta nhận ra. Một số âm thanh sẽ nghe giống

y như những âm có trong ngôn ngữ được mọi người xung quanh bé sử dụng. Đặc biệt, bé có thể bụm môi lại và há rộng miệng bất thành linh để bật ra các tiếng “ba” hay “pa” hay “ma”. Việc đó thật hay, nghe cũng vui, thế nên bé cứ làm liên tục vài lượt. Nếu ta thử nói những tiếng trên liên tục vài lần - “ba ba ba ba”, “pa pa pa pa”, “ma ma ma ma” - ta sẽ nghe như những em bé sáu tháng tuổi. Người ta gọi giai đoạn này là “bập bẹ”.

Các em bé bập bẹ từ khoảng sáu tháng tuổi cho tới chín tháng tuổi. Các bé thử nghiệm một loạt những âm thanh mới trong khoảng thời gian đó. Chúng ta sẽ nghe được “na na na” và “đa đa đa” - cũng như “bơ bơ bơ”, “phà phà phà”, và những tiếng khác. Đây là giai đoạn phát triển ngôn ngữ rất quan trọng. Em bé có vẻ như đang tập luyện. Chúng ta có thể hình dung các bé nghĩ thế này: “Nếu mình đẩy lưỡi thật cao ra phía trước, và bật ra thì sao nhỉ? Nghe hay đấy. Thế còn bụm môi vào với nhau thật nhiều thì sao nhỉ? Tuyệt đấy!”

Và rồi chúng nhận ra rằng một số tiếng chúng tạo ra khiến người lớn rất thích thú: “Cái tiếng mà mình dùng môi, tiếng ‘ma-ma-ma-ma’, khiến cô gì trông dễ thương cứ cho mình ăn ấy, rất hài lòng. Và tiếng ‘ba-ba-ba-ba’ có vẻ gây được ấn tượng với ông gì ở kia có giọng trầm và hay cho mình chơi nhún. Còn có điều này thú vị hơn nữa, là khi mình làm như vậy, họ cũng nói những tiếng của họ luôn. Một trò tuyệt vời. Để mình làm lại nữa xem!”

Chẳng trách mà các bố các mẹ thích thú. Trong tiếng Anh, và một số ngôn ngữ, tiếng “ma-ma-ma” nghe như “mẹ”, và tiếng “ba-ba-ba” nghe như “bố”. Vậy nên, tự nhiên thôi, bố mẹ nghĩ bé đang gọi họ. Nhưng không phải thế đâu. Ở giai đoạn này các em bé không hiểu mình đang nói gì. Bé chỉ tạo ra các âm thanh thế thôi. Nếu một âm thanh nào nghe giống những từ có sẵn, thì đó chỉ là ăn may. Phải thêm vài tháng nữa thì một em bé học tiếng Anh mới nhận ra “ma-ma” thật sự có ý nghĩa.

Làm thế nào ta biết rằng bé không hề hiểu điều mình nói có nghĩa gì? Bởi vì ta nghe thấy âm thanh “ma-ma-ma” phát ra trong đủ mọi hoàn cảnh, dù bà mẹ có mặt hay không có mặt. Hãy tưởng tượng ta học một từ tiếng nước ngoài, như là tiếng Pháp chẳng hạn - ví dụ như từ “porte”. Từ này nghĩa là “cửa”. Nhưng nếu ta lẩm bẩm “porte” khi thấy một con mèo, hay một quả táo, hoặc cái giường, thì người ta sẽ nhanh chóng kết luận rằng ta chẳng hiểu “porte” có nghĩa gì sất. Họ sẽ thay đổi nhận định chỉ khi họ nghe ta nói “porte” mỗi khi ta nhìn thấy một cái cửa. Với các em bé cũng vậy. Sẽ đến một lúc bé học được rằng, trong tiếng Anh, “mama” là âm thanh bé cần dùng đến mỗi khi bé muốn nói về “mẹ”, hoặc để gọi mẹ. Và các bé chưa đạt tới giai đoạn đó lúc sáu tháng tuổi.

Lại ba tháng sau. Một điều vô cùng quan trọng xảy ra vào thời gian này. Một điều mà tôi chưa nhắc đến, khi tôi nói về giai đoạn bập bẹ, là những âm thanh phát ra thường không đều đặn. Ta có thể nghe thấy “ba-ba-ba-ba”. Nhưng chỉ tiếng “ba” đầu tiên là rõ ràng nhất. Những tiếng còn lại yếu hơn và không đều, toàn bộ chuỗi tiếng “ba” này không có một hình hài cụ thể. Nhưng khi bé vào khoảng 9 tháng tuổi, lần đầu tiên ta sẽ nghe thấy những chuỗi như “ba-ba” rõ rệt hơn. Những chuỗi đó nghe giống như những từ thực sự. Bé đã làm như thế nào?

Đó là vì bé đã bắt đầu học được hai trong số những đặc tính quan trọng nhất của ngôn ngữ. Một là tiết tấu; hai là ngữ điệu. Tôi sẽ nói về ngữ điệu sau nhé. Tiết tấu là “nhịp” của ngôn ngữ. Trong tiếng Anh chẳng hạn, chúng ta nghe thấy nhịp đó khi ta nói một câu thành tiếng và vỗ tay mỗi khi ta nghe thấy một tiếng to, rõ hơn. Trong câu này:

I think it's time we went to town.

(Con nghĩ mình nên ra phố thôi.)

tiếng to, rõ nằm ở “think”, “time”, “went”, và “town”. Và tiết điệu của câu này là “đi-đum-đi-đum-đi-đum-đi-đum”.

Tiết điệu này khá phổ biến trong tiếng Anh. Chúng ta nghe thấy tiết điệu này rất nhiều khi đọc thơ. Về trẻ em đa số đều sử dụng tiết điệu này:

The grand old Duke of York
He had ten thousand men.⁽¹⁾

Đây là tiết điệu “đi-đum-đi-đum-đi-đum” lặp đi lặp lại hai lần. Và đây cũng là tiết điệu thơ ca yêu thích của William Shakespeare. Nếu ta xem một vở kịch của ông, đây sẽ là tiết điệu chủ yếu mà ta nghe được trong lời thoại của các nhân vật.

Nhưng đây lại không phải là tiết điệu mà ta nghe thấy ở mọi ngôn ngữ. Người Pháp không nói như vậy. Lời nói của họ có tiết điệu thế này “rat-a-tat-a-tat-a-tat”. Và người Trung Quốc cũng không nói như vậy đâu. Khi người nói tiếng Anh nghe người Trung Quốc nói, họ thường mô tả lời nói đó nghe như là tiếng hát lên bổng xuống trầm.

Vậy là vào khoảng chín tháng tuổi, các bé bắt đầu tạo ra chuỗi âm thanh với chút nhịp, mô phỏng tiết điệu của thứ ngôn ngữ các bé đang học nói. Chuỗi âm thanh của các em bé học nói tiếng Anh bắt đầu giống hơn với tiết điệu “đi-đum-đi-đum”. Chuỗi âm thanh của các em bé học nói tiếng Pháp bắt đầu giống với tiết điệu “rat-a-tat-a-tat”. Và chuỗi âm thanh của các em bé học nói tiếng Trung Quốc bắt đầu

1. Nghĩa là “Công tước vùng York đáng kính
Chỉ huy mười nghìn anh lính”.

Bài về có nhịp 1-2 thường được hát cho trẻ em nghe trong lúc ôm và nhún trẻ trong lòng người lớn. Bài về được cho là viết về một vài nhân vật trong lịch sử, điển hình là Công tước xứ York và Albany, tức Hoàng tử Frederick (1763-1827), con trai của vua George III. (Chú thích của người dịch. Mọi chú thích trong sách là của người dịch nếu không có ghi chú gì thêm. Các chú thích của Ban biên tập tiếng Việt có thêm ghi chú BT.)

giống như tiếng hát. Tất nhiên, các chuỗi âm thanh này chưa thể dài được. Các em bé chưa biết nói với mẹ “Con nghĩ mình nên ra phố thôi” hay là đọc lại bài “Công tước vùng York đáng kính”. Nhưng các bé *đang* thử nghiệm với những chuỗi âm thanh nho nhỏ, như là “mama” và “baba”, và những tiếng này nghe giống như các từ. Các chuỗi âm thanh chưa có nghĩa gì rõ rệt, nhưng chúng được phát ra rất tự tin và đều đặn. Ta có cảm giác như chỉ một chút nữa thôi là các bé sẽ nói hẳn được tiếng mẹ đẻ rồi.

Cảm giác này được củng cố nhờ đặc tính thứ hai của ngôn ngữ mà tôi đã nhắc tới phía trên: ngữ điệu. Ngữ điệu là giai điệu hay âm nhạc của một ngôn ngữ. Ngữ điệu chính là sự biến đổi lên cao hay xuống thấp của giọng khi ta nói. Ta sẽ nói với mọi người rằng trời đang mưa như thế nào nhỉ?

Trời đang mưa kìa, phải không! (hay có thể là “phải hôn”)

Ta *bảo* cho người kia biết, thế nên ta dùng ngữ điệu “bảo”. Âm của giọng xuống thấp và nghe như thể ta biết rõ điều ta đang nói. Ta đang khẳng định. Nhưng hãy thử hình dung ta *không* biết rõ rằng trời đang mưa hay không. Ta cho là rất có thể đang mưa, thế là ta hỏi một ai đó để kiểm tra. Ta có thể dùng đúng những từ trên - nhưng để ý đến dấu chấm hỏi nhé:

Trời đang mưa, phải không?

Lúc này ta đang *hỏi* người khác, thế là ta dùng ngữ điệu “hỏi”. Âm của giọng lên cao và nghe như thể ta đang hỏi vậy.

Vậy là bây giờ tôi có thể trả lời được câu hỏi tôi đã đặt ra ở phần cuối Chương 1. Các em bé học phần nào đầu tiên trong tiếng mẹ đẻ? Câu trả lời: tiết điệu và ngữ điệu. Nếu ta để lẫn lộn các đoạn băng ghi âm những em bé chín tháng tuổi người Anh, Pháp, và Trung Quốc, và hỏi người nghe đoán xem các bé là người nước nào, họ có thể trả lời đúng. Các em bé đang học tiếng Anh nghe sẽ bắt đầu phát âm giống tiếng Anh. Các em bé người Pháp sẽ bắt đầu phát âm giống tiếng Pháp. Và các bé

người Trung Quốc sẽ bắt đầu phát âm giống tiếng Trung Quốc. Chúng ta có thể nghe thấy tiết điệu và ngữ điệu quen thuộc.

Vào thời điểm tròn 1 tuổi, các bé thường đã bắt đầu hình thành dạng thức ngữ điệu, và dùng các dạng thức này để thể hiện các ý định khác nhau. Có một bài hát xưa có câu thế này: “Quan trọng là cách nói chứ không phải điều muốn nói”. Đó là điều sẽ đi cùng ta suốt đời. Ta thường nghe một ai đó nói gì đó và nghĩ bụng: “Chính cái cách hắn nói, chứ không phải điều hắn nói ra, mới khiến mình khó chịu đến thế”. Trong một chương sau này, chúng ta sẽ thấy tông giọng là một phương pháp truyền tải ngữ nghĩa rất quan trọng. Và các em bé đã bắt đầu dùng tông giọng để làm điều đó vào khoảng thời gian tròn 1 tuổi.

Tôi có một đoạn ghi âm của một trong mấy đứa nhỏ nhà tôi vào lúc bé được khoảng 1 tuổi. Bé nghe thấy tiếng bước chân ngoài cửa và nói “baba” với một ngữ điệu lên cao mang ý hỏi: có nghĩa là “Ba đấy à?”. Khi tôi bước vào phòng, bé nói “baba”, với ngữ điệu hạ xuống thấp nhanh - chuỗi này lại có nghĩa là “Đúng là ba rồi”. Khi bé dang tay ra và nói “baba” với ngữ điệu nững nịu - chuỗi này lại có nghĩa là “Ba bế con đi!” Một câu hỏi, một câu khẳng định, và một câu mệnh lệnh. Nhưng bé không thể xâu chuỗi nhiều từ để tạo thành các câu ấy, bởi bé mới chỉ có mỗi một từ: “baba”.

Bé đã học “baba” từ khi nào? Trẻ học được “từ đầu tiên” kỳ diệu của mình vào lúc nào? Và khi nào thì chúng bắt đầu nối các từ lại để thành câu? Đó chính là giai đoạn tiếp theo trong quá trình hấp thụ ngôn ngữ đầy hấp dẫn.

LẮNG NGHE TỪ TRONG BỤNG MẸ

Trẻ có thể nghe được âm thanh từ khi chúng còn ở trong bụng mẹ. Thông thường trẻ mất chín tháng để phát triển từ một nhóm tế bào thành một em bé chuẩn bị ra đời. Vào lúc bào thai được khoảng sáu tháng, đôi tai và những đường dẫn thông tin thính giác trong bộ não đã hình thành hoàn chỉnh. Và thế là bé có thể nghe được mọi âm thanh xung quanh mình.

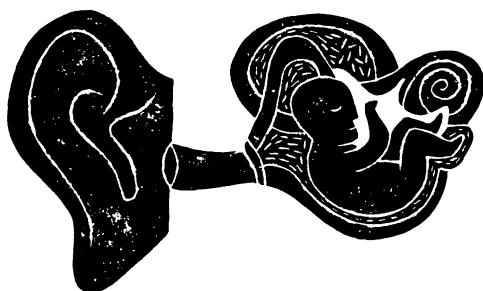
Làm thế nào ta biết một em bé có thể nghe thấy được? Đôi khi bác sĩ cần phải đưa một máy dò vào trong tử cung để nghe xem em bé phát triển ra sao. Cài thêm một ống thu thanh tí hon nữa là việc không có gì khó khăn. Như vậy ta có thể biết được từ trong bụng mẹ em bé nghe được những gì.

Và em bé nghe thấy gì? Nhịp tim của mẹ. Máu truyền đi trong những mạch máu cơ thể. Dạ dày sôi. Và giọng mẹ. Khi mẹ nói, bé có thể nghe được tiếng vọng lại từ xa - hơi giống như khi ta dùng tay bịt tai mình lại. Nếu ta bịt tai và có người khác nói chuyện với ta, âm thanh nghe được sẽ bít bùng và xa xôi. Ta có thể không nghe rõ từng từ một, nhưng chắc chắn ta nghe được tiết điệu và ngữ điệu. Các em bé được luyện nghe những đặc tính này của ngôn ngữ từ trước cả khi bé được sinh ra. Đây có lẽ là lý do vì sao các đặc tính này được trẻ học đầu tiên trong quá trình học ngôn ngữ.

Khi trẻ ra đời, chúng ta có thể làm một thí nghiệm thú vị như sau. Các nhà nghiên cứu đặt tai nghe vào đôi tai nhỏ bé của trẻ và cho trẻ nghe một số âm thanh - tiếng chó sủa, tiếng một người đàn ông, tiếng một người phụ nữ, tiếng của mẹ mình. Họ cho bé ngậm ti giả và nối ti giả vào một bàn điều khiển. Bé mút đều. Khi nghe thấy tiếng chó sủa, tiếng người đàn ông và người phụ nữ nói, bé mút nhanh hơn một chút rồi chậm lại. Nhưng khi nghe thấy tiếng mẹ, bé mút nhanh hơn và liên tục hơn! Bé nhận ra mẹ đấy.

Chúng ta có thể làm thí nghiệm này ngay khi em bé sinh được vài giờ đồng hồ. Bé không cần mất thời gian học xem giọng mẹ nghe thế nào. Bé đã biết rồi.

CHƯƠNG 3



Học cách hiểu

Trước tiên hãy nghĩ về việc chúng ta học từ mới. Nếu tôi nói rằng trong tiếng Nhật có một từ là *bara-bara* và bảo bạn phải học từ này, câu đầu tiên bạn sẽ hỏi tôi là câu gì?

“Từ đó nghĩa là gì?”

Đó là một câu hỏi rất có lý, bởi nếu học một từ mà không biết nghĩa của nó thì học làm gì. (Thực ra từ này ý là “mưa nặng hạt”, và từ này rất hữu ích nếu bạn định đi dạo quanh Tokyo mà không có ô!)

Nhưng nếu bạn là một em bé, và không thể đặt câu hỏi “Từ đó nghĩa là gì?” bởi vì bạn chưa học được cách nói thì sao nhỉ? Bạn làm thế nào bây giờ?

Bạn quan sát và bạn lắng nghe. Bạn để ý xem xung quanh mình đang diễn ra những gì. Nhìn chung thì có vô số thứ bạn có thể lắng nghe. Người ta nói chuyện với bạn suốt, trừ lúc bạn đang ăn hoặc chuẩn bị đi ngủ. Và có khối thời gian để mà lắng nghe, vì thực ra bạn có mấy việc để làm đâu. Trong khi bạn thức

và không bận ăn, toàn bộ công việc của bạn là nằm và thưởng thức thế giới mới - hình thức của nó, cảm giác về nó, mùi vị của nó, âm thanh của nó. Và đặc biệt, âm thanh của nó khi đó lại do một người khác tạo ra.

Âm thanh lời nói có gì đó đặc biệt. Ta đã nghe thấy âm thanh lời nói trước cả khi được sinh ra. Và sau khi ra đời ta lại được nghe âm thanh đó được dùng theo vô số cách tuyệt vời và đầy ngữ điệu. Lúc nào âm thanh ấy cũng có thể khiến ta bất ngờ. Và kết quả là chúng ta nhận ra ngôn ngữ là phương tiện tuyệt vời nhất để biểu đạt suy nghĩ và tình cảm, và rằng không gì hơn ngôn ngữ có thể khiến chúng ta thấy mình thực sự là con người. Động vật có thể giao tiếp với nhau như ta sẽ thấy ở phần sau, nhưng chúng không có gì để có thể sánh được với ngôn ngữ của loài người.

Các em bé rất thích lắng nghe. Ta có thể chắc chắn về điều đó, bởi khi các bé nghe thấy tiếng động nào đó các bé sẽ quay về hướng phát ra tiếng động. Đây chính là phương pháp chủ yếu mà các chuyên gia thính giác đánh giá khả năng thính giác của một em bé. Các chuyên gia thính giác đứng sau bé, phát ra một âm thanh như rung một chiếc chuông nhỏ chẳng hạn. Nếu bé nghe thấy, bé sẽ quay về hướng chuông reo. Nếu bé không hề ngo ngoậy quay đầu sau khi chuông reo vài lần, các chuyên gia thính giác sẽ thực hiện một số bài thử để xem bé có bị khiếm thính hay không.

Các em bé còn *muốn* được nghe nữa. Các bé *muốn* học ngôn ngữ. Và khi tôi nói “muốn” ý tôi là các bé chưa có ý thức rõ về việc muốn đó, như người lớn, bạn hay tôi, “muốn” mua xe đạp mới hay là máy tính mới đâu. Ý tôi là bộ não của các bé được thiết lập *sẵn sàng* để học các ngôn ngữ. Bộ não chú ý đến mọi dấu hiệu của ngôn ngữ, chờ đợi ngôn ngữ kích hoạt và bắt đầu vận hành. Các nhà nghiên cứu ngôn ngữ đôi khi đề cập đến việc bộ não trẻ sơ sinh có chứa một “công cụ hấp thụ ngôn ngữ”. Họ đánh giá

rằng bộ não trẻ sơ sinh giống như một mạng lưới khổng lồ chứa các tế bào đã tiến hóa suốt mấy nghìn năm giúp cho con người có thể học cách giao tiếp với nhau sớm nhất có thể. Ta không có gì phải ngạc nhiên khi thấy các em bé học các ngôn ngữ - và học rất nhanh. Đó là công việc mà chúng sinh ra để thực hiện mà.

Lưu ý rằng tôi nói “các ngôn ngữ”, không phải “một ngôn ngữ”. Ba phần tư trong tổng số các em bé trên thế giới học nhiều hơn một thứ tiếng. Một số bé học bốn hoặc năm thứ tiếng một lúc. Điều này khiến những người quen sống trong cộng đồng nói một thứ tiếng rất ngạc nhiên, nhưng đó là điều hoàn toàn bình thường. Ta phải nhìn từ góc độ của em bé kia. Bé chỉ biết người ta đang nói chuyện với bé. Bé không hề biết rằng những từ ngữ kia thuộc về các thứ tiếng khác nhau. Bé sẽ không thể nhận ra điều đó cho tới khi lớn lên. Nếu mẹ nói một kiểu và bố nói một kiểu khác, rồi cô bán hàng nói một cách khác nữa, thì sao chứ? Rốt cuộc thì cũng đều là từ ngữ mà thôi. Bé học tất cả những kiểu đó tự nhiên như hít thở vậy.

Bộ não loài người có thể xử lý được vài chục thứ tiếng. Thật đấy. Một nhà báo tên Harold Williams đã cho mọi người thấy khả năng của con người là thế nào. Ông là biên tập viên nước ngoài của tờ *The Times* vào đầu thế kỷ 20. Ông đến dự một cuộc họp quốc tế vào năm 1918 có tên Hiệp hội Các Quốc gia, và đã nói chuyện với mỗi đại biểu ở đó bằng chính thứ tiếng của họ. Ông có thể nói thông thạo 58 ngôn ngữ! Con số đó xứng đáng đứng cạnh mấy dấu chấm than: 58!!! Nó khiến cho việc học chỉ hai ngôn ngữ - song ngữ - dường như là một việc thật đơn giản.

Vậy thì, trong số tất cả những mảnh ghép lớn nhỏ làm nên bức tranh mỗi thứ tiếng, đầu tiên em bé sẽ chú ý đến tiết điệu và ngữ điệu, như ta đã thấy ở Chương 2. Nhưng rồi sau đó là gì? Các bậc cha mẹ biết rõ câu trả lời nhất, vì chính họ luôn háo hức đợi chờ giây phút ấy trong khoảng thời gian bé tròn 1 tuổi. Và khi nó xảy ra, họ vô cùng sung sướng. Cái gì thế nhỉ?

Một từ.

Từ đầu tiên.

Các em bé nhận ra từ khá nhanh trong khi lắng nghe lời nói phát ra quanh mình. Nguyên do là khi chúng ta nói, một số từ và một số phần của từ nghe rõ hơn những từ, những phần khác. Chúng nổi bật lên. Hãy tưởng tượng khung cảnh này. Ta đang chơi với em bé, và một chú chó đi vào phòng. Thường thì ta sẽ nói gì với bé đây? Có lẽ là thế này:

Nhìn kia! Con chó đấy. Chào chó con.

Ta sẽ nói đoạn trên như thế nào? Ta nhấn mạnh vào phần nào? Thử nói to những câu này lên, và lắng nghe xem phần nào phát ra mạnh mẽ nhất. Nó sẽ như thế này:

Nhìn kia! Con chó đấy. Chào chó con.

Và đây là những phần mà bé để ý. Từ góc độ của bé, câu nói của ta nghe thế này:

nhìn... chó... chào... chó

Hãy để ý đến những từ lặp đi lặp lại. Ta đang dạy bé từ “chó” mặc dù ta không nhận ra.

Các bé có hiểu điều ta đang nói không? Thường thì cũng khó nói. Nhưng đôi khi từ cách bé phản ứng ta có thể thấy rằng bé biết một từ chỉ điều gì. Có lần tôi thực hiện một thí nghiệm nhỏ với con trai Steven của tôi khi cậu khoảng 1 tuổi để chứng minh điều này. Tôi đặt cậu ngồi trên sàn và bày đồ chơi xung quanh, trong đó có một chiếc xe buýt, một quả bóng, và một chú gấu bông. Cậu hầu như không chú ý đặc biệt đến chúng. Nhưng khi tôi hỏi, “Bóng của con đâu?” cậu nhìn quả bóng ngay lập tức

và vươn hai tay với lấy bóng. Rồi sau khi cậu chơi bóng một lát, tôi hỏi, “Gấu của con đâu?” thì cậu nhìn quanh tìm gấu. Một lát sau nữa khi tôi nói “Xe buýt của con đâu?” Lần này cậu hầu như không phản ứng gì.

Steven có vẻ như biết từ “bóng” và “gấu”, nhưng không biết “xe buýt”. Tất nhiên cậu có thể đã biết từ “xe buýt” rồi, chỉ là không buồn tìm đến nó thôi. Có thể cậu đã bắt đầu chán trò tìm đồ rồi. Hay là cậu đang nghĩ bụng: “Mình ngán cái trò làm vật thí nghiệm lắm rồi. Mình muốn ăn!” Nhưng chắc chắn cậu đã thể hiện mình hiểu rõ hai từ đầu tiên.

Những người nghiên cứu ngôn ngữ của trẻ dành rất nhiều thời gian theo dõi các em bé phản ứng với lời nói xung quanh mình. Họ quay những thước phim về sự tương tác giữa người lớn và trẻ em, rồi xem xét từng chi tiết một cách cẩn thận xem các em bé có những dấu hiệu hiểu lời người lớn nói hay không. Đôi khi các dấu hiệu rất khó nhận ra - đôi mắt hơi chuyển hướng nhìn hay mái đầu hoặc đôi tay hơi cử động. Bạn sẽ chẳng bao giờ nhận ra nếu như chỉ ngồi cạnh bé, mà chỉ có thể phát hiện nếu xem đi xem lại đoạn phim đó.

Cho tới khoảng 12 tháng tuổi thì Steven biết được bao nhiêu từ? Tôi có cảm giác cậu biết chừng 12 từ. Cậu chắc chắn biết “mẹ” và “ba”, cả “bóng”, “gấu”, “uống”, và tên một số thứ khác nữa. Cậu cũng có thể gắn một vài từ với những hành động liên quan. Ví dụ, sau khi chơi trò cù lét, với một bài vè như là “Dung dăng dung dẻ/Dắt trẻ ra vườn/Đang đứng vươn vai/Cành gai cù kí”, chúng tôi sẽ nói “nữa không?”, giọng ra ý hỏi - thì thái độ hào hứng của cậu khiến chúng tôi chắc chắn rằng cậu muốn chơi thêm lần nữa. “Ú ờa” cũng là một từ chỉ trò chơi cậu nhận biết rõ. Cậu biết rằng nếu cậu làm đổ một chồng gạch đồ chơi, ai đó sẽ nói “đổ rồi”. Và cậu biết rằng khi đồ ăn trong bát hết sạch cậu sẽ nghe thấy “hết rồi”. Một vài từ trong số này cậu nhận biết có vẻ sớm hơn những từ khác, vào lúc cậu khoảng sáu tháng tuổi.

Các từ tồn tại trong một ngôn ngữ được gọi là *từ vựng* của ngôn ngữ đó. Steven đang bắt đầu học từ vựng tiếng Anh. Hãy chú ý là cậu làm việc đó theo hai bước. Bước đầu tiên là hiểu một vài từ được dùng quanh mình. Nhưng vào lúc 12 tháng tuổi cậu chưa học được cách tự nói bất kỳ từ nào. Khi người ta chủ động sử dụng các từ, ta nói họ có vốn *từ vựng chủ động*. Khi họ hiểu từ nhưng không dùng nó, ta nói họ có vốn *từ vựng thụ động*. Lúc 12 tháng tuổi, Steven có vốn từ vựng thụ động khoảng một tá từ, và vốn từ vựng chủ động của cậu bằng không.

Nhưng điều này đang chuẩn bị thay đổi. Khoảng một tuần sau buổi thí nghiệm trên, cậu nói từ đầu tiên của mình. Hai người hâm mộ cậu cuồng nhiệt, tức là bố mẹ cậu, vô cùng sung sướng. Họ đã nín thở chờ đợi từ lâu. Cậu sẽ nói “mẹ” hay là “ba” đây?

Chẳng phải “mẹ” cũng chẳng phải “ba”. Mà là “hết rồi”⁽¹⁾.

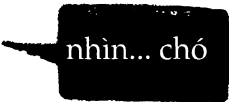
Bạn không bao giờ có thể đoán trước được từ đầu tiên của đứa trẻ sẽ là từ gì. Rất nhiều trẻ nói từ đầu tiên là “mẹ” hoặc “ba” bằng tiếng của chúng. Nhưng thông thường từ đầu tiên là một lựa chọn bất ngờ, thể hiện điều mà trẻ thấy đặc biệt quan trọng. Có trẻ nói “xe”. Có trẻ nói “bánh”. Có trẻ nói “mèo”. Trẻ khác lại nói “nữa”. Còn Steven thì nói “hết rồi”.

Nghe như thể hai từ ấy, phải không? “Hết” + “rồi”. Nhưng Steven chưa biết điều đó. Những gì cậu nghe được là chuỗi âm thanh với hai nhịp tiết điệu. Và đó là cách cậu nói: thực tế nghe “all gone” giống như “awdaw”, như thể đó là một từ. Tất nhiên cậu chưa thể phát âm chính xác được. Cậu chưa thể phát âm được âm “g”, thế là từ “gone” nghe như thể có âm đầu là “d”. (Chúng ta sẽ hiểu tại sao lại có vấn đề này vào một chương sau.) Nhưng các âm khác thì được.

Một khi Steven đã tập nói được từ đầu tiên, chẳng bao lâu sau vốn từ vựng chủ động của cậu bắt đầu dày lên. Cậu thử nói

1. Nguyên văn “all gone”.

thêm từng từ từng từ một. Trong vòng một tháng cậu nói được khoảng 10 từ. Cho tới lúc 18 tháng tuổi vốn từ vựng chủ động của cậu có khoảng 50 từ. Và vốn từ vựng thụ động của cậu cũng tiếp tục dày thêm lên. Cậu có thể hiểu được ít nhất 200 từ. Cậu đang phát triển ngôn ngữ rất tốt.



nhìn... chó



BẠN BIẾT BAO NHIÊU TỪ?

Mỗi ngôn ngữ trên thế giới có nhiều nghìn từ, và một trong những công việc mà người nghiên cứu ngôn ngữ làm là thu thập chúng và lưu vào các cuốn sách được gọi là *từ điển*, nơi ta có thể tra từ khi không rõ nghĩa của chúng.

Bạn biết bao nhiêu từ? Tôi cá là bạn không biết điều đó đâu. Tôi đã hỏi rất nhiều người. Có người nói 500. Có người nói 1.000. Người khác lại nói 5.000. Tất cả đều sai hoàn toàn.

Bạn có hiểu mọi từ trong cuốn sách này từ đầu đến giờ không? Nếu có thì bạn đã xử lý được hơn 800 từ khác nhau rồi. Và đó mới là trong gần 30 trang đầu tiên thôi. Khi nào bạn đọc hết sách này thì tổng số từ sẽ lên tới vài nghìn. Tất nhiên bạn sẽ học thêm được vài từ mới, liên quan đến nghiên cứu ngôn ngữ, nhưng hầu hết các từ trong sách này bạn đã biết rõ từ trước khi đọc rồi.

Và đây mới chỉ là một phần nhỏ của số từ nằm trong đầu bạn. Cuốn sách này chỉ viết về ngôn ngữ, nên từ vựng của nó khá hạn chế. Nó không nói về khám phá vũ trụ hay xe hơi thể thao hay quần áo hay thực phẩm hay chương trình tivi, hay là hàng trăm thứ khác trong đời sống hằng ngày của chúng ta. Thử nghĩ tới biết bao nhiêu từ ta dùng để nói về quần áo chẳng hạn. Hay là tất cả những từ liên quan đến động vật mà bạn biết. Hoặc tất cả những từ lạ lùng trong *Harry Potter* hoặc *Chúa tể những chiếc nhẫn*.

Hầu hết mọi người khi bước vào độ tuổi thiếu niên đều có vốn từ vựng ít nhất 20.000 từ, và con số này tăng lên rất nhanh khi ta học xong phổ thông, học về các lĩnh vực cụ thể như lịch sử, địa lý, vật lý, văn văn. Hầu hết người trưởng thành có vốn từ vựng gấp đôi con số đó. Và nếu bạn học đại học và học sâu về một chuyên ngành, cũng như chịu khó đọc sách, thì vốn từ vựng của bạn sẽ lại gấp đôi thêm một lần nữa.

Nếu có thời gian, bạn hoàn toàn có thể tự kiểm tra. Một cuốn từ điển khoảng 1.500 trang cho ta thông tin về khoảng 100.000 từ. Bạn có thể đọc từng trang, từng từ một và đếm những từ mình biết. Có lẽ sẽ chỉ mất khoảng một tháng thôi!

CHƯƠNG 4



Chấn rung

Con trai Steven của tôi hiểu cụm từ “hết rồi” khi cậu được sáu tháng tuổi. Nhưng cậu đã không thử phát âm từ đó mãi cho tới khi một tuổi. Kể cả cho tới khi đó cậu cũng chẳng phát âm được chính xác. Sự chậm trễ này là do đâu? Và tại sao cậu không thể nói đúng ngay từ lần đầu tiên?

Nếu bạn đã từng học một ngoại ngữ, bạn sẽ biết được câu trả lời. Một vài âm trong ngôn ngữ mới rất khác, và phải mất một thời gian bạn mới nhận ra cách để phát âm chúng. Lưỡi đặt ở đâu? Môi tạo hình gì? Một số người rất giỏi, họ có khả năng bắt chước các âm lạ một cách chính xác và không hề gặp bất kỳ vấn đề gì. Hầu hết chúng ta không may mắn như vậy: ta phải luyện tập, luyện tập, luyện tập.

Đó là việc trẻ em phải làm. Nên nhớ rằng chúng bắt đầu

từ số không. Chúng phải tìm hiểu xem mọi thứ đặt ở đâu - lưỡi, môi, tất tần tật. Đó là một việc phức tạp, và phải mất đến vài tháng để giải quyết xong.

“Tất tần tật” là những cái gì? Chúng được gọi là các *cơ quan phát âm*, và số lượng các cơ quan này nhiều hơn chúng ta thường hay nhầm tưởng. Một số cơ quan rất dễ thấy như là môi. Các cơ quan khác bị che khuất nhưng ta có thể cảm nhận được. Một số cơ quan rất nhỏ. Và một số cơ quan khác thì khá lớn.

Lớn nhất chính là hai lá phổi của ta. Bạn có thể không nghĩ rằng phổi là cơ quan “phát âm”. Suy cho cùng thì chúng nằm trong lồng ngực ta, rất xa miệng. Nhưng nếu không có phổi, chúng ta sẽ không thể nói được. Hành động nói yêu cầu có một dòng không khí đưa âm thanh đi. Và dòng không khí đó bắt đầu từ phổi của chúng ta.

Thử nghĩ một chút về cách ta nghe thấy âm thanh nhé. Nếu tôi đứng bên này đường và bạn đứng ở bên kia, làm thế nào để tôi có thể nghe thấy tiếng bạn gọi tôi? Chúng ta không thể thấy bất kỳ thứ gì nối tôi và bạn lại với nhau. Vậy thì âm thanh đi qua đường như thế nào?

Bằng đường không khí. Những cử động bạn thực hiện với các cơ quan phát âm tạo ra những chấn rung trong không khí, và những chấn rung này truyền trong không gian từ bên này đường sang bên kia đường dưới hình thức những chuyển động vô hình được gọi là *sóng âm*. Sóng âm đi vào bên trong tai tôi và kích hoạt một mạng lưới các xương và tế bào nhỏ khiến cho tôi nghe được bạn nói. Một dây thần kinh đặc biệt gọi là *dây thần kinh thính giác* sau đó truyền các sóng này tới bộ não của tôi, giúp tôi nhận ra âm thanh và hiểu ra điều bạn nói là gì.

Quá trình này không thể diễn ra nếu như trước tiên ta không có không khí mang âm thanh tới đôi tai. Và ta lấy không khí từ trong chính phổi mình. Khi ta hít vào, phổi của ta lấy vào rất

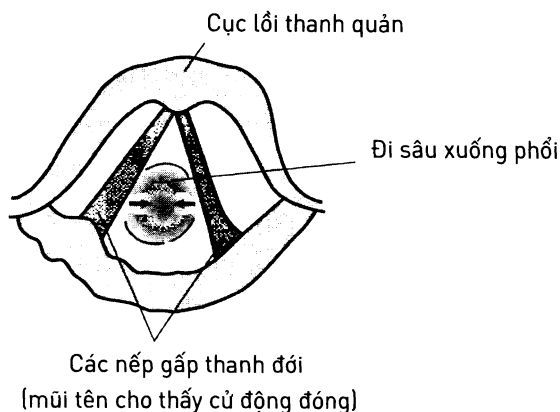
nhieu không khí. Khi ta thở ra, ta dùng lượng không khí này để chở đi các âm thanh lời nói của ta.

Điều thú vị nằm ở cách ta thay đổi dạng thức hít thở thông thường để có thể nói được. Bình thường ta hít vào thở ra hai hay ba giây một lần. Nếu thích bạn có thể thử đếm giây xem. Nhìn đồng hồ và đếm xem trong một phút mình hít thở được bao nhiêu lần nhé. Nếu đang nghỉ ngơi, bạn sẽ hít thở khoảng 25 lần một phút. Nếu vừa mới chạy xong thì con số này có thể lớn gấp đôi.

Khi ta nói, có một điều sẽ xảy ra với việc hít thở của chúng ta. Ta hít vào nhanh và thở ra rất chậm. Có khi phải đến năm hoặc mười giây sau ta mới hít vào lần tiếp theo. Một vài người có thể nói khá lâu rồi mới phải hít vào. Còn *bạn* thì có thể nói được bao nhiêu trong vòng một hơi thở? Thử hít vào và bắt đầu đếm chậm chậm: “một, hai, ba...” Bạn sẽ dễ dàng đếm được tới tận chín hoặc mười. Nếu hít một hơi sâu thì bạn có thể còn đếm được đến 20 nữa kia.

Vậy là khi nói, ta phải làm ba việc. Đầu tiên ta phải quyết định xem mình sẽ nói gì. Việc này xảy ra trong não của ta. Rồi bộ não của ta phải truyền một thông điệp đến phổi để giảm tốc độ luồng không khí. Rồi ta phải định hình âm thanh cho lời nói của ta. Việc này được thực hiện thế nào? Nếu bám theo luồng không khí từ phổi tới miệng ta sẽ thấy rõ việc này.

Đầu tiên không khí đi từ phổi qua ống khí quản vào trong cổ họng, và trên đường đi không khí sẽ lọt qua hai *nếp gấp thanh đới*. Đôi khi chúng được gọi là *dây thanh đới*, nhưng từ “dây” luôn khiến tôi nghĩ đến những đoạn dây, mà ở đây thì không phải như vậy. *Nếp gấp* mới chính xác, bởi chúng thật ra là hai mảng mô kéo dài trên miệng khí quản của chúng ta và chụm lại ở một bên. Các bác sĩ có thể dùng một chiếc gương đặc biệt để nhìn vào khí quản. Hình ảnh họ nhìn thấy trông như sau:



Chính xác thì các nếp gấp thanh đới nằm ở đâu? Nếu bạn nhẹ nhàng chạm vào cổ mình, bạn sẽ thấy một phần cứng lõa ra. Đây gọi là *cực lõa thanh quản*. Cực lõa thanh quản nằm ở vị trí này để bảo vệ hai nếp gấp thanh đới nằm ngay đằng sau nó. Vị trí hai nếp gấp thanh đới gặp nhau nằm ở phía trước, sát cực lõa thanh quản. Bạn có thể cảm nhận được chỗ này ở cổ mình khi ho. Thử ho mà xem. Ho nhẹ và sờ cổ mình xem tiếng ho phát ra từ đâu. Khi bạn ho, các cơ trong cổ họng khiến hai nếp gấp thanh đới kéo chặt lại với nhau. Bạn để không khí dồn lại dưới hai nếp gấp này và rồi nhả luồng hơi đó ra một cách bất ngờ.

Hoặc bạn có thể thử nín thở. Thử xem. Bây giờ thì có chuyện gì xảy ra? Bạn lại co hai nếp gấp thanh đới lại với nhau, và giữ hơi thở lại. Bạn có thể thấy các cơ ở cổ và ngực giữ hơi thở lại. Khi bạn muốn thở ra, bạn chỉ cần thả lỏng các cơ. Hai nếp gấp rời ra, tạo thành một tiếng thở hắt ra nhẹ nhẹ, và bạn lại tiếp tục thở đều.

Hai nếp gấp đóng lại như vậy cũng hay. Nín thở giúp ta tăng áp lực để có thể nâng hoặc đẩy vật nặng. Và khi hai nếp gấp đóng lại, thức ăn và chất lỏng không thể vào phổi được. Ai trong chúng ta cũng đã từng có lúc bị sặc khi ta ăn uống vội vàng. Đó là vì ta đã nuốt không đúng cách. Khi nuốt, ta đóng khí quản lại. Nếu ăn vội uống vội, ta không nuốt đúng thời điểm, khí quản

vẫn mở, và thế là ta ho hắng và hỗn hển. Bị như thế quả không dễ chịu chút nào, đôi khi còn nguy hiểm nữa. Có người đã từng phải vào bệnh viện chỉ vì sặc thức ăn rồi.

Qua vài nghìn năm tiến hóa, điều đáng kinh ngạc là loài người đã biết dùng nếp gấp thanh đới để nói. Chúng ta làm việc đó bằng cách chủ động kiểm soát cách ta khiến chúng rung lên. Một chấn rung xảy ra khi một thứ chạy qua chạy lại cực nhanh, tới mức ta hầu như không thể nhìn thấy chuyển động đó, nhưng lại có thể cảm nhận về nó - như khi điện thoại di động rung trong túi áo, hay khi máy giặt đang vắt quần áo. Ta có thể dễ dàng tạo ra một rung động bằng cách kéo dãn một đoạn dây chun và búng nó. Chuyển động làm dây rung mờ đi, nhưng ta có thể cảm nhận được chấn rung trên đầu ngón tay mình.

Khi nói, nếp gấp thanh đới có thể rung như thế vì có luồng không khí đi qua. Ta không nhận ra đâu, nhưng chúng rung mỗi giây tới cả trăm lần hoặc hơn. Và ta còn có thể khiến chúng rung nhanh hơn hoặc chậm hơn. Nếu rung rất chậm, ta sẽ phát ra âm thanh rất trầm. Ta gọi đó là âm trầm. Nếu rung rất nhanh, ta sẽ tạo ra âm thanh rất cao. Đó là âm cao. Khi ta hát cũng vậy. Nếu hát các nốt thấp, nếp gấp thanh đới sẽ rung chậm. Nếu hát các nốt cao, chúng rung nhanh hơn. Nếu ta hát nốt rất cao, ta sẽ thấy cổ căng cứng vì nếp gấp thanh đới phải rung ở tốc độ rất cao.

Nếp gấp thanh đới rung nhanh tới mức nào? Nam, nữ, trẻ em đều khác nhau. Nam nói giọng trầm hơn nữ, và người lớn cả nam và nữ nói giọng trầm hơn trẻ em. Tất nhiên cũng có những biến thể. Có người nam giọng rất trầm, lại có người nam có âm khá cao. Có người nữ nói giọng lạnh lạnh và có người nữ lại nói với âm thấp. Thông thường chỉ nhìn qua một người ta sẽ không thể đoán được kiểu giọng của họ. Một nam giới to cao chắc chắn sẽ nói giọng rất trầm phải không? Không phải lúc nào cũng thế.

Hầu hết nam giới khi nói đều khiến nếp gấp thanh đới rung khoảng 120 lần mỗi giây. Khi ngữ điệu lời nói xuống thấp thì tốc

độ giảm còn khoảng 90 lần rung mỗi giây; và khi ngữ điệu lên cao thì tốc độ có thể lên tới 350 lần mỗi giây. Một số nam giới có giọng bass⁽¹⁾ có thể xuống giọng rất thấp, hai nếp gấp thanh đới khi đó rung cực chậm, khoảng 50 hoặc 40 lần mỗi giây. Bạn có thể xem trên YouTube một người tên Tim Storms, ông ta có thể nói giọng cực kỳ trầm - chỉ khoảng 8 lần rung mỗi giây - tới mức bạn hầu như không thể nghe thấy gì. Nhưng thực sự thì chấn rung vẫn xảy ra. Ông đặt một cốc nước gần miệng và ta có thể thấy chấn rung từ nếp gấp thanh đới khiến mặt nước gợn sóng.

Hầu hết phụ nữ đều có giọng cao hơn nam giới. Khi nói, họ rung nếp gấp thanh đới tới 200 lần mỗi giây. Khi ngữ điệu xuống thấp, chấn rung giảm xuống còn 150 lần mỗi giây; và khi ngữ điệu lên cao chấn rung có thể tăng lên đến khoảng 1.000 lần mỗi giây. Âm của giọng hát nữ cao soprano có thể lên cao hơn thế nhiều, mỗi giây lên tới khoảng 1.500 lần hoặc nhiều hơn nữa.

Hầu hết trẻ em đều có giọng khá cao. Khi nói, nếp gấp thanh đới của chúng rung tới 300 lần mỗi giây. Giọng chúng cũng không xuống thấp hơn thế nhiều nữa, nhưng chắc chắn là có thể lên cao hơn, điều này chắc ai từng nghe các fan cuồng nhạc pop la hét trong các buổi biểu diễn đều đồng ý ngay. Lúc ấy hai nếp gấp thanh đới thật sự hoạt động hết công suất!

Đôi khi vào thời kỳ thanh thiếu niên giọng sẽ bị “vỡ” do thay đổi hoóc-môn trong cơ thể. Cả nam và nữ đều sẽ thấy giọng mình thấp xuống, đặc biệt rõ rệt ở nam. Giọng soprano và alto ở các bé trai sẽ trở thành giọng tenor và bass. Thực ra dùng từ “vỡ” dễ gây nhầm lẫn, vì thay đổi này không xảy ra một sớm một chiều. Có khi phải mất đến vài tuần thì giọng nam giới mới xuống thấp như vậy.

1. Tên gọi chỉ các giọng trong dàn hợp xướng, gồm có bốn giọng cơ bản soprano (nữ cao), alto (nữ trầm), tenor (nam cao), và bass (nam trầm).

Không khó để có thể cảm nhận được chấn rung của nếp gấp thanh đới. Hãy phát âm âm “a” và kéo dài vài giây như thể đang hát. Nhẹ nhàng đặt ngón cái và ngón trỏ lên hai bên cục lồi thanh quản. Đừng ấn mạnh. Bạn sẽ thấy chấn rung qua da. Nếu khó cảm nhận, hãy thử làm với một người bạn. Cảm nhận chấn rung ở cổ họng người khác thường dễ dàng hơn.

Nhưng việc này thì chỉ bạn mới có thể. Nghe chấn rung. Để làm điều này hãy thử nói “sssss” và “zzzzz” lần lượt. Bây giờ thì đặt ngón tay vào lỗ tai và nói lại. Với “sssss” bạn không nghe được gì nhiều. Nhưng với “zzzzz” bạn sẽ thấy ngạc nhiên âm thanh lớn đến mức nào. Đó là hiệu ứng của chấn rung đi lên đầu bạn.

Khi các âm thanh rung như với âm “zzzzz” ta gọi là âm hữu thanh. Khi âm thanh ta tạo ra không làm rung nếp gấp thanh đới, như “sssss” ta gọi chúng là âm vô thanh. Khi ta thì thầm sẽ không có chấn rung nào cả. Giọng rất khẽ khàng. Khi ta nói chuyện bình thường, độ lớn của giọng hình thành do cách ta phát âm một số âm có chấn rung mạnh.

Để Steven có thể nói được “all gone”, cậu cần phải học được tất cả những điều này. Cậu phải biết được cách rung nếp gấp thanh đới qua hai từ này. Và cậu phải biết cách làm chúng chuyển từ thật nhanh sang thật chậm, vì tiếng “all” được nói với âm cao hơn “gone”. Nghe gần như hát. Tất nhiên đây là cách mà hầu hết người lớn nói “all gone” với trẻ. Và Steven học theo y hệt ngay. Vậy là lời cậu bắt chước nghe như thế này:

Aw

daw

Điều khiển nếp gấp thanh đới giỏi lắm Steven! Nhưng hãy khoan: Còn “l”, “g”, và “n” đâu rồi? Và âm “ô” trong “all” nghe phải khác âm “o” trong “gone” chứ? Sao con không phân biệt chúng ra?

“Từ từ rồi con sẽ làm”, có khi cậu sẽ nói như thế (nếu như đã biết nói rồi). “Con mới mười hai tháng tuổi thôi mà”. Và đúng thế thật, vài tháng sau, cậu đã biết nói “all gone” như bạn và tôi đây. Cậu phải học thêm những gì để có thể nói được như vậy?

CỤC LỖI THANH QUẢN HAY LÀ QUẢ TÁO CỦA ADAM

Chuyện kể rằng, trong vườn Địa đàng, Eva đã trao cho Adam một quả táo để chàng ăn. Tất nhiên, Adam không biết ăn táo và đã bị nghẹn một miếng ngay cổ họng. Eva thì không bị như vậy. Đó là lý do vì sao cục lỗi thanh quản của nam giới to hơn của nữ giới.

Lý do thực sự vì sao cục lỗi thanh quản được gọi là quả táo của Adam lại không thú vị như thế. Đây có lẽ là do việc dịch không chính xác từ tiếng Hebrew, tiếng gốc của Kinh thánh. Trong tiếng Hebrew, từ "đàn ông" là "adam" và từ "cục" rất giống với từ "táo". Vì thế khi người ta dịch cụm từ này sang các thứ tiếng khác, thay vì dịch ý nghĩa "cục lỗi của người đàn ông" người ta lại nghĩ nó có nghĩa là "quả táo của Adam". Và như vậy cái tên này còn lưu lại đến tận ngày nay.



CHƯƠNG 5



Phát âm

Điều gì xảy ra với không khí sau khi nó đi qua nếp gấp thành đôi và di chuyển lên cổ họng? Cuối cùng, nó sẽ thoát khỏi cơ thể ta, ra ngoài qua đường miệng hoặc đường mũi. Khi ta thở bình thường, nó sẽ thoát qua mũi. Khi ta nói, hầu hết không khí lại đi qua miệng. Và đó là nơi mọi chuyện xảy ra.

Khi luồng không khí đi qua miệng, những gì xảy ra cũng giống như khi gió thổi qua đường hầm. Sự khác biệt là ta có thể thay đổi hình dạng của đường hầm bằng cách cử động lưỡi và môi, và cả hàm nữa. Mỗi lần ta thay đổi như vậy, một âm thanh mới lại được tạo ra. Chỉ cần một cử động rất nhỏ cũng có thể biến âm này thành âm khác. Con người có thể tạo ra vài trăm âm bằng miệng, mặc dù mỗi ngôn ngữ chỉ dùng một số trong đó mà thôi.

Nếu một đứa trẻ học tiếng Anh, sớm muộn gì nó cũng sẽ phải học cách tạo ra hơn 40 âm khác nhau. Nó cũng phải kết chuỗi các âm lại theo đủ mọi cách để tạo ra từ. Bởi vì chúng ta đã làm điều này hàng bao nhiêu năm trời, ta quên tiệt rằng việc này khó khăn chừng nào. Ta có thể múa lưỡi vô tư mà chẳng cần nghĩ

ngợi gì. Thực sự thì ta có thể thấy màn múa ấy khi thử nói một vài từ. Nếu đọc câu mở đầu của bài về “Hickory dickory dock”⁽¹⁾ ta sẽ thấy lưỡi nhún nhảy trên vòm miệng ra sao.

Ta cùng thử chọn lấy một từ trong số đó và xem chuyện gì xảy ra khi ta phát âm chính xác nhé: “dock”. Từ này có 4 chữ cái, nhưng thực chất chỉ có ba âm:

một âm [d] đầu tiên

một âm [o] ở giữa

và một âm [k] ở cuối, được viết bằng hai chữ cái “ck”.

Tại sao [k] lại được viết với hai chữ cái thay vì một chữ cái? Tôi sẽ giải thích việc này ở một chương sau.

Bạn có nhận ra là tôi tự dung lại đưa tên các âm vào trong ngoặc vuông không? Đó là việc những người nghiên cứu về âm thanh lời nói thường làm. Việc đó chỉ rõ rằng người ta đang bàn về âm chứ không phải chữ viết. Từ bây giờ trở đi, mỗi khi bạn thấy một chữ cái nằm trong ngoặc vuông, bạn biết là tôi đang nói về âm.

Rồi, vậy ta phát âm âm [d] như thế nào? Thử phát âm âm [d] vài lần nhé: [da-da-da-da]. Ta áp chặt lưỡi lên phần lợi sát chân răng phía trong và giữ nguyên trong một tích tắc. Không khí từ phổi đi lên không thể thoát ra ngoài được, thế là nó dồn lại đằng sau chỗ vách ngăn này. Rồi ta đột ngột thả lỏng lưỡi, không khí ủa ra. Giống như một vụ nổ nhỏ.

Ta tạo ra âm [t] cũng tương tự. Thử nói [ta-ta-ta-ta] xem nào. Cả lần này nữa, lưỡi áp chặt lên phần lợi sát chân răng phía trong và giữ nguyên trong một tích tắc. Cả lần này nữa, không khí không thể thoát ra. Và cũng cả lần này nữa, khi ta thả lỏng lưỡi, một vụ nổ nhỏ xảy ra.

1. Bài về kể câu chuyện về một con chuột chạy vào bên trong chiếc đồng hồ quả lắc.

Vậy sự khác nhau giữa [d] và [t] là gì? Nếu khẩu hình khi phát âm cả hai âm này giống hệt nhau, tại sao ta lại nghe thấy sự khác biệt? Câu trả lời chính là ở sự can thiệp của nếp gấp thanh đới. Khi tạo ra âm [d], nếp gấp thanh đới rung: đây là một âm hữu thanh. Thử âm thanh rung rung mà ta nghe thấy khi nói [zzzzz] cũng chính là tiếng mà ta tạo ra khi nói [d] - chỉ là không rõ ràng bằng thôi, vì [d] được phát âm rất nhanh, trong khi [z] thì lâu hơn.

Vậy bây giờ có lẽ ta đã thấy vì sao các em bé lại vất vả khi học cách phát âm đến thế. Để phát âm chính xác [d], bé phải đặt lưỡi đúng chỗ, giữ nguyên trong một khoảng thời gian vừa đủ, rồi thả lỏng thật nhanh, thật đúng hướng để có thể phát ra âm tiếp theo - hơn nữa, bé còn phải tính toán đúng thời điểm để rung nếp gấp thanh đới nữa. Việc kết hợp các hoạt động này sao cho nhuần nhuyễn đòi hỏi phải luyện tập rất nhiều. Nhưng tất nhiên bé đã và đang luyện tập rất nhiều rồi đây. Như đã thấy ở Chương 2, bé đã nói [d] cả nghìn lần trong giai đoạn bập bẹ rồi. Chẳng trách mà con trai Steven của tôi nói chuẩn đến thế.

Mỗi âm trong một thứ tiếng cũng đều phải được phát âm như thế. Lưỡi phải ở đúng vị trí và đúng thời điểm. Ta phải khởi động và ngừng việc rung nếp gấp thanh đới. Đôi khi ta phải đưa môi đúng vị trí nữa - như khi ta phát âm các âm [b] hay [p]. Và đôi khi ta phải uốn lưỡi theo một cách đặc biệt để phát âm cho chính xác - như khi ta phát âm âm [s] hay [l]. Trẻ phải mất tới vài năm mới phát âm chính xác được tất cả các âm này. Hầu hết các âm đều được phát ra thành công vào khoảng thời gian trẻ lên 3 tuổi, nhưng một số âm khó thì có thể phải mất nhiều thời gian hơn thế.

Nhiệm vụ không chỉ là học một âm đơn lẻ. Trẻ còn phải học cách kết chuỗi chúng, và việc này không hề đơn giản. Chúng có thể nói được “sing”⁽¹⁾ nhưng lại gặp khó khăn khi kết chuỗi hai

1. Nghĩa là “hát”.

âm với nhau để có một âm đầu tạo thành từ hai phụ âm như trong từ “sting”⁽¹⁾. Và khi chúng đã nói được âm đó rồi, chúng vẫn thấy khó khăn khi nói một từ có ba âm ở vị trí âm đầu như “string”⁽²⁾. Thậm chí ở tuổi lên 6 hay lên 7, chúng ta có thể vẫn nghe thấy bọn chúng nói “stwing” thay vì “string”. Phát âm [r] ngay sau âm [t] là một việc thực sự khó khăn.

Steven tội nghiệp đã từng thẩm thía bài học với các âm khó rồi. Cậu đã thử nói “all gone” và kết quả là “aw-daw”. Cậu không thể xử lý được âm [g]. Để tạo ra âm [g] bạn phải áp chặt phần gốc lưỡi lên vòm miệng: [ga-ga-ga-ga]. Hầu hết trẻ ở độ tuổi Steven thấy việc này khó hơn việc phát âm âm [d] dùng phần khoang miệng phía trước.

Cậu hẳn đã có thể nghe thấy [g] là một trong số những âm có tiếng o o và có cả một vụ nổ nhỏ, vậy nên cậu cố hết sức phát âm nó. Nhưng cậu lại đưa đầu lưỡi lên thay vì gốc lưỡi, và thế là ra âm [d]. Chúc con may mắn lần sau nhé Steven!

Và tại sao cậu lại không thể phát âm âm [n] trong từ “gone”? Đó là vì, để phát âm âm [n] cậu phải làm một việc còn khó khăn hơn. Cậu phải cho không khí thoát ra qua đường mũi - âm [n] là một âm *mũi*. Tiếng Anh chỉ có khoảng ba âm mũi thôi: [n], [m] trong “mum”, và [ŋ] như trong âm cuối của “sing”. Trong mỗi trường hợp trên, để âm thanh phát ra, không khí không thoát ra qua đường miệng mà đi lên mũi và ra ngoài.

Ta thực hiện điều đó bằng cách nào đây? Nếu ta há miệng thật rộng và nhìn vào họng mình qua gương, ta sẽ thấy một mẩu thịt tròn tròn lơ lửng ở phần vòm họng sâu phía trong. Bộ phận này được gọi là *lưỡi gà*. Khi ta nói “a” thì còn có thể nhìn thấy nó rõ hơn nữa, vì khi đó lưỡi ta sẽ xuống thấp. Đó là lý do vì sao khi ta bị đau họng và đi khám bác sĩ, họ lại bảo ta “nói a xem nào”.

1. Nghĩa là “đốt” như ong đốt.

2. Nghĩa là “sợi dây” hay “kết chuỗi”.

Có như thế thì bác sĩ mới dễ nhìn vào trong họng của ta.

Ta không thể nhìn thấy hay cảm nhận điều này xảy ra, nhưng thực tế là ta có thể đẩy bộ phận này lên và xuống. Khi thở bình thường, nó ở vị trí thấp, để không khí đi thẳng lên qua mũi và ra ngoài. Khi ta đẩy nó lên cao, ta ép nó về phía sau của họng, không khí sẽ không thể thoát ra bằng đường mũi, mà phải thoát ra qua miệng.

Thật tuyệt khi ta nhận ra phần khoang họng bên trong hoạt động nhiều tới mức nào. Nếu ta nói một câu như “Mợ Miên nôn nóng chạy ra chợ mua mấy nắm niễng về xào trứng”, phần lưỡi gà sẽ đi lên đi xuống không dưới chục lần mới phát âm đầy đủ hết các âm thanh này. Bạn có nhận ra tất cả các âm mũi không? Tôi đã gạch chân chúng như dưới đây:

Mợ Miên nôn nóng chạy ra chợ mua mấy nắm niễng về xào trứng.

Không khí thoát ra qua đường mũi khi ta nói “m”, rồi qua đường miệng với “ợ”, rồi qua mũi với “m”, xong lại qua miệng với “iê”, qua mũi với “n”, cứ như vậy. Một từ như “nắm niễng” chẳng hạn, sẽ khiến cho lưỡi gà phải di chuyển lên xuống như - tôi định nói là như “cục yo-yo”, nhưng thực tế là nhanh hơn thế nhiều.

Steven chắc chắn đã biết làm điều này. Cậu có thể nói “mama” rất rõ - việc này đòi hỏi lưỡi gà di chuyển xuống rồi lên tận hai lần mà phải thật nhanh. Nhưng cậu không làm như vậy khi nói “gone”. Tại sao thế? Có thể là vì cậu không nghe rõ âm [n]. Dù sao thì âm này cũng tương đối khế. Không ồn ào như âm [d] hay [s].

Có lẽ là đúng như vậy. Khi ta nghiên cứu sản phẩm “aw-daw” của Steven, ta có thể thấy rằng cậu đã thử phát âm những âm thanh to nhất của từ “all gone”. Cậu bỏ qua mất những âm ở cuối từ - âm [l] và âm [n] - và chúng là những âm phát ra nhỏ

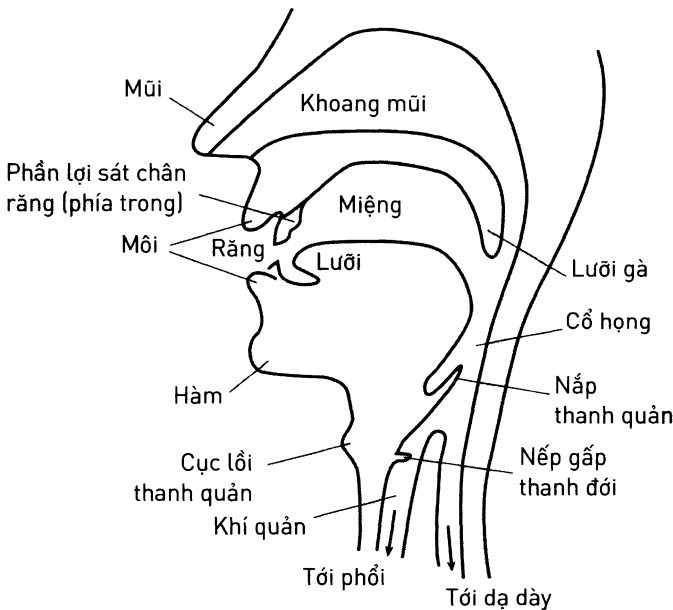
nhất trong chuỗi này. Hầu hết lũ trẻ đều làm như vậy: chúng phát âm các âm đầu và âm giữa của từ trước khi nói được các âm ở cuối.

Dù sao thì cũng dừng cảm lắm rồi. Steven đã thực sự khởi đầu trên con đường nói tiếng Anh. Trong vòng vài tháng thôi cậu đã thu thập được thêm một vài âm, và đến khi 3 tuổi cậu đã thành thạo gần như toàn bộ các âm của tiếng Anh. Trong khi đó, anh họ của cậu đang sống ở Paris cũng làm như vậy - nhưng với các âm tiếng Pháp. Và bạn hàng xóm của cậu cũng đang làm như thế - nhưng với các âm tiếng Anh và cả tiếng xứ Wales cùng một lúc! Rồi cậu bé sẽ nói hai thứ tiếng cho mà xem.

Nhưng mục đích của việc học các âm là gì? Các âm không mang nghĩa. Thật vô lý khi đặt câu hỏi “Âm [t] có nghĩa gì?” hay “Âm [s] có nghĩa gì?” - [t] hay [s] không có nghĩa. Nhưng khi chúng ta kết hợp các âm lại để thành từ, rồi nối các từ lại thành câu, thì *khi ấy* chúng ta bắt đầu thể hiện được ý nghĩa gì đó. Để xem chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo nhé.

CÁC CƠ QUAN PHÁT ÂM

Đây là hình vẽ cho thấy các cơ quan phát âm kết hợp với nhau như thế nào. Chúng ta có thể tạo ra vài trăm âm khác nhau bằng cách đưa môi, răng, lưỡi, và lưỡi gà, theo các cách khác nhau, và bằng cách thay đổi độ rung của nếp gấp thanh đới. Khi nói tiếng Anh, chúng ta chỉ dùng đến một vài âm trong số này; nhưng ta hoàn toàn có thể học tất cả các âm, nếu ta đăng ký học môn *ngữ âm*. Một *nhà ngữ âm học* là người nghiên cứu tất cả các âm thanh lời nói tiềm năng mà con người có thể tạo ra.



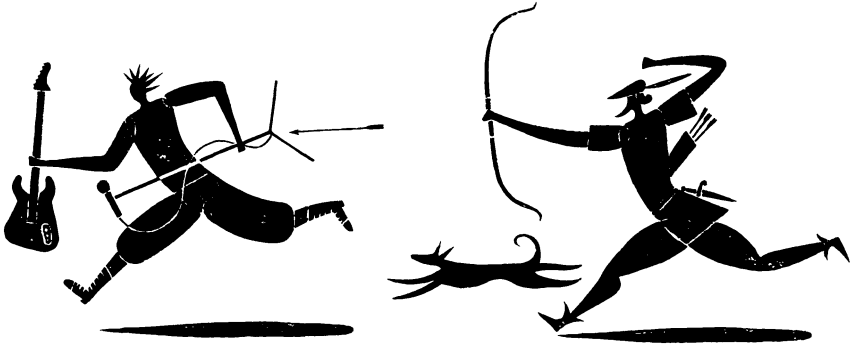
Các âm này thường được chia làm hai nhóm: *phụ âm* và *nguyên âm*. Phụ âm là các âm chúng ta tạo ra khi môi và lưỡi chặn rồi nhả âm ra từ khoang miệng, có loại nhả hết, như âm [b] hay [m], hoặc gần như là nhả hết chẳng hạn các âm "rít" như âm [f] và [z]. Nguyên âm là các âm như [a], [e], và [u] được tạo ra khi miệng không chặn không khí lại như đối với phụ âm.

Khi chúng ta nói một từ, nguyên âm (N) là âm thường xuất hiện ở giữa, còn phụ âm (P) là các âm thường xuất hiện bên rìa, như thế này:

l ợ n n a m c á c h n g h i ê n
P N P P N P P N P P P P P N N P

Chúng ta sẽ bàn nhiều về nguyên âm và phụ âm trong những chương tiếp theo.

CHƯƠNG 6



Khám phá ngữ pháp

Khoảnh khắc đưa trẻ phát hiện ra rằng, nếu nối các âm lại theo một cách nào đó, sẽ có việc gì đó bắt đầu xảy ra, đó hẳn phải là một khoảnh khắc kỳ diệu. Nói được “ba”, thì chú kia sẽ nói chuyện với mình. Nói được “má”, thì cô nọ sẽ nói chuyện với mình. Nói được “tạm biệt”, thì người ta sẽ vẫy chào mình. Nói được “hết rồi”, thì ai đó sẽ dọn đĩa của mình đi, hay là cho mình thêm đồ ăn. Nói được “ngủ”, thì người ta sẽ thom mình.

Một khi trẻ hiểu ra rằng từ ngữ thật thú vị và rất có ích, trẻ sẽ nói nhiều hơn nữa. Khi được 18 tháng tuổi, hầu hết trẻ đã học nói được tầm 50 từ. Những nhà sử dụng ngôn ngữ tí hon này trò chuyện về vấn đề gì nhỉ?

Chúng nói về những điều xảy ra xung quanh - những điều thuộc về “thực tại” - sử dụng những từ như sau (tất nhiên, chúng chưa thể phát âm chính xác được ở độ tuổi này):

- các từ chỉ người, như là thành viên gia đình và cả các vị khách - “ba”, “bà”, “Na”, và “cô bán hàng”.
- các từ chỉ những sự kiện trong ngày, như “chào”, “ngủ”, “hết rồi”, và “rót rồi”.
- các từ chỉ hành động của mọi người, như “thơm”, “cù lét”, và “đi” - và những từ thường dùng để ngừng các hành động lại: “không” và “đừng”.
- các từ liên quan đến hoạt động ăn uống, như “sữa”, “sinh tố”, “uống”, và “ăn tối”.
- các từ chỉ các bộ phận cơ thể, như “mũi” và “chân”, rồi cả những từ chỉ hoạt động của bộ phận đó như “tè”.
- các từ liên quan đến đồ dùng cá nhân, như “mũ”, “bỉm”, và “đồ ngủ”.
- các từ chỉ về loài vật, bao gồm cả những con rất đặc biệt được chiếu trên tivi hay DVD, như “chó”, “chim”, “hổ Tigger”; tên gọi của chúng thường được làm cho dễ thương hơn như “cún”, “chim non”, “mèo con”, hay là “bê”.
- các từ chỉ những phương tiện giao thông, một thế giới cực kỳ thú vị, như “ô tô”, “xe kéo”, “tàu”, “xe buýt”, và đừng quên các loại đặc biệt hơn, như “xe cút kít”.
- các từ chỉ những loại đồ chơi và trò chơi, như “bóng”, “sách”, “vỗ tay”.
- các từ chỉ những món đồ gia dụng như “cốc”, “đèn”, “thìa” - và đặc biệt là các loại tạo ra âm thanh như “đồng hồ” hay “máy hút bụi”.
- các từ chỉ vị trí, như “đâu”, “đó”, “nhìn kia”, và hai từ rất quan trọng là “trên” và “trong”.
- các từ miêu tả đồ vật như “to”, “nóng”, và “ngon”.
- các từ chỉ ra rằng bạn đang trò chuyện với người khác như các từ thể hiện sự đồng tình “ạ” và “à”.

Đây thực sự là số vốn từ phong phú đối với một người chỉ 6 tháng trước còn chưa biết từ nào. Nó cho thấy, một khi các cơ quan phát âm đã đủ khả năng làm việc, các em bé có thể nhanh chóng sử dụng chúng một cách thành thạo để phục vụ mục đích nói về thế giới xung quanh.

Tốc độ của việc học hỏi này chính là thứ khiến tôi kinh ngạc nhất. Nếu trẻ em có vốn từ vựng chủ động gồm khoảng 50 từ lúc 18 tháng tuổi thì chắc hẳn cứ trung bình ba hay bốn ngày chúng lại có thêm một từ mới! Và chúng hiểu nhiều hơn hẳn số này. Vốn từ thụ động của trẻ mà tôi đã nhắc đến ở cuối Chương 3 có lẽ phải gấp ba hoặc bốn lần con số này. Trẻ hiểu được khá nhiều điều mà mọi người nói xung quanh chúng.

Nhưng nếu chỉ nói được mỗi lần một từ thì khả năng nói được điều gì đó lại khá hạn hẹp. Một cuộc đối thoại theo đúng nghĩa là điều gần như không thể thực hiện được nếu như bạn chỉ có những mẫu câu chứa duy nhất một từ. Nhưng lại tốt cho trò chơi trong bữa tiệc. Trong trò này hai người phải trò chuyện về một chủ đề như địa điểm du lịch của họ, nhưng chỉ được phép dùng một từ mỗi lần (“Nghỉ?”, “Pháp”, “Thời tiết?”, “Tuyệt”). Người ta sẽ lúng túng ngay thôi, bởi những câu họ thực sự muốn nói (ví dụ như “Ông đã làm gì?” và “Bọn tôi nghỉ ở một khách sạn đẹp tuyệt bên bờ biển”) đều bị cấm.

Rõ ràng trẻ nhỏ có nhận thấy nhu cầu nói những điều phức tạp hơn vào khoảng 18 tháng tuổi, bởi đây là độ tuổi chúng bắt đầu nối các từ lại với nhau. Chúng không còn nói “hết” hay “mất” nữa mà bắt đầu nói “gấu mất”, “nước hết”, “ba đi”. Chúng không còn nói “sữa” nữa mà bắt đầu nói “sữa kia”, “sữa hết”, “sữa cốc” (ý là “sữa trong cốc”).

Người lớn rất hài lòng khi trẻ bước vào độ tuổi này, bởi việc giao tiếp trước đó đều rất phải chăng hay chớ. Chuyện xảy ra kiểu như thế này. Tôi nhớ khi con gái Sue nhà tôi khoảng 16 tháng tuổi, con bé chập chững đi vào phòng khách tay cầm một

chú gấu bông yêu thích. Con bé đứng trước mặt tôi và nói “đẩy”. Tôi nghĩ một chút ý con bé là gì, rồi đẩy yêu con bé một cái. Không đúng. Con bé tỏ vẻ bực bội và nói: “Không! Đẩy”. Thế là tôi đoán thử lần nữa và nói: “Nào. Thế thì đẩy ba một cái đi”, rồi tôi ngồi chờ. Cũng chẳng đúng. “Không!! Đẩy!”

Tôi hoàn toàn mất phương hướng, và con bé nhìn thấy điều đó, thế là nó cầm tay tôi và dắt tôi vào một phòng khác, nơi có một chiếc ghế đu đồ chơi. Con bé đặt gấu lên ghế và quay ra nhìn tôi. “Đẩy!” Vậy là rõ. Tôi phải đẩy gấu trên chiếc ghế đu.

“Sao con không nói như thế với ba từ đầu?” Tôi hỏi bé, và nó nhìn lại tôi thật lạnh lùng. Tôi hiểu điều bé đang nghĩ trong đầu. Đại loại thế này: “Này ba, con còn chưa được một tuổi rưỡi, và con chỉ biết nói những câu có một từ thôi. Con còn chưa học ngữ pháp! Thôi cho con xin đi!”

Hẳn rồi, để làm rõ điều mình muốn nói, bé sẽ phải biết thêm về ngữ pháp. Nếu ý của bé giống phán đoán ban đầu của tôi, bé sẽ phải nói “đẩy con” hay “ba đẩy con”. Nếu là phán đoán thứ hai, con bé sẽ phải nói “con đẩy” hay “con đẩy ba”. Còn thực tế, con bé muốn nói “ba đẩy gấu” - hoặc thậm chí là “đi với con qua phòng bên để đẩy gấu trên ghế đu nhé”.

Tất cả những điều này đều quá sức của bé, vào lúc 16 tháng tuổi. Nhưng mọi sự đang chuẩn bị thay đổi. Chỉ vài tháng sau thôi bé sẽ nói được “đẩy con”. Trên hai tuổi một chút bé sẽ nói được “ba đẩy gấu”. Còn câu dài kia thì sao? Nó sẽ đến vào lúc bé qua sinh nhật lần thứ ba, lúc mà bé đã học cách dùng được những từ quan trọng như “và”.

Vậy cái thứ ngữ pháp mà con bé đang khám phá là gì thế? Ngữ pháp là gì? Hãy nghĩ lại về “đẩy” nhé. Có vấn đề gì? Nó không có nghĩa gì. Tôi hiểu nghĩa của từ này nhưng tôi không thể hiểu con bé định nói gì. Vậy đây chính là điều quan trọng đầu tiên mà chúng ta phải trân trọng ở ngữ pháp. Ngữ pháp là cách chúng ta hiểu được từ ngữ. Không có ngữ pháp, mọi thứ sẽ trở nên mơ hồ.

Vấn đề với từ ngữ là hầu hết trong số chúng đều có nhiều hơn một nghĩa - chúng được gọi là *đa nghĩa*. Ta có thể thấy rõ điều này nếu ta xem từ điển. Hầu hết các từ trong này đều có hơn một nghĩa. Ví dụ như từ “band” trong tiếng Anh. Chúng ta có thể nghĩ nghĩa của nó khá rõ ràng: “một nhóm nhạc pop”. Nhưng đó chỉ là một trong số nhiều nghĩa của từ “band”. Nó cũng có thể để chỉ một đội quân nhạc. Hoặc một nhóm lính hay nhóm những kẻ ngoài vòng luật pháp, chẳng hạn như những kẻ đi theo hiệp sĩ Robin Hood. Hoặc một đoạn dây chun để buộc. Hay là một dải chất liệu nào đó thường thấy trên chóp mũ hoặc váy. Nếu tra từ “band” trong từ điển, ta sẽ thấy nó có tới khoảng chục nghĩa. Làm thế nào để ta biết nghĩa nào dùng ở đâu?

Câu trả lời rất đơn giản. Ta cho từ đó vào câu. Và ta dựa vào ngữ pháp của câu đó để biết từ đó có nghĩa gì. Ví dụ như:

- Biên tập viên thời sự trên tivi nói: “Soldiers were fighting a band of rebels in the south of the country” (Những người lính đang chiến đấu với một *band* nổi loạn ở phía Nam đất nước). Đây phải là nghĩa “nhóm những kẻ ngoài vòng pháp luật”. Không thể có nghĩa là nhóm nhạc pop được.
- Một DJ nói trên đài: “The band has a new single out this month” (Band nhạc có một đĩa đơn ra mắt trong tháng này). Từ này ở đây chắc chắn là để chỉ nhóm nhạc pop.
- Cô bán hàng nói với chúng ta: “You can have the jacket with a red band on the sleeve or a green one” (Chú có thể lấy áo khoác có đoạn *band* cánh tay áo màu đỏ hoặc màu xanh lá). Đây là nghĩa chỉ dải chất liệu.

Ở mỗi trường hợp, các từ khác trong câu giúp chúng ta đoán được nghĩa nào của từ “band” là nghĩa chính xác trong câu đó.

Đây là mục đích của câu. Câu giúp ta hiểu được từ ngữ. Không có câu, những điều ta nói hoàn toàn không có nghĩa. Trẻ em sẽ phải học được điều này. Và chúng ta cũng vậy, nếu muốn biết ngôn ngữ hoạt động như thế nào. Chúng ta phải học về các cách ngôn ngữ của chúng ta cho phép kết hợp từ ngữ để tạo thành câu. Có những cách hợp lý như:

Con chó đuổi con mèo.

Có những cách không hợp lý như:

Chó mèo con con đuổi.

Thay đổi *trật tự* của từ có thể thay đổi ngữ nghĩa:

Con mèo đuổi con chó.

Và thay đổi hậu tố⁽¹⁾ của từ có thể thay đổi ngữ nghĩa:

The poodles chased the cats
(Các con chó đuổi các con mèo).

Có vài trăm cách đặt câu với từ ngữ, và trẻ sẽ học được hầu hết các mẫu này trước khi chúng đi học. Chúng có thể đặt câu miêu tả sự việc, câu hỏi, ra lệnh. Và đủ các thứ khác nữa. Chúng có thể nối các câu lại để kể chuyện, trò chuyện, và gửi tin nhắn. Không có câu cú, chúng sẽ mất hết phương hướng.

Vậy thì, khi học một ngôn ngữ, chúng ta cần tìm hiểu xem các câu trong ngôn ngữ đó được cấu trúc ra sao. Mỗi ngôn ngữ lại làm điều đó theo một cách khác. Một số ngôn ngữ như tiếng

1. Trong tiếng Anh, hậu tố “s” hoặc “es” gắn vào danh từ để bổ sung ý nghĩa số nhiều.

Pháp thay đổi hậu tố nhiều hơn tiếng Anh. Một số ngôn ngữ như tiếng Việt hoặc tiếng Trung hoàn toàn không có hậu tố như tiếng Anh. Một số ngôn ngữ như tiếng xứ Wales lại sắp xếp trật tự từ theo cách khác.

Nếu chúng ta muốn hiểu được cách người khác thể hiện ý kiến và hiểu nhau, thì chúng ta phải nghiên cứu cách họ tạo ra câu. Và việc nghiên cứu cấu trúc của câu được gọi là ngữ pháp.

VUI CHƠI VỚI NGỮ PHÁP

Một trong những cách dễ dàng nhất để pha trò là chọn một từ và dùng ngữ pháp để chơi đùa với ý nghĩa của nó. Các diễn viên hài và các phim hài truyền hình thường xuyên làm điều này. Họ sẽ nói điều gì đó khiến bạn hiểu một từ theo một cách này, rồi câu tiếp theo lại diễn đạt một điều hoàn toàn khác. Chúng ta bị bất ngờ và điều đó khiến ta bật cười. Ví dụ như sau:

"Soldiers were fighting a band of rebels in the south of the country. They didn't like their last album" (Những người lính đang chiến đấu với một band nổi loạn ở phía Nam đất nước. Họ không thích album nhạc vừa rồi của chúng).



Có vô vàn những câu đùa kiểu này. (Nhớ là tôi không nói những câu đùa này hay đâu nhé!) Đây là một câu mở đầu khác làm ví dụ. Bạn cứ thử sáng tạo thêm câu sau xem sao nhé.

"Sharon had a bright green band on her hat. It..." (Sharon có một band xanh nổi chuối trên mũ. Cái band ấy...)

CHƯƠNG 7



Trò chuyện

Tại sao ta lại cần âm, từ, và câu cú? Vào lúc trẻ lên 5, chúng đã trải qua cuộc sống 40.000 giờ, và hầu hết thời gian đó trẻ dùng để học nói. Chúng đã nắm rõ mọi âm trong tiếng mẹ đẻ, vài trăm cách đặt câu, và vài nghìn từ vựng. Hàng triệu trẻ em không những có đủ một vốn ngôn ngữ như thế mà còn nhiều gấp hai hay ba lần, bởi chúng lớn lên trong môi trường đa ngữ. Tại sao nhỉ? Số ngôn ngữ đó dùng để làm gì?

Ta sử dụng ngôn ngữ vào đủ mọi việc, nhưng chắc chắn mục đích chính là để trò chuyện với nhau. Ta dùng ngôn ngữ để chuyện vật, chơi trò chơi, hỏi han tin tức, đùa cợt, nhờ vả, chọc nhau bằng biệt danh, và cả nghìn thứ khác. Những điều này đều chẳng thể xảy ra nếu không có ngôn ngữ. Mục đích hàng ngày và bình dị nhất của ngôn ngữ là để trò chuyện với người khác.

Trò chuyện có lẽ là điều tự nhiên nhất trên đời. Ta không

lăn tăn nghĩ ngợi gì về nó cả. Nhưng ban đầu thì không phải vậy. Ta đã phải học cách làm điều đó. Ta phải học các quy luật.

Quy luật cơ bản nhất để việc trò chuyện được thành công là gì? Ta thay nhau nói. Tôi nói rồi bạn nói, rồi tôi lại nói, rồi bạn lại nói. Ta không nói cùng lúc. Khi tranh cãi, đôi khi ta nghe nhiều người lên tiếng cùng một lúc. Nhưng một khi mọi thứ đã lắng xuống, mọi người lại tiếp tục thay nhau nói.

Điều này đặc biệt quan trọng nếu có vài người cùng tham gia trò chuyện. Thử tưởng tượng xem: bạn đang ở ngoài đường nói chuyện với ba người khác về bộ phim *James Bond* mới nhất. Tất cả đều muốn bàn về phim này. Để được gọi là một cuộc trò chuyện thành công, thì cả bốn người phải có cơ hội chia sẻ. Nếu điều này diễn ra thì tất cả mọi người sẽ vui vẻ.

Nếu điều này không diễn ra, bạn có thể sẽ rất bức bối. Thử tưởng tượng mà xem: có một người cứ nói, nói mãi, mà không để cho bạn nói câu nào. Đây được gọi là “độc thoại”. Hoặc khi bạn định nói điều gì đó, một người khác lại cắt ngang và không để cho bạn nói xong. Có vài người luôn làm như vậy. Nam giới có vẻ như hay cắt ngang lời nữ giới hơn là ngược lại.

Việc thay nhau nói không xuất hiện một cách tự nhiên. Ta phải học mới làm được. Và trẻ em bắt đầu học điều này từ rất sớm, ngay trong năm đầu đời. Chúng nghe mẹ nói... chúng gù gù hoặc bập bẹ... mẹ đáp lại... chúng lại gù gù hoặc bập bẹ... mẹ lại đáp lại. Nghe - nói - nghe - nói - nghe. Đó chính là nền tảng của đối thoại. Chúng ta phải học cách làm người nghe và cả cách làm người nói.

Vào năm tiếp theo, đối thoại trở nên cao cấp hơn. Với lượng từ vựng đã được tăng cường, các cuộc đối thoại bắt đầu có hình thái dễ đoán hơn. Đây là một cuộc trò chuyện của Sue và bố, khi con bé gần tròn 2 tuổi. Cả hai đang cùng xem một bức hình trong sách. “Cái gì đấy?” bố hỏi. “Chó”, bé trả lời. “Phải rồi, đấy là con chó”, bố nói. “Chó nâu to, nhỉ”. “Dạ”, Sue nói. Rồi con bé thêm

“chó nâu” - con bé đã rất dũng cảm khi cố nói từ mới này (dù nghe còn giống như thể “nhâu”).

Cùng phân tích đoạn trò chuyện này nhé. Đây là một đoạn đối thoại ngắn, gồm năm phần. Đầu tiên, bố hỏi, rồi Sue trả lời. Sau đó bố đồng ý - nhưng để ý cách bố đồng ý nhé. Bố có lẽ chỉ cần nói “Phải rồi”, và dừng lại. Nhưng bố không làm thế. Bố lấy ngay câu trả lời có một từ của Sue và đặt vào trong một câu lớn hơn của bố: “đấy là con chó”. Bằng cách này, bố đã chỉ cho Sue cách dùng một từ và đặt một câu với từ đó. Chẳng mấy chốc Sue sẽ bắt đầu tự mình đặt các câu như thế.

Nhưng bố không dừng lại ở một câu. Bố thêm một câu khác, hướng sự chú ý của Sue tới những thứ khác về con chó ấy: nó to và nó màu nâu. Một lần nữa, bố cũng không cần phải nói như vậy. Vậy thì bố làm thế để làm gì? Câu trả lời rất rõ từ điều Sue nói tiếp sau đó. Đây là lần đầu tiên con bé thử nói từ “nâu”. Con bé sẽ chẳng buồn để ý nếu như không nghe thấy bố nói thế. Bố đã dạy con bé từ này mà cả bố cả con còn chẳng nhận ra ý nghĩa của điều ấy.

Các cuộc trò chuyện giữa cha mẹ và lũ trẻ 2 tuổi thường diễn ra như vậy. Các cha mẹ liên tục đưa ra cho con những câu nói phức tạp hơn một chút so với những câu các con đang dùng. Các cha mẹ thực sự đang là những giáo viên.

Một năm sau, các cuộc trò chuyện đi theo hướng mới hoàn toàn. Đây là Sue lúc 3 tuổi rưỡi nói chuyện với bố. “Cho con ăn bánh quy?” con bé hỏi. Và bố sau đó làm một việc ban đầu có vẻ kỳ lạ. Bố lấy chiếc bánh quy và giơ ra cho con bé, nhưng không đưa ngay cho con. Rồi bố nói, “Cho con ăn bánh quy...?” với ngữ điệu hỏi. Sue hiểu ra ngay lập tức. “Xin bố cho con ăn bánh quy ạ!” con bé nói. “Ngoan lắm”, bố nói, và đưa bánh cho con. Và còn thêm cả câu đáp “ạ” nữa cho đầy đủ.

Bố đang làm gì thế? Lúc này bố đang chỉ cho Sue biết cách thực hiện cuộc trò chuyện *một cách lịch sự*. Trẻ phải học cách nói

“xin ạ” và “cảm ơn” (từ này ban đầu có hình thức “ạ”), và việc này thành công nhờ cha mẹ nói đi nói lại các từ này cho tới khi đứa trẻ học được cách dùng. Cũng phải mất một thời gian, nhưng tới năm 4 tuổi trẻ sẽ học được các cách nói năng lịch sự căn bản.

Trẻ phải học đủ các thứ về việc nói chuyện với người khác sao cho lịch sự. Chúng phải học cách nói “chào” và “tạm biệt”, “chào buổi sáng” và “chào buổi tối”. Chúng học cách gọi “ông” “bà” “cô” “bác”. Khi ai đó hắt xì, chúng học được rằng mình phải nói “Chúa phù hộ bạn!” Và chúng học được rằng, khi chúng bị đau hoặc tức giận, có một vài “từ không ngoan” mà chúng không nên nói ra - hay là, ít nhất là không để cho cha mẹ nghe thấy!

Trẻ cũng cần phải học cách lắng nghe. Và điều đó không phải chỉ là im lặng và chú ý. Khi hai người trò chuyện, một người nói và người kia nghe. Nhưng người nghe không im lặng và bất động. Ngược lại, người nghe luôn thể hiện sự chủ động. Họ gật gù hoặc lắc đầu, thể hiện sự đồng ý hoặc phản đối trên khuôn mặt, tạo ra các âm thanh như “ừm” hay “chậc chậc”, và nói những từ như “phải”, “ôi trời”, hoặc “ôi thật hả?” Những gì họ làm được gọi là *phản hồi* lại người nói. Họ cho người nói biết rằng họ đã hiểu những điều người đó nói. Việc này cực kỳ quan trọng. Người nói cần biết rằng họ có làm cho người nghe hiểu hay không. Nếu họ không nhận được chút phản hồi nào, họ sẽ không thể tiếp tục nói được.

Trẻ nhỏ không đưa ra những phản hồi như vậy. Đó là lý do vì sao chúng ta đôi khi không thể đoán được rằng những điều ta nói với trẻ có thực sự tới được chúng hay không. Đó là điều mà trẻ học cách làm một cách từ từ, khi chúng lớn lên. Một dấu hiệu cho thấy chúng đã trưởng thành về mặt trò chuyện là khi chúng chủ động hợp tác với người nói và lắng nghe theo cách này.

Một đặc điểm trong trò chuyện khác mà trẻ phải học là “đọc được hàm ý” - đó là khi trẻ phải phán đoán được mọi người thật sự định nói gì thông qua những từ ngữ mà họ dùng. Mọi người

không thường nói ra những gì họ định nói, đặc biệt là khi họ muốn thể hiện lịch sự. Thử tưởng tượng tôi đang ở trong một căn phòng, đứng cạnh cánh cửa mở, và trời hơi lạnh. Một người nào đó có thể sẽ nói, “Anh đóng cửa giúp tôi nhé?” (nếu họ muốn lịch sự) hoặc chỉ nói “Đóng cửa lại” (nếu họ không muốn lịch sự). Nhưng thử nghĩ đến những cách khác mà người đó có thể làm để tôi đóng cửa giúp:

“Trong này lạnh rồi nhỉ”.

“Ui, gió lùa kìa”.

“Brừ”.

Tại sao họ lại nói những điều này? Có thể là vì họ lo rằng tôi sẽ nghĩ họ bất lịch sự nếu họ nhờ thẳng tôi đóng cửa giúp. Bằng cách gián tiếp, và bằng cách cho tôi biết cảm giác của mình, họ sẽ để tôi có quyền lựa chọn việc đóng cửa hay không. Đây là cách họ thể hiện lịch sự. Và nếu như tôi để ý tới cảm xúc của họ, chắc chắn tôi sẽ đóng cửa lại.

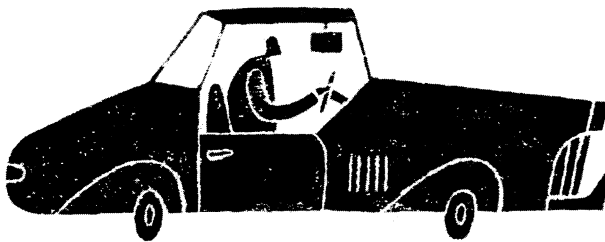
Lũ trẻ cũng phải học tất cả những điều này. Và cũng phải mất một thời gian chúng mới làm được. Tôi nhớ có lần, ở trường tiểu học, một giáo viên nói với một cậu bé (khoảng 7 tuổi): “James, có một viên phấn trên sàn kìa”. James nhìn xuống, thấy viên phấn, và nói: “Dạ cô, con nhìn thấy rồi” - và để mặc nó như thế. Đó không phải là câu trả lời bà giáo mong đợi! “Vậy thì nhặt nó lên đi!” bà giáo nổi giận. Còn James thì nhanh chóng học ngay được cách hiểu hàm ý.

CÁC CUỘC TRÒ CHUYỆN KỲ LẠ

Đôi khi người ta tự trò chuyện với mình - hoặc với chậu cây cảnh, hoặc cái máy rửa bát (đặc biệt là khi nó bị hỏng), hoặc chẳng với thứ gì cụ thể cả. Trẻ nói chuyện với đồ chơi của chúng. Trẻ lên 3 có thể nói chuyện với nhân vật tưởng tượng hàng giờ liền. Các bà mẹ thường nghe thấy giọng điệu các cuộc trò chuyện mà họ đã thực hiện với con được lặp lại khi chúng trò chuyện với đồ chơi của chúng. Đôi khi nghe lại còn thấy phát ngượng cả lên.

Ngày nay công nghệ máy tính cho phép chúng ta nói chuyện với đủ thứ công cụ, ví dụ như điện thoại kết nối trong ô tô, hoặc máy giặt. Máy này nhận ra giọng nói của ta (miễn là ta nói rõ ràng) và thực hiện hành động theo mệnh lệnh. "Giặt nước lạnh 30 độ", ta ra lệnh - và nó sẽ thực hiện.

Đối với chức năng dẫn đường bằng tín hiệu vệ tinh trong xe ô tô thì mọi chuyện diễn ra ngược lại: máy nói cho ta nghe. "Lái thêm tám kilômét nữa, rồi rẽ trái", cô gái trong máy nói. Rất khó có thể cưỡng được việc đáp lại. "Dạ thưa cô", tôi thường trả lời - trừ phi cô nói cho tôi đường đi mà tôi biết chắc là điên rồ. Lúc ấy cô sẽ bị mắng.



CHƯƠNG 8



Học đọc và học viết

Tôi đã kết thúc chương trước bằng câu chuyện cậu học trò James phải học cách “đọc được hàm ý”. Tất nhiên không phải cậu đọc được hàm ý⁽¹⁾; mà là nghe được. Cách nói đó là một ví dụ thú vị về cách chúng ta đôi khi dùng ngôn ngữ viết để giúp ta hiểu về những gì diễn ra trong ngôn ngữ nói. Rất khó để có thể thấy được các âm mà ta nói, như tôi đã bàn trong Chương 5. Nhưng rất dễ để nhìn được những ký hiệu mà ta viết. Chúng sờ sờ ra đó, trên trang giấy và cả màn hình.

Trẻ em học cách đọc từ rất sớm - nếu chúng may mắn lớn lên ở một khu vực mà sách vở và các màn hình có sẵn ở xung

1. Nguyên văn “read between the lines” - “hiểu hàm ý”. Tác giả muốn chỉ ra rằng cách dùng từ “read” - “đọc” cho thấy sự quan trọng của việc đọc và viết trong ngôn ngữ.

quanh. Rất nhiều cha mẹ đọc sách cho con trước cả khi chúng lên 3. Một số người đặt con ngồi trên lòng khi họ lướt mạng. Tôi có biết một đứa bé 2 tuổi đã nhận dạng được một số chữ cái trên bàn phím máy tính và nhấn phím đúng chữ đó khi có người lớn bảo. Tôi cũng sẽ chẳng ngạc nhiên nếu đâu đó có một đứa trẻ 2 tuổi biết nhấn tin!

Nếu trẻ được tiếp xúc với sách vở, chúng sẽ nhanh chóng học được những điều cơ bản về việc đọc. Chúng hiểu rằng sách có các trang, và trang phải được lật theo một thứ tự nhất định. Ở một số ngôn ngữ, như tiếng Anh, ta lật trang từ phải sang trái. Ở những ngôn ngữ khác, như tiếng Ả Rập, ta phải lật trang từ trái sang phải. Chúng học được rằng sách phải được cầm theo một cách nhất định - rằng các trang (và đặc biệt là các bức tranh) trông sẽ kỳ cục nếu như chúng bị lộn ngược. Và chúng nhanh chóng nhận ra rằng các bức hình thật tuyệt, đặc biệt là hình về những thứ chúng đã biết trong thế giới của mình, ví dụ như con người, động vật, hay xe hơi.

Chúng cũng nhận ra sự tồn tại của những đường ngoằn ngoèo màu đen nho nhỏ lấp đầy cả trang giấy. Và khi lớn lên, chúng phát hiện ra rằng đây là phần quan trọng. Nếu câu chuyện rất hấp dẫn, chúng sẽ hiểu ra rằng nguyên nhân là vì người đọc bằng cách nào đấy đã chất ra được sự hấp dẫn từ những ký hiệu màu đen đó. Và ở đây cũng có những quy luật cần phải học. Những dấu ngoằn ngoèo được sắp xếp theo hàng, và chúng phải được đọc (trong tiếng Anh) từ trên xuống dưới, và từ trái qua phải. Trẻ tiếp xúc với sách viết bằng tiếng Ả Rập hay Trung Quốc sẽ phải học được rằng việc đọc diễn ra theo hướng ngược lại.

Trẻ cũng chẳng mất nhiều thời gian để biết được rằng nội dung một cuốn sách vẫn y nguyên như thế trong mỗi lần đọc. Kết quả là sau những lần đọc đi đọc lại, trẻ thuộc lòng câu chuyện yêu thích của mình. Cha mẹ cứ coi chừng nếu dám nháy cóc qua một hoặc hai trang truyện trước giờ đi ngủ nhé! Có lần, sau một

ngày nhiều mệt mỏi, tôi đọc và cố rút ngắn truyện “Ba chú lợn con” vào giờ đi ngủ bằng cách nhảy cóc từ nhà rom tới nhà gạch. Tôi tưởng sẽ qua mắt được con nếu tôi biến nó thành truyện “Hai chú lợn con”. Làm gì có chuyện đó. Tôi bị mắng tới nơi tới chốn, phải đọc lại từ đầu, và hết sức cẩn trọng ở phần kể về ngôi nhà bằng gỗ.

Đôi khi chúng ta không nhận ra trẻ tiếp xúc với ngôn ngữ viết quanh chúng nhiều đến mức nào. Chúng nhìn thấy ngôn ngữ viết mọi nơi - từ biển hiệu cửa hàng tới biển quảng cáo, trong siêu thị, đầu và hai bên thân xe buýt, trên báo và các phong thư, trên vỏ hộp và vỏ chai lọ trong tủ bếp, trong các đoạn quảng cáo trên tivi và danh đề phim, và tất nhiên cả trên màn hình máy tính và màn hình điện thoại. Vậy thì chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi rất nhiều đứa trẻ 3 hoặc 4 tuổi đã hiểu được điều gì đang diễn ra, và cũng không khó để thực hiện một vài thí nghiệm đơn giản chứng minh cho điều này.

Bạn hãy thử sưu tầm một vài bức hình đồ vật, một số có chữ viết và một số không có chữ viết. Nhóm đầu tiên có thể có chiếc xe buýt với con số phía trước và tên công ty bên thân xe, hoặc một cửa hiệu với tên gọi nằm phía trên cửa sổ. Nhóm thứ hai có thể có cảnh đồng quê hoặc một nhóm người đang đứng loanh quanh. Sau đó hãy nhờ một đứa trẻ xem từng bức hình và “chỉ cho cô xem chỗ nào có thể đọc được”. Rất nhiều trẻ nhỏ có thể đưa ra câu trả lời chính xác, kể cả trước khi chúng thật sự biết đọc.

Ta có thể làm một thí nghiệm tương tự với hình ảnh như thế này: một phụ nữ nhìn tờ báo, một người đàn ông đào hố trong vườn, một cậu bé đang gửi tin nhắn, và một cô bé đang đạp xe. Lần này ta sẽ hỏi: “Chỉ cho chú xem người nào đang đọc”. Nếu trẻ đang ở giai đoạn sẵn sàng học đọc, chúng sẽ chỉ vào người phụ nữ và cậu bé.

Phần tiếp theo mới gọi là rắc rối - đó là giai đoạn nhận

biết các ký hiệu khác nhau trên trang giấy. Trong tiếng Anh, có những chữ cái và các dấu câu cần phải học. Trong tiếng Trung Quốc và tiếng Nhật Bản, có những ký hiệu tượng hình cần phải học. Những ký hiệu này không phổ biến trong tiếng Anh, một thứ tiếng chỉ có vài ký hiệu hình ảnh - ví dụ như £, &, và @.

Tiếng Anh - như hầu hết các ngôn ngữ khác - được thể hiện bằng một bảng chữ cái. Từ “bảng chữ cái” trong tiếng Anh (“alphabet”) là một từ có nguồn gốc từ tên gọi của hai chữ cái trong hệ thống chữ viết Hy Lạp: “alpha” và “beta”. Trong một bảng chữ cái, mỗi chữ cái đại diện cho một âm. Thế nên chữ đại diện cho âm [b]. Chữ <s> đại diện cho âm [s], và cứ như thế. Hãy để ý cách chúng ta dùng kiểu dấu ngoặc khác nhau để chỉ rõ đối tượng nói tới là âm hay chữ cái.

Trong một bảng chữ cái lý tưởng, mỗi chữ cái đại diện cho duy nhất một âm. Đó được gọi là một “bảng chữ cái ngữ âm”, và các ngôn ngữ có bảng chữ cái ngữ âm rất dễ đọc. Không may là tiếng Anh lại không như vậy. Bảng chữ cái tiếng Anh có 26 chữ cái, nhưng có tới hơn 40 âm trong ngôn ngữ nói tiếng Anh. Điều này có nghĩa là một vài chữ cái đại diện cho hơn một âm. Ví dụ như, làm thế nào để bạn phát âm chữ <o> đây? Tùy nhé. Thử nói những từ này và bạn sẽ hiểu: “got”, “go”, “son”, “woman”, “women”⁽¹⁾. Đôi khi nó rất ngắn như ở từ “got”. Đôi khi nó lại dài như ở từ “go”. Đôi khi nó lại còn nghe giống [i] như ở từ “women”.

Và còn tệ hơn nữa. Đôi khi hai chữ cái chỉ đại diện cho một âm. Thử tạo ra âm thanh để khiến ai đó im lặng nhé. Nếu viết ra bằng tiếng Anh, ta phải dùng hai chữ cái: “sh”. Hoặc nhiều hơn hai, nếu ta muốn làm một âm thật dài: “shhhh”. Và ta có thể thêm một dấu chấm than nếu muốn thể hiện rằng ta nói to: “sh!”. Học được những điều này quả không dễ dàng. Nhưng lại vẫn

1. Nghĩa là “được”, “đi”, “con trai”, “(một) phụ nữ”, “(nhiều) phụ nữ”.

còn có nhiều khả năng hơn. Ta có thể viết thành “Sh!” với một chữ cái viết hoa. Hoặc “SHHH!” với toàn các chữ viết hoa. Hoặc ta có thể biến nó thành một từ và viết “Shush”⁽¹⁾.

Chữ cái viết hoa cũng khiến mọi thứ trở nên phức tạp. Mặc dù bảng chữ cái tiếng Anh có 26 chữ, khi chúng ta viết ra thì lại thành 52 chữ, vì mỗi chữ cái có tới hai hình thức viết. Ta có “A to” và “a nhỏ”, “B to” và “b nhỏ”, vân vân và vân vân. Các loại máy in không dùng những từ như “to” và “nhỏ”. Chữ cái to được gọi là “upper-case”⁽²⁾ hay chữ viết hoa. Chữ cái nhỏ được gọi là chữ “lower-case”⁽³⁾ hay chữ viết thường. Những thuật ngữ này có nguồn gốc từ thời thợ in còn để những chữ cái trong hai hộp lớn. Các chữ cái viết hoa khác nhau được để trong các ngăn của hộp phía trên; các chữ cái viết thường được để trong hộp phía dưới.

Và còn có một điều phức tạp nữa. Mỗi chữ cái này, dù là viết hoa hay viết thường, đều có thể xuất hiện dưới nhiều hình dạng khác nhau. Đây chỉ là một số hình dạng của chữ cái <A> mà bạn có thể bắt gặp trên tạp chí hoặc màn hình máy tính:

A, A, A, A, A, A, A, A, A, A

Các chữ cái này được lấy từ các thiết kế in ấn khác nhau, gọi là *kiểu chữ*. Chúng ta dần nhận ra rằng cho dù có khác nhau đến đâu, thứ mà ta có vẫn chính là chữ cái “A”. Nhưng trước hết thì những khác biệt này có thể ảnh hưởng tới việc học đọc.

Tuy nhiên, dù khó khăn tới đâu, hầu hết trẻ em đều học đọc tốt chỉ sau đôi năm. Cha mẹ thường dạy con chữ cái trước khi chúng tới trường. Rất nhiều trẻ đã bắt đầu viết được vài chữ cái, chẳng hạn các chữ cái trong tên mình. Ban đầu, chúng nghĩ rằng những chữ cái có nghĩa là tên của chúng. “L” nghĩa

1. Nghĩa là “suyt”.

2. Nghĩa là “hộp trên”.

3. Nghĩa là “hộp dưới”.

là “Lucy”, “M” nghĩa là “Mateo”. Và các chữ cái còn có thêm những ý nghĩa khác nữa. “X” có nghĩa là “nụ hôn”. “K” có nghĩa là “ngũ cốc ăn sáng”⁽¹⁾. “P” có nghĩa là “bãi đỗ xe”. “M” có nghĩa là “McDonald’s”.

Từ đây tới việc đọc một hàng chữ cái không xa xôi gì, ví dụ như với chữ “Ben” hay “bố”, cũng như việc nói ra được các từ này cùng lúc. Trẻ em học được rằng “từ” là những thứ có khoảng trống ở trước và ở sau nó. Và chúng nhận ra hình dáng nổi bật của một số từ này trên trang giấy. Ví dụ như khi đọc truyện về gấu Winnie the Pooh, rất nhiều trẻ có thể chỉ vào những cái tên như “Pooh”, “Tigger”, và “Owl” khi cha mẹ hỏi, mặc dù chúng chưa thể đọc được các từ khác trên mặt giấy.

Sau đó là đến giai đoạn đột phá. Trẻ hiểu ra rằng chuỗi các chữ cái <d> + <o> + <g> tương đương với chuỗi âm thanh chúng tạo ra khi nói [dog]. Và chúng phát hiện ra rằng hầu hết các từ đều như thế cả. Không phải tất cả các từ trong tiếng Anh. Các từ kỳ cục như “the”⁽²⁾ và “cough”⁽³⁾ phải được học bằng một cách khác, phải thuộc lòng. Nhưng những từ như “cat”, “top”, “swim”, “strong” và “tomato”⁽⁴⁾ có thể được phát âm từng âm một lần lượt. Và sau khi chúng biết rằng hai chữ cái đôi khi đại diện cho chỉ một âm, chúng có thể đọc thành tiếng được các từ như “tree” và “look”⁽⁵⁾ và vài nghìn từ khác nữa. Cuối cùng, chúng sẽ không phải phát âm thành tiếng từng chữ cái trong những từ này nữa. Chúng trở thành người đọc thành thạo.

Nhưng “đọc từng âm” là một kỹ năng ta không bao giờ đánh mất. Đó là việc chúng ta đều làm mỗi khi gặp một từ mới và dài. Sau đây là một ví dụ. Thử nói thành tiếng dạng đầy đủ

1. Kellogg’s là một thương hiệu ngũ cốc ăn sáng phổ biến với bao bì in chữ K rất to. (BT)

2. Mạo từ xác định.

3. Nghĩa là “ho”.

4. Nghĩa là “mèo”, “đỉnh”, “bơi”, “khôe”, “cà chua”.

5. Nghĩa là “cây”, “nhìn”.

của từ “ADN”, một khái niệm quan trọng trong sinh học xem nào: “acid deoxyribonucleic”. Cách duy nhất để làm được điều này là đọc từ từ, từng chút một - “de-oxy-ri-bo-nu-cle-ic”. Rồi thử nói toàn bộ từ đó một lần. Sau vài lần thử, bạn sẽ nói được từ này mà không phải nghĩ ngợi nữa.

Một số trẻ tự nhận ra tất cả những điều này và cuối cùng có thể đọc được những truyện đơn giản trước khi đi học, và thậm chí còn viết được các từ ngắn nữa. Nhưng đối với hầu hết các trẻ, việc học viết và học đọc diễn ra ở trường. Và thường thì ở trường là nơi một số trẻ khám phá ra rằng chúng gặp phải một vấn đề rất đặc biệt khi học đọc. Chúng cảm thấy khó mà hiểu được mối quan hệ giữa âm và chữ cái. Chúng không thể nhớ được thứ tự mà các chữ cái xuất hiện trên trang giấy. Ngay cả khi đã cố gắng rất nhiều, một trang giấy vẫn trông như thể một đống những thứ ngổn ngang. Những trẻ có cảm giác này là trẻ gặp chứng *khó đọc*, và chúng cần hỗ trợ thêm để có thể giải quyết được vấn đề.

Một khi đã học đọc và viết xong xuôi, chúng ta được coi là biết chữ. Những người chưa biết đọc và viết gọi là *không biết chữ*. Có hàng triệu người trên thế giới không biết chữ. Họ không thể học có thể vì quanh chỗ ở khi họ còn nhỏ không có trường học, hoặc có thể trường không có mấy sách hay vật liệu để viết. Ngay cả ở những nước như Vương quốc Anh và Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, có hẳn một lượng người đáng kể không biết đọc hoặc gặp khó khăn khi đọc. Và về cơ bản thì tất cả những người nói tiếng Anh dù sớm hay muộn cũng sẽ gặp vấn đề về chính tả. Tại sao chính tả tiếng Anh lại là một con ác mộng?

CÁC CHỮ CÁI ĐẶC BIỆT

Một người bị mù sẽ học đọc và học viết như thế nào? Một trong những phương pháp phổ biến nhất được gọi là *braille*, được đặt theo tên của người phát minh ra nó vào đầu thế kỷ 19, một người Pháp tên Louis Braille. Dạng cơ bản nhất của nó là mỗi chữ cái được thể hiện trong một khung hình chữ nhật bằng các chấm nổi mà đầu ngón tay có thể sờ thấy. Có các hình dạng đặc biệt dành cho chữ số và cả các dấu câu và chữ cái có dấu nữa (trong các tiếng như tiếng Pháp hoặc tiếng Việt).

Một dạng phức tạp hơn thì còn có các hình thù dành cho một số từ - các từ rất thông dụng như `and`, `you`, và `have` - và bộ phận của từ như "ing"^[1] (ví dụ như trong "jumping" và "going"^[2]). Việc này tiết kiệm được rất nhiều không gian, đặc biệt là ở những chỗ không có nhiều không gian, như là trên biển báo công cộng hoặc thực đơn nhà hàng.

Có tối đa 6 chấm trong mỗi khung chữ nhật, và các chấm đen thể hiện các chấm in nổi. Trong tiếng Anh, chúng thường được sắp xếp theo hai nhóm 10 chữ cái, và nhóm cuối gồm 6 chữ cái. Nếu quan sát kỹ, bạn sẽ thấy rằng từ K đến T giống từ A đến J nhưng có thêm một chấm ở dưới cùng. U, V, X, Y và Z giống như từ A đến E nhưng có hai chấm ở dưới cùng. W là chữ cái lẻ ra - vì bảng chữ cái tiếng Pháp không dùng đến chữ cái này vào thời điểm Braille nghiên cứu ra hệ thống của mình. (Bảng chữ nổi tiếng Việt ngoài việc có thêm một vài chữ thì còn có thêm dấu thanh, được viết ngay trước nguyên âm.^[3])

1. Trong tiếng Anh hậu tố chỉ hành động đang diễn ra.

2. Nghĩa là "đang nhảy", "đang đi".

3. Nguồn bảng chữ nổi dưới đây lấy từ: https://vi.wikipedia.org/wiki/Hệ_thống_chữ_nổi_tiếng_Việt. (BT)

a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	
k	l	m	n	o	p	q	r	s	t	viết hoa chữ liền kề
u	v	x	y	z				đ		số
â	ê		ô				ư	ơ	w	ă
				hỏi				sắc		huyền
		ngã								nặng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	dấu cách

Câu đố dưới đây là để cho bạn thử sức nhé:

CHƯƠNG 9



Chinh phục môn chính tả

Ta có thể đọc thành thạo mà vẫn gặp khó khăn trong việc viết đúng chính tả. Tại sao lại thế?

Lý do chính là, khi ta đọc, một ai đó đã xử lý xong phần chính tả cho chúng ta rồi. Họ đã giải quyết những phần việc khó khăn. Điều đó có nghĩa là chúng ta có thể lướt qua một số từ và không phải chú ý đến tất cả các chữ cái. Thậm chí ta còn có thể đọc được cả câu mặc dù câu đó bị mất một số chữ cái nữa kia.

Tôi tin bạn đọc được câu này.

Những người hay nhầm lẫn tin thường sẽ làm việc này, như ta sẽ thấy (ở Chương 30). Nhưng khi ta phải viết hoặc đọc rõ từng chữ cái của một từ nào đó, ta không thể đi tắt được. Những ai phải viết chính tả thì sẽ phải chú ý tới *mọi* chữ cái mới viết từ

chính xác được.

Việc này khá là phức tạp. Nếu ai đó bảo chúng ta đánh vần từng chữ cái của một từ nào đó, hãy nghĩ xem chúng ta sẽ phải làm gì. Ví như từ đó là “TOMATOES”⁽¹⁾ trong tiếng Anh. Đầu tiên ta phải lưu giữ hình thức âm thanh của từ này trong đầu. Rồi ta phải mượn tượng lại hình dạng chữ viết của từ này - cứ giả như ta đã nhìn thấy dạng chữ viết của từ này ở đâu đó rồi. Và sau đó ta phải nghĩ xem giải quyết từng chữ cái một của từ này thế nào, rồi đọc thành tiếng tên gọi của các chữ cái này, theo đúng thứ tự xuất hiện trong từ này.

Mặt khác, nếu ta không thể nhớ đã nhìn thấy từ này, thì ta lại có thêm một công việc nữa. Bây giờ ta phải hình dung ra cách viết từ này trong đầu mình bằng cách dùng lý luận về âm thanh. Nếu từ này có cách viết thông thường, có thể ta sẽ làm đúng. Nhưng người ta thường không bảo ta đánh vần các từ dễ dàng đâu. Họ thường cố gắng tìm cho được những từ thật khó, đặc biệt là trong các cuộc thi - và đó là những con ác mộng kiểu “accommodation” và “bureaucratic” rồi “rhinoceros”⁽²⁾.

Bất kỳ ai từng tham dự một cuộc thi đánh vần đều biết rất dễ sai. Ta có thể biết cách đánh vần một từ nào đó, nhưng trong lúc bối rối cố làm cho đúng ta lại đánh vần sai một chữ cái, hoặc sắp xếp lộn xộn các chữ cái. Thế là thành ra T-O-M-A-T-E-O-S trong khi lẽ ra là T-O-M-A-T-O-E-S. Ta đã rất hồi hộp gắng nhớ rằng có một chữ E ở cuối từ đến nỗi ta lại nói sớm quá! Than phiền với giám khảo chẳng ích lợi gì. Với chuyện đánh vần, ta phải làm đúng ngay lần đầu tiên.

1. Nghĩa là “cà chua”

2. Nghĩa là “cư trú”, “quan liêu”, “tê giác”

Tại sao ta phải học chính tả cho đúng? Bởi vì suốt 300 năm qua, khả năng đọc và viết đúng chính tả đã góp phần vào việc đánh giá con người. Nếu ta không đánh vần đúng, sẽ tạo ra ấn tượng rằng ta dốt nát, hoặc hậu đậu, hoặc lười biếng. Nó có thể khiến mọi việc thay đổi chóng mặt. Nếu hai người xin việc ở cùng một nơi, một người điền vào đơn xin việc đầy đủ thông tin và chuẩn xác, còn người kia thì viết thiếu và sai, bạn nghĩ ai sẽ được nhà tuyển dụng lựa chọn?

Đọc và viết cho đúng chính tả cũng rất quan trọng trong việc sử dụng mạng Internet. Nếu ta đánh sai một địa chỉ trang mạng, ta sẽ không thể mở được trang mình cần. Và nếu ta tìm kiếm gì đó trên một công cụ tìm kiếm mà lại đánh sai từ khóa, rất có thể ta sẽ nhận lại toàn những thứ vớ vẩn. Một công cụ tìm kiếm như Google chẳng hạn khá thông minh bởi nó có thể nhận ra những từ thường bị viết sai và đề nghị ta kiểm tra lại. Mới hôm trước tôi muốn tìm hiểu về Florida và đánh nhầm thành “Floridia”. “Ý bạn là Florida phải không?” nó hỏi tôi. Chà, đúng vậy. Cảm ơn nhiều nhé.

Hầu hết các máy tính đều được trang bị chức năng kiểm tra lỗi chính tả, chức năng này đôi khi rất hữu ích nếu ta gõ gì đó không chuẩn. Từ bị sai nổi rõ trên màn hình theo một cách nào đó, ví dụ như có thể bị gạch chân màu đỏ. Nhưng ta không bao giờ nên nhất nhất phụ thuộc vào chức năng này. Nó sẽ chỉ báo cho ta biết những từ không xuất hiện trong từ điển. Nếu các lỗi chính tả này có dạng giống các từ xuất hiện trong từ điển thì chức năng kiểm tra sẽ không chỉ ra lỗi đó cho ta. Một giáo sư người Mỹ, Jerrold Zar, có lần đã viết một bài thơ “Tụng ca máy kiểm lỗi chính tả”, mở đầu bài thơ như sau:

Eye halve a spelling check her
It came with my pea sea.

It plane lee marks four my revue
Miss steaks aye kin knot sea.⁽¹⁾

Không một công cụ kiểm lỗi chính tả trên máy tính nào có thể nhận ra điều gì sai trong bài thơ này.

Nếu ta viết sai chính tả thì sẽ xảy ra đủ mọi sự không hay. Không phải chỉ mỗi đi lạc trên mạng Internet, mà ta còn thấy rất vất vả mỗi khi muốn gửi một đoạn tin hay ho. Khi nhấn tin, nếu muốn bỏ bớt một vài chữ cái một cách “sành điệu” thì ta cũng phải biết ngay từ đầu rằng chỗ của chúng là ở đó đã chứ! Những người nhấn tin thành thục nhất luôn là những người chuẩn chính tả nhất. Hay là thử nghĩ đến lúc chúng ta đăng ký vào những trang đề nghị ta đặt tên tài khoản và tạo mật khẩu. Gõ sai chính tả là ta sẽ chẳng đăng nhập được đâu. Viết đúng chính tả, là ta sẽ hưởng lợi.

Rất ít nơi chấp nhận việc ta sai chính tả. Ta có thể xuê xoa khi viết sai một số từ lạ khi ta nói chuyện trên các mạng xã hội như Facebook hay Twitter, hoặc trao đổi nhanh qua tin nhắn thoại hoặc thư điện tử. Nhưng ngay cả trong các trường hợp này ta cũng phải thận trọng. Nếu ta viết sai chính tả đến mức kỳ cục, người khác sẽ không thể hiểu ta định nói gì.

Tất nhiên đó là lý do vì sao cách viết chính tả chuẩn phổ thông hình thành. Nếu cùng viết theo chuẩn chính tả thì chúng ta sẽ hiểu được nội dung các đoạn viết của nhau. Nếu mỗi chúng

1. Bài thơ lẽ ra phải là:

"I have a spelling checker
It came with my PC.
It plainly marks for my review
Mistakes I cannot see".

Dịch nghĩa:

"Tôi có công cụ kiểm lỗi chính tả
Đi kèm với máy tính để bàn.
Nó giúp tôi kiểm tra lại
Những lỗi mà tôi chẳng màng".

ta lại dùng cách viết riêng của mình thì điều đó là không thể. Vào thời Trung Cổ, không có hệ thống chính tả chuẩn phổ thông nào cả. Người thời đó tự do viết theo cách họ muốn, mô phỏng cách phát âm trong ngôn ngữ nói. Một người từ phía Bắc nước Anh viết các từ theo một cách riêng, ghi lại giọng miền Bắc; một người từ phía Nam sẽ viết theo một cách khác, ghi lại giọng miền Nam. Người ta cũng sẽ sử dụng cách viết mà mình yêu thích. Nhưng không ai buồn bận tâm đến việc thống nhất theo một cách viết. Trong các thủ bản (tài liệu viết tay) thời Trung Cổ, ta thường thấy một từ được viết theo nhiều cách khác nhau ngay trên cùng một dòng. Kể cả tên riêng cũng không được viết thống nhất cùng một cách. Có tới sáu chữ ký được cho là đều thuộc về Shakespeare; trong số này có các tên "Shaksper", "Shakspere", và "Shakspeare".

Mọi chuyện thay đổi vào thế kỷ 18, khi một làn sóng tinh thần quét qua xã hội. Chính tả trở thành cơ sở để phân biệt người có học và người không có học. Và kể từ đó, trong các trường học ở Anh, trẻ em phải luyện đánh vần cho chuẩn. Chúng sẽ phải mang các bảng từ về nhà để tập đánh vần và ngày hôm sau lên trường giáo viên sẽ kiểm tra. Rất nhiều thế hệ học trò đã phải cố gắng nhồi vào đầu cách đánh vần và viết chính tả cho chuẩn xác!

Tại sao việc viết đúng chính tả tiếng Anh lại khó khăn đến thế? Đó là vì ngôn ngữ này đã chịu nhiều ảnh hưởng trong một nghìn năm qua. Các thầy tu thời kỳ Anglo-Saxon đã ghi lại tiếng Anh lần đầu tiên vào khoảng thế kỷ thứ 7, họ đã cố gắng hết sức để làm cho chữ viết thật sự mô phỏng được âm thanh phát ra. Ví dụ như từ "queen"⁽¹⁾, nếu nghe kỹ ta sẽ thấy từ này có bốn âm, trước đây thường được viết bằng bốn chữ cái, thường thấy nhất là "cwen". Nhưng sau đó cuộc xâm chiếm của người Norman vào năm 1066 đã thay đổi điều này. Những tác giả người Pháp

1. Nghĩa là "nữ hoàng", phát âm [qui:n].

đặt chân đến Anh và họ mang theo những cách viết chính tả của mình. Một trong số những cách này là việc sử dụng <qu>. Và họ bắt đầu ghi chép lại nguyên âm dài trong từ này là <ee>.

Vài trăm từ đã được đánh vần lại theo cách này. Đó là lúc <gh> xuất hiện trong từ “night”⁽¹⁾. Và tại sao ta đánh vần “circle” và “cell”⁽²⁾ với chữ cái <c> chứ không phải <s>? Cũng là người Pháp làm ra đấy.

Còn <gh> trong từ “ghost”⁽³⁾ thì sao? Vào thời kỳ Anglo-Saxon nó còn đơn giản là <g> kia mà. Thực ra người Pháp không có lỗi ở đây. Lần này sự thay đổi đến từ một vùng khác: Bỉ và Hà Lan. Khi một người đàn ông London tên là William Caxton thành lập công ty in vào năm 1476, ông ta thuê người từ Bắc Âu làm việc cho mình, đây cũng là nơi ông ta học được nghề in. Những người này mang theo một số cách viết họ ưa chuộng và <gh> chính là một trong số đó. Từ “ghost” trong tiếng Hà Lan là “gheest”.

Khi nghề in sách ra đời, việc đánh vần một số từ được thống nhất. Đây là một tin tốt. Tin xấu là mọi người dần dần thay đổi cách họ nói, thế là rốt cuộc cách viết chính tả lại không còn mô phỏng cách phát âm nữa. Vào thời Anglo-Saxon, người ta có phát âm chữ cái <k> trong các từ như “know” và “knight”⁽⁴⁾, và tiếp tục duy trì điều này trong thời Trung Cổ. Thế nên tất nhiên Caxton sử dụng các từ này với chữ cái <k>. Nhưng rồi người ta không phát âm chữ <k> nữa (ta sẽ biết lý do tại sao trong một chương sau), để lại cho ta cách phát âm giống như cách ta hiện có. Nếu như cách viết thay đổi để mô phỏng cách phát âm mới thì sẽ hay biết bao, nhưng điều này đã không xảy ra. Cách viết của Caxton được sử dụng tới tận ngày nay. Và thế là ngày nay, ta phải học về các “chữ cái câm” trong rất nhiều từ như vậy.

1. Nghĩa là “đêm”.

2. Nghĩa là “hình tròn, “tế bào”.

3. Nghĩa là “ma”.

4. Nghĩa là “biết”, “hiệp sĩ”.

Sau đó một thời gian, vào thế kỷ 16, thêm nhiều chữ cái câm xuất hiện. Một số tác giả nghĩ rằng nếu cách viết chính tả tiếng Anh khiến người đọc thấy được nguồn gốc của từ thì cũng rất hữu ích. Lấy ví dụ như từ “debt” (món nợ). Ta phát âm là [det] - và đây cũng là cách người ta ghi lại từ này vào thời Trung Cổ. Ta còn thấy những cách viết như <det> và <dett>. Vậy chữ từ đâu tới? “Debt” bắt nguồn từ từ Latin “debitum”. Các tác giả thêm chữ vào để giúp người đọc biết về nguồn gốc của từ này, và cách viết này đã được ghi nhận. Bây giờ ai cũng viết như vậy cả.

Trong khoảng hơn 400 năm sau, những người từ Anh đi khắp thế giới, mang về những món đồ, trải nghiệm, và ý tưởng mới - và cả từ ngữ nữa. Các từ mới này đến từ nhiều ngôn ngữ, như tiếng Bồ Đào Nha, Ý, Ả Rập, và Trung Quốc, và người ta phải nghĩ làm thế nào để viết được chúng. Một số cách đánh vần rất kỳ lạ ra đời từ đó - các cách đánh vần này còn chưa bao giờ xuất hiện trong tiếng Anh. Đây là một số rất ít các ví dụ:

grotesque, pizza, gymkhana, karate, tattoo, llama, bazaar, guitar⁽¹⁾

Với một số từ, người ta phải mất rất nhiều thời gian để quyết định xem cách viết nào là tốt nhất. Ngay cả đến ngày nay, có một số từ mà người viết còn chưa quyết định được xem nên dùng cách nào. Bạn muốn ăn “yogurt”, “yoghourt”, hay là “yoghurt”⁽²⁾? Và bạn sẽ thấy cả ba cách này đều được dùng rất thông dụng.

Vậy thì, chính tả tiếng Anh thật phức tạp, bởi vì một hệ thống sơ khai khá đơn giản đã bị tác động và ảnh hưởng theo đủ cách viết khác nhau trong cả nghìn năm qua. Một số người đã

1. Nghĩa là “kỳ cục”, “bánh pizza”, “cuộc đua tốc độ”, “võ karate”, “hình xăm”, “lạc đà không bướu”, “chợ trao đổi đồ”, “đàn ghi-ta”.

2. Tất cả đều có nghĩa là “sữa chua”.

thử cải cách chính tả tiếng Anh, để cho nó đơn giản hơn, nhưng chưa bao giờ thật sự thành công. Thế là chúng ta phải dành rất nhiều thời gian và công sức để học nó. Nhưng một khi đã học được rồi, chúng ta lại có một kỹ năng vô cùng hữu hiệu để sử dụng bất kỳ lúc nào ta muốn. Ta biết rằng ta có thể đọc bất kỳ thứ gì người khác viết bằng tiếng Anh dù là ở nơi nào trên thế giới. Và ta biết rằng những điều ta viết ra có thể được đọc hiểu bởi bất kỳ người nào trong cộng đồng nói tiếng Anh. Một khi mọi người đều theo cách viết chính tả thống nhất, nhiệm vụ giao tiếp trở nên thật dễ dàng. Chắc chắn đó là nền tảng của một số phương pháp giao tiếp. Nếu không có một hệ thống chính tả chuẩn làm móng, ngôi nhà internet sẽ sụp đổ.

VUI CHƠI VỚI CHÍNH TẢ

Một khi có hệ thống chính tả chuẩn phổ thông, mọi người có thể đưa ra trò chơi với nó nhằm tạo hiệu ứng đặc biệt. Chúng ta có thể thấy các cửa hiệu viết tên mình theo những cách gây ấn tượng, như là QuikTrip, SuperValu, và Toys "R" Us⁽¹⁾ (thường là với chữ "R" viết ngược). Rất nhiều sản phẩm có cách viết đặc biệt như là Nu Skin⁽²⁾. Và các cách viết lạ lùng đặc biệt phổ biến trên các trang mạng, bởi vì khi muốn tạo một tên miền mới ta sẽ nhanh chóng nhận ra rằng những từ có cách viết bình thường đã được chọn hết mất rồi. Đó là lý do vì sao ta thấy những cái tên như Flickr⁽³⁾.

Các nhóm nhạc pop cũng thích đưa ra trò chơi với chính tả. Một số nhóm có tên như sau:

the Beatles	Outkast	Siouxsie Sioux
Rob da Bank	Sugababes	the Monkees⁽⁴⁾
Eminem	Gorillaz	

Sử dụng cách này thì tạo ra tên mới không có gì khó. Thử hình dung bạn lập một nhóm nhạc pop và gọi tên nó là "Cool Dudes"⁽⁵⁾. Nghe có vẻ hơi chán, bởi vì "cool dudes" đã được dùng rất phổ biến trong ngôn ngữ hàng ngày rồi. Nhưng khi bạn bắt đầu chơi đùa với cách viết thì sẽ có rất nhiều sự thú vị cho bạn chọn. "Kool Doods" có được không nhỉ?

Hiệu quả chỉ có được nếu như chúng ta biết cách viết "thật sự" nằm đằng sau nó. Bất kỳ ai tưởng cách viết bình thường của "cool" là "kool" sẽ không hiểu được sự thú vị của cái tên này. Những ca sĩ nhạc rap cũng phải biết viết đúng chính tả.

1. Những cái tên này nếu viết theo chính tả thông thường sẽ là Quick Trip (chuyến đi nhanh), Super Value (siêu giá trị), và Toys Are Us (đồ chơi là chúng tôi). (BT)

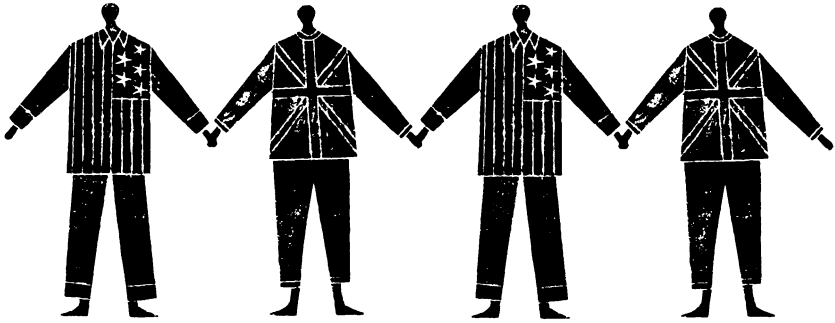
2. Theo cách viết thông thường: New Skin (làn da mới). (BT)

3. Theo cách viết thông thường: Flicker (nhấp nháy). (BT)

4. Theo cách viết thông thường: the Beetles, Rob the Bank, M&M, Outcast, Sugababies, Gorillas, Suzie Sue, the Monkeys. (BT)

5. Nghĩa là "những tay sành điệu".

CHƯƠNG 10



Quy tắc chính tả và các biến thể

Tôi đã nhắc đến từ “yogurt” trong Chương 9 vì nó có nhiều hơn một cách viết. Có còn từ nào giống như từ này không? Còn khá khá đấy.

Nếu ta đọc qua các mục từ trong một cuốn từ điển, ta thường sẽ thấy các từ có thể được viết bằng nhiều hơn một cách. Hầu hết trong số chúng đều là do sự khác biệt giữa tiếng Anh-Anh và tiếng Anh-Mỹ. Trong những năm đầu thế kỷ 19, một người làm từ điển người Mỹ tên là Noah Webster thay đổi cách viết của một số từ để làm cho tiếng Anh trông Mỹ hơn, và điều này rất hiệu quả. Thế là ngày nay, khi người Anh đọc báo Mỹ, họ nhận ra rất nhiều điểm khác biệt - tất nhiên, cũng như khi người Mỹ đọc báo Anh.

Tiếng Anh-Mỹ

color

center

Tiếng Anh-Anh

colour

centre

pretense	pretence
traveler	traveller
jewelry	jewellery
gray	grey
pajamas	pyjamas
tires	tyres ⁽¹⁾

Và vẫn còn nhiều cặp từ khác nhau nữa.

Những người sống ở những vùng khác trên thế giới ngoài nước Mỹ có thể nghĩ rằng việc người Mỹ viết thế nào chẳng liên quan gì đến họ. Thật không may, cuộc đời không giản đơn đến thế. Vì Mỹ đã trở thành một cường quốc và có nhiều ảnh hưởng, những người từ Anh, Úc, Canada, và các nơi khác trên thế giới thấy cách viết kiểu Mỹ ở khắp nơi. Họ có thể thấy cách viết này trên phim ảnh, sách vở, các bài hát nhạc pop và trên khắp mạng internet. Tôi vừa gõ chữ “color” lên Google và nhận lại 867 triệu kết quả. Rồi tôi gõ “colour” và nhận lại 163 triệu kết quả. Nhưng do cách hoạt động của phần mềm này, khi ta xem danh sách các câu trả lời này ta sẽ thấy cả hai cách viết.

Kết quả là, trong hơn 200 năm qua, cách viết Anh-Mỹ đã bắt đầu ảnh hưởng đến cách người ta viết ở các vùng khác trên thế giới. Xưa, ta sẽ chỉ thấy “encyclopaedia”⁽²⁾ ở Anh, với cách viết <ae>. Nay, ta thường sẽ chỉ thấy “encyclopedias” với cách viết <e>. Đây là cách viết của tiếng Anh-Mỹ đã trở nên phổ biến. Khi làm việc với máy tính, hầu hết người Anh đều dùng cách viết kiểu Mỹ “program”, “hard disk”, và “analog” thay vì “programme”, “hard disc”, và “analogue”⁽³⁾.

Trong khi Noah Webster cố gắng làm gọn cách viết kiểu

1. Nghĩa là “màu sắc”, “trung tâm”, “giả vờ”, “khách du lịch”, “trang sức”, “màu xám”, “đồ ngủ”, “lốp xe”.

2. Nghĩa là “bách khoa thư”.

3. Nghĩa là “chương trình”, “ổ đĩa cứng”, “(tín hiệu) tương tự (phân biệt với điện tử)”.

Mỹ, mọi người ở nước Anh cũng cố gắng sắp xếp lại cách viết kiểu Anh. Vào thế kỷ 18, rất nhiều từ vẫn còn được viết bằng nhiều cách, như là “raindeer” và “reindeer”, “error” và “errour”, hay “music” và “musick”⁽¹⁾. Samuel Johnson đã làm một cuốn từ điển khổng lồ vào năm 1755, và rất nhiều cách viết của ông đã được chấp nhận vì các nhà in dùng chúng. Ví dụ như, nhờ ông mà ngày nay chúng ta viết “receipt”⁽²⁾ với một chữ <p> (không phải “receit”) và “entire”⁽³⁾ với chữ <e> (không phải “intire”). Mặt khác, không phải tất cả các lựa chọn của ông đều được chấp nhận. Ông muốn mọi từ có đuôi <c> đều phải được viết thành <ck>, và chắc chắn điều đó không thể thành hiện thực. Ngày nay chúng ta viết “comic”⁽⁴⁾ và “music” chứ không phải “comick” và “musick”.

Cách viết chính tả của các nhà xuất bản và nhà in cũng có ảnh hưởng rất lớn đến việc ta đánh giá cách viết nào là đúng hay không đúng. Và thậm chí chính họ cũng không phải lúc nào cũng thống nhất! Thử cầm một cuốn sách lên và bạn thấy một cách viết; cầm một cuốn khác lên và bạn lại thấy một cách viết khác. Đây là một vài ví dụ của những điểm khác biệt:

judgment	judgement	
recognise	recognize	
flower-pot	flower pot	flowerpot ⁽⁵⁾
biased	biassed	
movable	moveable	
enthral	enthrall	
the equator	the Equator	

1. Nghĩa là “tuần lộc” [rây-n-đi-ơ], “lỗi” [e-rơ], “âm nhạc” [miu-zik].

2. Nghĩa là “hóa đơn” [ri-xít].

3. Nghĩa là “toàn bộ” [in-tai-ơ].

4. Nghĩa là “truyện tranh” [ko-mik].

5. Nghĩa là “đánh giá”, “nhận ra”, “chậu hoa”, “thiên vị”, “di động”, “say mê”, “đường xích đạo”.

Đôi khi cách viết mà ta dùng còn phụ thuộc vào ý nghĩa. Ta mua một “theatre programme” nhưng lại mua một “computer program”⁽¹⁾.

Khi đọc một cuốn sách, bạn sẽ không nhận ra những biến thể này. Đó là vì một biên tập viên ngôn ngữ (*copy-editor*) đã xem xét lại toàn bộ bản thảo trước khi xuất bản để đảm bảo bất kỳ từ nào dù có nhiều cách viết cũng chỉ luôn được viết theo một cách viết duy nhất. Lấy ví dụ như tôi viết một cuốn tiểu thuyết có một câu thế này, có lẽ bạn sẽ nhận ra điều gì đó lạ lùng:

Tôi thấy John hơi kỳ và anh ta cũng thấy tôi kì.

“Chọn một thôi chứ?” hẳn bạn sẽ hỏi. Bởi cả hai cách viết này đều tồn tại, khi viết bạn rất dễ lúc trước viết một cách lúc sau viết một cách. Do vậy các biên tập viên ngôn ngữ sẽ thống nhất một cách viết. (Trong sách này các từ như “kỳ” sẽ luôn được viết với chữ “y”.)

Vậy nên, khi người ta nói về việc viết đúng chính tả quan trọng đến mức nào, là họ nói đúng đấy, bởi vì nếu ta viết theo bất kỳ cách nào ta muốn, ta sẽ không thể làm cho người khác hiểu được ý mình. Nhưng ta cũng phải nhận ra một điều rằng đôi khi có hơn một “cách viết đúng”. Làm thế nào để ta quyết định chọn cách viết đây? Hầu hết mọi người chỉ đơn giản là làm những điều giáo viên bảo họ làm từ hồi còn đi học. Vẫn luôn là như vậy.

Nếu ta không muốn bị phê phán về cách viết của mình thì chính tả chỉ là một trong những điều mà ta phải làm cho đúng. Các điều khác là gì?

Ta phải đặt dấu câu cho đúng nữa. Việc này hẳn phải dễ dàng rồi chứ, vì chỉ có khoảng mười loại dấu câu - so với cả nghìn cách viết chính tả - nhưng thực ra thì câu chuyện dấu câu cũng

1. Nghĩa là “chương trình biểu diễn sân khấu”, “chương trình máy tính”.

phức tạp không kém. Không có gì khó để biết được rằng chúng ta cần một loại dấu nào đó để báo hiệu là đã kết thúc một câu. Trong tiếng Anh có những lựa chọn sau:

Mary vào vườn.

Mary vào vườn?

Mary vào vườn!

Mary vào vườn...

Và tất nhiên, trong các văn bản không thật sự trang trọng như phòng chat trên mạng hoặc tin nhắn, ta còn có thể làm thế này:

Mary vào vườn!!!!!!!!!!!!!!

Mary vào vườn???

Trẻ em biết được tính chất của các dấu khác nhau khi chúng học đọc, và chúng thường học rất nhanh vì ý nghĩa của mỗi dấu khá rõ ràng. Chúng ta dùng dấu chấm hỏi để hỏi. Chúng ta dùng dấu chấm than để thể hiện cảm xúc mạnh. Chúng ta dùng dấu ba chấm, hoặc dấu chấm lửng, khi ta muốn thể hiện câu chưa kết thúc. Chúng ta dùng dấu chấm câu khi ta muốn thể hiện câu đã kết thúc mà không gắn thêm bất kỳ một ý nghĩa đặc biệt nào khác.

Tuy nhiên một số dấu câu khác khó dùng hơn. Và không phải ai cũng thống nhất về việc dùng chúng thế nào. Như dấu phẩy chẳng hạn. Dấu phẩy là một dấu câu rất hữu ích, bởi chúng giúp ta thể hiện từ nào kết nối với từ nào. Nếu ai đó gửi tin nhắn cho bạn như thế này, bạn sẽ phải mua bao nhiêu thứ?

Mua ít nước, hoa quả, cà chua, và trứng nhé.

Tất nhiên là bốn thứ. Nhưng còn đây thì sao?

Mua ít nước hoa quả, cà chua, và trứng nhé.

Bây giờ là ba thứ. Dấu phẩy đã gây ra sự thay đổi này.

Nhưng liệu có thay đổi nào không nếu bạn đọc tin nhắn này, không có dấu phẩy sau chữ “cà chua”?

Mua ít nước, hoa quả, cà chua và trứng nhé.

Không có gì thay đổi cả. Và khi ta xem thử cách người ta đánh dấu câu trong sách và tạp chí, ta sẽ thấy rằng có người đặt dấu phẩy trước chữ “và” khi liệt kê danh sách, và có người thì không.

Cách đặt dấu câu thể hiện tính cá nhân rất mạnh mẽ. Tôi biết một tiểu thuyết gia cho dấu phẩy vào bất kỳ chỗ nào có thể. Ông viết những câu giống kiểu này:

May mắn thay, xe buýt đến đúng giờ, nên Sheema không bị trễ giờ buổi hòa nhạc.

Tôi biết có người lại thích bỏ dấu phẩy đi bất kỳ khi nào có thể. Ông viết những câu giống kiểu này:

May mắn thay xe buýt đến đúng giờ nên Sheema không bị trễ giờ buổi hòa nhạc.

Một số người rất khó chịu với những việc này. Họ nói: “Bạn LUÔN LUÔN phải đánh dấu phẩy sau những cụm từ như là ‘may mắn thay’.” Nhưng không phải ai cũng đồng ý với điều này. Và chúng ta cũng thấy rất nhiều tác giả nổi tiếng làm theo cả hai cách đấy thôi.

Việc dùng hay không dùng dấu phẩy phụ thuộc vào đủ mọi thứ. Đôi khi chúng ta không có quyền lựa chọn. Trong tiếng Anh hiện đại, ai ai cũng phẩy ở đây:

Họ đang chơi kèn trumpet, sáo, vi-ô-lông, kèn oboe...

và không ai lại phẩy ở đây:

Các nhạc công, về nhà.

Nhưng việc có dùng dấu phẩy hay không trong các ví dụ như “may mắn thay” ở trên phụ thuộc vào việc chúng ta muốn câu thể hiện thế nào. Thêm dấu phẩy có thể thay đổi tiết điệu của câu. Một số tác giả tốn rất nhiều thời gian quyết định xem nên dùng một dấu phẩy nào đó hay không. Nhà viết kịch Oscar Wilde từng nói: “Tôi đọc đi đọc lại một bài thơ mình viết cả buổi sáng rồi bỏ bớt một dấu phẩy. Chiều hôm đó tôi lại đánh dấu phẩy vào đúng chỗ đó!”

Không phải chỉ tiếng Anh hay tiếng Việt mới có các nguyên tắc chính tả và dấu câu, và cả các cuộc tranh luận về việc sử dụng chúng ra sao. Những điều này xảy ra ở mọi thứ tiếng được ghi lại bằng chữ viết. Có điều, các nguyên tắc có thể không giống hệt như trong tiếng Anh hay tiếng Việt. Khi đọc tiếng Tây Ban Nha, một trong những điều đầu tiên chúng ta nhận ra là các câu hỏi và câu cảm thán có dấu ở đầu câu và cuối câu - và các dấu ở đầu thì lộn ngược:

Tiếng Việt

Bạn khỏe không?

Tiếc nhỉ!

Tiếng Tây Ban Nha

¿Cómo está? (phát âm “kôhmoh esta”)

¡Qué lástima! (phát âm “kaylasteema”)

Khi viết tiếng Tây Ban Nha, ta phải học cách thực hiện các quy tắc này chứ không phải quy tắc trong ngôn ngữ của ta.

Thậm chí cả ở ngôn ngữ của chúng ta, đôi khi ta cũng phải học các quy tắc mới, bởi hệ thống các ký hiệu luôn phát triển. Đặc biệt mạng internet đã mang đến những kiểu dấu câu mới. Hãy xem các địa chỉ trang web nhé:

Nếu ta đọc địa chỉ đó lên, ta sẽ phải nói “chấm” và “gạch chéo”. Đây là một điều mới mẻ trong lịch sử dấu câu tiếng Anh.

Vậy là có rất nhiều điều cần học hỏi về chính tả và dấu câu, và người ta phải mất rất nhiều năm để học tất cả các quy tắc, và tất cả những ngoại lệ của quy tắc đó, cùng tất cả những điều chưa rõ ràng về cách dùng. Nhưng một khi đã xong việc, ta sẽ đứng ở một vị trí đầy quyền lực. Ta đã trở thành thành viên của một câu lạc bộ có phạm vi trên toàn thế giới, gồm những người đã trải qua những điều này. Ta biết rằng ta sẽ có thể đọc những gì họ viết; và ta biết rằng họ sẽ có thể đọc được những gì chính ta viết ra.

Ta cần một từ để tổng kết mọi sự vừa rồi, và từ đó là “chuẩn”.

Điều ta vừa làm xong, về việc học cách viết đúng chính tả và đánh dấu câu, chính là học tiếng Anh chuẩn - hoặc tiếng Tây Ban Nha chuẩn, hoặc tiếng Pháp chuẩn, hoặc bất kỳ một thứ tiếng nào mà ta đang học cách sử dụng. Tồn tại một cách viết đúng có nghĩa là mọi người sẽ hiểu được nhau. Và thế là cách viết đúng chính tả và cách đánh dấu câu là hai trong số các phương tiện chính giúp việc này trở thành hiện thực.

Hai trong số các phương tiện chính à? Có nghĩa là còn có những phương tiện khác. Chắc hẳn rồi. Chúng ta phải chú ý tới vốn từ vựng nữa. Và hơn hết, chúng ta phải học được ngữ pháp chuẩn.

ĐỌC @ THẾ NÀO?

Vào năm 1971, một kỹ sư máy tính người Mỹ tên là Ray Tomlinson gửi bức thư điện tử đầu tiên. Ông cần một ký tự để nhận biết vị trí của người gửi thư trong hệ thống máy tính gửi và nhận tin nhắn, và ông đã chọn @ - đọc là "tại"⁽¹⁾. Ngày nay, ta gọi nó là dấu "tại" trong tiếng Anh.

Nhưng người dùng các thứ tiếng khác đôi khi gọi nó bằng những cái tên khác. Mọi người trông hình dạng buồn cười của nó và so sánh nó với đủ mọi thứ như là sâu, vòi voi, hay là đuôi khi. Nó là "malpa" ở Ba Lan (nghĩa là "khí" trong tiếng Ba Lan), là "sobaka" ở Nga (nghĩa là "chó" trong tiếng Nga), và là "papaka" ở Hy Lạp (nghĩa là "vịt con" trong tiếng Hy Lạp). Cái tên tôi thích nhất là cái tên của nó ở Phần Lan: "miukumauku" - nghĩa là "meomeo" trong tiếng Phần Lan.



1. Nguyên văn "at".

CHƯƠNG 11



Quy tắc ngữ pháp và các biến thể

Ngữ pháp, như bạn còn nhớ từ Chương 6, là cách chúng ta dùng từ để tạo thành câu. Khi học nói, ta phát hiện ra các quy tắc kiểm soát việc này. Trong tiếng Anh, ta nghe rất nhiều câu như:

I bought a coat.

Little Johnny broke a window.

The postman delivered some letters.

(Tôi mua cái áo khoác.

Bé Johnny làm vỡ cái cửa sổ.

Bác đưa thư chuyển mấy lá thư).

Ta có thể ngẫm ra rằng mỗi câu có ba phần. Ai đó (“Tôi”, “Bé Johnny”, “Bác đưa thư”) làm gì đó (“mua”, “làm vỡ”, “chuyển”), và thứ gì đó đã bị ảnh hưởng bởi hành động đó - “cái áo khoác” được mua, “cái cửa sổ” bị vỡ, “mấy lá thư” được chuyển. Tất cả mọi người nói và viết như thế trong tiếng Anh. Họ phải đặt từ ngữ

theo trật tự đó để người khác hiểu. Nếu ai đó nói như thế này:

Mua cái áo khoác tôi.

Cái cửa sổ làm vỡ bé Johnny.

Chuyển mấy lá thư bác đưa thư.

ta sẽ gọi bác sĩ tâm thần tới ngay.

Tương tự, ta cũng biết được rằng các bộ phận của câu cũng có quy tắc. Ta nói “cái áo khoác”, “bác đưa thư”, và “mấy lá thư”, chứ không phải “áo khoác cái”, “đưa thư bác”, và “lá thư mấy”. Tất cả mọi người đều đồng ý như vậy.

Có một số quy tắc cơ bản trong tiếng Anh chuẩn. Và nếu ta biết một số thuật ngữ về ngữ pháp, ta có thể gọi tên chúng. “Cái”⁽¹⁾ được gọi là *mạo từ xác định*. Các từ “thư” và “cửa sổ” được gọi là *danh từ*. Vậy ta có thể nói, “Trong tiếng Anh, mạo từ xác định luôn đứng trước danh từ”.

Tất cả các ngôn ngữ đều có quy tắc giống nhau phải không? Hoàn toàn sai. Trong một số ngôn ngữ, mạo từ xác định *đứng sau* danh từ. Trong tiếng Romani, từ tương đương với “khách sạn” là “hotel”, giống hệt như trong tiếng Anh, và từ tương đương với mạo từ “the” của tiếng Anh là “ul”. Nhưng nếu ta muốn nói “the hotel” bằng tiếng Romani, ta phải nói “hotelul” - “hotel the”.

Tiếng Anh có vài trăm quy tắc ngữ pháp để giúp ta nói bất kỳ điều gì ta muốn. Nếu ta muốn nói điều gì về một nhóm đối tượng cùng loại, tiếng Anh cho phép ta làm điều đó bằng cách cung cấp *số ít* và *số nhiều* - “egg” và “eggs”, “mouse” và “mice”⁽²⁾. Nếu ta muốn miêu tả đồ vật, tiếng Anh cho ta cách *so sánh* - “to”, “to hơn”, và “to nhất”. Nếu ta muốn nói về điều sắp xảy ra trong tương lai, tiếng Anh cho ta vài lựa chọn, mỗi lựa chọn lại có một chút khác biệt - “Tôi sẽ đi”, “Tôi có thể sẽ đi”, “Tôi sắp đi”, vân vân.

1. Nguyên văn “the”.

2. Nghĩa là “trứng” và “chuột” ở hai dạng số ít và số nhiều.

Tất cả những ví dụ này đều thể hiện sự thống nhất của tất cả những người sử dụng tiếng Anh. Nói một cách khác, các ví dụ trên thuộc về tiếng Anh chuẩn. Nhưng đôi khi có thể ta lại gặp một vài câu mà *không phải* ai cũng diễn đạt giống nhau. Ví dụ như, bạn sẽ nói rằng trong làng không có bưu điện như thế nào? Đây chỉ là một số cách:

1. The village does not have a post office.
2. The village has no post office.
3. The village doesn't have a post office.
4. The village hasn't got a post office.
5. The village hasn't got no post office.
6. The village ain't got no post office.

Tất cả các câu này đều nói cùng một ý, “Làng không có bưu điện”, nhưng *cảm nhận* mà chúng đem lại thì không giống nhau, đúng không? Ví dụ 1 và ví dụ 2 nghe có vẻ cẩn thận và trịnh trọng. Số 3 và 4 thì thông dụng và vẫn nói hơn. Ví dụ 5 và 6 thì chắc chắn là ngôn ngữ đường phố.

Câu nào bạn sẽ thấy ở bản tin trên báo hay trên tivi? Số 1 và 2 là chắc chắn. Ta có thể nghe số 3 và 4 từ miệng một phóng viên đang khám phá ngôi làng. Và có thể ta sẽ nghe thấy số 5 và 6 từ những người sống ở làng mà phóng viên nọ đang phỏng vấn. Nhưng ta sẽ không bao giờ thấy số 5 và 6 trên báo, trừ phi người phóng viên nọ đang dẫn lại điều người khác nói. Và liệu ta có bao giờ nghe thấy hai câu này từ miệng một biên tập viên đang đọc tin? Thử hình dung nhé:

This is the six o'clock news. Thousands of people took to the streets today in the village of Plopton in Yorkshire, protesting about the closure of their local store. The village ain't got no post office, and...

(Đây là bản tin thời sự lúc sáu giờ. Hôm nay hàng nghìn người đã xuống phố tại làng Plopton ở hạt Yorkshire, biểu tình về việc đóng cửa cửa hiệu của làng. Làng làm quái gì có bưu điện, và...)

Tôi cho là không đâu.

Các cách dùng như “ain’t” và “hasn’t got no”⁽¹⁾ là các ví dụ của tiếng Anh *không chuẩn*. Chúng đều được hàng triệu triệu người trên thế giới sử dụng trong ngôn ngữ hằng ngày nhưng chúng tạo cảm nhận đây không phải là “tiếng Anh hay”. Hơn 200 trăm năm qua, cộng đồng nói tiếng Anh đã tồn tại với quan điểm rằng một số cách nói và viết “hay” còn một số cách khác thì “dở”. Quan điểm đó áp dụng cả với các hành vi khác, như là cung cách ở bàn ăn. Cho dao vào miệng là dở. Húp xúp soàn soạt là dở. Bê bát lên húp xúp là dở. Mặt khác, nghiêng bát một chút và lấy thìa múc xúp vào miệng (khẽ khàng thôi) thì mới hay.

Tại sao ăn xúp kiểu này thì “hay” còn kiểu khác thì không? Chỉ là cái kiểu nó phải thể thôi. Đôi khi đó là thói quen đã trở thành cung cách ưa thích của tầng lớp quyền lực trong quá khứ xa xưa và được giữ như vậy cho tới sau này. Và đấy là cách ta phải cư xử nếu không muốn bị phê phán.

Tại sao “hasn’t got any” thì hay mà “ain’t got no”⁽²⁾ thì dở? Lý do cũng y như vậy. Vào một thời điểm nào đó trong quá khứ - chính xác là vào thế kỷ 18 - những con người quyền lực nhất trong xã hội bắt đầu nói và viết theo một cách mà họ cho là đặc biệt duyên dáng. Họ nghe thấy người thuộc giới bình dân trên phố nói những lời như là “ain’t got no”, thế là họ quyết định rằng

1. Được tạm dịch ở đây theo cách số 5 và 6 ở trên. (BT)

2. Cả hai cụm đều có thể dùng để diễn đạt nghĩa “không có”, nhưng “any” tương đương với “bất kỳ cái nào”, còn “no” tương đương với “không cái nào”, do đó “ain’t got no” là cấu trúc chứa hai lần phủ định, hơi giống trong tiếng Việt có thể nói “cắm không được”. (BT)

mình sẽ nói và viết một kiểu khác. Vài kiểu câu khác cũng bị ảnh hưởng. Không một người thuộc giới thượng lưu nào lại nói những câu như “I were sat down” hay “We was eating”⁽¹⁾, bởi vì đó là cách mà tầng lớp bình dân nói.

Chà, một khi hoàng gia, những nhà quý tộc, các vị giám mục, các giáo sư, và tất cả những nhân vật quan trọng khác lựa chọn những mẫu câu như “does not have any” làm cách nói và viết bình thường cho mình, thì áp lực khủng khiếp sẽ đặt lên vai của bất kỳ ai mong muốn trở thành một nhân vật có địa vị trong xã hội buộc họ phải làm như thế. Và thế là một khoảng cách lớn xuất hiện. Giới thượng lưu gọi tất cả những người sử dụng ví dụ 5 và 6 trên đây, hoặc là các câu kiểu “I were sat down”, bằng đủ những cái tên tồi tệ - họ là những kẻ “cẩu thả”, “luộm thuộm”, “sai ngữ pháp be bét”. Ngược lại, tầng lớp bình dân gọi tất cả những người dùng ví dụ 1 và 2, hoặc các câu kiểu “I was sitting down”, bằng một loạt những cái tên tồi tệ khác - “bóng bẩy”, “khoe mẽ”, “làm màu”.

Ngày nay khoảng cách đó vẫn còn tồn tại. Ví dụ 1, 2, 3, và 4 đều được coi là tiếng Anh chuẩn - 1 và 2 có phong cách trang trọng hơn, còn 3 và 4 xuề xòa hơn. Nhưng ví dụ 5 và 6 được coi là tiếng Anh không chuẩn. Và điều đó có nghĩa là chúng ta phải cẩn thận. Dùng các ví dụ 5 và 6 ngoài đường với bạn bè mình thì không sao. Nhưng nếu viết như thế trong một bài luận, hay bài thi, hoặc nói trước đông người, hoặc ở bất kỳ nơi nào mà người khác kỳ vọng ta phải biết cư xử, thì rất có thể ta sẽ bị nhìn với ánh mắt kỳ lạ - và còn bị điểm thấp nữa chứ!

Vậy là tiếng Anh chuẩn có nhiều thứ sâu xa hơn chứ không hề đơn giản. Đó không phải chỉ là thứ tiếng Anh mọi người hiểu được trên khắp thế giới. Đó còn là thứ tiếng Anh hữu dụng nhất nếu ta muốn xin được công việc tốt hoặc một vị trí có ảnh

1. Nghĩa là “tôi đang ngồi xuống”, “chúng tôi đang ăn”.

hưởng nhất định trong xã hội. Và cũng không phải tự nhiên mà biết được tiếng Anh chuẩn. Chúng ta đều phải học cách viết tiếng Anh chuẩn. Việc này diễn ra khi ta đi học. Hơn nữa, rất ít người nói được tiếng Anh chuẩn ngay từ khi còn nhỏ. Họ phải học cách nói chuẩn - một điều cũng diễn ra ở trường học. Bên ngoài cánh cổng trường, hầu hết trẻ em nói thứ tiếng Anh mà trong đó các câu như ví dụ 5 và 6 là bình thường. Cha mẹ chúng và hầu hết mọi người trong xã hội đều thế. Bạn sẽ nghe thấy “ain’t” được dùng ở khắp nước Anh, Ireland, Mỹ, Canada, Úc, Nam Phi... thực chất, ở tất cả những nơi mà tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ.

Vậy điều diễn ra ở trường chính là trẻ em học được rằng có một cách nói khác với cách mà chúng dùng ở nhà và ngoài phố. Những thời kỳ trước, các giáo viên sẽ nói với chúng rằng cách nói ở nhà chúng là “dở” và rằng chỉ có cách nói chuẩn mới “hay”. Việc đó đã khiến nhiều thế hệ có những cảm giác e ngại và tự ti về cách họ nói năng. Ngày nay, hầu hết các giáo viên đều lựa chọn một cách nhìn trung dung hơn. Họ xác định rằng cả hai kiểu nói đều có mục đích của chúng.

Chúng ta cần cả ngữ pháp đường phố và ngữ pháp trường lớp nếu ta muốn linh hoạt trong mọi tình huống cuộc sống. Trẻ em sẽ bị (thầy cô) nhắc nhở nếu chúng dùng ngữ pháp đường phố trong lớp, nhưng chúng cũng sẽ bị (bè bạn) chê cười nếu chúng dùng ngữ pháp trường lớp ngoài phố. Vậy điều quan trọng là phải hiểu sự khác nhau giữa hai kiểu ngôn ngữ để không lẫn lộn nó. Vì thế, một khi đã nắm rõ chúng ta có thể sử dụng nó thật thông minh như với chính tả và dấu câu.

Một số báo và tạp chí còn sử dụng tiếng Anh không chuẩn một cách linh hoạt. Thỉnh thoảng ta đọc được những câu như thế này:

WE AIN'T SEEN NOTHING YET⁽¹⁾

Câu này phá vỡ cả hai quy tắc của tiếng Anh chuẩn mà tôi đang nhắc tới trong chương này. Nhưng ta có thể thấy ngay rằng tờ báo đang cố ý chơi đùa với chúng ta đấy. Câu chuyện cũng tương tự ở ví dụ dưới đây:

IF IT AIN'T BROKE, DON'T FIX IT⁽²⁾

Ở đây, ngoài “ain’t” ra thì người viết còn dùng dạng không chuẩn của động từ “break”. Trong tiếng Anh chuẩn, câu trên lẽ ra sẽ viết thế này:

IF IT ISN'T BROKEN, DON'T FIX IT

Hiệu ứng của câu không còn được như trước nữa.

Tôi đã nói ở trên rằng hầu hết mọi người đều không nói tiếng Anh chuẩn ở nhà với gia đình và bè bạn. Vậy họ nói cái gì? Đây là lúc ta cần đề cập đến khái niệm phương ngữ.

1. Nghĩa là “chúng ta vẫn chưa thấy gì đâu”.

2. Nghĩa là “nếu nó không hỏng thì đừng sửa”.

JEDI TRỞ VỀ

Người ngoài hành tinh thường dùng trật tự từ của tiếng Anh không chuẩn. Ví dụ tôi có thể kể ra ngay là Yoda, sư phụ Jedi, trong loạt phim *Chiến tranh giữa các vì sao*, người nói thứ tiếng Anh đặc biệt khác thường. Các thành phần câu của ông ta đều bị đảo ngược hết cả.

Killed not by clones, this Padawan. By a lightsaber, he was.
To fight this Lord Sidious, strong enough you are not. (Bị giết không phải do người vô tính, Padawan này. Do một thanh kiếm ánh sáng, hắn bị. Để chống lại Darth Sidious, đủ mạnh anh không hề).

Các nhà biên kịch đã sáng tạo rất khéo léo. Dạng câu khá gần với tiếng Anh thông thường nên ta có thể dễ dàng hiểu được. Những câu này lại còn mang bóng dáng tiếng Anh của nhiều thế kỷ trước nên rất phù hợp với độ tuổi của Yoda. Nhưng tiếng Anh thực sự chưa bao giờ dùng đúng những câu có trật tự thành phần như vậy nên chúng ta có cảm nhận vẫn có điều gì không thuộc thế giới này. Yoda chính là như vậy. Chẳng ai biết ông đến từ đâu. Trong Ngân hàng dữ liệu về *Chiến tranh giữa các vì sao*, thông tin về Yoda chỉ đơn giản là thuộc "loài chưa rõ danh tính".



CHƯƠNG 12



Giọng và phương ngữ

Đây là một trong những điều đầu tiên chúng ta nhận ra. Ta gặp một người nói cùng ngôn ngữ với ta nhưng là người từ một tỉnh khác hoặc một vùng khác trên thế giới, và ta nhận ra rằng họ không nói giọng giống như ta. Giọng họ nói nghe khác. Từ ngữ và câu cú nghe cũng khác. Những điểm khác biệt này có khi còn lớn tới mức ta khó mà hiểu được họ. Vì sao lại thế?

Câu trả lời chắc chắn là do giọng và phương ngữ. Phân biệt hai khái niệm này là việc vô cùng quan trọng nên tôi sẽ bàn từng khái niệm một.

Phương ngữ là cách nói thuộc về một vùng cụ thể trong một đất nước. Nó sử dụng các từ ngữ địa phương mà thông thường người từ vùng khác cũng biết đến. Ví dụ, nếu ta nghe ai đó nói “wee child” hay “bonny coat”⁽¹⁾, ta có thể khẳng định khá chắc rằng đó là người Scotland. (“Wee” nghĩa là “nhỏ” và “bonny”

1. Nghĩa là “đứa nhỏ”, “áo khoác đẹp”.

nghĩa là “đẹp”). Nếu ta nghe ai đó nói họ chạy dọc “jigger” hay họ mặc “cozzy”, thì nhiều khả năng họ là người vùng Liverpool. (Một “jigger” là một con hẻm chạy sau lưng một dãy nhà; một “cozzy” là một bộ đồ, đặc biệt là đồ bơi.) Và một người hay nói “nowt” (“không gì cả”) thì hẳn là người vùng Yorkshire.

Số phương ngữ hiện diện ở mỗi kilômét vuông trên đất Anh nhiều hơn bất kỳ đâu trong cộng đồng nói tiếng Anh. Điều này là bởi nước Anh có một lịch sử hết sức phức tạp, với dòng người các dân tộc German từ nhiều vùng đất châu Âu tới định cư ở nhiều vùng khác nhau trên đất nước, một số vùng lại pha lẫn với người Celt từ xứ Wales, Scotland, hoặc Ireland. Những người di cư trong một vùng nhỏ không mất nhiều thời gian để hình thành cách nói riêng của mình. Nhưng nhìn chung, tất cả các nước trên thế giới đều tồn tại các giọng địa phương và các phương ngữ. Ở Mỹ, nếu ta nghe ai đó gọi một nhóm người là “y’all” (nghĩa là “mọi người” hay “các người”) ta biết rằng người đó gốc gác ở một bang phía Nam, như Texas chẳng hạn, hoặc nếu không thì đang bắt chước cách nói của người miền Nam. Nếu ai đó nói “dropped eggs” thay vì “poached eggs”⁽¹⁾, thì họ chắc chắn là người vùng Đông Bắc, ở New England. Và nếu ta ngồi trên “stoop” (bậc thang dẫn tới cửa nhà) và nhấm nháp “hero” (một loại bánh sandwich), ta hẳn phải là người đầu đó quanh vùng New York.

Một số phương ngữ có tới vài trăm từ trong vốn từ vựng của nó, và phần nhiều trong số này đều được đưa vào từ điển. Ta thường thấy sách về nhóm từ ngữ này được bán ở các trung tâm du lịch khắp đất nước, và ta cũng có thể tìm thấy danh sách các từ này trên mạng. Chỉ cần gõ “tiếng New York”, “tiếng Yorkshire” (hoặc tiếng gì cũng được) vào trang tìm kiếm, là ta sẽ có vô vàn kết quả. Hoặc ta có thể lập danh sách cho những từ

1. Đều có nghĩa là “trứng chăn”.

địa phương mà chính ta đang sử dụng. Phương ngữ luôn thay đổi, và từ ngữ mà người trẻ dùng đôi khi khác từ ngữ mà người cao tuổi sử dụng.

Phương ngữ cũng có các mẫu ngữ pháp riêng. Chẳng hạn như tiếng Anh ở Scotland có cách nói phủ định rất riêng. Những người hay nói “I canna come”, “I’m no going”, và “I dinna ken” rất dễ là người Scotland. Trong tiếng Anh chuẩn, ta phải nói “I can’t come”, “I’m not going”, và “I don’t know”⁽¹⁾. Và một vài vùng nước Anh còn nói “five mile” (thay vì “five miles” - “năm dặm” với hậu tố số nhiều “-s”) hoặc “I saw thee” (nghĩa là “tôi thấy cậu”).

Lưu ý rằng các từ ngữ và câu cú tiếng địa phương có thể cho ta biết được ai đó đến từ một thị trấn hoặc thành phố nào đó (như New York), hoặc một hạt hay bang nào đó (như Yorkshire hoặc Texas), hoặc một vùng lớn hơn nữa (như là vùng Đông Bắc nước Mỹ hay là Scotland). Khi xem xét cách dùng tiếng Anh trên toàn thế giới, ta thậm chí còn có thể nói về cả phạm vi đất nước nữa. Người ta nói về “tiếng Anh-Úc” hoặc “tiếng Anh-Ireland”. Ở Chương 10 tôi đã nhắc đến tiếng Anh-Anh và tiếng Anh-Mỹ. Khi đó chúng ta nói về sự khác biệt trên phạm vi lớn hơn nhiều.

Người Anh nói “We walked along the pavement”. Trên hầu khắp nước Mỹ câu này tương đương với “We walked along the sidewalk”⁽²⁾. Thử xem các bộ phận của xe nhé. Ở Anh ta nhìn thấy “bonnet” qua “windscreen”; ở Mỹ ta nhìn thấy “hood” qua “windshield”⁽³⁾. Đằng trước xe ở Anh có “bumper” và đằng sau có “boot”; ở Mỹ xe có “fender” đằng trước và “trunk”⁽⁴⁾ đằng sau. Chúng ta nhận biết xe hơi ở Anh bằng “number plate”, nhưng

1. Nghĩa là “tôi không đến được”, “tôi sẽ không đi”, “tôi không biết”.

2. Nghĩa là “chúng tôi đi bộ trên vỉa hè”.

3. Nghĩa là “mũi xe”, “kính chắn gió”.

4. Nghĩa là “hầm xung”, “thùng xe”.

ở Mỹ thì bằng “license plate”⁽¹⁾. Ta bật “sidelight” ở Anh nhưng bật “parking light”⁽²⁾ ở Mỹ. Bên trong xe ở Anh có “accelerator”, “gear stick”, và “milometer”; bên trong xe ở Mỹ có “gas pedal”, “gear shift”, và “odometer”⁽³⁾.

Ngoài ra còn có sự khác biệt về ngữ pháp giữa tiếng Anh-Anh và tiếng Anh-Mỹ. Thử hỏi giờ một người Anh lúc 3 giờ 45 phút xem, câu trả lời rất có thể sẽ là “It’s a quarter to four”. Ở rất nhiều nơi trên đất Mỹ câu trả lời sẽ là “It’s a quarter of four”⁽⁴⁾. Một người ở nước Anh có thể nói “I’ve just got a new coat”. Câu tương đương trong tiếng Anh-Mỹ là “I’ve just gotten a new coat”⁽⁵⁾. Ở Anh, họ nói “The bus hasn’t arrived yet”; còn ở Mỹ ta nghe thêm “The bus didn’t arrive yet”⁽⁶⁾.

Vậy sự khác biệt của phương ngữ, hay tiếng địa phương, là nằm ở từ vựng và ngữ pháp. Đây là điểm mấu chốt cần ghi nhớ khi ta nghĩ đến một thuật ngữ quan trọng khác: giọng địa phương. Giọng chỉ liên quan đến cách phát âm. Giống như phương ngữ, chúng cho ta biết một người từ tỉnh nào hay từ nước nào tới, thông qua âm thanh chứ không phải từ ngữ và câu cú. Tất cả các tiếng địa phương tôi đã nhắc tới ở trên đều có một giọng địa phương riêng của nó. Người Scotland nói giọng Scotland. Người Mỹ nói giọng Mỹ. Vân vân.

Thực ra, ta cũng cần phải chính xác ở chỗ này. Đúng hơn thì nên nói rằng người Scotland nói với giọng thuộc một trong số các giọng Scotland. Giọng Glasgow rất khác giọng Edinburgh, và người từ các vùng khác của Scotland nghe cũng rất khác. Ở nước Anh cũng thế, hay nước Mỹ, hay bất kỳ đâu cũng thế. Không bao giờ có một đất nước với chỉ một giọng.

1. Nghĩa là “biển số xe”.

2. Nghĩa là “đèn báo đỗ xe”.

3. Nghĩa là “chân ga”, “cần số”, “đồng hồ đo dặm”.

4. Nghĩa là “bốn giờ kém mười lăm”.

5. Nghĩa là “tôi mới sắm một cái áo khoác mới”.

6. Nghĩa là “xe buýt chưa tới”.

Và thực sự cũng không bao giờ có ai chỉ có một giọng. Giọng của ta thay đổi qua thời gian, phụ thuộc vào nơi ta sống và người ta trò chuyện cùng. Tôi từng sống ở Wales, Liverpool, và phía Nam nước Anh, nên giọng của tôi pha trộn đủ thứ âm từ cả ba nơi. Khi tới Liverpool, tôi nói nghiêng về tiếng Scouse⁽¹⁾. Và khi đi London, tôi nói giọng nghe giống giọng miền Nam hơn.

Giọng nói của tôi cũng thay đổi phụ thuộc vào tính chất sự kiện mà tôi tham gia. Nếu tôi đi giảng bài bằng tiếng Anh cho một nhóm sinh viên ở Đức, thì tôi sẽ nói chậm hơn và cẩn thận hơn bình thường một chút, và giọng của tôi sẽ giống như người đang đọc bản tin trên đài BBC hơn. Khi chính tôi đang nói chuyện trên đài phát thanh thì các đặc điểm vùng miền trong cách phát âm của tôi sẽ khó lộ ra hơn. Có lần, một người cùng quê nghe thấy tôi nói trên đài phát thanh, sau đó gặp tôi trên phố và bảo “Lúc ấy nghe chẳng giống ông nói gì cả!”

Nhưng tất cả những giọng đó *đều chính là tôi*. Chúng ở cả trong đầu tôi, và các cơ quan phát âm của tôi có thể xử lý từng giọng một. Tôi cũng thường vô thức nói theo một giọng địa phương khác. Thực tế, ai cũng vậy cả. Bạn gặp một người có giọng nói khác mình, và bạn bắt đầu làm thân với người ta. Một lát sau, bạn sẽ thấy mình nói hơi giống họ. Và họ cũng thấy họ nói hơi giống bạn. Cả hai người rốt cuộc chia sẻ cho nhau một chút giọng của mình. Sau đó, khi hai người chia tay, bạn và người ta lại quay lại giọng bình thường của mỗi người.

Tại sao chúng ta có giọng địa phương? Tôi đã nói rằng giọng thể hiện nguồn gốc của chúng ta. Nhưng không phải chỉ là địa điểm. Giọng còn thể hiện nền tảng xã hội của ta, hoặc công việc mà ta có. Thử lắng nghe những người đọc bản tin trên đài phát thanh mà xem. Đôi khi họ nói giọng địa phương, và ta biết họ

1. Đây là tên một món thịt hầm có nguồn gốc từ Liverpool, thường dùng để chỉ tiếng và giọng địa phương của vùng này.

đến từ một vùng cụ thể nào đó. Nhưng thường thì họ không nói giọng địa phương. Ta có thể nghe thấy giọng địa phương của họ, và giọng đó có thể là giọng từ bất kỳ đâu.

Ở Anh, giọng trung dung đó được gọi là *Cách phát âm có giáo dục* - hoặc giọng RP⁽¹⁾. Đây là giọng được hình thành vào cuối thế kỷ 18 trong giới thượng lưu. Bạn có nhớ ở Chương 11, tôi đã nói về cách những người này bắt đầu sử dụng ngữ pháp tiếng Anh chuẩn không? Đó là một trong những cách họ nghĩ ra để giữ khoảng cách với tầng lớp bình dân, những người đa phần đều nói giọng địa phương. Một cách khác nữa là phát âm các từ ngữ sao cho không có một chút dấu vết tiếng địa phương nào. Nếu người thuộc giới bình dân trên khắp đất nước đều bỏ âm “h” trong các từ như “hospital” và “hand”⁽²⁾, thì những người nói giọng RP cố gắng phát âm “h”. Nếu người trong giới bình dân trên khắp đất nước phát âm “r” trong các từ như “car” và “heart”⁽³⁾, thì người nói giọng RP sẽ cố gắng không phát ra âm “r”.

Kết quả là, một giọng mới ra đời. Ban đầu những người có quyền lực trong xã hội sử dụng nó, như là hoàng gia, các giám mục, các giáo sư, bác sĩ, và quan tòa. Rồi giáo viên bắt đầu dùng giọng đó trong những trường công lớn (như Eton, Harrow, và Winchester), và dạy cho học sinh. Có rất nhiều câu chuyện về trẻ em nói giọng địa phương lần đầu tới những trường này bị trẻ lớn (và thậm chí cả giáo viên) cười nhạo cách chúng nói chuyện. Những thành viên mới này sẽ thay đổi giọng địa phương của mình thành giọng RP chỉ trong vòng vài ngày! Điều đó xảy ra cách đây 200 năm. Đôi khi ta vẫn thấy điều này xảy ra trong hiện tại.

Khi lũ trẻ lớn lên, rất nhiều người trong số chúng trở thành luật sư và công chức nhà nước, hoặc làm ở những vị trí quyền lực

1. Viết tắt của từ “Received Pronunciation”.

2. Nghĩa là “bệnh viện”, “bàn tay”.

3. Nghĩa là “ô tô”, “trái tim”.

khác. Rất nhiều người tham gia quân đội và ra nước ngoài. Thế kỷ 19 là thời kỳ Đế chế Anh đang lớn mạnh. Khi các thuộc địa hình thành ở mọi nơi trên thế giới, người Anh được đặt vào các vị trí quyền lực - và họ đều nói giọng RP cả. Chẳng bao lâu sau, giọng đó là “giọng nước Anh”. Nó trở thành giọng chuẩn của đài BBC. Và cho tới ngày nay, giọng RP này được dạy cho hầu hết người nước ngoài khi họ học tiếng Anh-Anh.

Kể từ năm 1800, giọng RP là giọng “tiên tiến” chính ở Anh. Rất nhiều người gọi nó đơn giản là giọng “bóng bẩy”. Chưa bao giờ giọng này phổ biến với đa phần dân số - nhiều lắm thì chỉ khoảng 5% - nhưng đó là giọng mà người ta gắn với những người ở tầng lớp xã hội cao hoặc những người được giáo dục tốt nhất. Đó là lý do vì sao nó được gọi là cách phát âm có giáo dục. Đây được coi là một kiểu kế thừa từ thế hệ trước.

Các ngôn ngữ khác cũng đều có giọng “tiên tiến”. Có những cách nói năng bóng bẩy ở Pháp và ở Tây Ban Nha, và ở bất kỳ nước nào mà lịch sử xã hội có sự chia rẽ của tầng lớp thượng lưu và tầng lớp bình dân. Các vùng đất khác của cộng đồng nói tiếng Anh cũng có những giọng tiên tiến của mình. Nếu bạn đã xem phim *Crocodile Dundee*, bạn sẽ nghe thấy Paul Hogan dùng một trong những giọng đường phố của Úc. Không phải ai ở đó cũng nói giống như ông. Rất nhiều người Úc bản địa cũng có giọng được giáo dục.

Mọi chuyện đã bắt đầu thay đổi ở nước Anh. Sự chia rẽ giữa tầng lớp thượng lưu và tầng lớp bình dân không còn sâu sắc như trước. Những người có giọng địa phương đã kiếm được một số công việc tốt nhất trong xã hội. Thủ tướng Gordon Brown nói giọng Scotland. Huw Edwards đọc bản tin trên BBC với giọng xứ Wales. Ngày nay nếu người ta gọi đến một trung tâm chăm sóc khách hàng để tìm hiểu về giờ tàu, hoặc để mua bảo hiểm xe hơi, rất có thể người nhận cuộc gọi sẽ là người nói giọng địa phương. Xưa kia, bạn sẽ chỉ nghe được giọng RP. Vài năm trước, các nhà

ngôn ngữ học đã khảo sát về các giọng được dùng trong trung tâm chăm sóc khách hàng ở Anh, và kết quả là giọng Edinburgh và Yorkshire là hai giọng phổ biến nhất. Và một số giọng khác như là giọng Birmingham hoặc Newcastle hầu như không được dùng tới.

Người ta có cảm xúc rất rõ rệt với các giọng. Họ dùng những từ “đẹp” và “xấu”, “thông minh” và “ngốc nghếch”, “nhịp nhàng” và “cộc cằn”, và những từ khác nữa để mô tả các giọng ấy. Nhưng các giọng không thể được xếp theo các nhóm như thế này. Thứ mà người này nghe có tiết điệu, thì người khác lại nghe thành chói tai. Và một số giọng mà người ở nước này nghe khó chịu thì người ở nơi khác lại nghe thành vui vẻ. Giọng Birmingham thường bị người Anh đánh giá thấp. Nhưng khi tôi mở băng ghi âm một số giọng cho người nước ngoài không biết nhiều tiếng Anh, thì họ nghĩ giọng Birmingham là một trong số những giọng hay nhất.

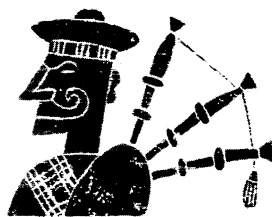
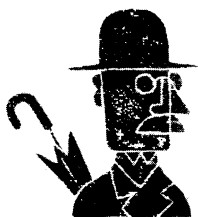
Tại sao chúng ta lại có cảm xúc rất mạnh và rõ rệt với các giọng - và với các phương ngữ nữa? Đó đều là một phần của câu chuyện lớn hơn về cách ngôn ngữ thể hiện bản sắc của chúng ta.

AI GỌI ĐÓ?

Từ xưa đến nay giọng địa phương và tiếng địa phương luôn tồn tại. Những văn bản cổ xưa nhất bằng tiếng Anh có nhiều điểm khác biệt về cách đánh vần, từ vựng, và ngữ pháp, thể hiện rằng tác giả của chúng đến từ nhiều vùng trên đất nước. Và nếu ta lùi lại thêm nữa, tới thời con người bắt đầu có ngôn ngữ, chúng ta có thể phán đoán rằng hồi đó cũng có nhiều giọng địa phương rồi.

Thử tưởng tượng xem. Bạn ở trong hang đá nhà mình, và bên ngoài kia thật nhiều nguy hiểm. Bạn nghe thấy một tiếng động và bạn nói lớn (bằng thứ ngôn ngữ sơ khai) "Ai đó?" Một giọng đáp lại. Nếu bạn nhận ra giọng đó là giọng thuộc về bộ tộc của mình, thì bạn sẽ mừng rỡ ra ngoài xem họ cần gì. Nhưng nếu bạn nói lớn "Ai đó?" và bạn không nhận ra giọng đáp lại đó, thì tốt nhất là bạn nên mang theo cây gậy và đi cảnh giác khi bước ra ngoài. Một giọng nói lạ có thể là dấu hiệu của kẻ thù.

Nếu sự tiến hóa là câu chuyện "kẻ tồn tại là kẻ mạnh nhất", thì tôi nghĩ giọng là yếu tố hỗ trợ trong câu chuyện ấy. Những người có cái tai thính nhạy và nhận biết được giọng có lẽ đã sống lâu hơn. Và thực ra, khi nghĩ kỹ về điều đó, bạn sẽ thấy câu chuyện ngày nay cũng không quá khác. Tôi có thể kể ra một số vùng mà âm thanh của một giọng lạ lẫm lập tức đặt mọi người vào thế phải cảnh giác. Có khi chính bạn cũng biết một số vùng như vậy đấy.





Thông thạo song ngữ

Tôi có biết một người Scotland rất tự hào về nguồn gốc của mình. Ông mặc váy ca-rô, đội mũ ca-rô, và đeo một huy hiệu đầy tự hào “Tôi là người Glasgow”. Rõ ràng ông có một cảm xúc rất mạnh mẽ về bản sắc. Nhưng có một vấn đề ông vẫn cần phải giải quyết. Nếu ông đi khuất góc phố, tôi sẽ không thể nhìn thấy váy, mũ, hay huy hiệu của ông. Nếu tôi gặp ông trong đêm tối tôi cũng không thể thấy chúng. Và nếu ông bỏ hết chúng ra mà mặc đồ đi bơi, thì tôi sẽ không có cơ hội nhìn thấy chúng được nữa.

Câu hỏi là: Làm thế nào để thể hiện cho ai đó biết rằng bạn là người Scotland nếu bạn không mặc đồ hay đeo huy hiệu Scotland? Câu trả lời: Bằng cách nói chuyện. Lời nói chính là điều chúng ta có thể nhận ra dù có đi khuất góc phố. Ta có thể nghe được lời nói trong đêm tối. Và nếu nước hồ bơi lạnh, thì rất có thể chúng ta sẽ nghe thấy một tiếng la âm lên bằng giọng Scotland.

Giọng truyền rất dễ dàng. Chúng cũng phát triển một cách

tự nhiên - ta có thể nghe thấy giọng ở trẻ ba tuổi. Và giọng cũng không hề tốn kém. Ta phải mua quần áo và huy hiệu để thể hiện rằng ta là người Scotland, hay người xứ Wales, hoặc người New York. Nhưng khi nói, ta không phải bỏ ra bất kỳ chi phí nào để thể hiện ta là người từ đâu tới.

Và nếu ai đó là người Nhật, Nga, hay Brazil thì sao? Cũng thế thôi. Người Nhật có thể mặc đồ theo phong cách Nhật và làm những việc khiến ta liên hệ đến Nhật Bản, như là ăn sushi. Nhưng cách dễ nhất để thể hiện là người Nhật Bản chính là nói tiếng Nhật. Nếu như giọng cho ta biết nguồn gốc của một người, thì ngôn ngữ làm điều đó còn rõ nét hơn nữa. Thử điền vào chỗ trống dưới đây:

Cô ấy nói tiếng Đan Mạch. Cô ấy chắc hẳn là người _____

Anh ấy nói tiếng Ba Lan. Anh ấy chắc hẳn là người _____

Họ nói tiếng xứ Wales. Họ chắc hẳn là người _____

Câu trả lời hẳn sẽ là Đan Mạch, Ba Lan, và xứ Wales.

Thử để ý xem nếu bạn làm bài tập trên theo cách ngược lại, câu trả lời sẽ trở nên khó đoán. Thử nhé:

Cô ấy là người xứ Wales. Nên cô ấy nói tiếng _____

Đối với một vài người, câu trả lời là tiếng Wales. Đối với một số người khác, câu trả lời sẽ là tiếng Anh. Và những người nói tiếng Wales cũng có thể trả lời “tiếng Anh”, bởi vì họ sẽ đều nói cả hai thứ tiếng - nói cách khác, họ là những người thông thạo song ngữ (song nghĩa là hai, ngữ là ngôn ngữ). Thuật ngữ này trong tiếng Anh là *bilingual*, một từ có nguồn gốc Latin: *bi* nghĩa là hai, và *lingua* là ngôn ngữ.

Nếu ta nói hai thứ tiếng, ta là người thông thạo song ngữ. Nếu ta nói ba thứ tiếng, ta là người *thông thạo tam ngữ*. Nếu ta

nói ba thứ tiếng hoặc nhiều hơn, ta sẽ thường được gọi là người *thông thạo đa ngữ*¹⁾. Những nhà ngôn ngữ nổi tiếng nhất thế giới đã học được hàng chục ngôn ngữ. Bạn còn nhớ Harold Williams ở Chương 3 không? Ông ta nói được những 58 thứ tiếng!

Thông thạo hai thứ tiếng là chuyện bình thường đối với con người, như ta đã thấy trẻ em học ngôn ngữ dễ dàng như thế nào. Khoảng ba phần tư các cá thể loài người học nói hai ngôn ngữ hoặc nhiều hơn nữa khi còn nhỏ. Đây là việc tự nhiên nhất trên thế giới. Người ta dùng một thứ tiếng ở nhà. Người ta đi chợ nói một thứ tiếng khác. Người ta đến trường hay đi nhà thờ dùng một thứ tiếng khác nữa. Có những vùng trên thế giới pha trộn nhiều nền văn hóa khác nhau, đường phố là nơi hội tụ đủ các thứ tiếng, và người ta sẽ biết mỗi thứ tiếng một ít.

Mỗi đất nước thường có một ngôn ngữ chính mà hầu hết mọi người đều sử dụng - tiếng Đan Mạch ở Đan Mạch, tiếng Pháp ở Pháp, vân vân. Nhưng đa số những người đó đều học thêm các ngôn ngữ khác. Và rất nhiều người dân sống ở các nước đó là người nhập cư, họ còn nói cả tiếng mẹ đẻ nữa. Tất cả các quốc gia đều là quốc gia đa ngữ. Một số nước thậm chí sử dụng rất nhiều ngôn ngữ khác nhau. Ví dụ như có tới mấy trăm ngôn ngữ được dùng ở khắp nước Mỹ.

Ngày nay ngay cả nước Anh cũng là đất nước đa ngôn ngữ. Ta thường nghĩ nước Anh thuộc bộ phận đơn ngữ của thế giới. Nhưng từ thời kỳ sơ khai nước Anh đã là nước đa ngôn ngữ. Khi người Anglo-Saxon đặt chân tới Anh vào thế kỷ thứ 5, họ thấy người dân nói tiếng Latin (từ thời người La Mã còn ở Anh) và một số các ngôn ngữ nước Anh khác như tiếng xứ Wales và tiếng vùng Cornwall. Các ngôn ngữ khác của châu Âu có lẽ cũng được dùng trên đảo quốc này, hệ quả từ giao thương giữa nước Anh và phần còn lại của châu Âu.

1. Nguyên văn "multilingual" hoặc "polyglot".

Ngày nay, do những làn sóng nhập cư khổng lồ, đặc biệt từ những nước thuộc Khối Liên minh châu Âu, mức độ đa ngữ của nước Anh đã phát triển mạnh. Vào năm 1999 người ta thực hiện một khảo sát về tiếng mẹ đẻ cho 850.000 trẻ trong các trường học ở London. Kết quả cho thấy đối tượng nghiên cứu sử dụng tới hơn 300 ngôn ngữ. Tất nhiên thông dụng nhất vẫn là tiếng Anh. Tiếp theo là một vài ngôn ngữ của những người đến từ Nam Á - Bengali, Panjabi, Gujarati, Hindi, Urdu. Sau đó là hai ngôn ngữ từ vùng Địa Trung Hải - Thổ Nhĩ Kỳ và Ả Rập. Sau nữa là hai ngôn ngữ từ châu Phi - Yoruba (ngôn ngữ của Nigeria) và Somali. Cuối cùng là một ngôn ngữ của Trung Quốc - tiếng Quảng Đông.

Tôi có thể kể mãi không hết, nhưng ý chính thì đã rõ. London ngày nay là một trong những thủ phủ đa ngữ của thế giới, cùng với New York, Boston, và rất nhiều thành phố ở nước Mỹ. Trong phân nửa số trường tiểu học của vùng trung tâm London, tiếng Anh không phải là tiếng mẹ đẻ của quá nửa số học sinh. Và trong các trường trung học cơ sở tỷ lệ này cũng không thấp hơn là mấy - 40%. Đây là số liệu của năm 2006. Ngày nay những con số này có lẽ đã cao hơn một chút rồi.

London là một nơi đặc biệt, nhưng không phải là nơi duy nhất như vậy. Bình quân cả nước Anh là 6%: tức cứ 100 trẻ thì 6 trẻ có tiếng mẹ đẻ không phải tiếng Anh. Mỗi thành phố lớn của Vương quốc Anh có tới hàng chục ngôn ngữ. Và ta có thể thấy chúng được dùng ngay cả ở những thị trấn và làng nhỏ hơn, bởi những người nhập cư tới đã tìm được công việc ở đó - như là hái quả, hoặc làm việc ở khách sạn. Nếu bạn đi thuyền từ Holyhead ở Bắc xứ Wales đến Dublin ở Ireland, bạn có thể sẽ nghe được tiếng Lithuana, Ba Lan, và Latvia trong số nhiều ngôn ngữ mà nhân viên trên tàu sử dụng. Có thể bạn còn nghe thấy tiếng xứ Wales và tiếng Ireland nữa nếu may mắn. Nhưng nghe thấy nhiều nhất vẫn là những ngôn ngữ ở phần trung tâm châu Âu.

Tại sao người ta giữ lại tiếng mẹ đẻ của mình như thế? Tại sao dân nhập cư không bỏ đi thứ tiếng cũ mà học tiếng mới khi họ tới một vùng khác của thế giới? Tất nhiên rất nhiều người làm như vậy, chúng ta sẽ thấy điều này ở một chương sau. Nhưng rất nhiều người nỗ lực hết sức để giữ lại thứ tiếng nói đầu tiên của mình, dùng ngôn ngữ ấy bất kỳ khi nào có thể, tạo lập những nhóm địa phương sử dụng chung tiếng đó, và dạy cho con mình. Và đất nước đón nhận họ thường cố gắng hết sức để phát huy tính đa ngữ thông qua việc cung cấp các dịch vụ bằng đủ mọi thứ tiếng có thể.

Thử tưởng tượng xem, nếu bạn đến sống ở một nước khác, liệu bạn có muốn hoàn toàn bỏ lại ngôn ngữ của mình hay không? Rõ ràng là không. Bạn vẫn có bạn bè, họ hàng ở đất nước trước đây mà bạn muốn duy trì trò chuyện và thư từ. Và thậm chí nếu không có bạn bè hay họ hàng, bạn còn lưu giữ trong trí óc mình những trải nghiệm và kỷ niệm về văn hóa của nó - các cuốn sách bạn đã đọc, các bản nhạc nhẹ bạn học được, tiếng lòng mà bạn quen miệng. Tiếng mẹ đẻ của bạn đã trở thành một phần bản sắc của bạn - cảm nhận về chính con người bạn. Và nó trở thành một phần của bản sắc nhóm người mà bạn hiểu rõ nhất - những người bạn đã biết từ thuở nhỏ.

Đó là lý do vì sao người ta rất bực khi ngôn ngữ của họ bị chỉ trích là rác rưởi, hay bị coi thường, hoặc tệ nhất là bị cấm. Việc một số nhà nước cấm người dân sử dụng ngôn ngữ địa phương ở nơi công cộng không hề hiếm chút nào. Khi tướng Franco nắm quyền ở Tây Ban Nha, vào hai thập kỷ 1940 và 1950, tiếng Tây Ban Nha là thứ tiếng duy nhất được chấp nhận cho mục đích sử dụng ở các không gian công cộng. Các tiếng địa phương khác như Catalan, Basque, và Galicia đều bị cấm. Bạn thậm chí không được đặt tên con theo cách viết của địa phương. Người Barcelona, nơi sử dụng tiếng Catalan, có thể muốn đặt tên con là Beatriu và Lluís, nhưng lại phải dùng

cách viết của tiếng Tây Ban Nha là Beatriz và Luis. Ngày nay mọi thứ đã khác.

Lâu lâu ta lại đọc trên báo chuyện về người dân ở một đất nước nào đó tuần hành biểu tình thể hiện tinh thần bảo vệ ngôn ngữ của mình. Thậm chí còn có cả các cuộc nổi loạn và biểu tình tuyệt thực. Chuyện này đã xảy ra ở Quebec, nơi những người nói tiếng Pháp muốn ngôn ngữ của họ xuất hiện rộng rãi hơn. Chuyện này cũng đã xảy ra ở Bỉ, nơi những người nói tiếng Pháp và những người nói tiếng Flemish⁽¹⁾ thường xuyên xảy ra đối đầu. Và nó cũng đã xảy ra ở xứ Wales, Ấn Độ, và một số nước khác. Tại sao những chuyện này xảy ra? Đó là vì những người này cảm nhận rất rõ ràng tầm quan trọng của ngôn ngữ của mình, tới mức họ sẵn sàng làm mọi thứ để gìn giữ nó.

Một trong những sự kiện nổi tiếng nhất về vấn đề này diễn ra vào ngày 21 tháng Hai năm 1952 ở Dhaka, trước đây là Đông Pakistan (hiện nay là nước Bangladesh). Một nhóm sinh viên tổ chức một cuộc diễu hành kêu gọi sử dụng tiếng Bangla làm ngôn ngữ chính thức của Pakistan bên cạnh tiếng Urdu. Cảnh sát đã nổ súng khiến một số người chết. Khoảnh khắc đó không bị lãng quên. Vào năm 2000, để tôn vinh tất cả các thứ tiếng mẹ đẻ trên thế giới - UNESCO, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc - đã quyết định chọn ngày 21 tháng Hai làm Ngày Quốc tế Tiếng mẹ đẻ.

Ngày kỷ niệm nhằm nhắc chúng ta nhớ về những sự kiện quan trọng. Đó là lý do vì sao ta có ngày sinh nhật và các lễ hội. Chúng ta không có nhiều ngày kỷ niệm về ngôn ngữ, vì thế nhớ về các sự diễn ra trong những ngày này là một điều hết sức có ý nghĩa. Chỉ có hai ngày quan trọng hằng năm: 21 tháng Hai, và 26 tháng Chín - Ngày Ngôn ngữ châu Âu. Chúng đều có chung mục đích: giúp mọi người hiểu rõ hơn về sự quan trọng trong

1. Một phương ngữ của tiếng Hà Lan.

tính đa dạng của ngôn ngữ và để nâng cao nhận thức về việc học ngôn ngữ cùng việc sử dụng song ngữ. Chúng ta sẽ tìm hiểu thêm về lý do vì sao đây là một vấn đề quan trọng trong một chương sau.

Khái niệm song ngữ là một vấn đề lớn ở những nơi như nước Mỹ, Vương quốc Anh, và Tây Âu. Lý do là tại những nơi này hầu hết mọi người đều chỉ nói một ngôn ngữ và không coi trọng những ngôn ngữ khác trong suốt nhiều thế kỷ. Tiếng Tây Ban Nha là ngôn ngữ của nước Tây Ban Nha; tiếng Pháp là ngôn ngữ của nước Pháp; tiếng Anh là ngôn ngữ của nước Anh. Bất kỳ ngôn ngữ nào khác được sử dụng ở những nước này đều bị gạt sang một bên và bị coi là không quan trọng. Thậm chí chúng còn bị cấm sử dụng như trường hợp ở Tây Ban Nha thời tướng Franco. Ở các nước khác cũng tương tự. Hơn một trăm năm trước, nếu bạn lỡ miệng nói tiếng Wales ở một trường học trên đất Wales, bạn sẽ bị phạt. Điều tương tự cũng xảy ra nếu bạn bị bắt quả tang nói tiếng Breton⁽¹⁾ trong trường học vùng Brittany ở Tây Bắc Pháp. Ngày nay những cộng đồng này đang phản ứng và đòi hỏi sự tôn trọng dành cho ngôn ngữ của họ. Khái niệm song ngữ đã trở thành một vấn đề chính trị.

Điều tương tự cũng đã xảy ra ở các vùng đất khác trên thế giới, nơi những quốc gia xây dựng các đế chế hùng mạnh. Khi một đất nước xâm chiếm nước khác, kết quả thường là nước bị xâm chiếm tiếp nhận ngôn ngữ của nước xâm chiếm và chấp nhận nó là ngôn ngữ chính thức - thứ ngôn ngữ được dùng ở quốc hội, tòa án, và trường học. Đó là lý do vì sao hầu hết các nước ở Nam và Trung Mỹ sử dụng tiếng Tây Ban Nha hoặc Bồ Đào Nha, và cũng là lý do vì sao tiếng Pháp và tiếng Anh được dùng ở rất nhiều nước châu Phi, cũng như tiếng Anh được sử dụng rộng khắp ở Bắc Mỹ, Nam Á, Úc, và New Zealand. Khái

1. Một trong các ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Celtic.

niệm song ngữ có thể cũng là một vấn đề chính trị, đặc biệt là khi các ngôn ngữ mới đe dọa sự tồn tại của những ngôn ngữ đã được sử dụng trước đó.

Nếu ta muốn thông thạo đa ngữ, ta có cả một thế giới ngôn ngữ để lựa chọn. Nhưng chính xác là bao nhiêu?

EUROPASS

Để được coi là thông thạo đa ngữ, chúng ta không cần phải nhuần nhuyễn tất cả các ngôn ngữ đó một cách hoàn hảo. Ta có thể có một vốn ngôn ngữ vừa đủ để trò chuyện cơ bản với người khác, hoặc có thể chỉ đọc mà không nói được ngôn ngữ đó cũng coi là đa ngữ rồi. Tôi biết một số người có khả năng nói chuyện về đủ các chủ đề hằng ngày bằng nhiều thứ tiếng, nhưng lại không thể thuyết trình nơi công cộng hoặc tranh luận về chính trị trên tivi.

Ngày nay ở châu Âu, khi xem xét vấn đề ngôn ngữ, người ta thấy nổi bật lên là vấn đề đánh giá các khả năng ngôn ngữ khác nhau của một cá nhân. Tổ chức có tên gọi Hội đồng châu Âu đã đưa ra ý tưởng về một cuốn "hộ chiếu ngôn ngữ" để bất kỳ ai cũng có thể điền vào. Bạn có thể thấy một vài ví dụ trên mạng. Hãy tìm từ khóa *Europass*.

Trên hồ sơ Europass ta nêu rõ rằng mình chỉ hiểu được một thứ tiếng nào đó hay là còn biết viết và nói được thứ tiếng ấy nữa. Ta nói về những kinh nghiệm sử dụng các thứ tiếng ấy, và mức độ ta nghĩ mình đạt được, từ "cơ bản" cho tới "thành thạo". Ví dụ, một người có thể dùng tiếng Tây Ban Nha ở mức cơ bản, tiếng Pháp ở mức trung bình, và tiếng Anh và Đức ở mức thông thạo.

Đó là một ý tưởng tuyệt vời bởi vì nó sẽ giúp việc so sánh kỹ năng ngôn ngữ của mọi người từ các quốc gia khác nhau dễ dàng hơn. Tôi hy vọng một ngày nào đó, cùng với cuốn hộ chiếu thông thường, chúng ta đều sẽ có một cuốn hộ chiếu ngôn ngữ.

CHƯƠNG 14



Các ngôn ngữ trên thế giới

Có tất cả bao nhiêu ngôn ngữ? Khoảng 6.000. Có khi còn hơn thế. Có khi không đến con số ấy. Rất khó để chắc chắn về điều này.

Một trong những lý do là vì ngôn ngữ đang biến mất nhanh chóng, ở một vài vùng đất trên thế giới - có khi nhanh tới mức cứ vài tuần lại có một ngôn ngữ qua đời. Chúng ta sẽ thấy ở một chương sau lý do của việc này. Nhưng rõ ràng, khi ngôn ngữ biến mất nhanh chóng như vậy, ta sẽ không dễ gì có được con số chính xác.

Và rồi vẫn còn có một số vùng trên thế giới nơi người ta phát hiện ra những ngôn ngữ *mới*. Câu chuyện có thể là như thế này. Một nhóm thám hiểm tới một thung lũng cô lập nằm sâu trong lòng rừng của Papua New Guinea và phát hiện một cộng đồng người sống ở đây. Khi họ cố gắng nói chuyện với những người này, họ nhận ra rằng thứ tiếng được sử dụng ở đây không

giống bất kỳ thứ tiếng nào trong khu vực địa lý đó. Tổng số ngôn ngữ trên thế giới tăng thêm một.

Hoặc câu chuyện còn có thể diễn ra như thế này nữa. Các nhà ngôn ngữ học có cơ hội khảo sát ngôn ngữ nói của một cộng đồng sinh sống tại một làng chài ở Indonesia. Họ cho rằng ngôn ngữ người ta sử dụng ở làng này sẽ giống như ngôn ngữ nói của những người sống ở những làng chài khác dọc bờ biển - có thể hơi khác một chút, nhưng không quá khác. Nói một cách khác, họ nghĩ rằng những người này chỉ đang sử dụng một trong những phương ngữ của cùng một ngôn ngữ mà thôi - giống như các phương ngữ của tiếng Anh ta thấy dọc bờ biển từ Yorkshire tới Lincolnshire. Nhưng khi các nhà ngôn ngữ học bắt đầu tìm hiểu, họ phát hiện ra rằng người ở làng nọ nói một thứ ngôn ngữ hoàn toàn khác - có thể khác như tiếng Anh so với tiếng Pháp hoặc tiếng Đức. Đây là một bất ngờ lớn, và kết quả là tổng số ngôn ngữ của thế giới lại tăng thêm một.

Vấn đề phải xác định xem một nhóm người nói một *phương ngữ* hay là một *ngôn ngữ* là vấn đề thường xuyên xảy ra. Điểm khác biệt quan trọng giữa hai khái niệm này là gì? Hãy suy nghĩ về vấn đề này trong tình huống dưới đây.

Có bốn người trong một phòng. Một người từ Liverpool, một người từ London, một người từ Paris, và một người từ Bordeaux. Mỗi người nói đúng thứ ngôn ngữ của vùng quê mình. Và rồi ai sẽ hiểu được ai?

Người từ Liverpool và người từ London không nói giống hết nhau nhưng có thể hiểu được nhau gần như hoàn toàn. Cả hai đều khẳng định rằng mình nói “tiếng Anh”. Người từ Paris và người từ Bordeaux không nói giống hết nhau, nhưng họ vẫn có thể hiểu được nhau gần như hoàn toàn. Họ sẽ đều khẳng định rằng mình nói “tiếng Pháp”.

Người từ Liverpool và người từ London nói các phương ngữ khác nhau của tiếng Anh. Người từ Paris và người từ Bordeaux

nói các phương ngữ khác nhau của tiếng Pháp. Những người nói các phương ngữ khác nhau của một thứ tiếng hầu như đều hiểu nhau nói gì.

Hai người Anh sẽ nói: “Tôi không hiểu hai người kia nói gì vì tôi không nói tiếng Pháp”. Và hai người Pháp sẽ nói: “Tôi không hiểu hai người kia nói gì vì tôi không nói tiếng Anh”. Nói cách khác, họ nhận ra rằng họ đang nói hai ngôn ngữ khác nhau. Những người nói các ngôn ngữ khác nhau không hiểu nhau nói gì.

Vậy đó là điểm khác nhau cơ bản giữa phương ngữ và ngôn ngữ. Một ngôn ngữ được tạo thành từ nhiều phương ngữ, và những người nói các phương ngữ này nhìn chung hiểu được nhau (cho dù đôi khi họ còn gặp khó khăn với giọng địa phương hoặc các từ địa phương). Không ai biết rõ có bao nhiêu phương ngữ trên thế giới - tôi đoán ít nhất phải là 20.000. Nhưng chúng vẫn thuộc về khoảng 6.000 ngôn ngữ trên thế giới. Ta có thể nói về một gia đình với các thành viên là các phương ngữ hình thành nên một ngôn ngữ nào đó. Và câu chuyện không dừng ở đó. Các ngôn ngữ khác nhau cũng thuộc về các nhóm và họ ngôn ngữ của mình.

Làm thế nào để ta biết được một nhóm người cùng ở trong một gia đình? Bằng chứng tốt nhất là ở dáng vẻ bề ngoài hoặc cách nói năng giống nhau. Họ đều phải có mũi to hay tóc đỏ như nhau, hoặc họ đều có giọng trầm. Ta có thể biết được những ngôn ngữ nào cùng thuộc một nhóm hay một họ theo cách này. Chúng trông giống nhau (về chữ viết) hoặc nghe giống nhau (về phát âm). Chúng có các âm, hay các từ, các cấu trúc ngữ pháp tương tự.

Đây là một ví dụ. Từ “bố” trong tiếng Tây Ban Nha là gì? Là “padre”, được phát âm gần như “pah-dray”. Từ “bố” trong tiếng Ý là gì? Cũng là “padre”, nhưng phát âm hơi khác một chút. Còn trong tiếng Bồ Đào Nha? “Pai”, phát âm hơi giống “pie”⁽¹⁾ trong

1. Nghĩa là một loại bánh.

tiếng Anh. Còn trong tiếng Pháp? “Père”, và phát âm hơi giống “pear”⁽¹⁾ trong tiếng Anh.

Ta có thể thấy các biến thể khi tìm hiểu về các phương ngữ tồn tại trên lãnh thổ một đất nước. Nếu ta đi xuôi về phía Nam nước Ý, ta sẽ nghe thấy một vài biến thể khác. Ở Veneto ta nghe thấy “pare” (phát âm “pa-ray”); ở Milan là “pader” (phát âm “pa-dare”); ở Naples là “pate” (phát âm “pa-tay”); và ở Sicily là “patri” (phát âm “pa-tree”).

Không khó để nhận ra mẫu chung ở đây. Tất cả các từ này đều bắt đầu với âm [p]. Hầu hết trong số chúng có âm [t] hoặc [d] ở giữa. Hầu hết trong số chúng đều có âm [r]. Và gần như tất cả trong số chúng đều có âm [a] ở nửa đầu và âm [e] ở nửa sau.

Khi ta thấy sự giống nhau kiểu này, ta có thể kết luận rất dễ dàng. Tất cả các từ này hẳn đều có chung nguồn gốc. Thời xa xưa, chắc hẳn đã có một từ - thử coi nó là “pater” đi - được một nhóm người sử dụng. Những người này sau đó di cư khắp châu Âu, và cách phát âm của họ dần thay đổi. Họ phát triển các cách phát âm mới - các giọng mới, như cách ta gọi từ Chương 12. Những người đến Tây Ban Nha thay đổi [t] thành [d] và thay đổi thứ tự của các âm, thế là [er] trở thành [re]. Những người đến Pháp bỏ hẳn [t] và nối [a] vào với [e] thành một âm dài, ngày nay được viết với chữ cái <è>.

Và đó chính xác là những điều đã xảy ra. Chúng ta có thể chắc chắn trong trường hợp ví dụ trên vì ta có các chứng cứ lịch sử. Có hẳn một từ gốc, “pater”. Từ này ở trong tiếng Latin, được người La Mã sử dụng. Và ta biết rằng người La Mã từng có một đế chế, họ đã di cư khắp vùng Tây Âu, mang ngôn ngữ Latin của mình tới mọi nơi. Cuối cùng, những người dân thường ở Pháp, Tây Ban Nha, và các nơi khác bắt đầu dùng từ đó, rồi thay đổi nó để có kết quả như ta đã thấy. Điều này cũng xảy ra với mọi từ

1. Nghĩa là “quả lê”.

Latin khác. Và ngữ pháp Latin cũng thay đổi. Kết quả là các ngôn ngữ hiện đại hiện được dùng ở những nơi này.

Quá trình kể trên phải diễn ra trong vài trăm năm. Các ngôn ngữ thay đổi rất chậm. Nhưng một khi chúng thay đổi, ta sẽ có một gia đình ngôn ngữ. Các nhà ngôn ngữ học đặt tên cho các họ ngôn ngữ - trong trường hợp này là nhóm ngôn ngữ Roman¹⁾. Và ta nói về ngôn ngữ cha mẹ (tiếng Latin) và các ngôn ngữ con (tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Ý, v.v.). Ta cũng nói rằng tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Ý là các ngôn ngữ chị em. Đây đúng là một gia đình. Và tổng cộng, khi ta thêm cả các ngôn ngữ vùng miền và các phương ngữ chính ở Pháp, Tây Ban Nha, và Ý, thì gia đình này có trên 30 thành viên.

Tất cả các ngôn ngữ trên thế giới - tất cả trong số 6.000 ngôn ngữ đó - có thể được nhóm vào các gia đình ngôn ngữ như vậy. Vấn đề là ở một số khu vực trên thế giới ta không có được các chứng cứ lịch sử. Nếu ta phát hiện một số ngôn ngữ ở trong lòng châu Phi có một số từ tương tự, ta có thể kết luận như trên - nhưng thường là phán đoán thôi, bởi ta không biết gì về lịch sử của các dân tộc ở đây, hay là quá trình phát triển ngôn ngữ của họ.

Ở châu Âu, chúng ta gặp rất nhiều may mắn, vì người ta đã tìm thấy những ghi chép từ hàng nghìn năm trước ở hầu hết các nước, nên ta có thể thấy được sự thay đổi của ngôn ngữ qua các thời kỳ. Ở những nơi này ta có thể nhận ra cách thay đổi âm tương tự ở trường hợp nhóm ngôn ngữ Roman - âm [t] trở thành âm [d], hay âm [a] trở thành âm [e], hoặc ngược lại.

Các thay đổi này luôn hợp lý khi ta xét đến cách con người phát âm các âm đó. Như đã thấy ở Chương 4, thay đổi [t] thành [d] không hề khó. Chỉ cần rung nếp gấp thanh đới là ta có thể làm được. Cũng như thay đổi [p] thành [f] vậy, vì hai âm này được

1. Họ ngôn ngữ hiện đại có nguồn gốc từ tiếng Latin, thứ ngôn ngữ chính thống của Đế chế La Mã phương Tây.

phát âm rất giống nhau. Ta dùng môi phát âm âm [p], và ta áp môi dưới lên hàm răng trên là thành [f]. Và rồi, thay vì mím môi khít chặt để có âm [p], ta thả lỏng môi một chút và để không khí đi qua, tạo thành âm [f]. Sự thay đổi từ [p] thành [f] thực ra đã diễn ra ở tiếng Anh, như ta sẽ thấy sau đây.

Trong khi người La Mã mang tiếng Latin đi quanh vùng phía Tây và Tây Nam châu Âu, các nhóm người khác cũng mang ngôn ngữ của họ đi quanh khu vực Bắc Âu, và sự thay đổi cũng diễn ra ở đó nữa. Đặc biệt, người German rất hào hứng với việc này. Họ có nguồn gốc từ vùng phía Nam Scandinavi, đặc biệt là trong khu vực Nam Thụy Điển và Đan Mạch hiện nay. Vào thời điểm khoảng 1000 năm trước Công nguyên họ bắt đầu di cư về phía Nam, vào khu vực trung tâm châu Âu và dọc bờ biển Bắc Âu. Hơn một nghìn năm sau, một số nhóm người German tới Anh.

Khi những người German di cư tới nhiều vùng ở châu Âu, ngôn ngữ của họ thay đổi - như đã xảy ra với ngôn ngữ Roman ở phía Nam. Ngày nay, ta gọi thứ ngôn ngữ cổ xưa nhất của người German vùng Scandinavi là *tiếng Norse cổ*⁽¹⁾. Ngôn ngữ của người German khi tới Đức được gọi là *tiếng Thượng German cổ*. Ngôn ngữ của người German tới vùng bờ biển Bắc Âu là *tiếng Frisia cổ*. Ngôn ngữ của người German tới Anh là *tiếng Anh cổ*.

Những người này chắc chắn không thể hiểu được tiếng Latin của người La Mã và người La Mã cũng không thể hiểu được các thứ tiếng German. Nhưng khi ta nghiên cứu những từ cổ nhất từng được ghi chép lại trong các văn bản của các ngôn ngữ này, ta tìm được những điểm tương đồng bất ngờ với những từ có trong tiếng Latin. Nếu ta xem các văn bản xưa viết bằng tiếng Anh cổ, vào khoảng năm 800 Công nguyên, ta sẽ thấy từ tương đương với “father”⁽²⁾. Từ này được viết là “feder” hoặc “fæder” (chữ <æ>

1. Tiếng Bắc Âu cổ.

2. Nghĩa là “bố”.

là cách viết chỉ âm [a]). Trong tiếng Thượng German cổ, nó là “fater”. Trong tiếng Frisia, nó là “fadar” hoặc “feder”. Từ ngữ ngày nay đã thay đổi, nhưng ta vẫn có thể nhìn thấy sự giống nhau: tiếng Anh hiện đại có “father”, tiếng Đức hiện đại có “Vater” (từ này có chữ cái đầu viết hoa trong tiếng Đức¹), tiếng Hà Lan hiện đại có “vader”.

Rõ ràng đây là một gia đình khác: nhóm ngôn ngữ German. Khi ta quan sát các khu vực khác của châu Âu, ta sẽ thấy một vài gia đình nữa. Tiếng Wales, Gaelic, Breton, và một vài ngôn ngữ khác hình thành nhóm ngôn ngữ Celt. Tiếng Nga, tiếng Ba Lan, tiếng Séc, và một số ngôn ngữ khác hình thành nhóm ngôn ngữ Slav. Và trên thực tế, còn có một số ngôn ngữ khác không có con cháu gì. Tiếng Hy Lạp đứng một mình, cũng như ngôn ngữ của Armenia và Albania.

Suốt một thời gian dài, các nhà ngôn ngữ học nghiên cứu ngôn ngữ bằng cách xem xét các nhóm nhỏ như thế này. Rồi vào năm 1785, Ngài William Jones, một vị thẩm phán làm việc tại Ấn Độ, đã đưa ra một gợi ý tuyệt vời. Ông thực sự là một người thông thạo đa ngữ, ông biết tới hơn 40 thứ tiếng và nói thành thạo một vài tiếng trong số này. Nhưng ông không chỉ sử dụng chúng; ông còn suy nghĩ về chúng nữa. Và ông phát hiện ra sự tương đồng của chúng. Cuối cùng ông đề xuất rằng thực sự thì rất nhiều ngôn ngữ trong số này có thể thuộc về cùng một họ - mặc dù chúng được sử dụng ở những vùng cách xa nhau nhiều ngàn dặm.

Ông xem xét các ngôn ngữ ở Ấn Độ, đặc biệt là tiếng Sanskrit. Ông tìm hiểu tiếng Hy Lạp và tiếng Latin. Ông nghiên cứu tiếng Ba Tư, các ngôn ngữ Celt, và các ngôn ngữ khác nữa. Và ông kết luận rằng những điểm tương đồng này lớn tới mức chúng không thể do vô tình mà có. Ông nói, hẳn là chúng đều phải có nguồn

1. Trong tiếng Đức, các danh từ thường được viết hoa chữ cái đầu. (BT)

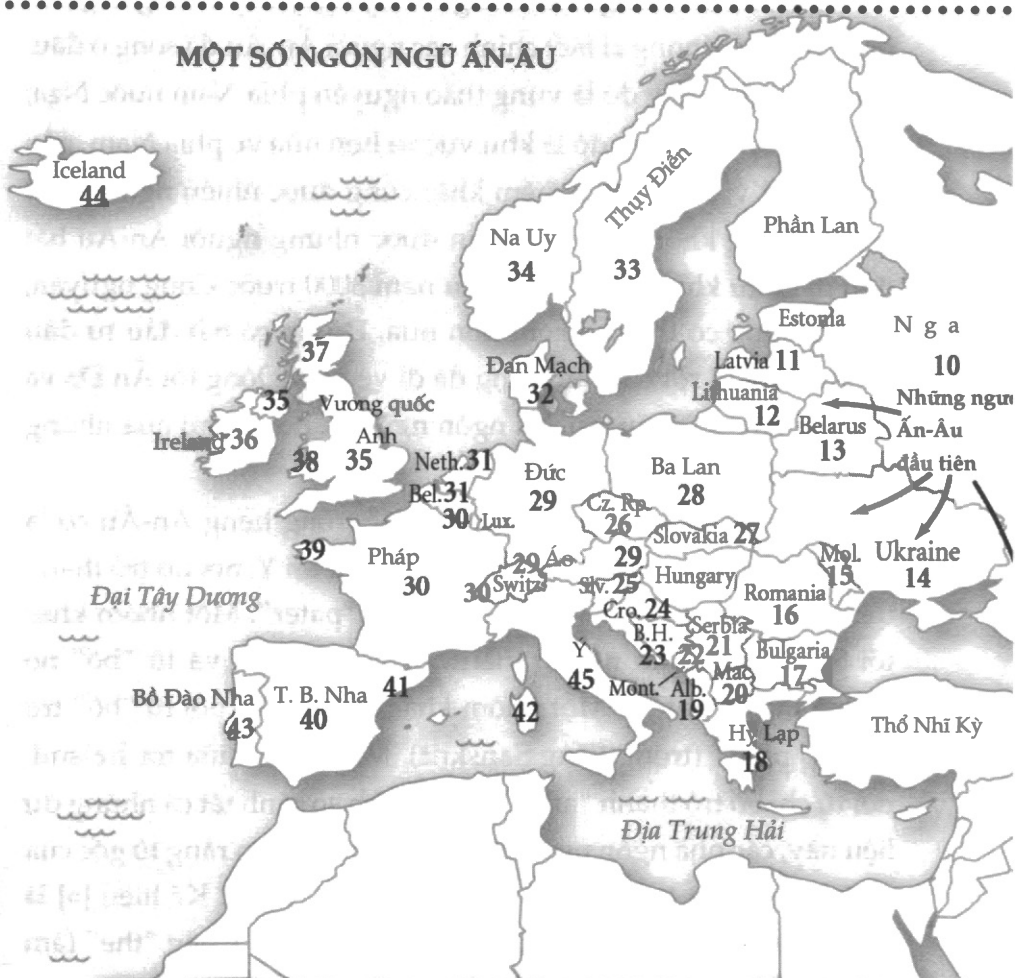
gốc từ một ngôn ngữ cha mẹ từ xa xưa có thể không còn tồn tại tới ngày nay đấy nhỉ?

Ông đã nói đúng. Thứ tiếng cổ này ngày nay chúng ta gọi là *tiếng Ấn-Âu*. Không ai biết chính xác người Ấn-Âu đã sống ở đâu. Có người cho rằng đó là vùng thảo nguyên phía Nam nước Nga; có người lại cho rằng đó là khu vực xa hơn nữa về phía Nam, gần Thổ Nhĩ Kỳ; một số địa điểm khác cũng được nhiều người nghĩ tới. Và cũng không ai chắc chắn được những người Ấn-Âu bắt đầu di cư từ khi nào. Có thể là từ năm 3000 trước Công nguyên, nhưng cũng có thể còn sớm hơn nữa. Dù họ có bắt đầu từ đâu và khi nào thì rốt cuộc họ cũng đã đi về phía Đông tới Ấn Độ và về phía Tây tới châu Âu. Và ngôn ngữ của họ đã trải qua những thay đổi lớn trong quá trình đó.

Cho dù từ tương đương với “bố” trong tiếng Ấn-Âu có là gì đi nữa, rõ ràng một nhóm người này đã tới Ý, nơi nó trở thành tiếng Latin, và từ “bố” họ đã trở thành “pater”. Một nhóm khác tới Scandinavi, nơi nó trở thành tiếng German, và từ “bố” họ đã trở thành “fater”. Một nhóm khác tới Ấn Độ, nơi từ “bố” trở thành “piter” (trong tiếng Sanskrit). Một nhóm nữa tới Ireland, nơi từ chỉ bố trở thành “athir”. Bằng cách so sánh tất cả những dữ liệu này, các nhà ngôn ngữ học đã đưa ra kết luận rằng từ gốc của những biến thể trên hẳn là một từ gần với *pater. Ký hiệu [ə] là một ký hiệu đặc biệt đại diện cho âm giống “e” trong “the” (âm [o]). Và dấu sao thể hiện rằng đây chỉ là phán đoán!

Ta phải phán đoán rất nhiều khi nghiên cứu các ngôn ngữ trên thế giới. Liệu tất cả các ngôn ngữ bản địa Úc đều có sinh ra từ một nguồn gốc không? Các ngôn ngữ Bắc Mỹ thì sao? Có tới 2.000 ngôn ngữ ở châu Phi. Chúng không thể đều sinh ra từ cùng một ngôn ngữ được - hay là có nhỉ? Đây là những câu hỏi vô cùng thú vị. Và tất nhiên chúng đưa ta tới với câu hỏi thú vị nhất: liệu tất cả các ngôn ngữ có cùng chung một nguồn gốc không?

MỘT SỐ NGÔN NGỮ ẤN-ÂU

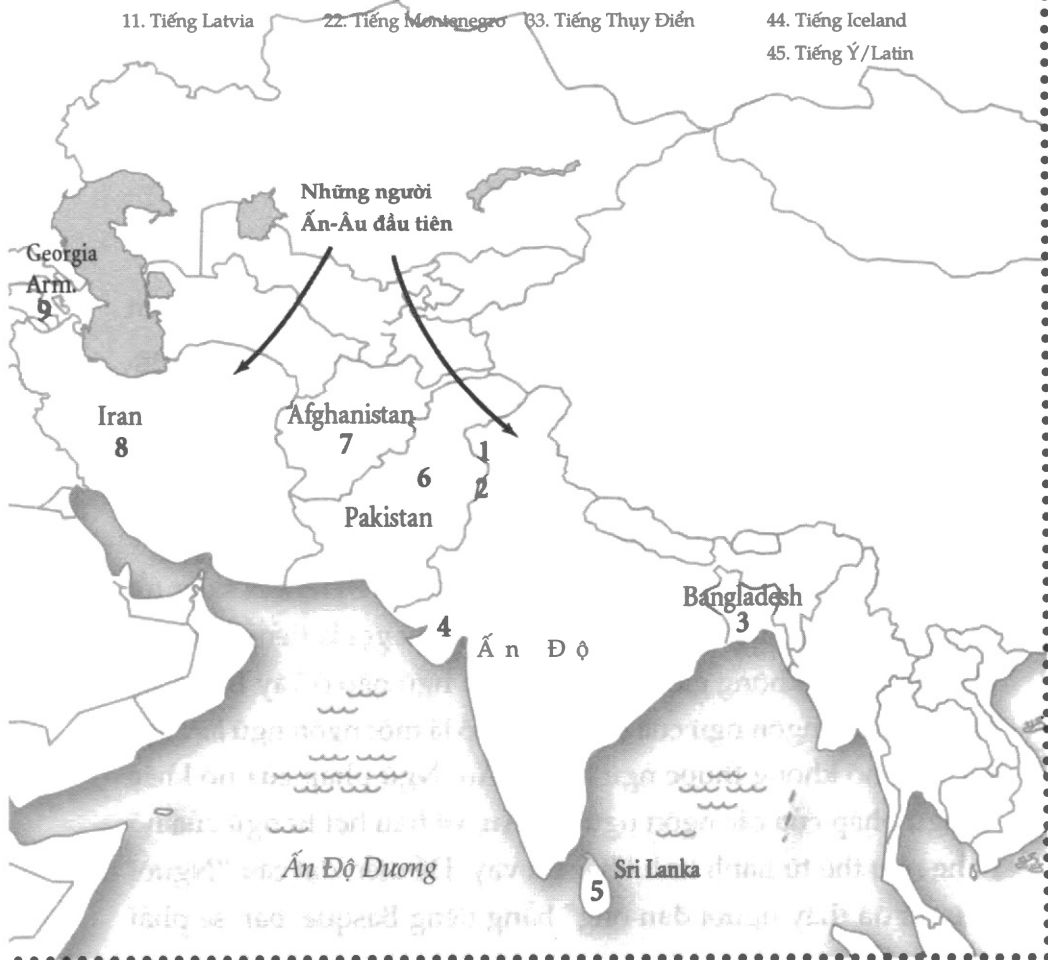


Tên viết tắt của các quốc gia

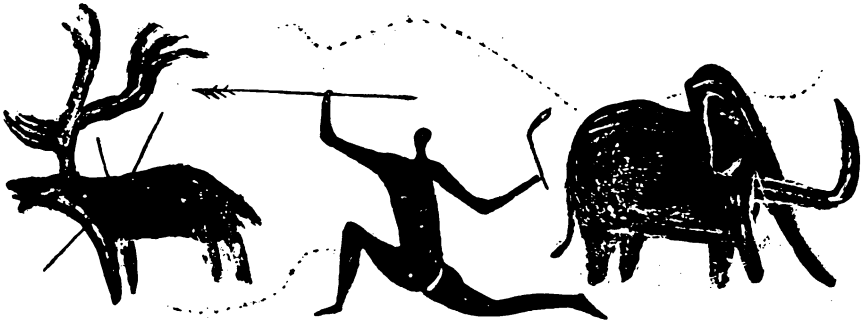
Alb.	Albania
Arm.	Armenia
Aus.	Áo
Bel.	Bỉ
B.H.	Bosnia-Herzegovia
Cro.	Croatia

Cz. Rp.	Cộng Hòa Séc
Lux.	Luxembourg
Mac.	Macedonia
Mont.	Montenegro
Neth.	Hà Lan
Slv.	Slovenia
Switz.	Thụy Sĩ

1. Tiếng Sanskrit
2. Tiếng Hindi/Urdu
3. Tiếng Bengali
4. Tiếng Gujarati
5. Tiếng Sinhala
6. Tiếng Panjabi
7. Tiếng Pashto
8. Tiếng Ba Tư
9. Tiếng Armenia
10. Tiếng Nga
11. Tiếng Latvia
12. Tiếng Lithuania
13. Tiếng Belarus
14. Tiếng Ukraine
15. Tiếng Moldova
16. Tiếng Romania
17. Tiếng Bulgaria
18. Tiếng Hy Lạp
19. Tiếng Albania
20. Tiếng Macedonia
21. Tiếng Serbia
22. Tiếng Montenegro
23. Tiếng Bosnia
24. Tiếng Croatia
25. Tiếng Slovenia
26. Tiếng Séc
27. Tiếng Slovak
28. Tiếng Ba Lan
29. Tiếng Đức
30. Tiếng Pháp
31. Tiếng Hà Lan/Flemish
32. Tiếng Đan Mạch
33. Tiếng Thụy Điển
34. Tiếng Na Uy
35. Tiếng Anh
36. Tiếng Gaelic vùng Ireland
37. Tiếng Gaelic vùng Scotland
38. Tiếng xứ Wales
39. Tiếng Breton
40. Tiếng Tây Ban Nha
41. Tiếng Catalan
42. Tiếng Sardegna
43. Tiếng Bồ Đào Nha
44. Tiếng Iceland
45. Tiếng Ý/Latin



CHƯƠNG 15



Nguồn gốc của lời nói

Khi tìm kiếm các họ ngôn ngữ, ta phát hiện ra ở một số vùng trên thế giới - như châu Âu chẳng hạn - các bằng chứng rất rõ ràng. Các dữ liệu thực tế về lịch sử và về ngôn ngữ bổ trợ cho nhau, và ta có thể khẳng định rằng một họ ngôn ngữ nào đó thực sự tồn tại. Nhưng điều này không có nghĩa là mọi ngôn ngữ ở châu Âu đều thuộc về ngữ hệ Ấn-Âu.

Ở phía Bắc Tây Ban Nha, và bên kia dãy Pyrénées sang tới vùng Tây Nam nước Pháp, có một ngôn ngữ gọi là tiếng Basque. Nó hoàn toàn không giống bất kỳ ngôn ngữ nào ở Tây Ban Nha hay kể cả các ngôn ngữ của châu Âu. Nó là một ngôn ngữ *biệt lập*. Rõ ràng nó không thuộc ngữ hệ Ấn-Âu. Ngữ pháp của nó khác xa ngữ pháp của các ngôn ngữ Ấn-Âu, và hầu hết từ ngữ của nó nghe như thể từ hành tinh khác tới vậy. Để diễn đạt câu “Người phụ nữ đã thấy người đàn ông” bằng tiếng Basque, bạn sẽ phải nói thế này:

Nghĩa đen là:

phụ nữ - người đàn ông - người thấy đã

Làm thế nào mà một ngôn ngữ như vậy tới được phía Bắc Tây Ban Nha?

Basque hẳn phải là thứ tiếng cuối cùng còn sót lại từ *trước* cả khi người Ấn-Âu tới khu vực này. Đã lâu quá rồi và ta không thể biết chắc ai đã sống ở khu vực châu Âu này trước đây, hay những thứ tiếng gì người ta đã sử dụng. Họ hẳn đã là nhóm người săn bắt-hái lượm, lang thang khắp châu Âu, kiếm tìm các loại cây và những con vật có thể ăn được. Nhưng họ chẳng để lại bằng chứng nào về ngôn ngữ của mình, bởi vì đây là thời kỳ trước cả khi loài người biết viết (ta sẽ biết về điều này trong một chương sau).

Nếu ta so sánh tiếng Basque với các ngôn ngữ khác ở châu Âu, như ta đã làm khi nhóm các ngôn ngữ Roman và German ở Chương 14, công việc của ta sẽ không thể tiến triển được mấy. Ta sẽ tìm thấy rất nhiều từ người Basque mượn từ các ngôn ngữ láng giềng trong những thế kỷ qua, như “*eliza*” nghĩa là “nhà thờ”, rõ ràng là từ “*ecclesia*” trong tiếng Latin. Nhưng những bằng chứng này không đủ để ta có thể nghĩ đến việc các ngôn ngữ này có chung nguồn gốc. Hầu hết các từ trong tiếng Basque không giống tiếng Latin hay các tiếng Roman chút nào. Hẳn nhiên chúng ta có thể kết luận rằng tiếng Basque là thứ tiếng biệt lập.

Khi ta xem xét các ngôn ngữ trên thế giới, ta sẽ thấy hàng trăm thứ tiếng biệt lập. Và có hàng trăm thứ tiếng khác nữa có mối quan hệ không rõ ràng. Tiếng Nhật Bản và tiếng Hàn Quốc có những nét tương đồng khiến nhiều người cho rằng chúng có mối liên hệ, nhưng sự khác biệt cũng quá lớn khiến cho vấn đề

trở nên gây tranh cãi. Quả thực, khi ta xem xét các ngữ hệ trên thế giới, những điểm khác biệt luôn nổi bật hơn nhiều so với những tương đồng. Ví dụ, dường như có rất ít điểm chung giữa các ngôn ngữ Ấn-Âu và các ngôn ngữ ở Trung Quốc hay các ngôn ngữ bản địa Úc. Liệu chúng có thể có chung một nguồn gốc hay không? Cũng có thể. Nhưng cũng có khả năng việc loài người bắt đầu học nói diễn ra ở những vùng khác nhau trên thế giới theo những cách khác nhau, và có thể thậm chí còn ở những thời điểm khác nhau nữa.

Lời nói xuất hiện từ khi nào? Trước khi các sinh vật nói được, có hai điều cần thiết. Chúng phải có một hệ thống các cơ quan phát âm có khả năng tạo ra tất cả các âm chúng dùng để tạo thành các từ khác nhau. Và chúng còn cần một bộ não để xử lý được các âm thanh này, và biến các âm thanh này thành các từ và các câu có ý nghĩa. Người họ hàng gần gũi nhất với chúng ta trong vương quốc loài vật, như các loài vượn chẳng hạn, không biết nói. Vậy trong suốt quá trình tiến hóa của vượn thành người, việc đó đã xảy ra vào lúc nào?

Những sinh vật có hình dáng giống con người sống ở châu Âu vào khoảng năm 100.000 tới 30.000 trước Công nguyên có thể đã có một dạng lời nói sơ khai nào đó. Người ta đã khai quật được rất nhiều bộ xương, và các nhà nghiên cứu đã sử dụng thạch cao đổ đầy hộp sọ rỗng của chúng, kết quả cho thấy kích cỡ bộ não của chúng tương đương kích cỡ của bộ não người hiện đại. Tất nhiên, không một bộ não nào của các sinh vật này còn tồn tại nên ta cũng không thể kết luận gì hơn. Dù vậy, đây cũng là một gợi ý quan trọng.

Vậy còn các cơ quan phát âm thì sao? Về vấn đề này ta cũng không có nhiều thông tin bởi một bộ xương khô chỉ có thể cho ta biết về xương mà thôi. Ta có thể thấy hình dạng hàm và cấu trúc xương quanh miệng và ở cổ; còn tất cả những mô mềm làm nên lưỡi và thanh quản đã biến mất từ lâu. Dù vậy, các nhà nghiên

cứu đã so sánh hình dạng xương sọ và xương cổ của các bộ xương này với xương sọ và xương cổ của con người hiện đại bao gồm cả trẻ em và người lớn, sau đó đưa ra kết luận rằng những sinh vật này có lẽ đã có khả năng tạo ra một số âm thanh giống lời nói. Các âm thanh này không nhiều và không tạo thành hệ thống như những gì ta thấy ở các ngôn ngữ hiện đại; nhưng những sinh vật này chắc chắn đã tạo ra nhiều âm thanh hơn vượn rồi. Vậy là, rất có thể vào khoảng năm 30.000 trước Công nguyên, họ đã biết nói, và có thể biết một vài từ đơn giản thể hiện cảm xúc cơ bản cũng như nhu cầu của con người, ví dụ tiếng kêu cảnh báo nguy hiểm chẳng hạn.

Họ có thể cũng đã hình thành một chút ngôn ngữ ký hiệu rồi. Họ không còn đi lại bằng đầu ngón chân ngón tay như vượn nữa. Đôi tay họ nay đã tự do làm đủ mọi thứ hay ho như chế tác dụng cụ hay vẽ tranh trên vách hang. Họ nhanh chóng biết cách dùng tay để ra ký hiệu như là “tới đây” hay “tránh xa ra”. Và nếu họ tạo ra âm thanh cùng lúc với các ký hiệu này, có thể sau một thời gian những âm thanh này sẽ thay thế các ký hiệu trong những trường hợp mà người ta không thấy được các ký hiệu đó (ví dụ như trong bóng tối hoặc các góc khuất).

Như ta sẽ thấy ở chương tiếp theo, vào năm 8000 trước Công nguyên khả năng ngôn ngữ của con người đã được chứng minh qua những dấu vết đầu tiên của chữ viết được tìm thấy ở những vùng khác nhau trên thế giới. Vậy là, khoảng những năm 100.000 trước Công nguyên, có thể sớm hơn một chút, và chắc chắn là trước xa năm 8000 trước Công nguyên, con người đã bắt đầu nói chuyện rồi. Đó thực ra là một khoảng thời gian khá ngắn nếu như ta nghĩ về hàng trăm nghìn năm để loài người tiến hóa từ những hình dạng sơ khai nhất của nó. Nói năng có vẻ như là một trong những bước cuối cùng trong chuỗi phát triển đó. Nhưng một khi nó diễn ra, mọi người hẳn đều nhanh chóng thấy được giá trị của nó.

Thử nghĩ về mọi điều mà bạn có thể làm được với việc nói năng, những việc mà bạn đã không thể làm được trước khi bạn biết nói. Bạn có thể nói cho người khác biết về các hiểm nguy mà họ không nhìn thấy được. Nếu có một con thú nguy hiểm đang nấp sau các tảng đá cách đây một dặm, bạn có thể cảnh báo cho người khác trước khi họ tới đó. Không có lời nói, nhiều nhất bạn chỉ có thể chỉ trỏ và hú lên, và điều này không được rõ ràng cho lắm nếu người ta không nhìn thấy bạn đang chỉ cái gì. Và nếu bạn mất cả đời để học về những thứ hữu ích, như là chế tạo dụng cụ, nếu biết nói bạn có thể biết cách truyền lại kiến thức ấy cho con cái nữa.

Và thử nghĩ xem, khi biết nói, sẽ dễ dàng biết bao trong việc chiến đấu với kẻ thù. Bạn có thể lên kế hoạch tác chiến từ trước. “Chúng ta sẽ chờ đến khi mặt trời xuống núi. Rồi hai cậu bò ra phía sau hàng cây, và chờ ở đó cho đến khi tôi gọi... Ta sẽ đi vòng ra sau tảng đá dưới chân đồi...” khi không thể nói, tất cả mọi người sẽ chỉ biết đi xuống chân đồi mà chờ đợi thôi.

Vậy không có gì khó để thấy rằng một khi con người bắt đầu thử nghiệm lời nói, nó sẽ nhanh chóng trở nên phổ biến. Chúng ta không biết liệu khả năng nói năng bắt đầu ở một cộng đồng nhỏ, rồi lan ra những cộng đồng khác, hay là các cộng đồng khác nhau biết nói chuyện cùng vào một khoảng thời gian ít nhiều tương đương - hay thậm chí là vào những thời điểm khác nhau. Điều ta biết rõ là, trong vòng vài nghìn năm, các ngữ hệ khác nhau đã ra đời. Bằng chứng là một số ngữ hệ đó đã bắt đầu được ghi chép lại.

CON THÚ BIẾT NÓI

Đôi khi con người được gọi là "con thú biết nói". Và bởi vì ngôn ngữ là một phương tiện rất quan trọng đối với con người, nó đóng vai trò lớn trong các thần thoại, truyền thuyết, và tín ngưỡng của con người trên khắp thế giới. Hầu hết các nền văn hóa đều có các câu chuyện về sự hình thành của ngôn ngữ.

Thông thường câu chuyện sẽ kể rằng có một hoặc nhiều vị thần dạy cho con người biết nói và biết viết. Trong một truyền thuyết của người Trung Quốc, một chú rùa nước có những ký hiệu đặc biệt trên lưng đã từ thiên đường xuống hạ giới, những ký hiệu này đã dạy cho con người biết viết. Những người Hy Lạp cổ đại tin rằng một trong những vị thần của họ, Thoth, là vị thần văn thư giúp đỡ cho những vị thần khác, viết nên luật lệ của các vị thần và dạy người Ai Cập biết viết. Trong Kinh thánh, một trong những việc đầu tiên mà Adam phải làm sau khi được tạo ra là đặt tên cho muôn thú.

Một số người tò mò về việc ngôn ngữ ra đời như thế nào đến nỗi họ đã thí nghiệm trên đối tượng trẻ em. Một câu chuyện nổi tiếng từ thế kỷ thứ 7 trước Công nguyên kể về một vị vua Ai Cập tên là Psamtik I. Ông muốn tìm hiểu tộc người nào trên thế giới là tộc người cổ xưa nhất, và ông nghĩ rằng mấu chốt cho câu trả lời chính là tìm ra được ngôn ngữ đầu tiên của thế giới.

Ông biết rằng trẻ em học lời nói từ những người xung quanh chúng. Thế là ông cho rằng nếu hai em bé mới sinh được nuôi dưỡng ở một nơi chúng không nghe thấy một lời nói nào, tới thời điểm chúng muốn nói chuyện với nhau, chúng sẽ tự động nói thứ tiếng gốc của thế giới có sẵn từ sâu trong não bộ.

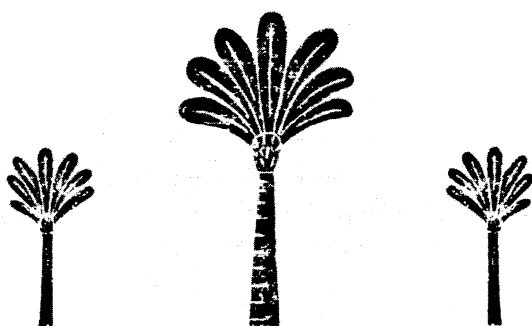
Thế là ông đem hai em bé mới sinh cho một người chăn cừu và dê chăm nom. Ông ta phải cho chúng uống sữa dê và trông coi chúng, nhưng trong bất kỳ tình huống nào cũng không được nói gì hoặc để chúng nghe thấy ông ta nói gì. Và chúng cũng không được nghe thấy ai nói gì cả. Khi chúng nảy ra những từ đầu tiên, ông ta phải báo cho Psamtik biết ngay lập tức xem những từ này là gì.

Một ngày nọ, khi hai đứa trẻ khoảng hai tuổi, người chăn cừu và dê bước vào căn phòng của chúng và thấy chúng chạy ủa tới đưa tay ra và kêu "becos, becos". Ông ta báo cho vua và

vua hỏi các nhà cổ vấn xem đó là tiếng gì. "Đó là từ 'bánh mì' trong tiếng Phrygia", họ nói. Điều này khiến Psamtik thất vọng vì vị vua này đang kỳ vọng lũ trẻ sẽ bật ra một từ tiếng Ai Cập. Nhưng ông phải chấp nhận kết quả của thí nghiệm này thôi.

Tất nhiên - nếu thật sự câu chuyện này đã xảy ra - toàn bộ câu chuyện này thật điên rồ. Nếu trẻ em không nghe thấy một ngôn ngữ gì quanh chúng, chúng sẽ không thể biết nói được. Và tiếng Phrygia rõ ràng cũng chẳng cổ xưa gì hơn bất kỳ ngôn ngữ nào được sử dụng vào thời kỳ đó. (Ngày nay đây đã là một ngôn ngữ chết nhưng vào thời của Psamtik người ta nói tiếng Phrygia ở vùng đất ngày nay là Thổ Nhĩ Kỳ.)

Vậy tại sao lũ trẻ lại nói "becos"? Có thể thú mà người chăn cừu nghe được là cách lũ trẻ xâu chuỗi lại các âm thanh mà chúng vẫn hay bập bẹ với nhau. Rất có thể chúng đã kết nối các âm thanh đó lại và gán cho chúng ý nghĩa về "đồ ăn". Hoặc có thể chỉ đơn giản là chúng đang bắt chước âm thanh của lũ cừu hoặc lũ dê mà thôi!

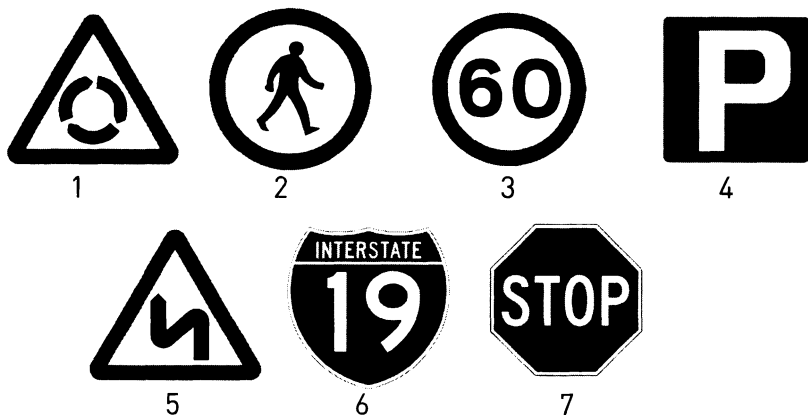


CHƯƠNG 16



Nguồn gốc của chữ viết

Đây là một số biển báo giao thông.



Bạn sẽ thấy các biển số 1-5 trên các con đường ở châu Âu; biển số 6-7 ở Mỹ. Biển số 1 nghĩa là đằng trước có một vòng xuyến. Biển số 2 có nghĩa đây là chỗ người đi bộ sang đường. Biển số 3 có nghĩa tốc độ tối đa cho phép là 60 dặm/h. Biển số 4 có nghĩa

đây là nơi để đỗ xe. Biển số 5 có nghĩa là sắp tới hai khúc quanh. Biển số 6 cho ta biết tên con đường lớn mà ta đang đi. Và ý nghĩa của biển số 7, “dừng lại”, đã quá rõ. Ta phải học các ký hiệu này khi ta học lái xe.

Tất cả 7 biển hiệu trên cho chúng ta thông tin theo cùng một cách thức. Nhưng biển hiệu nào được coi là bằng “chữ viết”?

Số 6 và số 7 có chứa các từ, vậy đương nhiên chúng bằng chữ viết. Và hầu hết mọi người đều nói rằng 3 và 4 cũng bằng chữ viết, vì ta phải đọc các con số “6” và “0” và chữ cái “P”. Những biển báo khác trông giống bức vẽ hơn. Nhưng ta trả lời được như vậy chỉ là bởi ta biết không có chữ cái nào trong tiếng Anh trông giống với các biển báo 1, 2 và 5.

Hãy thử tưởng tượng mình là một người đến từ một thiên hà khác. Làm thế nào người ngoài hành tinh này biết được biển báo số 4 là một chữ cái và biển báo số 5 không phải là chữ cái? Biển số 5 rất có thể cũng là một chữ cái: thực ra nó trông giống như chữ “N” ngược hoặc chữ “S” xoay nghiêng. Và biển số 1 thì giống hệt chữ “O”, nhưng nó có tới ba ngắt đoạn trong đó.

Chẳng có ích gì nếu ta định nói với người ngoài hành tinh nọ rằng số 1, 2 và 5 là các hình vẽ mô phỏng thế giới thực. Chắc chắn hẳn ta sẽ đi tìm xem một cái vòng xuyên thật và nói (nếu hẳn ta nói được) rằng: “Tôi chẳng thấy ngắt đoạn nào như ở trong biển báo cả. Mà khúc quanh phía trước cũng chẳng hề giống như thế. Và chẳng ai trong số các người giống hình người trong biển báo kia. Thứ nhất là một nửa số các người mặc váy, mà người trong hình không mặc. Có phải như thế nghĩa là các người không phải cẩn thận khi người mặc váy đi qua đường không?”

Tất nhiên, ta biết điều gì đã xảy ra. Người thiết kế các biển báo đã cố ý làm mọi thứ đơn giản hơn. Miễn là các biển báo nhắc ta nhớ về một cái vòng xuyên thật, và một con người thực (dù là đàn ông hay phụ nữ), và những khúc quanh thực, thế là đủ. Chúng không cần phải chính xác hoàn toàn.

Bây giờ thì hãy thử hình dung ta là một trong những nhà khảo cổ đang đào bới ở sa mạc Trung Đông tìm tàn tích cổ đại. Cái xẻng của ta va vào một vật cứng. Đó là một miếng đá, trên đó có một vòng tròn với dấu chấm bên trong. Đây có phải là chữ viết không? Đó có phải là một chữ cái của một bảng chữ cái chưa ai từng biết tới hay không? Hay đó là bức hình vẽ mặt trời, hoặc một bánh xe, hay cái gì khác? Ta thường không thể biết chắc được.

Rất khó để xác định được khi nào con người bắt đầu viết, bởi vấn đề là xác định xem những ký hiệu họ tạo ra là hình vẽ hay là thuộc về một hệ thống chữ viết. Một bức vẽ con trâu trên vách hang chắc chắn là một tác phẩm hội họa chứ không phải chữ viết. Các ký hiệu chỉ giống với chữ viết khi chúng được dùng để thay thế các bức vẽ, có kích thước và hình dạng nhất định, và xuất hiện trên một bề mặt theo hàng lối và hướng nhất định. Cái ngày tôi giết 3 con trâu và vẽ hình 3 con thú này lên vách hang của mình, tôi là một họa sĩ. Nhưng cái ngày tôi giết 3 con trâu và phát minh ra ký hiệu cho chúng (ví dụ như ^ = ^) và đánh dấu đó lên vách hang của mình “^ = ^ 1 1 1”, thì tôi chính là một người viết.

Chúng ta tìm được các dấu vết cho thấy các hệ thống kiểu này bắt đầu xuất hiện vào khoảng năm 30.000 trước Công nguyên. Người ta bắt đầu khắc lên que hoặc xương để thể hiện số lượng. Chúng được gọi là “que tính” và “xương tính”. Chúng ta không biết được họ đang đếm cái gì. Một cái que với 5 dấu khắc có thể có nghĩa là 5 con thú hoặc 5 đơn vị hạt cốc, hoặc 5 đơn vị thứ gì đó bất kỳ.

Bước tiếp theo là nhận biết chủng loại bằng cách sử dụng đất sét. Việc này xảy ra vào khoảng năm 9000 trước Công nguyên. Những cục đất sét nhỏ được nặn thành viên tròn, hoặc hình nón, hoặc hình chữ nhật, vân vân. Chúng được gọi là *vật biểu trưng bằng đất sét*, vì chúng được dùng để đại diện cho các thứ khác.

Một viên tròn có thể là một con cừu; vậy năm viên tròn có thể là năm con cừu. Một hình nón có thể là một con bò; vậy ba hình nón có thể là ba con bò. Và cả ở đây, chúng ta không biết chính xác chúng đang được dùng để tính cái gì. Tuy nhiên, ta có thể đoán, vì đây là quãng thời gian người ta bắt đầu xây dựng nông trại, nên việc nắm được số động vật mà mình có hoặc lượng hạt cốc bán ra là rất quan trọng.

Khoảng năm 4000 trước Công nguyên loài người còn có một tiến bộ khác. Người ta bắt đầu khắc dấu lên những vật biểu trưng bằng đất sét này để thể hiện các loại khác nhau. Một loại dấu (chẳng hạn như là X) có thể là một con lợn đực; một dấu khác (chẳng hạn như là O) có thể là một con lợn cái. Vì thế nếu tôi sai người hầu mang năm con lợn sang cho ông anh họ ở làng bên, cùng với ba vật biểu trưng có dấu X và hai vật biểu trưng có dấu O, tất cả mọi người bên đó sẽ biết tôi gửi lợn gì.

Nhưng có một vấn đề. Nếu người hầu của tôi không trung thực thì sao? Chẳng hạn như tôi đưa cho hắn năm vật biểu trưng chỉ số lợn này, nhưng khi hắn tới nông trại của anh họ tôi hắn chỉ đưa có bốn thì sao? Trước đó hắn đã dùng giữa đường giấu biến đi một con riêng cho mình và vứt một vật biểu trưng đi rồi. Ông anh họ của tôi cũng sẽ chẳng biết gì. Bốn con lợn - bốn hòn đất sét. Không có gì sai cả. Thời ấy thì làm gì có điện thoại để mà kiểm tra.



Ta có thể tưởng tượng rằng không mất nhiều thời gian để người ta phát hiện được những việc như thế đang diễn ra. Và họ nảy ra một giải pháp rất thông minh. Họ đục lỗ các vật biểu trưng, xuyên chúng lại như là vòng cổ. Rồi họ nối hai đầu dây lại với nhau bằng một mẩu đất sét khác và khắc dấu hiệu riêng (*dấu niêm phong*) của mình lên đó. Tôi có thể chọn +++ làm dấu niêm phong cho mình chẳng hạn. Giờ thì tay hầu không thể bớt thứ gì được nữa rồi. Nếu hắn làm vỡ niêm phong người ta sẽ phát hiện ra ngay.

Một cách làm thông minh khác là cho tất cả các vật biểu trưng vào một quả bóng đất sét, bịt miệng quả bóng đó lại bằng một mẩu đất sét rồi đánh dấu niêm phong của mình lên đó. Đây là một phương pháp cực kỳ an toàn. Chẳng một tay hầu nào có thể chạm vào các hòn đất sét mà không làm vỡ quả bóng này - và nếu có thì hẳn sẽ bị phát hiện ra ngay.

Nhưng chẳng bao lâu sau người ta cũng phát hiện ra một vấn đề với cách làm này. Nếu giữa đường có người hỏi tay hầu của tôi rằng “Anh đang mang cái gì thế?” thì sao? Tay hầu chẳng thể biết được. Và cũng chẳng có cách nào nhìn được vào bên trong. Thế là người ta nảy ra ý tưởng thể hiện nội dung của các vật biểu trưng này ra phía ngoài. Đất sét khá mềm nên người ta chỉ việc ấn từng vật biểu trưng lên bề mặt quả bóng để người khác có thể nhìn thấy hình dạng của chúng. Lúc này ai muốn biết trong quả bóng có cái gì chỉ cần nhìn vào những ký hiệu bên ngoài - giống như ngày nay là nhãn trên một chiếc bình cho ta biết bên trong có gì vậy.

“Nhưng mục đích là gì?” có lẽ bạn sẽ hỏi lại. Nếu bây giờ có dấu hiệu bên ngoài quả bóng giải thích các vật biểu trưng thể hiện điều gì, vậy thì còn cần chính những vật biểu trưng bên trong làm gì nữa? Tại sao không dùng chỉ mỗi các ký hiệu này thôi? Vứt quách mấy vật biểu trưng luôn cho rồi và dùng đọc các ký hiệu đó để thể hiện nào cừ, nào lộn, và tất tần tật các thứ khác ngay trên một bảng đất sét? Như thế có phải đơn giản hơn biết bao nhiêu không.

Và đó chính xác là những gì họ đã làm. Vào khoảng năm 3400 trước Công nguyên, một hệ thống chữ viết đã bắt đầu hình thành, người ta viết và vạch các ký hiệu lên bảng đất sét. Một nghìn năm sau, những ký hiệu này trở thành các nhóm ký hiệu hình nêm được vạch bằng đầu sậy. Hệ thống này được gọi là chữ hình nêm (cuneiform - cái tên bắt nguồn từ *cuneus* trong tiếng Latin nghĩa là “nêm”).

Ghi chép bằng chữ viết hình nêm cổ nhất được phát hiện trong tàn tích của thành phố cổ Uruk trên bờ sông Euphrates thuộc lãnh thổ Iraq ngày nay. Hệ thống này có khoảng 800 ký hiệu, thể hiện con số, loại nông sản (như “cừu” và “cá”), và các bộ phận cơ thể (như “đầu” và “miệng”), cũng như các vật dụng hằng ngày (như là “nồi” và “cày”). Rất nhiều ký hiệu trong số này ở dạng tượng hình - chẳng hạn như ký hiệu chỉ cái đầu thể hiện hình dạng cái đầu . Nhưng qua nhiều thế kỷ, người viết chọn ra những nét chính - giống y như biển báo giao thông hiện đại. Họ cũng xoay ngang hình đó ra để viết cho dễ. Kết quả là thế này: . Nếu bạn nghiêng đầu nhìn nó thì sẽ thấy có nét hơi giống cái đầu.

Cuối cùng chữ hình nêm được sử dụng cho rất nhiều mục đích, ví dụ như ghi danh mục các đồ đạc của ai đó, gửi tin qua lại giữa các nhà nước, và ghi chép các sự kiện. Không có gì khó khăn để nhận thấy giá trị của hệ thống chữ viết kiểu này, và không lâu sau đó các ngôn ngữ khác trong vùng cũng bắt đầu sử dụng nó. Thực tế chữ hình nêm tồn tại tới hơn 2000 năm, và chỉ lui tàn khi những cách viết thuận tiện hơn ra đời, như ta sẽ thấy trong chương sau.

Theo những gì ta biết ngày nay, chữ hình nêm chính là hệ thống chữ viết thực thụ đầu tiên trên thế giới. Người Ai Cập cũng có một hệ thống chữ viết, khá khác biệt so với chữ hình nêm, nhưng ra đời sau. Và các dạng chữ viết ở những vùng khác, như Trung Quốc hay tại cộng đồng người Maya ở Trung Mỹ, cũng ra đời mãi sau này. Hệ thống chữ viết Trung Quốc cổ xưa được tìm thấy ra đời khoảng năm 1200 trước Công nguyên, và chữ viết của người Maya được tìm thấy ra đời khoảng 500 năm trước Công nguyên. Các hệ thống này không hề liên quan đến nhau. Con người phát minh ra chữ viết thêm nhiều lần khác nữa ở những vùng đất khác nhau trên thế giới.

CHỮ TRUNG QUỐC

Hãy đọc câu này thành tiếng: $\$3 + \$6 = \$9$. Nó bao gồm một dãy các ký hiệu đọc lập: \$, +, =, 3, 6, 9, mà chúng ta phải học cách đọc thành từ. Tất nhiên ta có thể viết ra thành chữ như thế này:

ba đô la cộng sáu đô la bằng chín đô la

nhưng như thế thì mất thời gian quá.

Các ký hiệu kiểu này được gọi là văn tự ngữ tố (logograph - "logo" có nguồn gốc từ một từ Hy Lạp nghĩa là "từ"). Văn tự ngữ tố có nghĩa là "ký hiệu từ".

Tiếng Anh không có nhiều văn tự ngữ tố. Một số văn tự ngữ tố khác ngoài những dấu ở trên là:

& % @ £

Ta đọc các dấu trên là "và", "phần trăm", "tại", và "bảng Anh". Và trong toán học ta còn có thêm các dấu khác như các dấu "trừ", "nhân", "chia", và "căn bậc hai của". Khá nhiều dấu đặc biệt trong hóa học và vật lý cũng là văn tự ngữ tố.

Một số ngôn ngữ chỉ chứa toàn văn tự ngữ tố. Tiếng Trung Quốc là một thứ tiếng nhiều người biết nhất thuộc nhóm này. Ta có thể viết tiếng Trung bằng cách sử dụng bảng chữ cái giống như bảng chữ cái ta dùng cho tiếng Anh, nhưng cách viết truyền thống của ngôn ngữ này là dùng văn tự ngữ tố - mặc dù chúng thường được gọi là Hán tự khi ta nhắc đến tiếng Trung. Dưới đây là hai từ trong tiếng Trung:

nhà

người

Trong các ký hiệu này ta có thể dễ dàng thấy nguồn gốc hình vẽ của các Hán tự. Chữ "nhà" trông giống ngôi nhà, và chữ "người" rõ ràng có hai chân. Nhưng bạn có thể sẽ khó mà hiểu được hai chữ này:

貓

狗

Chữ đầu là "mèo" và chữ sau là "chó". Hầu hết các Hán tự không còn sát với hình ảnh thực của mọi vật trên thực tế. Và tất nhiên có hàng nghìn khái niệm không hề có hình dạng, ví dụ như "yêu" và "thấy". Ở đây bạn không thể trông cậy được gì vào hình dạng của văn tự.

愛

yêu

看

thấy

Hệ thống chữ viết này rất khác hệ thống chữ cái mà ta dùng trong tiếng Anh. Đó là lý do chính mà người nói tiếng Anh cho rằng tiếng Trung là một ngôn ngữ khó học - nhưng nếu ta thật sự cố gắng thì mọi nỗ lực đều sẽ rất xứng đáng.

CHƯƠNG 17



Chữ viết hiện đại

Tôi sẽ viết tên mình bằng các ngôn ngữ trên thế giới như thế nào đây? Có một cách là dùng kỹ thuật đã giới thiệu ở Chương 16, tức là sáng tạo ra một ký hiệu có ý nghĩa “David Crystal”. Có thể là ôô. Nhưng nếu tất cả mọi người đều làm thế thì chẳng mấy chốc khó ai có thể nhớ được những ký hiệu kiểu như này nghĩa là gì. Ta sẽ nhớ được các ký hiệu của người thân và bè bạn, nhưng thử hình dung đến việc phải tìm thông tin của ai đó trong danh bạ xem, khi mà ai ai cũng có ký hiệu cá nhân cho mình!

Trong lịch sử hình thành chữ viết, người ta cũng không mất nhiều thời gian để nhận ra rằng cách viết-vẽ, mặc dù khá đơn giản, lại có những hạn chế của nó. Cách làm này nhanh chóng trở nên phiền phức. Thế là họ tìm những cách khác dễ dàng hơn.

Một trong số các cách này là bổ sung thêm một số ký hiệu đại diện cho các âm trong một ngôn ngữ, và những ký hiệu này được dùng song song với các hình vẽ để thể hiện các từ mới. Họ đã làm như thế này.

Có lẽ bạn đã từng thấy các câu đố trong sách như thế này. Đầu tiên ta thấy một hình vẽ và phải đọc thành tiếng hình vẽ đó:



“Ong”. Sau đó ta thêm các chữ cái vào và phải nói các từ này thành tiếng.



Nó thành “cong”.



Nó thành “rong”. Vân vân. Khi ta đã biết âm tương đương với bức hình, ta có thể dùng nó để sáng tạo nên đủ các từ mới - “cong”, “rong”, “xong”, “trong”, vân vân. Nếu bạn đã thấy hình ảnh chữ viết trên tường các kim tự tháp Ai Cập, bạn sẽ biết họ cũng đã làm điều tương tự - ngoại trừ việc họ dùng các ký hiệu riêng của họ để viết. Họ không có bất kỳ một chữ cái nào như chúng ta đang có đây.

Một khi người ta đã có ý tưởng dùng ký hiệu thay thế cho âm, chẳng bao lâu sau họ đã nghĩ đến việc viết ra tất cả các âm của ngôn ngữ đó. Do ngôn ngữ có một số lượng âm khá nhỏ, họ nhận ra rằng việc này là cách rất tốt để loại trừ vấn đề phải nhớ hàng nghìn hàng nghìn ký hiệu khác nhau. Nhưng có hai cách viết các âm.

Quay trở lại với họ của tôi, “Crystal”, và coi nó là một dãy âm chứ không phải chữ cái. Nó có hai “nhịp”, hay là “phách” âm, hình dung như thế này:

Các nhịp này tạo thành tiết điệu của từ. Chúng được gọi là *âm tiết*. Một từ như “telephone” (điện thoại bàn) có ba âm tiết:

te - le - phone

Một từ như “supercalifragilisticexpialidocious”⁽¹⁾ có tới 14 âm tiết:

su per ca li fra gi li stic ex pi a li do cious

Một số ngôn ngữ đã phát triển hệ thống chữ viết sao cho các ký hiệu đại diện cho các âm tiết khác nhau. Để rồi sẽ có một ký hiệu cho “su”, một cho “per”, một cho “ca”, vân vân. Một hệ thống ghi lại âm tiết theo cách này gọi là *chữ tượng thanh*. Ví dụ như để viết tiếng Nhật người ta dùng một vài cách khác nhau, và hai trong số này mang hình thức chữ tượng thanh. Tôi sẽ giải thích một trong hai cách này hoạt động như thế nào. Cách này có tên *katakana*.

Điều đầu tiên ta cần biết là phát âm tiếng Nhật không giống tiếng Anh. Các âm tiết không có dạng Phụ âm + Nguyên âm + Phụ âm như ta thấy trong tiếng Anh (xem cuối Chương 5). Các âm tiết tiếng Nhật thường chỉ có hai phần: Phụ âm + Nguyên âm. Chúng có các âm tiết như “wa”, “su”, “ke”.

Tiếng Nhật cũng không kết hợp các phụ âm lại với nhau - khác tiếng Anh với những từ như “street”⁽²⁾, ta có thể nghe thấy ba phụ âm ở phần đầu từ này. Do đó, rất nhiều người Nhật gặp khó khăn khi phát âm họ của tôi, trong đó có một âm [kr] ở đầu

1. Một từ ra đời vào khoảng những năm 1940, nổi tiếng nhờ bộ phim *Mary Poppins* và có nghĩa là “cực kỳ tuyệt vời”.

2. Nghĩa là “phố”.

và một âm [st] ở giữa. Họ của tôi còn có một âm [l] ở cuối. Thế là họ phát âm thế này:

C r	y	s	ta	l
ku	ri	su	ta	ru

Và nếu họ muốn viết họ của tôi bằng chữ cái katakana, họ sẽ phải dùng một ký hiệu cho từng âm tiết, trông như thế này:

ku	ri	su	ta	ru
ク	リ	ス	タ	ル

Không nhiều ngôn ngữ sử dụng chữ tượng thanh. Mặc dù đây là một cách viết rất thông minh, số lượng âm tiết trong một ngôn ngữ là rất lớn nên ta sẽ phải học một lượng lớn các ký hiệu. Katakana có 48 ký hiệu. Một số hệ thống chữ tượng thanh khác có tới vài trăm ký hiệu. Chắc chắn phải có một cách nào đơn giản hơn chứ.

Và có đấy. Nó được gọi là *bảng chữ cái*. Thử hình dung họ của tôi là một chuỗi các âm độc lập chứ không phải âm tiết. Nó có bảy âm, và mỗi âm được đại diện chỉ bằng một chữ cái.

C r y s t a l

Phương pháp viết mà một chữ cái đại diện cho một âm được gọi là *hệ thống mẫu tự*. Còn bộ chữ cái mà ngôn ngữ đó sử dụng được gọi là *bảng chữ cái*.

Các hệ thống mẫu tự xuất hiện từ khoảng năm 1800 trước Công nguyên, tại nhiều vùng khác nhau ở Trung Đông - hệ thống cổ nhất mà chúng ta biết đã được tìm thấy ở Ai Cập vào những năm 1990. Bảng chữ cái có nhiều ảnh hưởng nhất, từ khoảng 1000 năm trước Công nguyên, gọi là bảng chữ cái Bắc Semit, được sử

dùng ở nhiều vùng thuộc Palestine và Syria. Bảng chữ cái này có 22 chữ cái và tất cả đều là phụ âm. Bảng chữ cái Hebrew và Ả Rập hiện đại có nguồn gốc từ bảng chữ cái này. Sau đó, người Hy Lạp lấy bảng chữ cái này và đưa thêm các ký hiệu vào làm nguyên âm. Về sau, người La Mã lấy bảng chữ cái tiếng Hy Lạp và thay đổi thêm. Và bảng chữ cái La Mã chính là bảng chữ cái ta dùng để viết tiếng Anh và rất nhiều thứ tiếng khác ngày nay. Đây là hệ thống chữ viết được sử dụng rộng rãi nhất trên thế giới.

Tại sao bảng chữ cái lại phổ biến đến thế? Vì đó là một hệ thống chỉ sử dụng một số lượng nhỏ các mẫu tự - tiếng Anh chỉ có 26 mẫu tự. Ngôn ngữ của người Rotoka ở Papua New Guinea chỉ có 12 mẫu tự. Một số ngôn ngữ có tới khoảng 50 mẫu tự, nhưng hầu hết các ngôn ngữ khác đều có số lượng mẫu tự nhỏ hơn nhiều.

Đây là một ý tưởng tuyệt vời. Khi đã học được bảng chữ cái chúng ta có thể viết bất kỳ từ nào mình thích. Thậm chí ta có thể bịa ra các từ vô nghĩa mà mọi người vẫn có thể đọc được. Doolaboola! Ta có thể viết tên những người ta chưa nghe tới bao giờ. Nếu ta nhận thư điện tử từ một người tên Alipo Matak, ta cũng vẫn có thể đọc tên anh ta một cách tương đối.

Đáng tiếc thay, như ta đã thấy ở Chương 9, đối với một số ngôn ngữ, ý tưởng về bảng chữ cái không được thực tế cho lắm. Bảng chữ cái hiệu quả khi mỗi chữ cái đại diện cho chỉ một âm mà thôi. Đó là cách viết theo *phương pháp ngữ âm*, và một số ngôn ngữ như tiếng Tây Ban Nha hoặc tiếng xứ Wales được viết theo ngữ âm rất điển hình - số lượng ngoại lệ rất ít. Ngay cả tiếng Anh cũng được viết theo ngữ âm khi các thầy tu đến Anh ghi lại thứ tiếng này vào thời Anglo-Saxon.

Đây là một cách khởi đầu rất hiển nhiên. Nếu bạn có nhiệm vụ phải ghi lại một thứ tiếng nào đó lần đầu tiên - và như ta sẽ thấy ở một chương sau, rất nhiều ngôn ngữ trên thế giới chưa từng được ghi lại bằng chữ viết - thì bạn sẽ lắng nghe thật cẩn thận từng âm một và chọn từng chữ cái khác nhau cho từng âm.

Vấn đề sẽ nảy sinh khi bạn phải ghi một thứ tiếng có rất nhiều âm. Bạn sẽ nhanh chóng cạn kiệt vốn chữ cái của mình! Và đây là trường hợp của tiếng Anh. Các thầy tu đã cố dùng bảng chữ cái Latin mà họ biết với 23 mẫu tự để ghi tiếng Anh, và họ nhanh chóng nhận ra rằng có những âm trong thứ tiếng mới mẻ này không hề giống với các âm của tiếng Latin. Hai âm “th” - các âm mà ta nghe thấy trong từ *thin*⁽¹⁾ và *this*⁽²⁾ - đều mới, nên các thầy tu lấy chữ cái ở một bảng chữ cái khác để ghi lại. Vào thời điểm này bảng chữ cái rune đang được sử dụng ở vùng Bắc Âu, trong đó họ tìm thấy ký hiệu Þ và ð. Hiện ta không còn dùng các chữ cái này để ghi lại tiếng Anh nữa, nhưng chúng xuất hiện trong các thủ bản xuyên suốt thời kỳ Anglo-Saxon.

Nhưng kể cả thêm các chữ cái bổ sung này cũng không đủ. Tiếng Anh thực chất có tới 44 âm khác nhau, và chỉ có 26 chữ cái thì chắc chắn sẽ nảy sinh vấn đề. Một cách tránh vấn đề này là lặp lại chữ cái để thể hiện các điểm khác biệt về âm. Ta có thể thấy cách làm này như trong ví dụ mà tôi lấy từ truyện tranh. Bạn đọc thành tiếng thử xem nhé?

UYNH! UUYNH! UUYYNH!!!

Càng có nhiều U thì bạn càng kéo dài âm đó hơn. Và đó chính là cách mà mọi người làm khi họ ghi ngôn ngữ. Hãy đọc thành tiếng các từ trong tiếng Anh sau đây.

met meet lot loot⁽³⁾

Chữ cái được lặp lại là để thể hiện nguyên âm dài. Và người ta cũng nghĩ ra những cách khác để dùng hai chữ cái nhằm thể hiện

1. Nghĩa là “mỏng”, phát âm với phụ âm đầu /θ/.

2. Đại từ chỉ định nghĩa là “...này”, phát âm với phụ âm đầu /ð/.

3. Nghĩa là “đã gặp”, “gặp”, “nhiều”, “đồ ăn cướp”.

một âm, như ta thấy trong cách viết nguyên âm dài [i:] trong “meat”, “Pete”, và “field”, cũng như các cặp <sh> và <th> cho âm đơn của phụ âm.

Bằng những cách này người ta ghi lại tiếng Anh, và trong vài trăm năm đầu khi ngôn ngữ này mới ra đời, các chữ cái và âm tương ứng rất chuẩn với nhau. Nhưng dần dần cách người ta phát âm tiếng Anh thay đổi (như ta đã thấy ở Chương 9), và các chữ cái không còn thể hiện các âm nữa. Đó là lý do vì sao ngày nay một chữ cái có thể đại diện cho nhiều âm: ví dụ như <g> nghe khác nhau ở trong các từ “good” [g], “George” [j], và “genre” [zh]⁽¹⁾ và còn không được phát thành âm trong các từ “sign” và “gnaw”⁽²⁾. Ngoài ra một âm còn có thể được viết bằng nhiều chữ cái. Âm thể hiện bằng “oo” [u:] như trong “loot” còn xuất hiện trong các từ “dude”, “two”, “do”, “group”, “fruit” và “grew”⁽³⁾, và có cách viết rất lạ lùng như trong các từ mượn từ ngôn ngữ khác như “canoe”, “rheumatism”, và “manoeuvre”⁽⁴⁾.

Một trong những điểm khác biệt giữa tiếng Anh và các ngôn ngữ như tiếng Pháp, tiếng Đức, hay tiếng Tây Ban Nha, là ở chỗ nó chưa bao giờ viện đến dấu. Ví dụ, chúng ta thấy tiếng Pháp có <é>, <ê>, và <è>, tiếng Đức có <ä>, <ü>, và <ö>, tiếng Tây Ban Nha có <ñ>. Các dấu này thay đổi âm của các chữ cái.

Khi tiếng Anh mượn các từ có dấu từ các ngôn ngữ này, đôi khi nó lấy luôn cả các dấu, nên ta sẽ thấy đâu đó một từ viết với dấu, đặc biệt nếu việc này là cần thiết để phân biệt từ:

The rose was expensive (phát âm là “roh-z”) - Hoa hồng đắt tiền
The rosé was expensive (phát âm là “roh-zay”) - Rượu vang hồng đắt tiền

1. Nghĩa là “tốt”, tên riêng “George”, “thể loại”.

2. Nghĩa là “ký hiệu”, “gặm”.

3. Nghĩa là “anh bạn”, “hai”, “làm”, “nhóm”, “quả”, “đã lớn”.

4. Nghĩa là “ca nô”, “bệnh thấp khớp”, “điều khiển”.

Dấu cũng nhắc ta về cách phát âm từ đó:

fiancé - phát âm là “fee-on-say”

naïve - phát âm là “ny-eeve”⁽¹⁾

Nhưng một khi từ đó đã trở nên phổ biến, dấu thường được bỏ đi. Ngày nay ta thấy các từ “cafe”, “decor”, “discotheque”, và “seance” nhiều hơn các từ “café”, “décor”, “discothèque”, và “séance”⁽²⁾. Một số người khó chịu về chuyện này và nhất định rằng phải có dấu. Khi tìm hiểu về các hệ thống chữ viết hiện đại, bạn nên chuẩn bị tinh thần tiếp cận với các cách dùng khác nhau - và các quan điểm khác nhau!

1. Nghĩa là “chồng/vợ sắp cưới”, “ngây thơ”.

2. Nghĩa là “quán cà-phê”, “trang trí”, “vũ trường”, “lên đồng”.

DELTA CHARLIE ĐÂY

Người ta thường nói rằng bảng chữ cái là một trong những phát minh vĩ đại nhất, vì - giống như bánh xe - nó cho phép ta làm được nhiều việc. Nó không chỉ giúp chúng ta viết được. Nó còn giúp ta tổ chức cuộc sống.

Thứ tự chữ cái là một trong các lý do đó. Ta học bảng chữ cái theo một thứ tự cố định - A, B, C, D... Trong tiếng Anh, chữ cái đầu tiên là A, chữ cái cuối cùng là Z. Và điều này cho phép chúng ta tìm phương hướng trong một dãy các giá sách ở thư viện, các quyển danh bạ điện thoại, mục lục trang web, và đủ mọi chỗ khác mà người ta dùng chữ cái để xếp loại và phân nhóm thông tin.

Mỗi chữ cái có một cái tên: trong tiếng Anh "B" được phát âm là "bee"; "M" được phát âm là "em". Nhưng trong một bối cảnh ồn ào, đôi khi khó mà nghe được một cái tên rõ ràng. Và nếu ta đọc từng chữ cái trên điện thoại, người nghe thường không thể nghe được ta nói "P" hay "B", hoặc "M" hay "N".

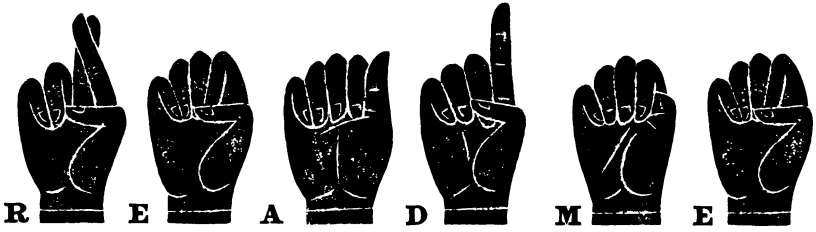
Vì lý do đó, cảnh sát, quân đội, và các tổ chức khác gán cho các chữ cái những cái tên "lớn hơn" để người nghe trên điện thoại hoặc nghe đài phát thanh có thể nghe rõ hơn. Một trong những hệ thống tên được sử dụng rộng rãi nhất là hệ thống do nhóm các nước NATO (Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương), sáng tạo ra. Bảng chữ cái ngữ âm NATO là tên của hệ thống này, cụ thể như sau:

A	Alpha	B	Bravo	C	Charlie
D	Delta	E	Echo	F	Foxtrot
G	Golf	H	Hotel	I	India
J	Juliet	K	Kilo	L	Lima
M	Mike	N	November	O	Oscar
P	Papa	Q	Quebec	R	Romeo
S	Sierra	T	Tango	U	Uniform
V	Victor	W	Whiskey	X	X-ray
Y	Yankee	Z	Zulu		

Bạn hẳn đã nghe bảng chữ cái này trên tivi. Nếu bạn muốn đọc từng chữ cái họ của tôi theo bảng chữ cái này, bạn sẽ bắt đầu như thế này "Charlie Romeo..." Tôi thích kiểu này lắm!



CHƯƠNG 18



Ngôn ngữ ký hiệu

Lời nói và chữ viết là hai cách ta tiếp cận với ngôn ngữ. Nhưng còn một cách thứ ba nữa.

Ngày nay đây là một cảnh tượng thường thấy. Ta xem một chương trình trên tivi, và trong một cái khung ở một góc màn hình một người đang chỉ trỏ, mấp máy môi, và thể hiện nét mặt sống động. Chuyện gì đang xảy ra vậy?

Người này đang sử dụng *ngôn ngữ ký hiệu*, để giúp cho những người khiếm thính có thể đang xem chương trình hiểu được nội dung. Người ra dấu là một người nghe được nhưng biết sử dụng ngôn ngữ ký hiệu dành cho người khiếm thính.

Thứ ngôn ngữ ký hiệu nào được dùng phụ thuộc vào vùng sinh sống của người dùng nó. Nếu đang làm việc ở Anh, họ sẽ dùng Ngôn ngữ Ký hiệu Anh. Nếu đang ở Pháp, đó sẽ là Ngôn ngữ Ký hiệu Pháp. Còn nếu đang ở Trung Quốc, đó là Ngôn ngữ Ký hiệu Trung Quốc. Những ngôn ngữ ký hiệu khác nhau trên khắp thế giới đã hình thành và phát triển trong cộng đồng những người khiếm thính qua hàng thế kỷ. Có khi còn lâu hơn nữa.

Không ai biết ngôn ngữ ký hiệu đã tồn tại bao lâu. Một hình thức ký hiệu xuất hiện sớm có lẽ là vào khoảng thời gian bộ não con người đủ phát triển để tạo ra ngôn ngữ. Ta đã thấy ở Chương 15 rằng những sinh vật sống trước mốc 30.000 năm chưa tiến hóa để có thể tạo ra được nhiều âm. Nhưng chúng có thể dùng đôi tay. Có thể chúng đã dùng tay để ra hiệu.

Suy cho cùng thì đây cũng là điều vô cùng tự nhiên. Chúng ta đều có vài ký hiệu bằng tay mà ta dùng để thể hiện những ý nghĩa cơ bản. Tôi có thể giơ ngón tay cái ra để báo với bạn rằng mọi thứ đều ổn cả. Tôi có thể vẫy chào hay vẫy tạm biệt. Tôi có thể dứ dứ nắm đấm nếu như tôi đang điên tiết. Nhưng những ý nghĩa này đều rất đơn giản và cũng không có nhiều cử chỉ mà ta dùng thường xuyên theo cách này. Chỉ có khoảng đôi ba chục mà thôi. Ta không thể nói được gì nhiều bằng cách làm như vậy.

Có một số công việc đòi hỏi người ta phải tạo cách ra hiệu đầy đủ hơn. Ta thấy các trọng tài dùng cánh tay và tay để chỉ hướng cho người chơi - ví dụ như trong môn cricket, một ngón tay chỉ lên trời nghĩa là người cầm chày bị loại và phải rời tam trụ môn. Người chỉ huy dàn hợp xướng điều khiển nhạc công bằng các động tác. Những người làm việc ở cách xa nhau phải phát minh ra những ký hiệu đặc biệt nếu muốn giao tiếp được với nhau. Những người làm ở môi trường nhiều tiếng ồn cũng vậy, ví dụ như ở một nhà máy mà máy móc chạy ồn ào, hoặc những nhân viên cứu hộ ở một bể bơi đầy học sinh.

Nhưng việc ra dấu trong các trường hợp này là để giải quyết các vấn đề “cục bộ”. Các ký hiệu không được dùng nhiều trong các trường hợp khác. Sẽ chẳng có tác dụng gì nếu như tôi giơ ngón tay lên trời khi muốn ai đó rời phòng. Họ sẽ chẳng biết tôi đang muốn gì. Hay cũng chẳng ích gì nếu tôi khua cánh tay như một viên chỉ huy dàn nhạc để bảo nhóm bạn hành xử theo ý tôi. Họ có khi còn nhốt tôi lại nếu thấy tôi hành xử như thế ấy chứ.

Vậy những cách ra dấu như thế không phải là ngôn ngữ

thực sự. Ngôn ngữ thực sự có hàng nghìn từ nối lại với nhau nhằm tạo nên hàng nghìn câu để nói về những điều ta muốn nói. Phạm vi và ý nghĩa của các ký hiệu mà trọng tài và thợ lái cần trực dùng là khá hạn chế. Không có ích gì khi đi nhờ một trọng tài bóng đá hoặc một chỉ huy dàn nhạc dùng các ký hiệu của họ để giải thích cách hoạt động của xe ô tô hay thông báo bài hát nhạc pop nào bán chạy nhất thời gian gần đây.

Đó là điểm khác biệt lớn nhất với các ngôn ngữ ký hiệu mà người khiếm thính sử dụng. Các ngôn ngữ ký hiệu của người khiếm thính được dùng để thể hiện cùng những suy nghĩ phức tạp như những người không bị khiếm thính muốn thể hiện thông qua việc nói và viết. Các ngôn ngữ ký hiệu của người khiếm thính có vài nghìn ký hiệu có thể sử dụng theo một chuỗi, thực hiện vai trò của các câu trong ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Và khi ta thấy người ra ký hiệu trên tivi thì chính là họ đang dịch những lời họ nghe được thành ngôn ngữ ký hiệu - và họ làm việc đó cực nhanh.

Có hai điều rất quan trọng cần phải nhớ về ngôn ngữ ký hiệu của người khiếm thính. Thứ nhất, người khiếm thính không chỉ lấy từ ngữ trong ngôn ngữ nói và dịch chúng thành các ký hiệu. Người ta có thể phát minh một ngôn ngữ ký hiệu cho người khiếm thính, bám sát theo các từ ngữ của lời nói - và việc này cũng đã được thực hiện vài lần rồi - tuy nhiên những gì ta thấy trên màn hình tivi không phải là như vậy. Các ký hiệu trực tiếp thể hiện ý nghĩa - hơi giống như cách văn tự ngữ tố hoạt động (như ta đã thấy ở tiếng Trung Quốc trong Chương 16).

Vậy nên nếu một người có trách nhiệm truyền tải nội dung nghe thấy tôi nói thế này:

Cậu bé đã thắng môn nhảy xa cũng đã thắng môn nhảy cao.

Ta sẽ không thấy các ký hiệu cho lần lượt từng từ. Ta sẽ thấy các ký hiệu thế này: .

cậu bé + thắng + thời quá khứ + nhảy xa + cũng + nhảy cao

Các ký hiệu cũng không cần phải xuất hiện theo trình tự nhất định như vậy. Đôi khi chúng bám theo trình tự từ trong câu tiếng Anh, nhưng đôi khi lại không. Cách ra dấu thông dụng cho câu “Bạn tên là gì?” bằng Ngôn ngữ Ký hiệu Anh là:

tên của bạn + gì

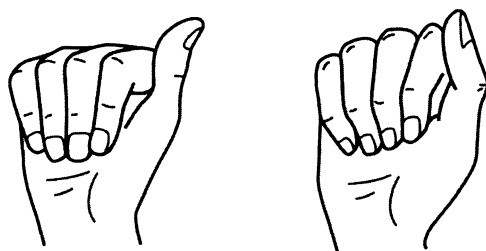
cùng với một biểu cảm băn khoăn trên gương mặt như nhướn lông mày.

Điều thứ hai cần nhớ về ngôn ngữ ký hiệu của người khiếm thính là chúng rất khác nhau. Cũng giống như ta không thể mong chờ rằng người chỉ nói tiếng Anh lại hiểu được tiếng Trung Quốc, ta không thể mong chờ người chỉ biết Ngôn ngữ Ký hiệu Anh lại hiểu Ngôn ngữ Ký hiệu Trung Quốc. Và đáng ngạc nhiên thay, ta cũng không thể mong chờ rằng người chỉ biết Ngôn ngữ Ký hiệu Anh lại hiểu được Ngôn ngữ Ký hiệu Mỹ. Hai ngôn ngữ ký hiệu này đã phát triển theo hai hướng rất khác biệt suốt hơn 200 năm qua. Có một số ký hiệu tương đồng trong hai hệ thống nhưng điều đó không đủ để khiến người dùng ngôn ngữ này hiểu được ngôn ngữ ký hiệu của người kia.

Một vài năm trước, Mark Medoff viết một vở kịch có tên *Những đứa con của Tiểu thần* nói về mối quan hệ của một sinh viên khiếm thính và người giáo viên bình thường đem lòng yêu cô. Vở kịch cũng được dựng thành phim với sự tham gia diễn xuất của William Hurt và Marlee Matlin. Vở kịch lấy bối cảnh nước Mỹ, thế nên họ giao tiếp với nhau bằng Ngôn ngữ Ký hiệu Mỹ. Nhưng khi vở kịch tới London, người khiếm thính ở Anh không thể hiểu được các ký hiệu đó, và họ phải thuê một người phiên dịch dịch Ngôn ngữ Ký hiệu Mỹ sang Ngôn ngữ Ký hiệu Anh.

Bạn có thể cho rằng ít nhất thì một số ký hiệu của người khiếm thính cũng chung ở tất cả các ngôn ngữ ký hiệu trên thế giới chứ. Như ký hiệu cho “voi” thì sao? Thế nào mà chẳng luôn có một động tác tay ám chỉ cái vòi? Nhưng thực chất có nhiều hơn một cách để ám chỉ cái vòi. Ta có thể bắt đầu từ chỗ mũi, tạo một hình hướng sang ngang hoặc về phía trước? Hay là ta đưa tay lên lên xuống xuống nhỉ? Bàn tay làm động tác thẳng hay cong? Bàn tay duỗi thẳng hay khum thành hình chữ “C”? Ta làm ký hiệu này nhanh tới đâu? Rõ ràng là có nhiều khả năng, thậm chí cả trong trường hợp đơn giản là thể hiện ý nghĩa con voi. Và khi chúng ta bắt đầu suy nghĩ về các ý niệm như “vườn”, “xanh nước biển”, hay là “tranh luận”, rõ ràng là các ngôn ngữ ký hiệu khác nhau sẽ thể hiện chúng bằng những cách khác nhau.

Tất cả những khái niệm quan trọng mà ta dùng đến trong việc nghiên cứu ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết cũng vẫn cần thiết khi ta nói đến ngôn ngữ ký hiệu. Ví dụ, ta sẽ thấy có giọng địa phương và tiếng địa phương như từng được nói ở Chương 12. Người khiếm thính ở một vùng này sẽ có vài ký hiệu khác với người khiếm thính ở vùng khác. Và nếu ai đó từ Anh đến Trung Quốc học Ngôn ngữ Ký hiệu Trung Quốc, họ sẽ làm các ký hiệu Trung Quốc nhưng có thể không thật chính xác theo cách của Ngôn ngữ Ký hiệu Trung Quốc. Ví dụ, ký hiệu cho “bố”, là gập thẳng bốn ngón tay vào lòng bàn tay, như hình vẽ bên trái hoặc khum các ngón như hình bên phải:



Còn có một vài khả năng khác nữa. Một người Anh rất có thể sẽ

làm ký hiệu này với những ngón tay để thoải mái và điều đó sẽ bị một người khiếm thính Trung Quốc coi là giọng nước ngoài.

Tất cả những điều này đều dẫn đến một nhận định. Không bao giờ nên coi ký hiệu khiếm thính đơn giản chỉ là những cử chỉ đơn giản. Ngôn ngữ ký hiệu thực sự phức tạp, hữu dụng, và đẹp như bất kỳ ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ viết nào khác.

ĐÁNH VẦN BẰNG TAY

Còn tên thì sao? Một người khiếm thính sẽ ra ký hiệu "David Crystal" hay tên của bạn, hay nơi bạn sinh sống như thế nào? Sẽ không có những ký hiệu riêng cho những ý niệm này, bởi có quá nhiều ý niệm kiểu như vậy - tới cả hàng trăm nghìn cái tên người và nơi chốn.

Giải pháp là dùng ngón tay để đánh vần. Ai cũng có thể học cách đánh vần bằng ngón tay cả - nhưng có hai hệ thống, một là đánh vần bằng một tay và một là đánh vần bằng hai tay. Học cách này rất nhanh và ngay lập tức bạn có thể dùng nó để đánh vần bất kỳ từ nào - không chỉ tên người và tên nơi chốn, mà còn cả các từ khác thường như một thuật ngữ hóa học khó hiểu chẳng hạn.

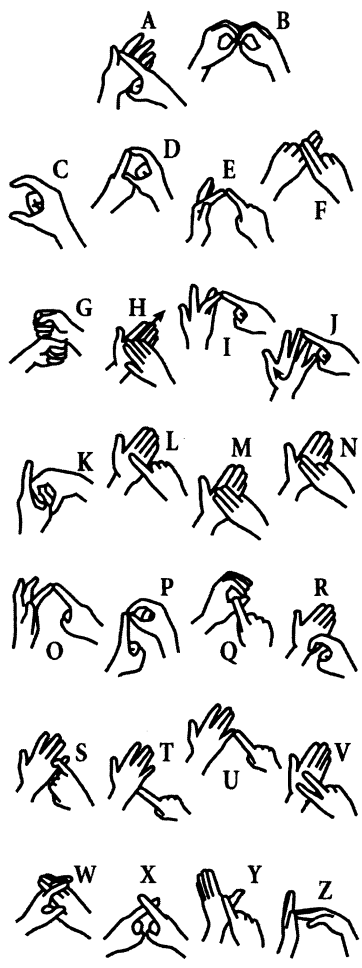
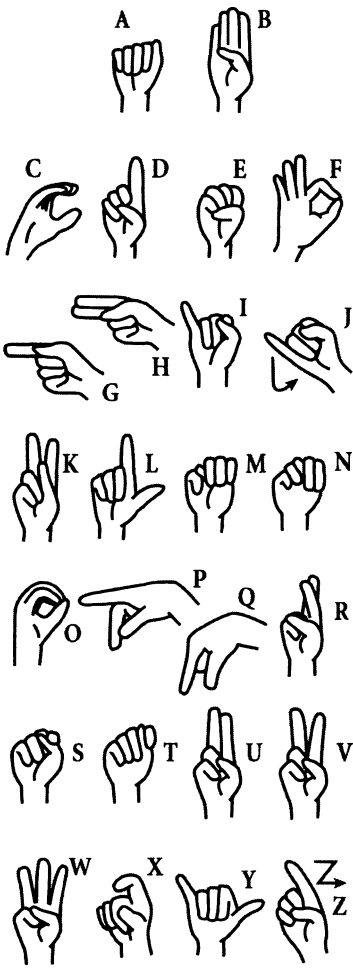
Cách đánh vần bằng ngón tay cũng khiến cho tốc độ chậm hơn một chút. Bạn khó có thể đánh vần được hơn 300 chữ cái trong một phút (tức là khoảng 60 từ). Và không có ích lợi gì nhiều cho những trẻ chưa học đánh vần! Nhưng nó có ích tới mức người khiếm thính không thể không dùng nó, và họ đã biết tăng tốc bằng cách viết tắt một số từ - hơi giống như cách người ta nhắn tin.

Trong tiếng Hy Lạp "dactulos" là "ngón tay" và đuôi "ology" trong nhiều từ có nghĩa là "kiến thức" hay "khoa học". Vậy nên tên kỹ thuật của "cách đánh vần bằng tay" là "dactylology" - phát âm là "đak-til-o-lơ-gi", hay là ngôn ngữ ngón tay.

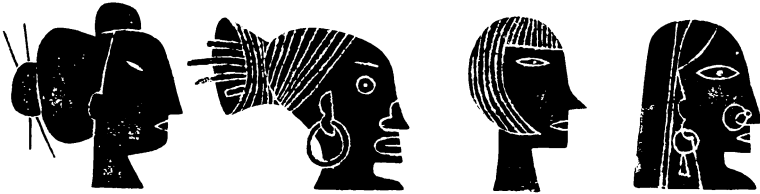
Hệ thống đánh vần bằng tay ở Anh sử dụng hai tay; hệ thống này được dùng ở Anh, Ireland, Úc, New Zealand, và một số nước khác. Hệ thống đánh vần ở Mỹ sử dụng một tay; nó chủ yếu được dùng ở Mỹ và Canada. (Không quan trọng là dùng tay nào, điều đó tùy thuộc vào việc bạn thuận tay trái hay tay phải.)

**BẢNG CHỮ CÁI ĐÁNH VÂN BẰNG
TAY CỦA MỸ SỬ DỤNG MỘT TAY**

**BẢNG CHỮ CÁI ĐÁNH VÂN BẰNG
TAY CỦA ANH SỬ DỤNG
HAI TAY**



CHƯƠNG 19



So sánh ngôn ngữ

Tổng số có khoảng 6.000 ngôn ngữ trên thế giới, và chúng đều có những điểm chung nhất định. Tất cả đều có đơn vị câu. Tất cả đều có danh từ và động từ. Tất cả đều có nguyên âm và phụ âm. Tất cả đều có tiết điệu và ngữ điệu. Nhưng khi ta học một ngôn ngữ mới, những điểm khác biệt chính là nguyên nhân gây ra rắc rối. Ta dễ cho rằng tất cả mọi người đều nói tiếng của họ giống cách ta nói tiếng của ta. Rồi ta phát hiện ra rằng sự thực rất khác.

Rất có thể ta sẽ chú ý đến những âm thanh lạ lẫm trước nhất, và có thể sẽ gặp nhiều khó khăn khi điều khiển miệng mình để phát âm chúng cho đúng. Ví dụ thế này, tiếng Anh không có âm [ch] như trong “loch” (“hồ nước”) ở tiếng Gaelic hay “bach” (“nhỏ”) ở tiếng xứ Wales, do đó người nói tiếng Anh thường thay nó bằng âm [k] khiến cho những từ này nghe giống như “lock” và “back”. Dù vậy để phát âm cho chuẩn thì cũng chỉ cần tập luyện thêm một chút thôi.

Tuy nhiên, đối với một vài ngôn ngữ, phải mất một thời gian ta mới có thể phát hiện ra người bản địa đang nói tiếng của họ như thế nào. Đây là một trong những lý do vì sao ban đầu

người nói tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ lại luôn thấy tiếng Trung khá khó nhằn. Đối với người nói tiếng Anh, người nói tiếng Trung nói tiếng của họ cứ như hát vậy. Tại sao? Bởi vì tiếng Trung sử dụng thanh điệu của giọng nói để phân biệt các từ khác nhau, và đây là thứ không tồn tại trong các ngôn ngữ Âu châu.

Nếu tôi nói một từ như “mẹ” bằng giọng lên cao hay xuống thấp thì nghĩa của từ cũng không có gì thay đổi. Vẫn là “mẹ” mà thôi. Nhưng trong tiếng Trung - và cả trong rất nhiều ngôn ngữ khác ở vùng Viễn Đông - sự khác biệt ở âm hoàn toàn có thể thay đổi nghĩa của một từ. Từ “ma” khi được nói bằng giọng cao theo một nốt ngang đều thì có nghĩa là “mẹ”. Nhưng nếu ta nói “ma” bằng giọng xuống trầm rồi lên bổng thì có nghĩa là “ngựa”. Những khác biệt về ngữ điệu này được gọi là “thanh điệu”. Ta nói, tiếng Trung là một “ngôn ngữ có thanh điệu”. Phát âm các thanh điệu đúng là điều rất quan trọng, nếu không thì ta sẽ gọi mẹ ta là ngựa mất!

Điều còn lại mà ta sẽ nhận ra rất nhanh chóng khi ta học một ngôn ngữ mới chính là thứ ngữ pháp lạ lẫm. Đôi khi trật tự của các từ trong một câu sẽ khác. Trong tiếng Anh ta nói:

Sian is in the kitchen
(Sian ở trong bếp).

Trong tiếng xứ Wales ta nói:

Mae Sian yn y gegin. (phát âm là “my shahn uhn uh geg-in”)

Nếu ta dịch sát từng từ thì câu này có nghĩa là:

Mae	Sian	yn	y	gegin.
Ở	Sian	trong	cái	bếp.

Khi đặt câu, người nói tiếng xứ Wales đặt động từ ở đầu câu. Người nói tiếng Anh lại đặt động từ ở giữa câu. Một số ngôn ngữ như tiếng Hindi thì lại đặt nó ở cuối câu.

Một ví dụ khác như sau. Trong một số ngôn ngữ này thì tính từ đứng trước danh từ; nhưng trong một số ngôn ngữ khác thì tính từ lại đứng sau danh từ. Tiếng Anh và tiếng Đức là hai ngôn ngữ đặt hầu hết các tính từ phía trước danh từ:

a black cat

ein schwarze Katze⁽¹⁾ (phát âm là “shvahrtsuh katsuh”)

Tiếng Pháp (và cả tiếng xứ Wales) lại đặt hầu hết các tính từ ở sau danh từ:

un chat noir (phát âm là “uhn sha nwahr”)

a cat black

Một trong những khác biệt lớn nhất về ngữ pháp mà người nói tiếng Anh phát hiện ra là việc thứ ngôn ngữ mới lạ có thể hiện ký hiệu ý nghĩa bằng cách thay đổi cấu tạo phần đuôi mỗi từ, hay còn gọi là hậu tố, hay không. Điều này xảy ra chỉ trong một số trường hợp ở tiếng Anh - ví dụ như sau:

- Chúng ta có thể thay đổi hầu hết danh từ từ hình thái số ít sang hình thái số nhiều bằng cách bổ sung chữ cái “s”: “dog” trở thành “dogs”⁽²⁾.
- Chúng ta có thể thay đổi ý nghĩa thời gian của hầu hết các động từ từ hiện tại sang quá khứ bằng cách bổ sung hai chữ cái “ed”: “I walk” thành “I walked”⁽³⁾.

1. Nghĩa là “một con mèo đen”.

2. Nghĩa là “chó”, “những con chó”.

3. Nghĩa là “tôi đi”, “tôi đã đi”.

- Chúng ta có thể so sánh rất nhiều tính từ bằng cách bổ sung “er” hoặc “est”: “small” - “smaller” - “smallest”⁽¹⁾.

Ngoài số này ra tiếng Anh còn có thêm một số hậu tố khác.

Vậy nên, sẽ là điều đáng ngạc nhiên khi chúng ta phát hiện ra những ngôn ngữ có tới hàng tá, thậm chí hàng trăm hậu tố. Tiếng Latin mà người La Mã cổ sử dụng là một ví dụ. Nó có những câu như thế này:

canis	vidit	puerum
con chó	thấy	thằng bé

và

puer	vidit	canem
thằng bé	thấy	con chó

Khi con chó đang thực hiện hành động nhìn thấy, từ chỉ con chó có đuôi khác so với khi con chó đang được đối tượng khác nhìn thấy - “canis” thay vì “canem”. Và khi thằng bé là chủ thể hành động nhìn, từ chỉ thằng bé cũng có đuôi khác so với khi nó được đối tượng khác nhìn thấy - “puer” thay vì “puerum”. Những đuôi này được gọi là các cách, và trong tiếng Latin cách của một danh từ phụ thuộc vào việc nó được sử dụng trong câu như thế nào. Không có phương pháp nào để học các cách này thật nhanh. Ta chỉ có mỗi một cách là học thuộc lòng mà thôi.

Với một ngôn ngữ như tiếng Latin, chúng ta biết “ai đang làm gì” bằng cách để ý đến hậu tố. Trật tự của các từ trong một câu không quan trọng. Điều đó khiến tiếng Latin trở thành một

1. Nghĩa là “nhỏ”, “nhỏ hơn”, “nhỏ nhất”.

kiểu ngôn ngữ rất khác so với tiếng Anh - trong đó trật tự của từ là cực kỳ quan trọng. Trong câu tiếng Anh, danh từ chỉ chủ thể hành động đứng ở vị trí đầu tiên; danh từ chỉ đối tượng của hành động đó đứng cuối cùng. Vì thế hai câu này trong tiếng Anh có nghĩa rất khác nhau:

the dog saw the boy
the boy saw the dog
(con chó thấy thằng bé
thằng bé thấy con chó)

Nhưng trong tiếng Latin chúng ta có thể sắp xếp từ theo bất kỳ trật tự nào ta muốn, bởi ý nghĩa “ai làm gì” được thể hiện ở hậu tố. Do đó hai câu này mang ý nghĩa như nhau:

puer vidit canem
canem vidit puer

Trong cả hai trường hợp, cậu bé luôn là chủ thể của hành động nhìn thấy và con chó luôn là đối tượng của hành động đó.

Để nhận ra được sự khác biệt về từ vựng thì thường sẽ mất thời gian hơn, bởi hầu hết các từ trong thứ tiếng khác đều hoạt động giống như các từ trong tiếng Anh. Từ “bàn” trong tiếng Tây Ban Nha là “mesa”. Trong tiếng Đức là “Tisch”. Tất cả đều có vẻ dễ hiểu. Chọn một từ bất kỳ, dịch ra tiếng khác, thế là xong.

Nhưng chẳng mấy chốc chúng ta sẽ nhận ra rằng sự thể không đơn giản như vậy. Một số từ còn muốn đánh lừa ta. Khi học tiếng Pháp chúng ta sẽ gặp từ “demandeur”. Từ này trông y hệt như từ “demand”⁽¹⁾ trong tiếng Anh, vì thế chúng ta dễ dàng

1. Nghĩa là “đòi hỏi”.

nghĩ “dementer” có nghĩa là “demand”. Thực tế không phải như vậy, từ này có nghĩa là “hỏi”.

Những từ như “dementer” được gọi là “bè” chứ không phải “bạn”. Bè ngoài trông có vẻ quen thuộc và dễ thương, nhưng khi tìm hiểu sâu ta sẽ phát hiện ra rằng ta chẳng hề hiểu rõ chúng. Tất cả các ngôn ngữ đều có một vài “bè” như vậy. Thử đi dạo quanh một thị trấn ở Ý xem, thể nào rồi bạn cũng sẽ thấy một chỗ gọi là “libreria”. Nghĩa là thư viện¹⁾ có phải không nhỉ? Không đâu, cửa hàng bán sách đấy. Từ có nghĩa “thư viện” lại khác cơ: “biblioteca”.

Chúng ta cũng thấy rằng một vài từ không có từ tương đương hoàn toàn. Đôi khi một từ tiếng Anh có thể được dịch ra thành hai hoặc hơn hai từ khác trong một thứ tiếng khác. Ví dụ như từ “biết” có thể được dịch thành “savoir” hoặc “connaître” trong tiếng Pháp. Nếu ta biết một điều gì hoặc biết cách làm một việc gì, ta phải dùng “savoir”. Còn nếu ta biết một người nào đó, ta phải dùng “connaître”. Chúng ta không thể nói như thế này trong tiếng Pháp:

je sais Marie (đọc là “zhuh say Marie”)

Tôi biết Marie

Phải thế này:

je connais Marie (đọc là “zhuh konay Marie”)

Tôi biết Marie

Đôi khi chúng ta thấy có trường hợp ngược lại: một từ tiếng nước ngoài có thể được dịch thành hai hoặc nhiều hơn hai từ tiếng Anh. Ngay trong tiếng Pháp chẳng hạn. Hầu hết những người nói tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ đều biết rằng “je t’aime” có

1. “Libreria” trông hơi giống “library”, nghĩa là “thư viện” trong tiếng Anh.

nghĩa là “Tôi yêu em”. Nhưng “aime” còn có nghĩa là “thích”. Do đó ta có thể nói rằng ta “aime” sô cô la hoặc bơi hoặc cậu em họ của ta. Làm thế nào để người Pháp có thể phân biệt được điều này? Nếu ai đó nói họ “aime” bạn, ý họ là họ thích bạn hay là yêu bạn đây? Điều này thường sẽ sáng tỏ thông qua cách dùng các từ khác trong câu đó, hoặc từ giọng điệu - hoặc, tất nhiên, từ các hành động đi cùng câu đó. Nếu một ngôi sao điện ảnh nói “Je t’aime” và trao cho ai đó một nụ hôn dài say đắm, thì câu đó không phải chỉ có nghĩa là “Tôi thích em”!

Chính các cuộc trò chuyện cũng có thể gây ra rắc rối. Trong tiếng Pháp từ “cảm ơn” là “merci”. Thế nên, hãy thử tưởng tượng bạn đang ngồi ở một quán cà phê và ai đó hỏi bạn liệu bạn có muốn gọi một ly cà phê hay không. Cuộc trò chuyện sẽ diễn ra như thế này bằng tiếng Anh:

Do you want a coffee?

Thank you.

(Chị có uống cà phê không ạ?

Cảm ơn anh)

Và một vài phút sau bạn sẽ có một ly cà phê trước mặt. Nhưng nếu bạn thực hiện cuộc trò chuyện này bằng tiếng Pháp, kết quả sẽ rất khác:

Voulez-vous un café? (đọc là “voolay vooz uhn kafay”)

Merci.

Sẽ không có một ly cà phê nào xuất hiện cả. Lý do là bởi “merci” đứng một mình có nghĩa là “cảm ơn nhưng không cần ạ”. Nghĩa là bạn từ chối. Nếu bạn muốn nói “có”, bạn sẽ phải nói “có” (“oui”) hoặc “làm ơn nhé” (“s’il vous plait”) hoặc “có ạ, cảm ơn” (“oui merci”), hoặc câu nào đó tương tự.

Chúng ta nói “làm ơn” trong tiếng Anh khá nhiều. Cha mẹ ta nhồi từ đó vào đầu ta từ khi ta còn bé xíu. Trong các thứ tiếng khác, từ này lại không quá quan trọng. Chúng ta có thể thể hiện sự lịch sự mà không cần phải nói “làm ơn”. Ví dụ như trong tiếng Tây Ban Nha, “làm ơn” là “por favor” (đọc là “pawr favawr”), nhưng bạn sẽ không nghe thấy người Tây Ban Nha nói từ này thường xuyên trong các cửa hiệu khi họ yêu cầu gì đó. Nếu bạn có nghe thấy ai đó nói “por favor”, thì đó là vì người nói đang sốt ruột hoặc nhất nhất tìm món đồ nào đó - “làm ơn nhanh nhanh cho tôi với”!

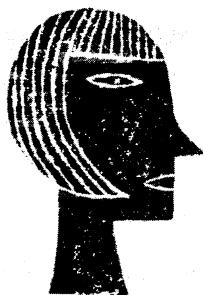
Có rất nhiều những điểm khác biệt về hội thoại thế này. Trong tiếng Anh, chúng ta không nói “good evening” (chào buổi tối) trước 6 hay 7 giờ. Trong tiếng Ý người ta nói câu tương tự (“buona sera”, đọc là “bwohna sayra”) sớm hơn nhiều - từ khoảng 4 hay 5 giờ trở đi. Trong tiếng Anh, chúng ta không nói “good morning” (chào buổi sáng) sau 12 giờ trưa. Trong tiếng Pháp, người ta nói “bonjour” (đọc là “bonzhoor”) như “good morning” nhưng từ sáng tới tận chiều. Tất cả mọi người trò chuyện bằng mọi thứ tiếng, nhưng không bao giờ theo cách y hệt nhau.

BẠN BAO NHIÊU TUỔI?

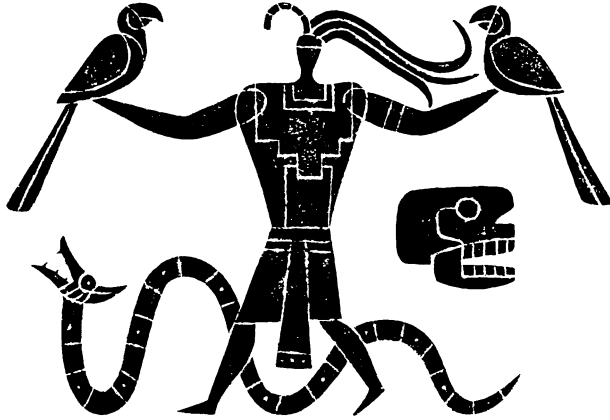
Trong tiếng Anh, khi ta gặp ai đó lần đầu tiên, có một vài chủ đề khá an toàn để trò chuyện - ví dụ như thời tiết, hay quê quán. Ta sẽ không hỏi về tình trạng hôn nhân, hay họ kiếm được bao nhiêu tiền, hay họ bao nhiêu tuổi.

Ta học những quy tắc lịch sự này từ khá sớm - vào lúc ta khoảng 3 tuổi. Di Ann hỏi bé Jimmy vào bữa tiệc sinh nhật 4 tuổi của Jimmy, "Cháu mấy tuổi rồi?". Jimmy trả lời, "Cháu bốn tuổi". Và cậu hỏi lại, "Di mấy tuổi?" Tất cả mọi người phá lên cười. Jimmy dễ thương quá. Nhưng Di Ann sẽ không trả lời đâu. Và dần dần, Jimmy hiểu rằng hỏi phụ nữ xem họ bao nhiêu tuổi là điều mà mình không bao giờ nên làm!

Chuyện này không xảy ra với mỗi bé Jimmy ở Anh. Đây là một trong những nguyên tắc trò chuyện lịch sự trong nhiều nền văn hóa và ngôn ngữ ở nhiều vùng đất khác trên thế giới. Nhưng không phải tất cả mọi nơi đâu nhé. Ở một vài nền văn hóa châu Á hỏi về tuổi tác hay lương lậu đều hoàn toàn bình thường. Đây đơn giản là cách người ta thể hiện sự gần gũi mà thôi.



CHƯƠNG 20



Những ngôn ngữ sắp mất đi

Nói, viết, và ra ký hiệu là ba cách một ngôn ngữ “sống và hít thở”. Chúng là ba cách mà ngôn ngữ được truyền từ thế hệ này sang thế hệ kế tiếp. Nếu một ngôn ngữ “khỏe mạnh”, điều này sẽ xảy ra thường xuyên. Các cha mẹ truyền lại ngôn ngữ cho con cái, con cái lại truyền lại cho cháu chắt... và ngôn ngữ đó sống mãi.

Các ngôn ngữ như tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, và tiếng Trung Quốc là những ngôn ngữ khỏe mạnh. Chúng tồn tại ở thể nói, thể viết, và thể ký hiệu, và chúng được hàng trăm triệu người sử dụng trên khắp thế giới. Nhưng hầu hết các thứ tiếng trong số 6.000 ngôn ngữ thế giới không có được tình trạng khỏe mạnh như vậy. Chúng được rất ít người sử dụng. Trẻ em không học lại chúng từ cha mẹ mình. Và kết quả là các ngôn ngữ này có nguy cơ biến mất thực sự.

Khi nào thì một ngôn ngữ mất đi?

Một ngôn ngữ mất đi khi người cuối cùng dùng nó qua đời. Và điều này xảy ra ở rất nhiều vùng trên thế giới. Có vài chục ngôn ngữ chỉ còn một người dùng. Và vài chục ngôn ngữ khác mà số người dùng chỉ khoảng mấy chục người hoặc ít hơn. Ví dụ, rất nhiều ngôn ngữ mà người dân bộ lạc ở Brazil hay Indonesia sử dụng với số người chỉ đếm trên đầu ngón tay.

Các ngôn ngữ chỉ có một số người dùng và rất dễ mất đi, được gọi là các ngôn ngữ *thuộc nhóm nguy cấp*. Hầu hết các ngôn ngữ nguy cấp của thế giới đều đang được sử dụng tại các nước nằm ở hai bên đường xích đạo. Có hàng trăm ngôn ngữ được dùng ở phía Đông Nam của châu Á, tại các nước như Papua New Guinea chẳng hạn. Hàng trăm ngôn ngữ khác được dùng ở Ấn Độ và châu Phi. Rất nhiều ngôn ngữ khác thì ở Nam Mỹ. Đây là những nơi ngôn ngữ đang biến mất rất nhanh chóng.

Nhưng ta có thể tìm thấy ngôn ngữ nguy cấp ở bất kỳ đâu. Hầu hết các ngôn ngữ Anh-điêng ở Bắc Mỹ đều đang nguy cấp. Và tương tự là các ngôn ngữ Celt của Anh, Ireland và Pháp. Ngày càng ít người nói tiếng Gallic, tức ngôn ngữ Celt của Scotland. Và những người cuối cùng nói tiếng Manx, đây là ngôn ngữ của Đảo Man, đã chết từ vài thập kỷ trước.

Có lẽ nửa số ngôn ngữ trên thế giới sẽ mất đi trong vòng 100 năm nữa. Nghĩa là 3.000 ngôn ngữ sẽ biến mất trong 1.200 tháng. Nếu tính trung bình ta có thể hình dung cứ khoảng hai tuần một ngôn ngữ nào đó trên thế giới lại biến mất. Việc này còn nhanh hơn hẳn những gì từng xảy ra trong quá khứ.

Chuyện ngôn ngữ mất đi không phải là chuyện mới. Ngôn ngữ vẫn luôn biến mất khi những người cuối cùng sử dụng chúng qua đời. Hai nghìn năm trước có nhiều ngôn ngữ được dùng ở vùng Trung Đông mà nay không còn tồn tại nữa. Hãy nghĩ về những người đã phát minh ra các hệ thống chữ viết mà tôi đã mô tả ở Chương 16, như người Hittite, người Assyria, và

người Babylonia. Những nền văn hóa này đến rồi đi, trong suốt hàng nghìn năm trời, nền văn hóa này đánh bại nền văn hóa kia, và các ngôn ngữ biến mất cùng với các dân tộc.

Ta biết một vài điều về những ngôn ngữ cổ xưa này vì một số ngôn ngữ được ghi chép lại. Đáng tiếc thay, rất nhiều ngôn ngữ trong quá khứ chưa bao giờ được ghi chép lại và chúng đã biến mất mãi mãi. Ngày nay việc này vẫn tiếp tục xảy ra. Khoảng 2.000 trong số các ngôn ngữ trên thế giới chưa bao giờ được ghi chép lại. Nếu chúng mất đi trước khi các nhà ngôn ngữ học có cơ hội lưu chúng lại thì chúng cũng sẽ biến mất mãi mãi.

Khi một nền văn hóa mất đi, nó để lại các bằng chứng về cuộc sống của con người. Các nhà khảo cổ học có thể đào xới lên đủ các thứ - nồi niêu, các bộ xương, thuyền, xu, vũ khí, tàn tích từ các ngôi nhà - nhưng ngôn ngữ nói không để lại dấu vết gì khi nó biến mất. Suy cho cùng, như ta đã thấy ở Chương 4, lời nói chỉ là những chấn rung trong không khí. Thế nên khi một ngôn ngữ nói mất đi mà không được lưu giữ lại bằng một cách nào đó, nó sẽ giống như chưa bao giờ từng tồn tại trên đời.

Không có gì bất thường về chuyện một ngôn ngữ mất đi. Nhưng những gì xảy ra ngày nay thật khác biệt, khi ta so sánh bối cảnh này với những gì đã xảy ra trong quá khứ. Ta thấy các ngôn ngữ mất đi ở khắp mọi nơi. Hơi giống như việc xảy ra với một số loài thực vật và động vật. Chúng chết đi nhanh hơn trước nhiều. Tại sao vậy?

Các loài thực vật và động vật chết đi do đủ các lý do, ví dụ như biến đổi khí hậu, ảnh hưởng từ các dịch bệnh mới xuất hiện, hay thay đổi trong phương thức canh tác. Một số lý do này cũng có thể áp dụng được với ngôn ngữ. Một tai họa tự nhiên như động đất hay sóng thần có thể tàn phá thị trấn làng mạc và giết chết nhiều người. Nhưng nếu những người đó chết, hay cộng đồng đó bị hủy diệt, thì ngôn ngữ của họ cũng sẽ mất đi.

Con người có thể là lý do khiến ngôn ngữ chết. Những tay

săn thú có thể giết mọi cá thể của một loài động vật. Những tay sưu tầm có thể chặt hạ tất cả những cây còn lại của một loài thực vật. Và các chính phủ có thể cấm người ta sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình - như ta đã thấy ở Chương 13. Nếu một ngôn ngữ bị cấm, và trẻ em không được học nó, nó sẽ nhanh chóng mất đi.

Nhưng lý do chính mà rất nhiều ngôn ngữ đang trở nên nguy cấp thì không bất ngờ hay gay gắt như một cơn sóng thần hay một lệnh cấm. Trong hầu hết các trường hợp, con người không dùng ngôn ngữ mẹ đẻ nữa đơn giản là vì họ quyết định dùng một ngôn ngữ khác. Ví dụ, đây là lý do vì sao hầu hết mọi người ở xứ Wales nói tiếng Anh hay hầu hết mọi người ở vùng Brittany nói tiếng Pháp. Qua nhiều năm, các gia đình dần không sử dụng một ngôn ngữ này và bắt đầu dùng ngôn ngữ khác.

Tại sao họ làm như vậy? Thường là vì ngôn ngữ mới kia hứa hẹn một cuộc sống tốt đẹp hơn cho họ. Đặc biệt, họ sẽ có công việc tốt hơn nếu như họ học thứ tiếng mới. Thử nghĩ về đủ các “công việc tốt nhất” ở đất nước mà bạn sinh sống. Có bao nhiêu trong số đó bạn sẽ có thể làm được nếu như bạn không nói thứ ngôn ngữ chính của đất nước này? Không một công việc nào cả.

Giờ thì hãy tưởng tượng bạn là một thành viên của một bộ tộc nhỏ ở châu Phi, châu Mỹ, hay châu Úc vài trăm năm trước, khi người Anh, người Tây Ban Nha, và những người khác đang kiếm tìm thuộc địa ở khắp nơi trên thế giới. Những đại diện của chế độ thực dân hùng hổ tới mảnh đất của bạn với súng đạn và một phong cách sống mới mẻ, và chúng chiếm lấy mảnh đất này. Chúng là những kẻ nắm mọi thứ, nên nếu bạn muốn thành công trong xã hội mới này, bạn phải học ngôn ngữ của chúng. Và khi điều đó xảy ra, ngôn ngữ của chính bạn sẽ rất dễ bị lãng quên. Con cái bạn chẳng màng tới nó, vì thứ ngôn ngữ mới kia mới thực sự là hữu ích. Thứ ngôn ngữ này mới thời thượng. Thứ ngôn ngữ này mới sành điệu. Ngôn ngữ cũ của bạn chắc chắn là quê kệch. Và dần dần nó sẽ không còn được sử dụng nữa.

Mọi sự không nhất thiết phải diễn ra như vậy. Người ta có thể học một ngôn ngữ mới mà không bắt buộc phải đánh mất ngôn ngữ cũ. Đó chính là khái niệm song ngữ, như ta đã thấy ở Chương 13. Việc thông thạo song ngữ cho phép bạn vừa đứng ở núi này vừa đứng ở núi nọ. Ngôn ngữ mới mở cho bạn cánh cửa tới những công việc tốt nhất trong xã hội; ngôn ngữ cũ cho phép bạn giữ được cảm thức về việc “bạn là ai”. Nó gìn giữ bản sắc cho bạn. Với hai ngôn ngữ trong tay, bạn có thể có được những điều tốt nhất từ cả hai thế giới ấy.

Ngày nay, ở rất nhiều nơi, người ta đã nhận ra được điều này. Họ thấy được sự quan trọng của việc gìn giữ tính đa dạng của ngôn ngữ trên thế giới, cũng như đã thấy sự quan trọng của việc gìn giữ tính đa dạng của hệ sinh vật gồm cây cối và muông thú. Các tổ chức thế giới như Liên Hợp Quốc thường xuyên nhấn mạnh vấn đề này. Chỉ gìn giữ những di sản “hữu hình” trên Trái đất thì không đủ - các di sản này bao gồm những di sản vật thể mà ta thấy được xung quanh mình, ví dụ như sa mạc, rừng núi, sông hồ, đài tưởng niệm, các tòa nhà. Điều quan trọng là phải gìn giữ được cả những di sản “phi vật thể” nữa - mọi thứ cho thấy cách sống của chúng ta, như âm nhạc, các điệu múa, tác phẩm sân khấu, tác phẩm hội họa, các đồ thủ công, và đặc biệt là ngôn ngữ.

Chúng ta bảo tồn ngôn ngữ như thế nào? Có ba yếu tố cần tồn tại để đảm bảo cho việc này có thể xảy ra. Bản thân con người phải muốn ngôn ngữ của mình tồn tại. Chính phủ của nước đó phải muốn giúp người dân. Và phải có tiền để duy trì ngôn ngữ đó. Đây là một công việc cần ngân quỹ lớn. Ngôn ngữ cần được lưu giữ - công việc này bao gồm ghi chép và mô tả dưới dạng sách ngữ pháp và từ điển. Phải tập huấn cho giáo viên, phải xuất bản sách, phải dựng các biển báo trên đường, phải thành lập các trung tâm cộng đồng, và nhiều điều khác nữa.

Khi tất cả ba yếu tố trên đã được đảm bảo, những điều tuyệt

vời sẽ thành hiện thực. Ngôn ngữ sẽ có một sức sống mới. Khái niệm được sử dụng ở đây là *hồi sinh*. Ngôn ngữ *được hồi sinh*. Chúng ta đã thấy điều này xảy ra một vài lần trong vòng 50 năm qua. Có lẽ trường hợp nổi tiếng nhất là việc hồi sinh tiếng Hebrew để ngôn ngữ này trở thành ngôn ngữ chính thống của nước Israel hiện đại. Tiếng Wales cũng vậy, thứ tiếng này đã tiến triển rất tốt sau một khoảng thời gian dài suy thoái. Ngày nay số người sử dụng ngôn ngữ này đang tăng lên, và sự xuất hiện của nó có thể thấy ở các biển báo đường phố, ga tàu, và bất kỳ nơi nào bạn đến trên đất xứ Wales.

Ở New Zealand tiếng Maori đã được bảo tồn bằng một hệ thống “tổ ấm ngôn ngữ”. Đây là các tổ chức mang đến cho trẻ em dưới 5 tuổi một không gian ấm cúng để trẻ được tiếp xúc thật nhiều với ngôn ngữ này. Đội ngũ nhân viên đều là người dùng tiếng Maori từ cộng đồng địa phương. Người ta hy vọng rằng trẻ em sẽ tiếp tục gìn giữ cho các kỹ năng ngôn ngữ Maori tồn tại mãi sau khi rời các tổ ấm này, và rằng khi lớn lên, chúng sẽ trở lại giúp các thế hệ sau học thứ tiếng này.

Nếu các điều kiện đều đạt được thì ngay cả một ngôn ngữ đã tàn lụi cũng có thể được hồi sinh. Nó phải được ghi chép lại và được mô tả, hoặc ghi âm lại bằng cách nào đó, và con người phải có mong muốn hồi sinh nó. Điều này đã xảy ra với một thổ ngữ vùng Nam Úc, tiếng Kaurna. Người nói tiếng Kaurna cuối cùng đã chết vào năm 1929, nhưng vào thập niên 1980 một nhóm người Kaurna đã quyết định rằng họ muốn mang ngôn ngữ này trở lại đời sống. “Ngôn ngữ này không chết”, họ quả quyết, “nó mới chỉ đang ngủ thôi”. May mắn thay, các văn bản từ thế kỷ 19 vẫn còn được lưu giữ nên một nhà ngôn ngữ học có thể hoàn thành một mô tả mới về nó và giúp người Kaurna bắt đầu học lại tiếng của mình. Hiện nay ngôn ngữ này được dạy ở trường học. Có thể một ngày nào đó có những trẻ em sẽ học nó như tiếng mẹ đẻ của mình.

Một trong những công việc mà nhà ngôn ngữ học phải làm là cập nhật lượng từ vựng. Ngôn ngữ Kaurna xưa không có từ nào để chỉ tivi hay điện thoại! Đó là một đặc tính của ngôn ngữ: chúng không bao giờ đứng im. Khi ta nghiên cứu ngôn ngữ, một trong những vấn đề quan trọng nhất là khảo sát sự thay đổi của ngôn ngữ.

LỜI NÓI CỦA CON VỆT

Năm 1801, nhà thám hiểm Alexander von Humboldt đi tìm nơi phát nguyên của dòng sông Orinoco ở Nam Mỹ. Ông ta gặp một số người Anh-điêng Carib vừa mới tham gia tấn công một bộ tộc láng giềng. Chúng đã giết tất cả người của bộ tộc đó nhưng lại mang về nhà mình những con vẹt của họ.

Những con vẹt cứ nói suốt, đúng kiểu của lũ vẹt. Và khi von Humboldt nghe chúng nói, ông nhận ra rằng chúng đang nói ngôn ngữ của những người Anh-điêng bị giết hại kia. Ông quyết định viết ra những từ đó, để ghi lại âm thanh của ngôn ngữ này. Không còn người nào nói ngôn ngữ đó nữa. Lũ vẹt là chỗ dựa duy nhất để ông hoàn thành công việc này.

Gần 200 năm sau, một nhà điêu khắc người Mỹ tên là Rachel Berwick quyết định hồi sinh ngôn ngữ này. Cô kiếm hai con vẹt Nam Mỹ và dạy chúng nói một số từ mà von Humboldt đã ghi lại. Rồi cô cho chúng vào một cái lồng lớn được bao quanh bởi tán cây và những âm thanh của rừng già, rồi mang chúng đi trưng bày ở một phòng tranh. Lũ vẹt vui vẻ trò chuyện suốt.

Và như vậy, ngôn ngữ ấy lại hồi sinh. Mặc dù đó chỉ là lời nói của những con vẹt nhưng nếu được nghe những lời ấy thốt lên bạn sẽ cảm thấy rừng mình.





Sự thay đổi của ngôn ngữ

Mọi ngôn ngữ đương thời đều thay đổi. Chúng phải thay đổi. Ngôn ngữ không thể tồn tại mà tách rời khỏi những người sử dụng chúng. Và bởi vì con người thay đổi thường xuyên, ngôn ngữ của họ cũng thay đổi, để theo kịp với họ. Chỉ những ngôn ngữ chết mới không thay đổi. Ngay cả trong trường hợp đó, như ta đã thấy ở Chương 20, hồi sinh ngôn ngữ là điều có thể, và ngôn ngữ được hồi sinh lại tiếp tục sống và thay đổi.

Tại sao ngôn ngữ thay đổi? Đôi khi lý do rất hiển nhiên. Nếu ta phát minh ra thứ gì đó, ta cần đặt cho nó một cái tên, và vào thời điểm đó một từ mới được thêm vào ngôn ngữ. Hãy thử nghĩ về một số từ đã trở nên phổ biến trong tiếng Anh dùng để chỉ những tiến bộ trong những năm đầu thế kỷ này. Rất nhiều từ trong số chúng liên quan đến mạng internet:

Google, viết blog, nhắn tin, SMS, iPhone, tin nhắn tức thời (IM), Facebook, Twitter.

Nếu ta có thể du hành ngược thời gian trở lại năm 1990, và nói chuyện với con người khi ấy, ta phải nhớ rằng không được dùng bất kỳ từ nào trong số này, vì họ sẽ không hiểu ta đang nói về cái gì. Dr Who⁽¹⁾ hẳn gặp chuyện này thường xuyên!

Khi du hành ngược thời gian chúng ta cũng sẽ nhận ra một điều khác nữa. Con người thời đó sẽ không hiểu hết các từ của chúng ta; nhưng đôi khi chính ta cũng sẽ chẳng hiểu được từ ngữ của họ. Thử tưởng tượng cỗ máy thời gian đưa ta tới năm 1850 chẳng hạn. Ta sẽ nghe thấy những câu thế này:

Bọn tôi sẽ đi brougham tới. Nhà Smith cũng sẽ đến bằng clarence. Còn nhà Brown thì chắc sẽ tới bằng landau.

Brougham (đọc giống “broom”), clarence, và landau là gì? Là các loại xe ngựa kéo 4 bánh thường được sử dụng vào nửa sau thế kỷ 19. Người ta ngừng sử dụng chúng khi xe có động cơ được phát minh - mặc dù đôi khi ta vẫn sẽ thấy một chiếc nào đó vào những dịp đặc biệt như khi Nữ hoàng Anh tới xem đua ngựa tại trường đua Ascot.

Những từ mới được đưa vào sử dụng. Những từ cũ dần bị lãng quên. Đây là mẫu thức ta thấy ở mọi lĩnh vực hiểu biết của con người và mọi khía cạnh của xã hội. Những từ cũ tất nhiên không bao giờ biến mất hoàn toàn. Chúng ta thấy chúng mỗi khi đọc một cuốn sách cũ, và nghe thấy chúng mỗi khi ta đi xem một vở kịch được viết từ xa xưa. Một vài nhân vật trong các vở kịch của Shakespeare bị gọi là “arrant knaves”. Trong tiếng Anh hiện đại ta dùng từ “nhân vật phản diện tuyệt đối” (complete willains). Người ta thôi không dùng từ “arrant knaves” từ 300 năm trước rồi. Nhưng những từ này

1. Dr Who là nhân vật phim truyền hình khoa học giả tưởng của Anh, thuộc một chủng loài ngoài hành tinh và luôn phiêu lưu tới không gian và thời gian khác.

vẫn còn xuất hiện trong các vở kịch đợi chờ diễn viên thổi sức sống mới vào trong chúng.

Từ vựng là lĩnh vực ta thường nhận thấy sự thay đổi của ngôn ngữ nhất, bởi mỗi năm vài trăm từ mới lại ra đời. Tất nhiên chúng ta chỉ gặp một vài từ mới hằng ngày. Hầu hết các từ mới đều là các thuật ngữ của các lĩnh vực kiến thức chuyên ngành mà ta chẳng hề biết đến, hay chúng có thể là những tiếng lóng được một nhóm người nào đó sử dụng.

Nhưng mỗi năm ta lại nhận ra mình đang sử dụng một số từ hoặc ngữ mới mà trước đây ta chưa sử dụng bao giờ. Trước năm 2008 hầu như chưa có một ai gặp thuật ngữ “khủng hoảng tín dụng”. Thế rồi đột nhiên tất cả mọi người đều dùng nó. Mỗi năm những người làm từ điển xuất bản các bản kê những từ mới nhất được đưa vào tiếng Anh. Trong những năm qua những từ này bao gồm “sudoku”, “bling” (lấp lánh), “màn hình plasma”, và “blog”. Tôi ước gì mình có thể nói chắc chắn những từ nào sẽ xuất hiện trong tiếng Anh vào năm 2010. Tiếc thay, tôi viết sách này năm 2009 nên tôi không thể đoán được tương lai. Nhưng bạn sẽ biết được những từ mới ấy khi bạn đọc cuốn sách này.

Mọi khía cạnh của ngôn ngữ đều thay đổi. Không phải chỉ có từ ngữ. Ngữ pháp thay đổi. Phát âm thay đổi. Cách ta nói chuyện với nhau thay đổi. Ngay cả cách viết chính tả và đặt dấu câu cũng thay đổi. Nhưng không phải tất cả đều có tốc độ thay đổi giống nhau.

Khi một từ mới ra đời, nó có thể được phổ biến và được tất cả mọi người sử dụng trong vòng một vài ngày. Nếu nó được sử dụng trên mạng internet, hàng triệu hàng triệu người có thể sẽ dùng nó chỉ sau vài giờ. Các thay đổi ở những khía cạnh khác của ngôn ngữ thì cần thời gian hơn. Một thay đổi về ngữ pháp có thể phải mất 100 năm hoặc lâu hơn nữa trước khi nó trở nên phổ biến.

Hãy quay ngược thời gian trở về thế kỷ 19. Tiểu thuyết gia

Jane Austen đang trong thời kỳ sáng tác vào đầu thế kỷ này. Đây là một câu trong một lá thư của bà:

Jenny and James are walked to Charmouth this afternoon.

Ngày nay ta không thể nói như vậy. Ta sẽ phải nói thế này:

Jenny and James walked to Charmouth this afternoon.⁽¹⁾

Không ai có thể chắc chắn khi nào thì cách nói “are walked” không còn được dùng nữa và cách nói kia trở nên phổ biến. Ta nhận thấy nó dần dần ít xuất hiện hơn qua thế kỷ 19, và rồi hoàn toàn biến mất.

Trong hơn 200 năm qua rất nhiều thay đổi nhỏ trong cách cấu trúc câu như thế này đã diễn ra. Sau đây là hai ví dụ khác về cách dùng cũ xuất hiện trong văn Jane Austen. Ngày nay chúng ta sẽ nói thế nào nhỉ?

Shall not you put them into our own room?

Mr Murray’s letter is come.

Tôi nghĩ rằng ta sẽ nói “Won’t you put them in our room?” và “Mr Murray’s letter has come”⁽²⁾.

Phải mất một thời gian để một thay đổi về ngữ pháp trở nên phổ biến trong xã hội. Trước hết, chỉ một vài người dùng cách mới, rồi vài người nữa, và dần dần nó trở thành cách nói và cách viết mới. Nhưng cũng như bất kỳ thay đổi nào khác, không phải ai cũng thích nó. Những người quen với cách nói cũ thường không ưa cách nói mới. Thậm chí, họ có thể rất bực với cách mới

1. Cả hai câu đều có nghĩa là “Chiều nay Jenny và James đã đi bộ tới Charmouth”.

2. Cả hai cách nói đều có nghĩa là “Anh để chúng vào phòng mình nhé?” và “Lá thư của ông Murray đã tới”.

và cố thuyết phục mọi người đừng dùng nó - thường là bằng cách viết thư gửi đến các tòa báo hay phàn nàn với một công ty truyền thông mỗi khi họ nghe thấy một cách dùng mới trên đài hay trên tivi.

Tất nhiên họ chỉ mất thời gian của bản thân mà thôi. Một cách dùng ngôn ngữ mới ra đời khi hầu hết mọi người trong xã hội đó quyết định dùng nó. Trong trường hợp của tiếng Anh, điều này có nghĩa là hàng triệu hàng triệu người. Viết một lá thư góp ý gửi tới đài phát thanh BBC có thể khiến bạn cảm thấy thoải mái hơn nhưng điều đó không ngăn sự thay đổi này diễn ra.

Những thay đổi về phát âm cũng mất nhiều thời gian để trở nên phổ biến trong xã hội, mặc dù không lâu bằng những thay đổi về ngữ pháp. Nếu chúng ta nghe các chương trình phát thanh được sản xuất 50 hoặc 60 năm trước, chúng ta sẽ nghe thấy những giọng thời nay không còn thông dụng nữa. Và ta thường thấy những thay đổi này khi ta nghe những người từ các thế hệ khác nhau nói: chúng ta phát âm một số từ khác với cách cha mẹ ta phát âm chúng, và cách phát âm của họ cũng khác với cách phát âm của ông bà ta.

Ví dụ thế này. Bạn nói “schedule”⁽¹⁾ thế nào? Có hai cách nói trong tiếng Anh-Anh. Một cách nghe giống như “sked-youll”, đây là cách được sử dụng ở Mỹ. Cách còn lại nghe như “shed-youll”, đây là cách truyền thống được sử dụng ở Anh. Nhưng ngày nay người trẻ ở Anh thường nói “sked-youll”. Hầu hết người lớn tuổi đều nói “shed-youll”. Đây là một thay đổi đã diễn ra ở tiếng Anh trong vài thập kỷ vừa qua. Rồi một ngày tất cả những người ở Anh sẽ nói “sked-youll”, và cách nói “shed” sẽ bị lãng quên.

Khi một thay đổi nào đó đang diễn ra, người ta sẽ để ý và - cũng như với ngữ pháp - họ có thể sẽ nói họ không thích cách

1. Nghĩa là “kế hoạch”

dùng mới. Nhưng sau một thời gian tất cả mọi người sẽ quen với cách nói mới. Đó là điều đã xảy ra với từ “balcony”⁽¹⁾. Hai trăm năm trước, người ta phát âm từ này là “bal-coh-nee”, với trọng âm ở “coh”. Nếu ta sống qua thời kỳ giữa thế kỷ 19, ta có thể đã nghe thấy người ta cãi nhau về việc cách phát âm nào mới đúng - cách đó, hoặc cách phát âm mới thời thượng là “bal-conee”. Vài thập kỷ sau, tất cả mọi người đều phát âm theo cách mới. Cách phát âm cũ ở lại trong những trang sử.

Lĩnh vực của ngôn ngữ thay đổi chậm nhất là hệ thống chữ viết - cách ta viết chính tả, đặt dấu câu, và viết hoa các từ. Nếu xem một cuốn sách được xuất bản một thế kỷ trước, ta sẽ không thấy nhiều điểm khác biệt trong cách người viết viết chính tả hoặc đặt dấu câu. Nhưng quay ngược lại hai hoặc ba trăm năm trước, ta sẽ thấy ngay có những thay đổi đã diễn ra. Điểm nổi bật ở đoạn văn sau là gì? Đây là đoạn văn lấy từ một cuốn hướng dẫn cách viết, được xuất bản vào năm 1786.

Imitate the best Examples, and have a constant Eye at your Copy.

(Hãy bắt chước các Ví dụ hay nhất, và luôn để Mắt đến Bài viết của mình.)

Đây là cách viết tiếng Anh thông dụng vào thời kỳ đó, viết hoa chữ cái đầu các danh từ - cũng như ở tiếng Đức ngày nay. Dần dần người viết không làm việc này nữa. Ngày nay chúng ta dùng chữ hoa chỉ ở một vài chỗ - đầu câu, cho từ “I” (tôi), và cho tên người, nơi chốn, vãn vãn. Và đôi lúc là còn để đùa - như khi ta đang muốn nhấn mạnh Một Điểm Quan Trọng.

Dưới đây là một ví dụ về dấu câu. Nếu tôi sống vào năm 1900, tôi hẳn đã nhận được một lá thư với dòng địa chỉ thế này:

1. Nghĩa là “ban công”

Ông David Crystal,
22, Phố New,
London, W.C.1.

Tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu tôi nhận được một lá thư có dòng địa chỉ giống như cách làm ngày nay. Rất nhiều khả năng nó sẽ giống thế này:

Ông David Crystal
22 Phố New
London
WC1 2GG

Không có dấu câu nào, và lẽ trái thẳng đều. Ngày nay đây là cách làm phổ biến. Người ta thấy cách này giúp các dòng địa chỉ sạch sẽ gọn ghẽ. Hạn chế tối đa dấu câu chính là cách làm của thời hiện đại.

Cuối cùng là một ví dụ về cách ta thay đổi cách trò chuyện qua thời gian. Ngày nay ta chào nhau thế nào? Ta nói tạm biệt ra sao? “Hi” đã thay thế “hello” đối với rất nhiều người trẻ - và dần dần cả người lớn tuổi nữa. Và “good bye” được thay thế bằng “bye”, “see you later”, và “ciao” (từ tiếng Ý). Nếu quay ngược lại thời gian thêm nữa, ta sẽ thấy cả những khác biệt còn lớn hơn. Vào thời của Shakespeare, người ta nói những câu như là “farewell”, “fare you well” và “adieu” (từ tiếng Pháp, phát âm là “add-you”). Hoặc, nếu bạn muốn thật sự hoa lá cành, thì đây: “I do commend me to you” (Tôi gửi bạn những lời chúc tốt đẹp nhất). Họ cũng nói “goodbye”, ngoại trừ việc dưới dạng thể hiện nguồn gốc của từ này - “God bye”, dạng đơn giản của câu “God be with you” (Cầu mong Chúa ở bên bạn).

Đây cũng là cách rất hay để chúng ta kết lại chương này.

A LÔ?

Công nghệ mới luôn mang đến những cách sử dụng mới, nhưng ta cũng nhanh chóng quen với chúng. Khi điện thoại ra đời, người ta phải nghĩ xem mình cần nói gì khi nó reo. Một số người nói lớn tên mình. Một số người nói "Xin chào?" Một số người nói "Ai đấy?" Một số người đọc số điện thoại của mình.

Cuối cùng có một kiểu đáp trở thành thói quen. Ở Anh, đó là đọc số điện thoại của mình. Nhưng các kiểu đáp khác nhau tùy theo hoàn cảnh. Ngày nay, đặc biệt trên điện thoại di động, người ta thường nói "Xin chào?" hoặc "Chào", hoặc nói tên mình. Ở văn phòng, nơi ai cũng biết nhau cả, kiểu đáp có thể chỉ đơn giản là "Vâng". Một cuộc gọi tới công ty dịch vụ có thể mang đến một kiểu đáp khuôn mẫu như "Xin chào, tôi là Jane. Tôi có thể giúp gì cho quý vị ạ?"

Tất nhiên máy trả lời tự động có quy luật riêng của chúng. Các tin nhắn thoại có thể rất khuôn mẫu và lịch sự hoặc cực kỳ điên khùng. Gần đây tôi có để lại tin nhắn thoại trên máy trả lời tự động nói: "Xin chào, đây là Bugs Bunny. Tôi hiện không có mặt..."

Đừng hy vọng người ta làm giống mình ở đất nước khác. Trong tiếng Đức, khi điện thoại reo, người ta đáp bằng họ của mình. Trong tiếng Pháp, người ta thường nói "A lô?". Trong tiếng Ý, người ta nói "Pronto", có nghĩa là "Sẵn sàng". Và trong tiếng Nhật từ tương đương với "A lô" là "Moshi moshi".





Khi ngôn ngữ biến thể

Ta đã thấy ở Chương 12 rằng một ngôn ngữ không giống hệt ở tất cả những nơi người ta sử dụng nó. Nó xuất hiện với những hình thái phương ngữ và giọng khác nhau, các hình thái này cho ta biết người nói đến từ vùng nào hay đất nước nào. Đây là một hình thức biến thể quan trọng của ngôn ngữ. Nhưng đây cũng không phải là cách biến thể duy nhất.

Ở những chương đầu cuốn sách này ta đã thấy một kiểu biến thể khác của ngôn ngữ - kiểu biến thể này liên quan đến độ tuổi. Nếu lắng nghe một đoạn ghi âm giọng nói của những người độ tuổi từ 1 đến 100, ta sẽ có thể đoán được sơ sơ họ khoảng bao nhiêu tuổi. Tất nhiên ta sẽ không thể đoán chính xác được. Nhưng ta sẽ có thể đoán Giọng A là một đứa nhỏ, Giọng B là một cậu thiếu niên, Giọng C là một người trung niên, Giọng D là của một cụ già, ví dụ thế.

Làm sao ta biết được? Dấu hiệu chính là ở chất âm của giọng nói. Trẻ em thường có giọng nói âm cao, như ta đã thấy ở Chương 4. Rồi sau đó, vào những năm thiếu niên, giọng sẽ “vỡ” và trở nên trầm hơn và vang hơn. Giọng nói già dặn hơn trong những năm ta đôi mươi và ba mươi. Và khi ta già đi, giọng nói sẽ yếu hơn, trầm xuống và khàn hơn, vì các cơ điều khiển phổi và các nếp gấp thanh đới không còn làm việc hiệu quả như trước nữa.

Có những dấu hiệu khác cho thấy tuổi tác của người nói. Nếu trong một vài lần ghi âm, ai đó nói “Khủng đấy!” (nghĩa là “tuyệt vời”), thì người đó bao nhiêu tuổi? Rất có khả năng đó là một người trẻ tuổi, vì từ “khủng” đã bắt đầu mang nghĩa “tuyệt vời” trong cộng đồng những người trẻ tuổi những năm gần đây. Mặt khác, nếu ta nghe thấy ai đó nói “Số dzách” (cũng có nghĩa là “tuyệt vời”), thì rất dễ đó là một người già, bởi đây là cách nói phổ biến vào khoảng vài chục năm trước. Từ vựng, cách phát âm, và ngữ pháp của ngôn ngữ chúng ta sử dụng thường có những đặc điểm cho biết tuổi tác. Và cách trò chuyện cũng vậy. Cháu có thể chào ông “Hi!” nhưng có khi sẽ nghe ông đáp lại “Hello”.

Có lẽ điểm nổi bật nhất trong biến thể ngôn ngữ là sự khác biệt về giới tính. Thường thường ta sẽ nhận ra người nói là nam hay nữ khi nghe một giọng nói. Âm của giọng nói thể hiện điều này - âm cao ở người nữ, âm thấp ở người nam - mặc dù đôi khi ta cũng bị bất ngờ, vì một số người nam có giọng cao còn một số người nữ có giọng trầm.

Thêm nữa, ở một số ngôn ngữ, cách nam giới nói chuyện khác với cách nữ giới nói chuyện. Ví dụ như trong tiếng Nhật, có những từ và câu nhất định chỉ có nam giới sử dụng, và những từ và câu nhất định khác mà chỉ có nữ giới sử dụng. Nếu bạn đến một ngôi trường ở Nhật và thấy một dòng tin trên bảng thông báo viết rằng “boku...”, bạn sẽ biết hẳn dòng tin này do một nam học sinh viết, bởi đó là từ nam giới dùng để chỉ “tôi”. Nếu một nữ

học sinh viết dòng tin đó, rất có thể từ chỉ “tôi” sẽ là “watashi”. Tất nhiên tôi phải nói “rất có thể” bởi vì luôn có khả năng một cô gái sở hữu tính cách mạnh mẽ sẽ dùng từ “boku”. Nhưng thường thường hai từ này sẽ được hai giới sử dụng khác nhau.

Trong tiếng Anh không có sự khác biệt này. Nam hay nữ đều dùng “I”. Không có cấu trúc ngữ pháp hay từ vựng nào chỉ được nam dùng hoặc chỉ được nữ dùng. Tất nhiên một số từ có thể thường được giới này dùng hoặc giới kia dùng nhiều hơn. Nữ thường hay dùng “cực” hơn chẳng hạn - trong những câu như “Chúng tôi cực bạn”. Họ thường hay dùng những từ kiểu như “tuyệt vời” và “siêu” (theo nghĩa “cực kỳ”), và những câu cảm thán như “Ôi cứu tôi” hoặc “Ôi trời”. Nhưng những từ này đều theo phong trào/xu hướng. Nam hoàn toàn có thể nói “Ôi trời” và sự thực là họ cũng hay nói như vậy.

Cách chúng ta nói năng còn có thể cho người khác biết về nguồn gốc dân tộc của ta nữa - da trắng hay da đen hay da màu khác, hoặc gia đình ta là người Nam Á hay đến từ vùng biển Caribe hoặc châu Phi hoặc một nơi nào khác. Con người rất tự hào về nguồn gốc của mình và họ thường tạo ra những cách giao tiếp đặc trưng cho nguồn gốc của mình.

Cách nói năng của người da đen ở Mỹ và vùng Caribe là một ví dụ rõ nét. Chúng ta thường nghe thấy những câu nói như thế này, thể hiện một lối ngữ pháp khác với ngữ pháp tiếng Anh chuẩn:

She go by bus. (Tiếng Anh chuẩn: She goes by bus.)⁽¹⁾

They fine. (Tiếng Anh chuẩn: They are fine.)⁽²⁾

We be done washed the car soon. (Tiếng Anh chuẩn: We will have washed the car soon.)⁽³⁾

1. Nghĩa là “Cô ấy đi bằng xe buýt”

2. Nghĩa là “Họ ổn”.

3. Nghĩa là “Chúng mình sẽ rửa xe xong nhanh thôi”.

Không phải người da đen nào cũng dùng những mẫu câu này, và không phải tất cả đều dùng chúng theo cùng một cách. Nhưng hầu như không thấy người da trắng nào dùng những mẫu câu này.

Chú ý rằng đây không phải là những cách nói thể hiện sự khác biệt vùng miền. Hai người có thể sống cả đời mình trong một thành phố ở Alabama, miền Nam nước Mỹ, nhưng một người nói “We be done washed” còn người kia nói “We will have washed”. Họ đều nói tiếng Anh-Mỹ vùng Alabama. Nhưng họ nói hai thứ tiếng Anh khác nhau bởi vì một người là người da đen còn người kia da trắng.

Chúng ta đã gặp một dạng biến thể ngôn ngữ khác ở Chương 10, 11 và 12, khi ta bàn về những khác biệt giữa cách nói năng của tầng lớp thượng lưu và tầng lớp bình dân. Mọi xã hội đều có những con người thuộc giới “chóp bu” - các nhà quân chủ, tổng thống, dòng dõi quý tộc, và những người có những công việc quyền lực như trong chính quyền hoặc ở lĩnh vực kinh doanh. Và mọi xã hội đều có những con người “dưới đáy” - ít học, nghèo rớt, và không sở hữu chút quyền lực nào. Ở giữa họ, có thể có những tầng lớp khác, ở một vài nước có thể được nhận diện qua cách ăn mặc hoặc hành xử, hoặc qua nghề nghiệp - hoặc, tất nhiên, qua cách họ sử dụng ngôn ngữ.

Ngôn ngữ là một dấu hiệu mạnh mẽ cho thấy tầng lớp xã hội của một con người. Nếu một xã hội có sự phân tầng rõ rệt, các tầng lớp này sẽ thể hiện qua cách con người sử dụng ngôn ngữ. Ví dụ, một số người sẽ có giọng “sành điệu”. Và những người có học sẽ nói và viết thứ ngôn ngữ được coi là “tốt nhất” - tiếng Anh chuẩn, trong trường hợp các nước nói tiếng Anh.

Trong thời kỳ những sự phân chia ở xã hội nước Anh còn rõ rệt, chỉ cần một từ thôi cũng đủ để người ta nhận ra bạn thuộc tầng lớp nào. Nếu bạn thuộc tầng lớp thượng lưu, bạn nói “lavatory

paper”, nếu không phải như vậy bạn nói “toilet paper”⁽¹⁾. Người thượng lưu ăn “luncheon”, ngắm mình trong “looking glass”, và ăn “vegetables”. Mọi người khác trong xã hội ăn “dinner”, ngắm mình trong “mirror”, và ăn “greens”⁽²⁾. Những khác biệt kiểu này vẫn còn tồn tại đến ngày nay, nhưng chúng không còn rõ rệt vì sự phân chia giữa tầng lớp thượng lưu và tầng lớp bình dân không dễ thấy và phổ biến như trước đây nữa.

Một kiểu biến thể ngôn ngữ khác lại cho thấy mối quan hệ giữa con người với người. Ta nói chuyện với người khác như thế nào? Tất cả còn phụ thuộc vào mức độ mối quan hệ của ta với họ, và tính chất mối quan hệ. Nếu là bạn bè, ta sẽ nói chuyện với họ theo cách thân quen. Nếu là bạn thân, ta thậm chí còn thân thiết hơn. Và nếu không quen biết chút nào, ta sẽ xa cách và khách sáo hơn.

Dấu hiệu rõ rệt thể hiện tính chất một mối quan hệ chính là cách ta gọi nhau. Hãy thử tưởng tượng bạn gặp một người tên John Williams. Bạn có thể gọi anh ta theo một vài cách, và mỗi cách sẽ nói lên mối liên hệ giữa bạn với anh ta. Một số cách mang tính chất thân mật, một số cách lại mang tính chất chuyên nghiệp.

Chào ông Williams

Chào John

Chào Johnnie

Chào Williams

Chào J W

Chào Nobber

Rất nhiều khả năng, trong trường hợp cuối cùng, hai người là những người bạn thân rất lâu năm!

1. Cả hai đều có nghĩa là “giấy vệ sinh”.

2. Các cặp từ này có nghĩa là “bữa trưa”, “tấm gương”, “rau”.

Một số ngôn ngữ cho phép người sử dụng chúng dùng nhiều biến thể với từ chỉ ngôi thứ hai để thể hiện mối quan hệ giữa người nói và người nghe. Ví dụ như trong tiếng Pháp, chúng ta có thể lựa chọn dùng “tu” hoặc “vous”, phụ thuộc vào độ gần gũi của chúng ta với người nghe: “vous” là cách dùng lịch sự để gọi người đối diện; “tu” được dùng khi ta đã biết rõ người đối diện. Trong tiếng Pháp, khi hai người bắt đầu cảm thấy họ có thể gọi nhau là “tu” thì đó là một khoảnh khắc đặc biệt.

Chúng ta có những lựa chọn tương tự khi viết thư cho nhau - ví dụ như khi ta chọn cách mở đầu và kết thúc một bức thư tay hoặc thư điện tử. Những mở đầu thư sau cho ta biết điều gì về mối quan hệ của người viết và người đọc?

Gửi Jane

Kính gửi cô Smith

Kính gửi bà

Jane yêu dấu

Ê, Janie em yêu

Lựa chọn đầu tiên là cách dùng lịch sự thông thường. Lựa chọn thứ hai trang trọng hơn. Lựa chọn thứ ba rất tạo khoảng cách - có khi người viết thư chính là một cái máy tính! Lựa chọn thứ tư khá thân mật. Và lựa chọn cuối cùng là của “đứa bạn thân”.

Cuối cùng, cách ta nói hoặc viết cũng bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh thực tế của chính mình. Ở một nơi ồn ào, ta phải nói thật lớn để người ta nghe thấy. Trong một buổi lễ ở nhà thờ, mục sư sẽ nói với một giọng đặc biệt. Trên đài phát thanh, các phát thanh viên phải nói chậm hơn cách nói chuyện hằng ngày.

Đôi khi, hoàn cảnh khiến ta phải dùng cách nói chuyện đặc biệt. Ví dụ như trong một phiên tòa, người ta phải gọi thẩm phán theo một cách nhất định, ở Anh là “m’lud” (“my lord”) hay ở Mỹ là “your honor”. Trong Nghị viện Anh, theo truyền thống

các chính trị gia gọi nhau bằng những cụm từ đặc biệt. Nói “Như Michael White vừa nói...” là sai. Phải nói là “Như Người bạn Đáng kính của tôi vừa nói...” (nếu như hai người thuộc cùng một đảng chính trị) hoặc “Như Quý ngài Đáng kính vừa nói...” (nếu như hai người thuộc hai đảng chính trị khác nhau).

Ngôn ngữ viết cũng phải thay đổi theo hoàn cảnh rất nhiều, đặc biệt là ở cách người ta trình bày chúng trên trang giấy hoặc trên màn hình. Các đầu đề của một tờ báo được in rất lớn để người đọc không lỡ mất các bài báo. Cũng như vậy, nếu bạn viết một tờ rơi để quảng cáo cho một sự kiện trường học, bạn cần phải viết chữ cho lớn thì mới dễ đọc. Và khi người ta quảng cáo thứ gì, họ sẽ sử dụng màu sắc, khoảng cách, rồi kích cỡ kiểu dạng của chữ và dấu câu cẩn thận, sao cho ngôn ngữ phải phù hợp với đối tượng quảng cáo. Ví dụ, theo bạn, cách trình bày nào dưới đây phù hợp với hai quảng cáo này nhất?

HIỆU TRÀ XƯA CỦA BẠN
HIỆU TRÀ XƯA CỦA BẠN

CẤT CÁNH CÙNG FASTAIR
NGAY HÔM NAY

CẤT CÁNH CÙNG FASTAIR
NGAY HÔM NAY

Tôi không nghĩ là mình sẽ chọn hãng hàng không trông cổ xưa thế kia đâu!

MẤY GIỜ RỒI?

Lúc này là 10 giờ tối thứ Bảy và bạn muốn kể về chuyện bạn đã làm gì 12 tiếng đồng hồ trước. Bạn sẽ nói thế này:

Sáng nay tôi đã đi mua đồ.

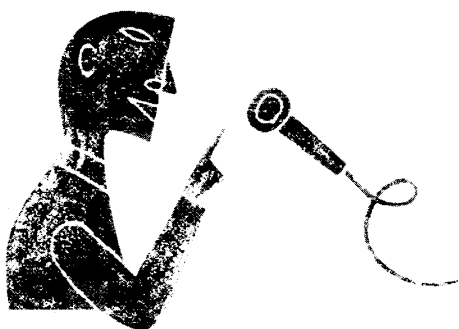
Nhưng thử nghe một kênh tivi quốc tế xem, ví dụ như BBC World Service hay CNN, bạn sẽ nghe thấy cách nói khác. Hôm nay vẫn là thứ Bảy, mà phát thanh viên lại nói:

Tổng thống Obama đã tới New York vào sáng thứ Bảy.

Bạn sẽ chẳng nghe thấy người ta nói thế này đâu:

Tổng thống Obama đã tới New York sáng nay.

Đó là vì chương trình được phát ở rất nhiều nơi trên thế giới, có những nơi thuộc múi giờ khác. Ở một số nơi có thể đã là sáng Chủ nhật nên nói "sáng nay" dễ gây hiểu nhầm. Đây là một ví dụ khác nữa cho thấy hoàn cảnh ảnh hưởng đến bản chất ngôn ngữ mà ta dùng - mặc dù ở đây sự thay đổi là do cảm nhận về thời gian, không phải về nơi chốn.





Ngôn ngữ công việc

Chúng ta còn thấy nhiều biến thể hơn nữa nếu xem xét ngôn ngữ ở nơi làm việc.

Lần tới, khi bạn đến một thư viện trường học, hãy để ý xem các cuốn sách được bố trí như thế nào. Có các khu vực như SINH HỌC rồi LỊCH SỬ rồi ĐỊA LÝ rồi TÔN GIÁO rồi VĂN HỌC rồi KHOA HỌC. Ở thư viện công cộng cũng như vậy - ngoại trừ có nhiều đề mục hơn nữa. Chẳng hạn, bạn sẽ thấy LUẬT và Y DƯỢC, những thứ thường không được dạy ở trường phổ thông.

Hãy thử cầm một cuốn sách từ hai khu vực trong số này - văn học và khoa học chẳng hạn - và giở tới một trang giữa cuốn sách nhé. Chọn một đoạn văn mà đọc xem. Bạn không cần phải hiểu người viết đang nói về chuyện gì. Chỉ cần chú ý xem người viết nói về chuyện đó như thế nào thôi. Bạn sẽ thấy những khác biệt thế này:

Harry liếc nhìn tấm gương bụi mờ, rạn nứt ngang dọc, và trông thấy Ron cùng Hermione trao nhau ánh mắt ngờ vực sau lưng cậu.

Mây ti thường xuất hiện ở những nơi có độ cao lớn hơn so với mực nước biển, khoảng 6.000 mét, nhưng cũng có thể ở độ cao thấp hơn nhiều ở những vùng cực lạnh lẽo.

Cách viết của hai cuốn sách có cảm giác rất khác nhau. Tại sao?

Đó là vì hai tác giả đang nhắm tới những mục đích khác nhau. Ở ví dụ thứ nhất, ta được kể cho nghe một câu chuyện hấp dẫn, thế nên ta thấy những từ ngữ có thể tạo ra không khí gay cấn, như “bụi mờ” và “rạn nứt ngang dọc”. Chúng ta thấy được tên của các nhân vật đang đẩy câu chuyện diễn tiến. Và chúng ta thấy nút thắt mới trong diễn tiến đó: tại sao Ron và Hermione nhìn nhau? Chi tiết này khiến chúng ta muốn đọc tiếp.

Trong ví dụ thứ hai, không có tên riêng, không có những từ ngữ tạo không khí hay cảm giác, không có nút thắt câu chuyện. Chúng ta chỉ được kể cho nghe những thông tin cơ bản, ngắn gọn và chính xác. Tóm lại, hành văn mang tính khoa học. Chúng ta được cung cấp kiến thức mà không có những kịch tính. Ta có thể đọc tiếp nếu muốn, nhưng ta không có cảm giác thôi thúc phải làm điều đó.

Ta có thể cảm nhận sự khác biệt giữa hai phong cách này nếu ta trộn lẫn chúng vào nhau. Bạn thử xem kiểu này là kiểu gì?

Harry ăn xong chỗ ngũ cốc ngô và thấy mây ti ở độ cao lớn hơn so với mực nước biển, khoảng 6.000 mét, nhưng Hermione, đang mặc váy đỏ, nghĩ rằng chúng có thể nằm ở độ cao thấp hơn nhiều ở những vùng cực lạnh lẽo.

Đoạn văn này nghe rất kỳ cục. Nó không còn mang tính khoa học nữa. Vì sao thế?

Đó là vì, khi ta viết về khoa học, các cá nhân, hay trang phục của họ, hay thứ họ ăn vào bữa sáng, không còn quan trọng nữa. Sự thực là mây ti tồn tại ở độ cao 6.000 mét cho dù Harry có thấy

chúng ở đó hay không. Sự thực là chúng tồn tại ở độ cao thấp hơn ở các vùng cực lạnh lẽo, bất kể Hermione nghĩ gì đi chăng nữa. Quan điểm cá nhân của họ không phải là vấn đề. Và mây ti sẽ vẫn tồn tại ở độ cao 6.000 mét ngay cả khi cô mặc váy màu xanh hay khi Harry ăn sáng với bánh mì nướng.

Trong ngôn ngữ khoa học, câu văn nói về một hoạt động diễn ra nhưng không cho ta biết về những người thực hiện hoạt động đó. Các nhà khoa học viết câu giống như ví dụ thứ hai dưới đây, không phải ví dụ đầu:

Harry thấy mây ti ở độ cao lớn. (Chúng tôi biết ai thấy chúng.)
Mây ti tồn tại ở độ cao lớn. (Chúng tôi không biết ai thấy chúng.)

Đây là kiểu ngôn ngữ chúng ta gọi là “khách quan”.

Chúng ta cũng không để trí tưởng tượng lẫn lộn khi ta thử viết với phong cách khoa học. Chúng ta sẽ không thể thấy hành văn kiểu thế này trong một cuốn sách khoa học:

Mây ti thật sự đẹp và chúng khiến tôi vui sướng rộn ràng mỗi khi được ngắm chúng, và chúng tồn tại ở độ cao lớn.

Khoa học không quan tâm đến cảm xúc của chúng ta. Một người nào đó có thể thấy mây đẹp và vui sướng rộn ràng. Người khác thì không. Nhưng sự thực là mây ti tồn tại ở độ cao lớn, và khoa học nhắm vào mục tiêu nêu lên thông tin. Nếu bạn muốn biết người ta có cảm giác gì, thì tốt nhất là bạn nên đọc thơ hoặc tiểu thuyết.

Chúng ta có thể tổng hợp tất cả các ví dụ trên đây bằng cách nói rằng ngôn ngữ khoa học không giống với các loại ngôn ngữ khác. Nó sử dụng các từ và cấu trúc đặc biệt để mô tả và giải thích bản chất của vũ trụ, thường là kèm với rất nhiều ký

hiệu và biểu đồ. Nếu bạn đang học tập để trở thành một nhà khoa học, một trong những điều đầu tiên bạn cần làm là học cách nói và viết cho khoa học. Cũng hơi giống như khi ta học một ngôn ngữ mới.

Điều này cũng giống như những công việc khác trong đời. Nếu bạn muốn trở thành luật sư, hay bác sĩ, hay giáo sĩ, hay phát thanh viên, hay bình luận viên thể thao, bạn phải học một kiểu ngôn ngữ mới. Tất cả mọi công việc đều có những từ ngữ đặc biệt của nó (còn gọi là “thuật ngữ chuyên môn”) và cả ngữ pháp cũng đặc biệt như vậy, cùng với cách nói và viết riêng của nó. Thử nghĩ về những bình luận viên thể thao trên đài phát thanh hoặc đài truyền hình mà xem, về việc phong cách của họ thay đổi ra sao phụ thuộc vào môn thể thao mà họ bình luận. Một trận bóng đá nghe sẽ rất khác với một cuộc đua ngựa hay là một trận quần vợt. Đầu tiên, tốc độ và âm lượng của giọng người bình luận trong các trường hợp đó là đã khác nhau rồi. Cho dù có đứng cách xa tivi, bạn thường có thể đoán được ngay môn thể thao nào đang được phát qua việc lắng nghe tông giọng của bình luận viên.

Các nghề nghiệp của mọi người giúp ta tiếp cận với một biến thể khác của ngôn ngữ. Chúng ta có thể nói về “tiếng Anh khoa học”, “tiếng Anh tôn giáo”, “tiếng Anh ngành y dược”, vân vân. Những kiểu biến thể ngôn ngữ này giống như những tiếng địa phương hay giọng địa phương mà ta đã bàn tới ở Chương 12, ngoại trừ một điều chúng không cho ta biết người dùng từ đâu tới, mà là họ làm nghề gì. Chúng thường được gọi là ngôn ngữ nghề nghiệp là vì thế.

Khi lớn lên, chúng ta biết nhiều hơn về ngôn ngữ nghề nghiệp. Chỉ cần xem tivi là ta biết cách cảnh sát, luật sư, bác sĩ, và đủ mọi người làm các nghề khác nhau nói như thế nào. Nếu ta đến nhà thờ Thiên Chúa hay nhà thờ Hồi giáo, hoặc một không gian tôn giáo nào khác, ta sẽ thấy các kiểu ngôn ngữ rất nổi bật được dùng ở đây. Đây đó ngoài kia, ta nghe người làm ở các cửa

hàng, các chợ, các hội chợ sử dụng kiểu ngôn ngữ riêng của họ để bán hàng cho ta. Ta nghe thấy các phát thanh viên trên tàu hỏa, tàu thủy, máy bay sử dụng kiểu ngôn ngữ riêng của họ để báo tin cho ta. Thậm chí ngay cả trước khi lên 10, ta cũng đã nắm được khá nhiều điều về việc nghề nghiệp có thể khiến ta thay đổi cách nói năng và viết lách.

Bạn có thể kiểm tra kiến thức của mình về ngôn ngữ nghề nghiệp. Đây là một loạt các câu nói của người làm các công việc khác nhau. Thử xem bạn có thể nối câu nói với đúng tên công việc không nhé. (Tôi sẽ đưa ra đáp án ở cuối chương.)

Bài 1

- | | |
|--|-----------------------|
| 1 Người biết chúng ta yêu Người. | A bình luận viên bóng |
| 2 Tôi dám khẳng định rằng anh nói dối. | đá |
| 3 Họ tưởng thế là đã hết - nhưng không phải vậy! | B hạ sĩ quan quân đội |
| 4 Đứng thẳng lên, đồ nhãi ranh kinh tởm! | C nhà quảng cáo |
| 5 Nguyên tử kết hợp lại thành các đơn vị gọi là phân tử. | D nhà khoa học |
| 6 Anh không bắt buộc phải nói bất kỳ điều gì. | E luật sư |
| 7 Mấy món này ngon quá! | F linh mục |
| | G cảnh sát |

Chúng ta cũng có thể làm bài kiểm tra với các từ đơn lẻ. Bạn nghĩ xem nghề nghiệp nào thường dùng những từ dưới đây? Hãy nối các nhóm từ với tên nghề nghiệp nhé.

Bài 2

- | | |
|--|---------------------------------|
| 1 áp thấp, biên lạnh, lượng mưa, cấp 5 | A thợ làm đầu |
| 2 ngày nghỉ, điểm đến, check-in, soát vé | B nha sĩ |
| 3 lỗ hổng, bí, sâu, răng nanh | C người kinh doanh bất động sản |
| 4 triệu chứng, chẩn đoán, mạch, thuốc | D người dự báo thời tiết |
| 5 âm li, loa, bộ điều khiển, bàn chơi đĩa, can | E đại lý du lịch |
| 6 salon, sấy tóc, dầu gội, uốn, tẩy | F bác sĩ |
| 7 chào mời, bán, đơn lập, người mua, hấp dẫn | G tay chơi nhạc DJ |

Có một điều thú vị về một từ trong nhóm số 5 ở bài kiểm tra thứ hai. “Can”. Tôi đã có thể dùng “tai nghe” thay vì từ này. Nhưng người làm việc trong lĩnh vực phát sóng thường nói về “can” chứ không phải “tai nghe” khi họ nói chuyện với nhau. Từ này thuộc nhóm từ lóng lĩnh vực phát sóng. Và chúng ta sẽ thấy, từ lóng hóa ra lại là một trong những cách quan trọng mà ta tạo ra biến thể trong lời nói của mình.

ĐÁP ÁN

Bài 1: 1F; 2E; 3A; 4B; 5D; 6G; 7C

Bài 2: 1D; 2E; 3B; 4F; 5G; 6A; 7C

NGÔN NGỮ DƯỚI DẠNG MẬT MÃ

Đôi khi một nhiệm vụ được đưa ra dưới dạng ngôn ngữ viết tắt. Nó trở thành một dạng mật mã, và chỉ những người chịu khó học mật mã mới có thể hiểu được. Bạn có hiểu được nội dung nào trong số này không?

1. d4, Nf3, Nxd4
2. K1, K2tog, K5, Cr2R
3. H_2SO_4 , CH_3 , H_2O
4. $ax^2 + bx + c = 0$
5. <i>, </i>, ,

Ở đây ta có các ví dụ từ (1) cờ vua, (2) đàn len, (3) hóa học, (4) toán học, và (5) tin học. Nếu đã học những môn này bạn sẽ lý giải được các ký hiệu này. Nếu chưa thì những ký hiệu trên đối với bạn sẽ trông như thể tiếng nước ngoài vậy.

Bản dịch nghĩa đây. "d4" nghĩa là "di chuyển quân tốt tới ô thứ tư cột d (cột của quân Hậu)". "K5" có nghĩa là "đán năm mũ". " H_2O " là công thức hóa học của nước. Các chữ cái trong một công thức toán học đại diện cho các con số chưa biết. <i> và </i> được dùng trong một loại chương trình máy tính gọi là HTML khi bạn muốn viết nghiêng một từ nào đó. <i> là dấu hiệu cho máy tính bắt đầu sử dụng chữ nghiêng, và </i> là dấu hiệu cho máy tính ngừng sử dụng chữ nghiêng. Nếu bạn đánh máy "<i>chào</i>nhé", trên trang giấy sẽ hiện lên "chào nhé".

CHƯƠNG 24



Tiếng lóng

Bạn hiểu đoạn trò chuyện này như thế nào?

Bill: Đang định đem Heo đến hiệu bánh mua ít bánh mì đây.⁽¹⁾

Ben: Tao đi với. Tao cũng phải kiếm ít nước quả cho con Pug của tao.⁽²⁾

Nghe kỳ cục quá. Có người đem lợn tới cửa hàng mua bánh mì cho nó ăn à? Rồi lại còn mua nước hoa quả cho chó nữa?

Nhưng thực ra chỉ kỳ cục nếu chúng ta không nhận ra rằng đây là thứ ngôn ngữ “sành điệu” mà một số người hâm mộ xe cộ đến phát cuồng thường hay sử dụng thôi. Để hiểu được đoạn trò chuyện này, chúng ta phải dịch các từ ra thế này:

1. Nguyên văn “I’m gonna take the Porker down to the bakery for some rolls.”

2. Nguyên văn “I’ll come with you, man. I need some juice for my Pug too.”

Heo	xe Porsche
hiệu bánh	trạm xăng
bánh mì	xăng
nước quả	xăng
chó Pug	xe Peugeot

Thế giới xe cộ toàn những từ kiểu này. Ví dụ nữa đây:

giày	bánh xe
gió ¹⁾	điều hòa
ủng	lốp xe
Roller	xe Rolls Royce
Landy	xe Land Rover

Vậy là bây giờ bạn có thể hiểu câu sau rồi:

Tớ cần sắm ủng mới cho mấy đôi giày của Landy nhà tớ.

Các từ như “giày” và “hiệu bánh” đều thuộc nhóm tiếng lóng lĩnh vực xe cộ.

Tiếng lóng là gì? Có một câu về thế này:

Tác dụng chính của tiếng lóng
Là để khoe rằng có hàng nóng.

Điều này không có nghĩa là bạn thuộc một nhóm người trẻ hay tội phạm chuyên đánh nhau ngoài phố. Nó có nghĩa là bạn có chung mối quan tâm và hoàn cảnh sống với một nhóm người. Có hàng trăm loại tiếng lóng khác nhau trong cùng một ngôn ngữ. Khi một nhóm bác sĩ tập hợp lại bàn chuyện chuyên môn, ta có thể nói là họ hình thành một nhóm như vậy. Sự việc cũng diễn ra tương tự với

1. Nguyên văn “windair”.

một nhóm luật sư hoặc cầu thủ bóng đá hoặc giáo viên. Và nếu ta nghe những thành viên của các nhóm này nói chuyện với nhau, ta sẽ thấy họ sử dụng rất nhiều từ chỉ thuộc về thế giới của họ mà thôi.

Làm thế nào mà tôi biết về những từ này ư? Có phải tôi thuộc về thế giới của những tay đua và chuyên độ xế sành điệu không? Thực ra là không. Vậy nên khi tôi nói về xe cộ, tôi không dùng những từ như là “hiệu bánh” và “giày”. Nhưng là một nhà ngôn ngữ học, tôi luôn nghe ngóng và đã nghe được những từ này trên phim ảnh và tivi. Tôi cũng để mắt đến mọi thứ xung quanh nữa. Có một số trang mạng cung cấp hàng danh sách những từ lóng do những người sử dụng chúng hằng ngày lập nên.

Các nhà ngôn ngữ học rất yêu thích công việc thu thập từ lóng. Cũng hơi giống như thú sưu tầm tem vậy - hoặc thú ngắm chim là một so sánh hợp lý hơn. Nghe này! Có một từ tôi chưa nghe thấy bao giờ! Nghĩa là gì thế? Ai dùng nó? Tôi sẽ ghi lại ngay vào sổ. Tôi còn nhớ vài năm trước tôi đến gặp bác sĩ, khi ghi đơn thuốc ông lầm bầm: “Tôi nghĩ tốt nhất là bác nên uống ít nước ép bọ¹”. Tôi chép ngay lại từ này sau khi rời phòng khám. Ý bác sĩ là “kháng sinh” đấy.

“Nước ép bọ” là một từ thuộc tiếng lóng ngành y. Bình thường, các bác sĩ sẽ chỉ dùng nó khi nói chuyện với người thuộc ngành y thôi. Vậy tại sao bác sĩ lại nói với tôi như thế? Tôi có phải bác sĩ đâu. Có thể đó là vì bọn tôi là bạn bè và cùng chung hoàn cảnh. Khi người ta có rất nhiều điều tương đồng, họ sẽ chia sẻ tiếng lóng với nhau.

Tiếng lóng thực chất rất khó tìm kiếm đối với các nhà ngôn ngữ học. Bạn có tiếng lóng riêng của mình để dùng ở trường hay ở thị trấn mình, và tôi không có cách nào để biết đến nó trừ phi bạn nói cho tôi biết về nó. Và hẳn là ngay trong lĩnh vực của bạn sẽ có vài kiểu tiếng lóng khác nhau nữa. Tiếng lóng được dùng ở trường tiểu học nhiều khả năng sẽ khác với tiếng lóng dùng ở

1. Nguyên văn “bug-juice”.

trường trung học. Nếu thị trấn của bạn có tới vài ngôi trường, thì thường mỗi trường sẽ có những khác biệt trong tiếng lóng của nó so với tiếng của các trường khác. Và thậm chí có khi có cả những từ được sử dụng theo những cách khác nhau trong cùng một trường. Có lần tôi làm việc cùng một nhóm học sinh năm cuối cấp ba, cùng lắng nghe tiếng lóng được sử dụng trong trường. Nhóm học sinh này phát hiện ra rằng tiếng lóng được học sinh năm đầu dùng rất khác với tiếng lóng mà họ dùng.

Đó là một trong nhiều đặc điểm của tiếng lóng. Thay đổi rất nhanh. Những từ đang “thịnh” năm này có thể sẽ hết “hot” vào năm sau. Sau đây là một số từ lóng rất thịnh hành khoảng vài năm trước. Bạn có còn dùng chúng không?

bling	trang sức xịn
bones	tiền
phat	tuyệt, hay
sup, wassup	có gì mới không?
wicked	tuyệt, hay
yo	chào

Và đây là một số từ lóng trong tiếng Anh từng được dùng vào thập niên 1960 và 1970:

blast	quãng thời gian cực kỳ thú vị
bread	tiền
bug	phiền
dig?	hiếu không?
fab	tuyệt vời, cực kỳ
far out	tuyệt vời, xuất sắc
funky	xịn, bánh
groovy	xịn, tuyệt
pad	nhà

Bạn có thể biết một số từ trong số này vì bạn đã nghe người có tuổi dùng chúng, hoặc có thể bạn đã thấy chúng được dùng

trong phim (như phim *Grease* chẳng hạn). Và có thể chính bản thân bạn cũng dùng chúng. Nhưng hầu hết trong số này đều thuộc vào thời kỳ 40 năm trước.

Càng ngược thời gian về trước chúng ta càng thấy khó hiểu những từ lóng mọi người từng sử dụng. Ở nước Anh vào thời kỳ Victoria, ngoài đường phố người ta hay dùng “billy” (khăn tay), “dipper” (tay móc túi), và “luggers” (đôi bông tai). Và bạn nghĩ người chủ quán trọ trong vở kịch *Những bà vợ vui vẻ ở Windsor* của Shakespeare định ám chỉ điều gì khi ông ta gọi bạn mình là “bully rook”? Đây là từ lóng của thế kỷ 16 để chỉ một “anh bạn tốt”.

Một số nhà ngôn ngữ học đã rất dửng dưng trong việc lần theo dấu vết của tiếng lóng. Một học giả tên là Eric Partridge từng lần tới những con hẻm London và hỏi han những nhân vật đầy mờ ám ở đó về loại tiếng lóng mà họ dùng. Ví dụ, một khẩu súng ngắn có thể được gọi là “đại bác”, “gậy”, “máy sưởi”, hoặc những cái tên khó đoán khác như là “bánh quy”. Tôi thấy mừng là ông ấy vẫn sống sót sau những chuyến đi đó để mà kể cho ta nghe câu chuyện này!

Khám phá tiếng lóng trong gia đình thì đỡ nguy hiểm hơn. Hầu hết các gia đình đều có những từ họ tự tạo ra mà chỉ người trong gia đình hay họ hàng và bạn bè thân biết được. Ví dụ, bạn có đặt cho cái điều khiển tivi một cái tên đặc biệt nào không? Đây chỉ là một vài cái tên cung mà người ta dùng để gọi món đồ này:

bimmer	pinger
blapper	plinky
dibber	podger
donker	pringer
dooberry	splonker
flicker	woojit

Một bộ sưu tập những từ dùng trong gia đình như thế này đã

được xuất bản vào năm 2008. Các biên tập viên gọi cuốn sách này là *Ngôn ngữ bàn bếp*⁽¹⁾.

Tiếng lóng được người ta dùng để thể hiện qua cách nói năng của mình rằng họ thuộc cùng một nhóm với nhau. Tiếng lóng không trang trọng, rất bình thường, rất gần gũi. Đây là một thứ ngôn ngữ bí mật, chỉ có những người là thành viên của một nhóm nhất định mới biết được. Do đó nó rất khác cách dùng ngôn ngữ chuẩn, như tôi đã mô tả trong Chương 10. Một cách dùng chuẩn, như tiếng Anh chuẩn, sử dụng những từ ngữ dành cho tất cả mọi người. Nếu ta muốn lời nói và lời văn của mình được càng nhiều người hiểu càng tốt, ta phải tránh dùng tiếng lóng.

Vậy, khi ta học một ngôn ngữ, một trong những điều ta phải làm là học xem từ nào chuẩn và từ nào là từ lóng. Và ta phải nhớ là không được trộn lẫn chúng với nhau. Dùng tiếng lóng khi nói chuyện với bạn bè thì bình thường và rất tự nhiên. Nếu không như thế, ta chỉ dùng tiếng Anh chuẩn, lũ bạn sẽ cho rằng ta hơi kỳ cục. Nhưng tương tự, chúng ta cũng nên tránh dùng tiếng lóng khi nói chuyện với những người nghe chung chung. Chẳng hạn, ta sẽ không bao giờ thấy phát thanh viên BBC hay CNN sử dụng tiếng lóng, vì họ phải đảm bảo rằng những gì họ nói ra mọi thính giả đều hiểu được.

Và còn một điều đặc biệt quan trọng là không được dùng từ lóng khi viết cho những người không thuộc nhóm của mình đọc. Nếu quên điều này, bạn sẽ gặp rắc rối. Nếu bạn cho những từ lóng vào trong một bài luận ở trường chẳng hạn, đừng ngạc nhiên nếu khi trả bài bạn thấy những từ này bị sửa lại. Đây sẽ là một lý do nữa (cùng với lý do tôi nhắc tới ở trang 91-92) giải thích cho việc bạn bị điểm thấp.

Ta sẽ không thể thấy từ lóng trong các ấn phẩm - tất nhiên, trừ phi người viết cố tình dùng chúng để thể hiện cách người

1. Nguyên văn "Kitchen Table Lingo".

ta nói năng, như là trong một cuốn tiểu thuyết tội phạm chẳng hạn. Trong sách này, chỉ thỉnh thoảng thôi, bạn sẽ thấy tôi sử dụng cách nói tiếng lóng - và khi đó, tôi cho chúng vào trong dấu ngoặc kép, để thể hiện rằng tôi đang dùng chúng với mục đích đặc biệt. Bạn sẽ thấy ngay một ví dụ cho việc này nếu nhìn lại đoạn văn thứ hai trong chương này. Và sẽ có một ví dụ nữa ở đoạn giữa Chương 25.

BẠN CÓ PHA PHIN ĐƯỢC KHÔNG?⁽¹⁾

Khoảng 200 năm trước, người sống ở vùng Bắc London (Cockney) bắt đầu sử dụng những cụm từ vần điệu để thay thế một số từ nhất định. Thay vì nói "chân", họ sẽ nói "quả bồ quân". Thay vì "cầu thang", họ sẽ nói "đốt đèn thấp nhang". Vậy nên bạn sẽ nghe thấy những câu thế này:

Lúc đi xuống đốt đèn thấp nhang tôi bị đập quả bồ quân đau điếng.⁽²⁾

Tại sao họ lại làm như vậy? Có lẽ chỉ để cho vui thôi. Nhưng tội phạm cũng dùng những cụm từ như vậy để cảnh sát không hiểu được chúng nói gì.

Một vài ví dụ khác về "tiếng lóng có vần" như sau.

Hampstead Heath	(địa danh)	teeth	răng
lump of lead	(cục chì)	head	đầu
artful dodger	(kẻ khéo né tránh)	lodger	bạn thuê chung nhà
lean and lurch	(nghiêng và ngã)	church	nhà thờ
Adam and Eve	(tên riêng)	believe	tin tưởng

Quá trình tạo ra những cặp vần mới vẫn còn tiếp diễn tới tận ngày nay. Bạn có biết những cụm này nghĩa là gì không?

He's on the Adrian Mole.
I want an Ali G.
She was wearing her Barack Obamas.

Tôi không biết liệu những cụm này có được dùng thường xuyên hay không, nhưng chúng đều mới chỉ được phát minh vài năm trở lại đây mà thôi.

Đáp án: He's on the dole.
I want a pee.
She was wearing a pyjamas.⁽³⁾

1. Nguyên văn "Would you Adam and Eve it?" - cách nói lóng của câu "Would you believe it?" hay "Bạn có tin được không?".

2. Nguyên văn "I hurt my plates of meat coming down the apples and pears", trong đó "plates of meat" thay cho "chân" và "apples and pears" thay cho "cầu thang".

3. Các câu này lần lượt nghĩa là "Anh ta sống bằng tiền trợ cấp", "Tôi muốn đi tiểu", "Cô ấy đang mặc đồ ngủ".

CHƯƠNG 25



Từ điển

Tôi có một thử thách cho bạn đây. Hãy trả lời các câu hỏi sau:

1. Khi ở nhà, bạn để điện thoại di động ở đâu?
2. Bạn có hiểu điện thoại di động hoạt động như thế nào?
3. Bạn dùng điện thoại di động bao lâu một lần?
4. Lần gần đây nhất bạn nâng cấp điện thoại di động là khi nào?

Tôi đồ rằng bạn đang nghĩ: “Chẳng có gì mà cũng gọi là thử thách”. Vậy sau đây là một thử thách khác.

1. Khi ở nhà, bạn để từ điển của mình ở đâu?
2. Bạn có hiểu từ điển hoạt động như thế nào?
3. Bạn dùng từ điển bao lâu một lần?
4. Lần gần đây nhất bạn nâng cấp từ điển là khi nào?

Hầu hết mọi người đều khó trả lời những câu này hơn. Đây là các câu trả lời của một người tham gia:

1. Tôi không chắc. Tôi nghĩ là trên giá sách phòng khách!
2. Không hẳn.
3. Chỉ khi tôi chơi trò đố ô chữ hoặc trò Scrabble.
4. Tôi không thể nhớ nổi.

Các câu trả lời của bạn là gì? Các câu của tôi đây.

1. Một cuốn trên bàn làm việc ngay cạnh máy tính của tôi. Một cuốn nằm trong thư mục Tài liệu yêu thích hay trực tuyến.
2. Có, tôi đã đọc phần giới thiệu đầu cuốn từ điển nói về việc người ta viết cuốn đó thế nào.
3. Gần như mỗi ngày.
4. Năm nay.

Bạn hẳn cũng ngạc nhiên khi đọc câu trả lời số 3 của tôi. Bạn có thể đã nghĩ: David Crystal đã nghiên cứu tiếng Anh bao nhiêu năm trời rồi. Tại sao ông ta lại có lúc cần phải tìm kiếm thông tin trong từ điển nữa? Chắc hẳn là ông ta đã biết mọi điều về từ ngữ rồi chứ?

Ước gì đó là sự thật! Nhưng hãy thử kiểm tra lại đoạn cuối Chương 3 mà xem, khi tôi hỏi “Chúng ta biết bao nhiêu từ?” Đối với tôi, câu trả lời là khoảng 100.000 từ. Khá nhiều, nhưng đó mới chỉ là một phần mười những từ có trong tiếng Anh. Tiếng Anh có tới hơn một triệu từ. Hầu hết là các từ liên quan đến khoa học kỹ thuật mà tôi không biết và có lẽ sẽ không bao giờ cần phải biết. Nhưng đôi khi tôi cũng gặp một trong số từ đó, và phải tra xem chúng có nghĩa là gì. Đó là khi tôi cần đến từ điển.

Ví dụ như mới hôm nọ, tôi đang đọc một câu chuyện của tác giả nọ, anh ta đi leo núi và anh ta đã đặt chân vào một “grike” để có thể leo lên dốc. Tôi không biết nó là cái gì. Một loại giày à? Hay là một dụng cụ leo núi nào đó? Tôi suýt đã chép miệng cho qua: “Chẳng sao cả - mình cũng mang máng biết nó là gì rồi”, để tiếp tục đọc. Hãy chống lại suy nghĩ đó! Luôn tra ngay xem từ đó có nghĩa là gì. Tôi đã làm như vậy, và kết quả là nó chẳng liên quan gì đến giày dép hay dụng cụ. Đó là từ chỉ chỗ nứt trên đá bị mưa xói rộng ra.

Vậy là thêm một từ nữa được bổ sung vào vốn từ vựng của tôi. Nếu tôi đã biết 100.000 từ trước đây, giờ tôi đã có 100.001 từ. Cảm giác đó rất thú. Dùng cách nói tiếng lóng của Liverpool mà tôi học được hồi còn ở đó thì là: tôi thấy “phản chết”⁽¹⁾ - rất hài lòng với bản thân. Nếu bạn hứng thú với ngôn ngữ - và nếu bạn đã đọc đến đoạn này thì hẳn là bạn phải có hứng thú với ngôn ngữ rồi - bất kỳ khi nào học thêm được một từ mới bạn cũng sẽ thấy “phản chết” cho xem.

Một lần khác mà tôi dùng đến từ điển là khi tôi nghĩ rằng tôi biết nghĩa một từ, nhưng không hoàn toàn chắc. Trong một bài viết gần đây, tôi bắt gặp từ “cơ gấp”. Đây là loại cơ gì? Tôi biết từ “gấp”, nghĩa là “gập”, vậy nên tôi đoán đây phải là một loại cơ khiến một bộ phận nào đó của cơ thể uốn gập lại được. Nhưng bộ phận nào mới được chứ? Tôi không chắc lắm. Thế là tôi kiểm tra, và câu trả lời là: bất kỳ bộ phận nào. Cơ gấp là một cơ di chuyển bất kỳ một khớp hoặc chi nào trên cơ thể.

Một điều rất quan trọng là phải để ý tới tất cả các phần của một mục từ định nghĩa trong từ điển, nếu ta muốn dùng từ đó một cách chính xác. Nếu không, rất dễ khiến người khác bối rối nếu ta nói không chuẩn. Lấy ví dụ như từ “hậu quả”. Đây là định nghĩa trong từ điển:

1. Nguyên văn: “dead chuffed”.

Các tác động sinh ra từ một sự việc (đặc biệt là từ một sự việc không hay).

Vậy là mọi người nói thế này:

Bộ phim nói về hậu quả cuộc chiến tranh ở Trung Đông.
Giao thông đình trệ mất mấy giờ đồng hồ do hậu quả từ vụ tai nạn.

Còn đây là một ví dụ dùng từ này trong bài viết luận ở trường của một học sinh.

Lễ hội nhà thờ rất vui và rất thành công, hậu quả là hàng nghìn bảng Anh đã được quyên góp cho mục đích từ thiện.

Có điều gì đó không ổn ở đây. Định nghĩa nói rằng sự việc ở đây thường là một sự việc không hay. Vậy nên nếu ta viết “hậu quả của lễ hội nhà thờ”, điều này sẽ có nghĩa là sự kiện là một thảm họa - có thể bởi vì một trận lốc xoáy đã thổi bay những căn lều! Nhưng ở đây không có thảm họa nào hết; lễ hội rất vui vẻ và thành công. Vì vậy tác giả dùng từ “hậu quả” là sai. Anh ta lẽ ra đã phải viết:

Lễ hội nhà thờ rất vui và rất thành công, kết quả là hàng nghìn bảng Anh đã được quyên góp cho mục đích từ thiện.

Nếu anh ta bỏ chút công sức tra từ này trong từ điển, thì đã có thể tránh được sai sót này.

Từ điển còn có những tác dụng gì nữa? Rất nhiều người dùng từ điển để kiểm tra chính tả, đặc biệt khi họ đang bước đầu học ngoại ngữ mới. Đó là một trong những lý do chính mà học sinh sử dụng từ điển. Một tác dụng nữa là kiểm tra xem từ đó

phát âm ra sao. Mới hôm trước tôi gặp từ “telemeter” trong một cuốn sách, và tôi nhận ra rằng tôi không biết phát âm nó như thế nào. “Telemeter” là một dụng cụ ghi lại dữ liệu ở cách một quãng xa. Nhưng người ta phát âm từ này thế nào?

Có phải là “tell-y - meet - er”, trọng âm ở âm tiết đầu tiên?

Hay là “te - lem - iter”, với trọng âm ở âm tiết thứ hai?

Từ điển của tôi cho biết rằng cả hai cách đều được mọi người sử dụng, nhưng cách đầu tiên được dùng nhiều hơn.

Từ điển cũng cung cấp cho ta những thông tin khác nữa. Nó sẽ cho ta biết về đặc tính ngữ pháp của từ đó - có thể là từ loại của nó, danh từ, động từ, hoặc từ loại khác. Nó cũng cho ta biết liệu từ đó có cách dùng đặc biệt nào không - ví dụ như là nó được sử dụng trong ngành y hoặc ngành luật, hay nó là một từ cổ hay là một từ thô lỗ. Định nghĩa của từ đó cũng cho ta những ví dụ cách dùng từ đó trong câu: trong những cuốn từ điển tốt nhất, ta sẽ thấy vài ví dụ như những ví dụ tôi đã đưa trên đây về từ “hệ quả”. Và nó sẽ cho ta thông tin về lịch sử và nguồn gốc từ: từ đó xuất hiện trong ngôn ngữ như thế nào và thay đổi qua thời gian ra sao. Đây là chủ đề nghiên cứu của *từ nguyên học*, và điều vô cùng thú vị chính là tôi sẽ dành toàn bộ chương tiếp theo về chủ đề này.

Vậy thôi chứ gì? Chúng ta đã tìm thấy từ điển, khám phá những thông tin nó mang tới, và bắt đầu dùng nó thường xuyên. Còn gì nữa không? Đừng quên câu hỏi số 4. Nó có tính hợp thời không?

Cứ vài năm từ điển lại có bản in mới, và nếu ta sở hữu chỉ một bản in cũ trong nhà thì cũng giống như dùng một chiếc điện thoại di động đời cổ. Chúng ta sẽ không được tiếp cận với các tính năng mới nhất. Nếu cuốn từ điển đã 10 tuổi chẳng hạn, thử tưởng tượng hàng nghìn từ và nghĩa mà nó không cung cấp được

cho bạn - ví dụ như những từ liên quan đến mạng internet chẳng hạn. Ngoài ra, người viết từ điển luôn nghĩ về những cách mới để trình bày thông tin, nhằm giúp cho ta sử dụng dễ dàng hơn. Một số từ điển hiện có đĩa CD phía sau cung cấp những tài liệu bổ sung. Và rất nhiều từ điển cũng có thể được tra cứu trên mạng. Không kể ta mua từ điển nào, ta cũng cần phải có bản in mới sau khoảng 5 năm.

Còn có hai điều bạn cần phải biết về việc viết từ điển. Việc này được gọi là *biên soạn từ điển*. Và người viết từ điển được gọi là *nhà biên soạn từ điển*, như Noah Webster và Samuel Johnson mà ta đã gặp khi bàn về chính tả ở Chương 10. Nếu bạn muốn tìm hiểu thêm thông tin về những từ này, bạn biết mình cần phải làm gì rồi đấy: tra trong từ điển.

NHỮNG CÁCH TRÌNH BÀY TỪ NGỮ

Một cuốn từ điển là một loại sách chủ yếu cho ta biết về từ vựng của một ngôn ngữ, nhưng không phải là duy nhất. Một cuốn từ điển đồng nghĩa là một loại sách khác về từ vựng, nhưng nó làm công việc khác. Một cuốn từ điển đồng nghĩa kết nối các từ có nghĩa tương đồng lại với nhau.

Thử tưởng tượng bạn đang viết một câu chuyện về một người đi qua cánh đồng và bị dính bẩn. Bạn có thể nói rằng anh ta "bẩn", nhưng bạn muốn câu chuyện của mình thú vị hơn, nên bạn vò đầu bứt tai cố nghĩ ra những từ khác đồng nghĩa. Bạn có thể tự nghĩ ra một vài từ - nhưng nếu không thể nghĩ ra bạn có thể tra từ "bẩn" trong một cuốn từ điển đồng nghĩa-trái nghĩa. Bạn có thể sẽ thấy một mục từ như sau:

bẩn dơ dáy, hôi, nhem nhuốc, lem nhem, nhớp, gớm guộc, bầy nhầy

Giờ bạn có thể chọn từ nào phù hợp nhất với ý định miêu tả của mình.

Một cuốn từ điển đồng nghĩa được thiết kế ngược lại với một cuốn từ điển thông thường. Khi ta dùng từ điển, ta có từ đó trong đầu và ta muốn tra xem nghĩa của nó là gì. Khi dùng từ điển đồng nghĩa, ta hình dung một ý nghĩa trong đầu và ta tra xem từ nào thể hiện ý nghĩa đó tốt nhất.

Các máy tính hiện nay cho phép ta trình bày từ theo đủ mọi cách thú vị nhất. Khi ta dùng một phần mềm như Wordle (www.wordle.net), ta có thể thấy tất cả các từ trình bày thành dạng "mây". Kích thước của một từ cho biết độ phổ biến của nó. Tôi đã cho toàn bộ văn bản của cuốn sách này vào Wordle, và tôi nhận được hình ảnh này. Đám mây từ ngữ cho thấy ấn tượng về nội dung cuốn sách một cách tốt nhất. Bạn có thể đã đoán rằng "ngôn ngữ" hẳn sẽ là từ có kích thước lớn nhất. Nhưng bạn có lường được sự phổ biến của từ "người" không? Tôi không ngạc nhiên đâu. Không có con người thì không có ngôn ngữ, và không có con người nào lại không dùng đến ngôn ngữ.

ai
trẻ mọi
nhưng
vào hoặc Một
đang dự nghe
làm
Nếu thường nào thành
hiện
thấy vì bắt
giọng phát
bạn đối âm hiệu lại
thay hết
sau giống
rất rồi đọc thì chuyện
nghĩa không chữ
sự nhất các
ngôn ngữ là các
rằng con chỉ viết cách
biệt câu cá đó mới
tự
này người
Nhưng bé
nếu ? Anh hai giới
nghĩ của những nói
dụng than h học số nhà về
tới biết để vài chính và thể đầu
tên hình việc dùng đi kỳ nhiều ra
mình và khi phải đây đã gì
hơn từ khác trên thế năm nước
bị điều trước như
lời
chúng lên hay mà
sẽ cho được
tôi chúng
nửa bằng họ
theo

CHƯƠNG 26



Từ nguyên học

Từ nguyên học là ngành nghiên cứu về lịch sử và nguồn gốc của từ ngữ, và đây là một chủ đề nghiên cứu chứa đựng nhiều bất ngờ. Lấy hai từ “salary” và “sausage” làm ví dụ chẳng hạn. Ngày nay những từ này có nghĩa hoàn toàn khác với nghĩa ban đầu của chúng.

“Salary” là khoản tiền nhận được trong một năm làm việc (luong).

“Sausage” là loại thức ăn làm từ thịt và có hình dạng khúc tròn dài (xúc xích).

Nhưng ngày xưa ngày xưa chúng là một từ thôi đấy. Làm sao lại thế được nhỉ?

“Salary” xuất hiện trong tiếng Anh vào thế kỷ 14. Từ này có nguồn gốc từ một từ trong tiếng Latin là “salarium”, có nghĩa là “tiền muối”. Lính La Mã xưa được cấp tiền chủ yếu là để mua muối, một chất quan trọng để bảo quản đồ ăn. “Sausage” cũng xuất hiện trong tiếng Anh vào thế kỷ 14, có nguồn gốc từ một từ trong tiếng Latin khác là “salsicium”, có nghĩa là một món làm từ “thịt muối”. Yếu tố chung trong hai từ này là “sal”, cũng là từ trong tiếng Latin có nghĩa là “muối”.

Một số từ tiếng Anh khác cũng có nguồn gốc từ muối. “Sauce”⁽¹⁾ chẳng hạn. Từ này trong tiếng Latin sẽ là “salsa”, có nghĩa là món gì đó “có muối”. “Salad”⁽²⁾ là một từ khác có nguồn gốc từ từ “salata” trong tiếng Latin, cũng có nghĩa là “có muối”. Qua nhiều thế kỷ, những từ này đã thay đổi nghĩa và chỉ những thứ rất khác nhau. Người ta rưới sốt lên salad và xúc xích, và trả tiền cho món này bằng tiền lương của mình.

Mỗi từ trong một ngôn ngữ đều có lịch sử của nó, và các cuốn từ điển cho ta biết về lịch sử đó. Cùng tìm hiểu thêm về thức ăn nhé. Ví dụ, từ điển sẽ cho ta biết rằng:

“melon”⁽³⁾ có nguồn gốc từ tiếng Pháp; xuất hiện trong tiếng Anh vào cuối thế kỷ 14

“potato”⁽⁴⁾ có nguồn gốc từ tiếng Tây Ban Nha; xuất hiện trong tiếng Anh vào giữa thế kỷ 16

“yoghurt”⁽⁵⁾ có nguồn gốc từ tiếng Thổ Nhĩ Kỳ; xuất hiện trong tiếng Anh vào đầu thế kỷ 17

“spaghetti”⁽⁶⁾ có nguồn gốc từ tiếng Ý; xuất hiện trong tiếng Anh vào giữa thế kỷ 19

1. Nghĩa là “sốt”.

2. Nghĩa là món rau trộn/salad.

3. Nghĩa là “quả dưa”.

4. Nghĩa là “khoai tây”.

5. Nghĩa là “sữa chua”.

6. Nghĩa là “mì Ý”.

“sushi” có nguồn gốc từ tiếng Nhật; xuất hiện trong tiếng Anh vào cuối thế kỷ 19

Đây đều là những từ giữ nguyên nghĩa từ khi chúng xuất hiện trong tiếng Anh. Khoai tây, món bắt đầu được thưởng thức khi Shakespeare còn sống, cũng chính là loại khoai tây chúng ta ăn ngày nay.

Rất nhiều từ khác đã thay đổi nghĩa kể từ khi xuất hiện trong tiếng Anh. Ngày nay, nếu chúng ta nói rằng ai đó “silly”⁽¹⁾, ý ta là họ ngốc nghếch hoặc ngu dốt, thường là theo kiểu buồn cười. Nhưng 1000 năm trước thì nghĩa của nó không phải như vậy. Khi từ này được dùng lần đầu trong tiếng Anh nó có nghĩa là “vui vẻ” hoặc “may mắn”. Thế rồi nó được phát triển thêm nét nghĩa “vô tội”. Sau đó nó có nghĩa là ai đó xứng đáng được châm chước vì người đó có một tật gì đấy. Nói ai đó “silly” nghĩa là người đó không có trí thông minh bình thường. Tất nhiên ngày nay ta có thể “silly” ngay cả khi ta là người có trí thông minh.

Ngày nay từ ngữ tiếp tục thay đổi về nghĩa. Một số ví dụ dưới đây được lấy từ thế giới mạng internet:

- “Chuột” vẫn luôn là một loại động vật nhỏ suốt 1000 năm qua, nhưng kể từ thập niên 1960 từ này cũng dùng để chỉ một thiết bị cầm tay được sử dụng để di chuyển mũi tên trên màn hình máy tính.
- “Spam” ban đầu là tên một loại thịt đóng hộp, nhưng kể từ những năm đầu thập niên 1990 nó đã có nghĩa là những tin nhắn hoặc thư điện tử không mong muốn.
- Hành động “lướt” ban đầu có nghĩa là cười ván lướt sóng, nhưng kể từ những năm đầu thập niên 1990 nó cũng đã có nghĩa là di chuyển từ trang web này sang trang web khác trên mạng internet.

1. Nghĩa là “ngốc”.

Và tất nhiên rất nhiều từ lóng đã được nhắc tới ở Chương 24 tồn tại nhờ sự thay đổi về nghĩa, như là từ “khủng” và “ngầu”.

Đôi khi các từ thay đổi nghĩa theo những cách khiến ta nghĩ về chúng rất khác. Khi còn nhỏ, nghĩa duy nhất của từ “cowboy” (cao bồi) mà tôi biết là nghĩa được sử dụng trong các bộ phim, nơi có các “cao bồi và người da đỏ”. Các tay cao bồi luôn là người tốt. Nhưng kể từ thập niên 1970, một nghĩa khác xuất hiện. Nếu bạn nghe ai đó nhắc đến “cowboy builder” (thợ xây cao bồi) thì không hay chút nào. Đó là những người không có tay nghề tốt và làm những công việc vặt. Ngày nay, cao bồi là để chỉ những người xấu.

Đây là một ví dụ về từ phái sinh nghĩa tiêu cực. Ta cũng có thể thấy hướng phát triển ngược lại: từ phái sinh nghĩa tích cực. “Nice”⁽¹⁾ chẳng hạn. Từ này xuất hiện trong tiếng Anh vào thế kỷ 14 và có nghĩa là “ngốc nghếch” hoặc “ngu dốt”. Sau này nó còn phái sinh một số nghĩa tiêu cực khác, như “khoe mẽ”, “kiểu cách”, hay “lười biếng”. Nhưng dần dần các nghĩa khác cũng phát triển thêm. “Nice” có thể mang nghĩa là bạn “biết ăn mặc” hoặc là bạn “tỉ mỉ” hoặc “cẩn thận” về mọi việc. Vào thế kỷ 18 từ này phái sinh một loạt các nghĩa tích cực, như là “dễ chịu”, “thoải mái”, “tốt bụng”, và “cuốn hút”, và đây là những nghĩa mà ta có ngày nay.

Từ cũng thay đổi theo cách trở nên chung chung hơn về mặt nghĩa. Khi từ “office” mới xuất hiện trong tiếng Anh, vào cuối thế kỷ 13, nó có nghĩa là một dịch vụ tôn giáo cụ thể. Chỉ những người như linh mục và bà xơ mới có nhiệm vụ “văn phòng” mà họ theo hằng ngày. Ngày nay, từ này đã có một loạt nghĩa chung chung hơn nhiều. Nó có thể là chỉ bất kỳ một vị trí văn phòng hoặc nhiệm vụ văn phòng nào đó, hoặc một căn phòng nơi người ta thực hiện các công việc hành chính. Ta sẽ nói những câu thế này:

1. Nghĩa là “tốt” hoặc “hay”.

Văn phòng của Mary ở trong Thành phố.⁽¹⁾

John làm việc ở Văn phòng Ngoại vụ.⁽²⁾

Bà ấy giữ chức vụ có nhiều ảnh hưởng trong chính phủ.⁽³⁾

Từ này vẫn mang nghĩa tôn giáo của nó, nhưng nghĩa này chỉ còn là một phần nhỏ trong toàn bộ chức năng của nó ngày nay mà thôi.

Hình thức thay đổi trái ngược với trên đây là khi từ trở nên bớt chung chung. Ý nghĩa của chúng thu hẹp lại. Trong tiếng Anh cổ, từ “mete” (nay được viết thành “meat”⁽⁴⁾) có nghĩa là bất kỳ một loại thức ăn thô nào đó. Ngày nay, “meat” bị thu hẹp nghĩa lại để chỉ thịt của một số loài động vật. Rất hiếm khi ta có thể thấy một từ còn giữ nghĩa cũ của nó. Khi người ta nhắc đến “sweetmeats” chẳng hạn, là ý họ đang nói đến những món như kẹo cứng và các loại hạt bọc đường. Chẳng liên quan gì đến thịt động vật cả. “Mincemeat” (loại nhân dùng trong bánh nhân ngọt Giáng sinh) cũng vậy, chẳng liên quan gì đến động vật. Nhưng đây là các trường hợp ngoại lệ. Ngày nay chỉ một phần nhỏ nghĩa gốc của “meat” được dùng mà thôi.

Như đã thấy ở Chương 21, chúng ta phải để ý đến những thay đổi về nghĩa này khi đọc những cuốn sách viết từ xa xưa. Chúng ta phải cẩn thận, không được đọc hiểu theo nghĩa hiện đại. Ví dụ như khi đọc kịch của Shakespeare về ai đó “naughty”⁽⁵⁾, ta dễ tưởng rằng từ này có nghĩa giống với nghĩa ngày nay. Thực chất, mọi việc lại rất khác. Ngày nay nói một cậu bé hư thì có nghĩa là cậu ta cư xử tệ - giống như nghịch ngợm vậy. Nhưng nếu các nhân vật của Shakespeare mà “naughty” thì còn có nghĩa hơn thế. Họ phải là những người rất nham hiểm và độc địa.

1. Nguyên văn “Mary’s office is in the City.”

2. Nguyên văn “John works in the Foreign Office.”

3. Nguyên văn “She holds a high office in the government.”

4. Nghĩa là “thịt”.

5. Nghĩa là “hư”.

Các học giả nghiên cứu từ nguyên học được gọi là nhà từ nguyên học. Và có rất nhiều công việc nghiên cứu họ cần làm, vì rất nhiều từ chưa đựng trong nó những bí ẩn. Ta không thể biết được chúng từ đâu ra. Ví dụ như “jam” chẳng hạn - thứ mứt chúng ta phết lên bánh mì đó. Tại sao ta gọi nó là “jam”? Jam làm từ hoa quả hầm với đường cho tới khi chúng trở thành một dạng xốt dẻo quánh. Có phải ban đầu người ta gọi nó là “jam” bởi vì họ nghĩ đến món hoa quả bị ép hay “dầm” thành xốt nhuyễn? Tôi nghĩ thế, nhưng chúng ta cũng không biết chắc được điều này.

Có hàng trăm từ như thế này. Không ai biết từ “bap” (nghĩa là một loại bánh mì) ra đời từ đâu. Không ai biết tại sao các nhà khoa học được gọi là các “boffin”. Không ai biết vì sao người làm những điều điên rồ được gọi là những “bonker”. Có phải là vì họ hành động như thể họ bị “bonk”⁽¹⁾ một phát vào đầu không? Các nhà từ nguyên học là những người cố gắng tìm câu trả lời cho những thắc mắc này.

Tất cả các từ đều có lịch sử của nó - và các từ này cũng bao gồm cả tên người và tên nơi chốn. Chúng ta không thể tìm thấy các thông tin này trong từ điển vì chúng tồn tại bên ngoài ngôn ngữ. Ta có thể biết những cái tên như “Paris”, “Bordeaux”, và “Francois”, nhưng điều đó không có nghĩa là chúng ta nói tiếng Pháp! Và cũng tương tự, người nói những tiếng khác có thể hào hứng nói về những cái tên như “David”, “Elizabeth”, “Manchester”, và “Kentucky” mà không cần biết một từ tiếng Anh nào hết. Mặc dù vậy, chúng ta vẫn có thể nghiên cứu lịch sử của những cái tên này. Và khi ấy, chúng ta sẽ thấy rằng mỗi cái tên có hẳn một câu chuyện để kể cho chúng ta nghe đấy.

1. Nghĩa là “choảng”.

CHÚ RỂ NUÔI NGỰA

Nghiên cứu về lịch sử một từ có thể giúp giải thích vì sao từ ngữ trông kỳ lạ thế. Ví dụ như từ "groom" trong từ "bridegroom"⁽¹⁾ chẳng hạn. Tại sao lại là "groom"? Người nuôi ngựa là người được thuê để trông coi ngựa. Nhân vật này có gì liên quan đến cưới xin? Chú rể không phải là người làm thuê cho cô dâu. Cũng không phải là người sẽ tắm rửa cho cô dâu để cô ấy trông thật bảnh! Vậy tại sao lại gọi chú rể là "groom"? Từ nguyên học có thể mang câu trả lời đến cho ta.

Khi từ này được sử dụng lần đầu tiên trong tiếng Anh, nó có một dạng khác. Đó là "bridgome", phát âm là "breed-go-muh". Phần đầu, "brid", nghĩa là "cô dâu". Và phần sau, "gome", nghĩa là "người đàn ông". "Gome" là một từ được dùng phổ biến trong tiếng Anh cổ, nhưng người ta không còn dùng đến nó vào thời Trung Cổ. Tới thế kỷ 16 thì không còn ai biết "gome" là gì nữa. Vì vậy họ thay thế nó bằng một từ gần gũi hơn có cách phát âm tương tự, "groom". "Bridgome" trở thành "bridegroom".

Người ta rất hay làm thế này. Nếu không hiểu một từ nào đó, họ đơn giản chỉ cần thay đổi nó để khiến dễ hiểu hơn. Khi từ "cucaracha" của tiếng Tây Ban Nha xuất hiện trong tiếng Anh vào những năm đầu thế kỷ 17, người ta hẳn đã thấy nó rất kỳ cục, vì chẳng bao lâu sau đó họ đã thay đổi nó thành một từ nghe thân thiện hơn là "cockroach"⁽²⁾, mặc dù "cockroach" chẳng liên quan gì đến "cockerel"⁽³⁾. Cũng như "sparrow-grass" (tên thường gọi của măng tây) chẳng liên quan gì đến "sparrow"⁽⁴⁾.

1. Lần lượt nghĩa là "người nuôi ngựa", "chú rể".

2. Nghĩa là "con gián".

3. Nghĩa là "gà trống".

4. Nghĩa là "chim sẻ".

CHƯƠNG 27



Địa danh

Ta phải đặt tên cho các nơi chốn để còn nói cho người khác biết nơi ta sống và để tìm đường nữa. Thử tưởng tượng mọi sự sẽ thế nào nếu ta không có tên nơi chốn nhé. Ta sẽ phải nói kiểu thế này:

Mai đến nhà tôi chơi nhé. Tôi sống ở một thị trấn nhỏ cách nhà bạn năm dặm. Bạn đi đường lớn về hướng Bắc, qua ba khu đông dân cư, tới một ngọn đồi, lên đồi rồi bạn sẽ thấy một khu dân cư khác cạnh rừng cây. Khi tới đó thì rẽ trái ở ngã rẽ đầu tiên, bạn sẽ thấy một con phố nhiều nhà ở. Nhà tôi là nhà thứ hai ở bên phải.

Nói thế này thì sẽ dễ hơn nhiều:

Mai đến nhà tôi chơi nhé. Tôi sống ở Leethorpe. Từ Redcliff bạn sẽ đi về hướng Bắc. Tới Leethorpe, đường đầu tiên phía bên trái là đường Bridge. Nhà tôi là nhà số 4.

Hay đơn giản chỉ cần:

Mai đến nhà tôi chơi nhé. Nhà tôi ở số 4 đường Bridge, Leethorpe, Bedfordshire.

Ta có thể dùng một bản đồ hoặc điền tên nơi chốn vào máy định vị vệ tinh, và tự mình tìm đường tới đó.

Những cái tên này từ đâu ra? Tại sao hạt này lại được gọi là Bedfordshire? Tại sao thị trấn này lại gọi là Leethorpe? Tại sao con đường này lại là đường Bridge? Người ta rất hay hỏi “tại sao” về tên gọi của nơi chốn, đặc biệt khi cái tên đó lạ hoặc buồn cười. Ví dụ như ở Mỹ, có một nơi gọi là Hot Coffee⁽¹⁾. Tại sao thế?

Đối với nhiều địa danh, lý do thường khá rõ. Chúng được đặt theo tên người. Washington được đặt theo tên vị tổng thống đầu tiên của nước Mỹ. Những nơi như Georgetown, Williamsburg, Victoria và Maryland được đặt theo tên các vị vua và nữ hoàng nước Anh. St Albans được đặt theo tên một vị thánh. Thành phố Columbus ở Ohio được đặt theo tên một nhà thám hiểm nổi tiếng.

Rất nhiều nơi được đặt tên theo những nét đặc trưng nổi bật của cảnh vật ở đó. Không có gì đáng ngạc nhiên khi Twin Peaks⁽²⁾ ở Mỹ nằm ở nơi ta có thể thấy hai ngọn núi. Và ta có thể dễ dàng hiểu vì sao những nơi sau đây có cái tên như vậy:

Salt Lake City, Table Mountain, Swan River, Westport, Newtown, Great North Road⁽³⁾

1. Nghĩa là “Cà phê Nóng”

2. Nghĩa là Đỉnh Đôi.

3. Nghĩa là Thành phố Hồ Muối, núi Bàn, sông Thiên Nga, Cảng phía Bắc, Thị trấn Mới, Đường lớn phía Bắc.

Vậy ta có thể đoán đường Bridge⁽¹⁾ cắt ngang một cây cầu hoặc dẫn tới một cây cầu.

Nhưng sự thú vị nảy sinh ở chi tiết này đây, vì thường thì ta sẽ gặp một nơi có tên giống như đường Bridge, mà chẳng hề có một cây cầu nào xung quanh! Vậy thì ta sẽ phải làm thám tử. Cây cầu từng tồn tại ở đây khi nào? Chúng ta có thể hỏi quanh những người đã sống ở đây từ lâu xem họ có biết không. Hoặc ta có thể tìm trên các bản đồ cũ, xem chúng có thể hiện cây cầu nào không.

Thực ra, chúng ta phải tiến hành công tác trinh thám lịch sử đối với hầu hết các địa danh. Cái tên Hot Coffee từ đâu ra? Hóa ra vào cuối thế kỷ 19 một người đàn ông mở một nhà nghỉ dọc đường cái vùng Mississippi và bán cà phê nóng cho khách du lịch. Biển hiệu bên ngoài đề “Hot Coffee”. Tất cả mọi người đều nhớ đến nơi này nhờ món đồ uống đó, và họ bắt đầu thói quen nói “Dừng ở chỗ Hot Coffee nhé”. Cuối cùng cái tên được dùng không phải chỉ để gọi nhà nghỉ đó, mà còn cho cả khu vực với nhiều nông trại và nhà cửa xung quanh nó.

Đôi khi ý nghĩa của một địa danh khá rõ ràng, nhưng sự kiện dẫn đến việc đặt tên đó lại đã bị quên lãng từ lâu. Khi du lịch quanh thế giới ta sẽ gặp những địa danh như Cape Catastrophe, Fort Defiance, Skeleton Bay, và Foggy Island⁽²⁾. Có thể khi các nhà thám hiểm lần đầu tiên đặt chân tới Vịnh Skeleton ở châu Phi họ hẳn đã phát hiện ra nhiều bộ xương khô, nhưng không ai còn nhớ những bộ xương đó là của kẻ nào nữa.

Rất nhiều cái tên có tới hai bộ phận hoặc nhiều hơn nữa. Đôi khi ý nghĩa của mỗi bộ phận khá dễ hiểu:

Southport, Horsepath, Blackheath, Newcastle⁽³⁾

1. Nghĩa là Đường Cầu.

2. Nghĩa là mũi Thảm Họa, pháo đài Ngang Tàng, vịnh Xương Khô, đảo Sương Mù.

3. Nghĩa là Cảng phía Nam, Đường Ngựa, Đồng Cỏ Đen, Lâu Đài Mới.

Nhưng một cái tên như Leethorpe thì không rõ ràng như thế vì hai bộ phận của từ đều không mang nghĩa nào mà ta có thể nhận dạng trong tiếng Anh hiện đại được nữa. “Lee” là gì? “Thorpe” là gì? Một khi ta biết những từ này nghĩa là gì trong tiếng Anh cổ, 1000 năm trước, thì cái tên này sẽ trở nên dễ hiểu. “Lee” có nguồn gốc từ một từ trong tiếng Anh cổ mang nghĩa là rừng, hoặc một khoảnh trống trong rừng. “Thorpe” có nguồn gốc từ một từ trong tiếng Anh cổ mang nghĩa là làng hay nông trại. Vậy nếu bạn sống ở Leethorpe, vào thời Anglo-Saxon, thì tức là bạn sống ở một ngôi làng được dựng lên ở một khoảnh rừng đã được phát quang.

Sau đây là ba yếu tố ta thường gặp trong địa danh dành cho các thị trấn:

- Nếu một thị trấn có tên kết thúc bằng “-by”, thì ban đầu nó là một nông trại hoặc một ngôi làng nhỏ mà người Viking xâm chiếm và định cư. Phần đầu trong tên đôi khi chỉ người sở hữu nông trại đó - Grimsby là “làng của Grim”. Derby là “ngôi làng có hươu”⁽¹⁾. Từ “by” hiện nay cũng vẫn mang nghĩa là “thị trấn” trong tiếng Đan Mạch.
- Nếu một thị trấn có tên kết thúc với “-ing”, thì nó cho ta biết về những người sống ở đó. Reading có nghĩa là “người Reada”, nói cách khác là “bộ tộc hoặc nhà Reada”. Chúng ta không biết người Reada là người nào, nhưng cái tên đó có nghĩa là “người đỏ”, vì thế có thể anh ta có bộ tóc màu đỏ.
- Nếu một thị trấn có tên kết thúc bằng “-caster” hoặc “-chester”, thì ban đầu nó là một pháo đài hoặc thị trấn của người La Mã. Từ này có nguồn gốc từ từ “castra” trong tiếng Latin, mang nghĩa là doanh trại hoặc công

1. “Deer” nghĩa là “hươu”.

sự. Bộ phận đầu của tên thường là tên vị trí xây dựng pháo đài đó. Vậy nên cái tên Lancaster chẳng hạn, chính là “pháo đài quân La Mã trên sông Lune”.

Những cái tên này có nguồn gốc từ nước Anh, nhưng ngày nay ta thấy chúng xuất hiện tại khắp các lãnh thổ nói tiếng Anh trên thế giới. Có Lancaster ở Úc, Canada, và vài Lancaster nữa ở Mỹ.

Tất cả các nơi chốn đều có tên, từ nơi rộng lớn nhất cho tới nơi nhỏ hẹp nhất. Ví dụ như các nơi sau:

- các hành tinh - Venus⁽¹⁾ được đặt theo tên nữ thần La Mã đại diện cho cái đẹp và tình yêu.
- các châu lục - America⁽²⁾ được đặt theo tên một nhà thám hiểm, Amerigo Vespucci.
- các nước - Wales có nguồn gốc từ một từ tiếng Anglo-Saxon mang nghĩa là “người nước ngoài” hoặc “người man di”.
- các bang - Kentucky có nguồn gốc từ một ngôn ngữ thổ dân châu Mỹ, tiếng Iroquois, với nghĩa là “vùng thảo nguyên”.
- các hạt - Bedford là đoạn nước cạn băng sông (“ford”) mà Beda (tên một tù trưởng người Saxon - BT) từng sống.
- các ngọn núi - Everest được đặt theo tên của Ngài George Everest, người đầu tiên ghi lại độ cao và vị trí của nó.
- các quận - Tottenham (ở London) nghĩa là “ấp của Totta”.
- thành phố - Birmingham nghĩa là “làng của gia đình Beorma”.
- thị trấn - Ormskirk ở Lancashire nghĩa là “nhà thờ của Orm”.
- các con phố - phố Oxford ở London được đặt theo tên vị bá tước thứ hai của Oxford, người đã sở hữu vùng đất này vào đầu thế kỷ 18.

1. Sao Kim.

2. Châu Mỹ.

Đây không phải là một danh sách đầy đủ. Chúng ta đặt tên cho các cánh đồng, dòng sông, các thung lũng, ngọn đồi, khu rừng, và đủ các vùng đất khác nhau. Chúng ta đặt tên cho các cửa hàng, quán rượu, nhà hàng, công viên giải trí, trường học, cao đẳng, các nông trại, và đủ các loại tòa nhà khác/trụ sở khác. Con người rất thích đặt tên mọi thứ.

Và đặc biệt, con người thích đặt tên cho ngôi nhà họ ở. Đây thực sự là một chủ đề thú vị để ta nghiên cứu, bởi vì đó là cơ hội duy nhất mà người ta có thể tự mình đặt tên cho một nơi chốn. Trong tất cả các ví dụ khác của chương này, ai đó khác đã nghĩ ra những cái tên đó. Nhưng khi người ta mua một căn nhà, họ có thể tự mình đặt tên cho nó - hoặc đổi tên nếu họ không thích cái tên cũ.

Rất nhiều tên nhà chỉ đơn giản là để mô tả vẻ ngoài hoặc vị trí của nó, hoặc những điều từng xảy ra ở đó. Vài năm trước, người ta thực hiện một cuộc khảo sát, và đây là 20 cái tên nhà phổ biến nhất ở Anh:

- | | |
|--|--|
| 1. The Cottage (Túp lều) | 11. The Barn (Kho nông trại) |
| 2. Rose Cottage (Lều Hoa hồng) | 12. The Old Rectory (Nhà Mục sư Xưa) |
| 3. The Bungalow | 13. Hillside (Triền đồi) |
| 4. The Coach House (Nhà để xe ngựa) | 14. Hillcres (Đỉnh đồi) |
| 5. Orchard House (Nhà Vườn) | 15. The Croft (Trang trại nhỏ) |
| 6. The Lodge (Nhà người gác cổng) | 16. The Old Vicarage (Nhà Cha xứ Xưa) |
| 7. Woodlands (Vùng rừng) | 17. Sunnyside (Phía có nắng) |
| 8. The Old School House (Nhà Trường học Xưa) | 18. Orchard Cottage (Lều Vườn) |
| 9. Ivy Cottage (Lều Thường xuân) | 19. Yew Tree Cottage (Lều Cây Thủy tùng) |
| 10. The Willows (Rặng liễu) | 20. The Laurels (Nguyệt quế) |

Nghe có vẻ như hầu hết trong số này đều nằm ở các thị trấn vùng quê hoặc các làng mạc. Các tên liên quan đến cây cối và chức năng cũ của căn nhà xuất hiện phổ biến trong danh sách này.

Các tên nhà phổ biến khác còn mang tên động vật:

Badger Cottage, Magpies, Robin's Nest (Lều Con Lủng,
Quạ, Tổ Chim Oanh)

và một số tên khác chỉ các địa điểm du lịch yêu thích:

Windermere, Costa Brava, Naples⁽¹⁾

hoặc tên từ những cuốn sách được yêu thích:

Manderley, Rivendell, Bleak House⁽²⁾

Ở Stratford-upon-Avon, một số nhà nghỉ được đặt theo tên các vở kịch của Shakespeare. Ở đó có một nhà nghỉ mang tên Đêm thứ mười hai.

Một cách đặt tên phổ biến khác nữa là chơi chữ. Người ta thường hay thay đổi cách viết của một từ nào đó:

Faerie Glen, Kosy Korner, Dunroamin ('done roaming')
(Thung lũng Tin nữ, Góc nhỏ Ấm kúng, Hết Mún Rong
chơi)

hoặc bắt bạn phải đọc ngược:

Tivuli, Deroda, Tiedam⁽³⁾

Những cái tên đôi khi cho bạn biết ai là người sống ở đó:

1. Windermere ở Anh, Costa Brava ở Tây Ban Nha, Naples ở Ý.

2. Lần lượt là tên ngôi nhà trong tiểu thuyết *Rebecca* (1938) của Daphne du Maurier, tên thung lũng trong *Chúa tể những chiếc nhẫn* và các tác phẩm khác về vùng đất tưởng tượng Trung Địa của J.R.R. Tolkien, và tên tiểu thuyết *Ngôi nhà hoang vắng* (1853) của Charles Dickens.

3. Các từ này khi viết ngược lại sẽ thành I Luv It (Tôi thích nó), Adored (Được yêu mến), và Made It (Đến rồi).

Mikelynn, Billion (Bill + Marion), The Eddies (gia đình Edwards)

Đôi khi tên còn dùng cả từ nước ngoài:

Casa Nostra (tiếng Tây Ban Nha nghĩa là “nhà chúng tôi”),
Mon Repos (tiếng Pháp nghĩa là “Nơi Nghỉ ngơi của Tôi”)

Nhưng những cái tên tuyệt nhất theo tôi là những cái tên ta không thể hiểu được cho tới khi ta phải hỏi thẳng chủ nhân. Tôi có biết một ngôi nhà tên là The Chimes (Tiếng Leng Keng). Tại sao? Vì nó là của một gia đình họ Bell (Chuông). Tôi còn biết một nhà khác tên là Spooks (Ma quỷ). Vì sao? Nó ở ngay cạnh một nghĩa địa. Tôi cũng biết một ngôi nhà khác tên là Offbeat (lệch tông). Tại sao? Vì đó là ngôi nhà của một cảnh sát đã về hưu.

Cứ hỏi đi đừng ngại. Mọi người đều rất thích kể câu chuyện về nguồn gốc cái tên ngôi nhà của mình.

DISCWORLD TRÊN TRÁI ĐẤT

Vào năm 2009, hai con đường tại một khu vực nhà ở dân cư mới xây dựng ở Wincanton, Somerset, được lấy tên từ bộ truyện *Discworld* của Terry Pratchett. Người ta đã bỏ phiếu bình chọn từ danh sách 14 cái tên do tác giả gợi ý dưới đây. Nếu được chọn bạn sẽ lấy tên nào?

Mollymog Street	Lobbin Clout
Moon Pond Lane	Scoone Avenue
Cable Street	Tenth Egg Street
Shamlegger Street	Kicklebury Street
Peach Pie Street	Morpork Street
Treacle Mine Road	Ankh Street
Hen and Chickens Field	The Ridings

Hai cái tên chiến thắng là Peach Pie Street và Treacle Mine Road. Đây không phải là lần đầu tiên tên đường phố được lấy từ một xê-ri văn học hư cấu. Tại thị trấn nhỏ Grabowiecz ở Ba Lan có Phố Obi-Wan-Kenobi¹⁾ (tiếng Ba Lan là Obi-Wana-Kenobiego). Và ở thị trấn Upper Marlboro, bang Maryland, Mỹ, một số đường phố cũng được đặt theo tên nhân vật trong *Star Trek*. Có Picard Lane, Reiker Drive, Laforge Lane, Crusher Court (Hẻm Picard, Đường Reiker, Hẻm Laforge, và Phố Crusher).

1. Obi Wan Kenobi là tên một nhân vật trong xê-ri phim *Chiến tranh giữa các vì sao* (Star Wars). (BT)

CHƯƠNG 28



Tên người

Nếu phải chỉ ra một thứ chắc chắn luôn khiến mọi người khó chịu, thì đó chính là việc viết sai tên của họ. Người ta sẽ làm đủ mọi cách để chắc chắn là bạn không viết sai. Họ sẽ nói thế này:

Tên tôi là Anne có chữ “e” ấy.

Tôi là Taylor với “y” chứ không phải “i”.

Mình là Katherine với chữ “k” và “e”.

Hilary có một chữ “l” (không phải hai chữ như trong Hillary Clinton).

Tên của chúng ta rất đặc biệt. Cha mẹ thường dành rất nhiều thời giờ nghĩ về việc đặt tên cho con thế nào. Và một khi ta được đặt tên, thì phải có hẳn một sự kiện cực kỳ quan trọng thì mới khiến ta thay đổi nó.

Chúng ta cần một số khái niệm để bàn về tên người. Ngày nay có ba khả năng sau.

- Chúng ta có *tên riêng*, ví dụ như (trong tiếng Anh) Michael hay Mary, hoặc (trong tiếng Pháp) Antoine hoặc Amélie. Đối với người theo đạo Cơ đốc thì đây còn được gọi là *tên thánh*.
- Chúng ta có *họ*, ví dụ như (trong tiếng Anh) Smith, (trong tiếng Đức) Klein, hoặc (tiếng Trung Quốc) Vương. Họ của người phụ nữ trước khi lấy chồng gọi là họ *thời con gái*.
- Rất nhiều người còn có một hay nhiều *tên đệm*, ví dụ như Michael James Smith hay Mary Catherine Jane Williams. Trong tiếng Anh, người ta thường viết tắt tên đệm bằng chữ cái đầu, ví dụ như Michael J. Smith - thường được dùng phổ biến ở Mỹ.

Các ngôn ngữ khác nhau có thói quen gọi tên khác nhau. Ở Anh, nếu ta gặp một người tên là Michael James Smith, thì người này sẽ thường được gọi là Michael. Nhưng ở Đức, nếu ta gặp một người tên là Johann Wolfgang Schmidt, thì người này sẽ thường được gọi là Wolfgang. Người Đức dùng tên đệm để gọi nhau ("Rufname" trong tiếng Đức - phát âm là "roof-nah-muh").

Điều này không phải có từ xưa. Nếu quay ngược lại 1000 năm trước ở Anh, ta sẽ thấy người ta khi đó chỉ có mỗi tên riêng thôi. Một số tên thời Anglo-Saxon đây:

cho nam giới: Edwin, Altfrið, Osríc, Cynwulf, Alfred, Cadmon, Oswald

cho nữ giới: Waldgith, Edith, Friðild, Ethelfleda, Eadgifu, Elfrida, Hilda

Nếu ta muốn phân biệt hai người có cùng tên, ta phải nói kiểu thế này “Edwin thợ bánh” hay “Edwin đến từ Derby”. Ý tưởng về họ tên nghiêm chỉnh hình thành trong thời kỳ Trung Cổ, khi người người có thói quen nói “Edwin Baker⁽¹⁾” hay “Edwin Derby”. Đó là lý do vì sao rất nhiều họ đều là từ chỉ nghề nghiệp, như các họ sau:

Potter, Smith, Cook, Taylor, Shakespeare⁽²⁾

hoặc là các từ chỉ quê hương bản quán của họ:

Hall, Norman (“man from the north” - “người phương Bắc”), Street (phố), Wood (rừng)

Một cách để tạo thành yếu tố họ khác nữa là mô tả vẻ bề ngoài của người đó, hoặc diễn tả cung cách hành xử của người đó, ví dụ như “John Long” đối nghịch với “John Short”⁽³⁾. Các họ khác cùng kiểu này còn có:

Black, Little, Young, Rich, Armstrong, Swift⁽⁴⁾

Và nếu một người không có đặc điểm gì nổi bật, thì có một cách rất dễ. Chỉ cần gọi anh ta là “con trai của” ai đó hoặc “người thân của” ai đó. Nếu là con gái, chỉ cần nói “Mary (của nhà) Thomas” - vậy là, Mary Thomas. Các họ khác cùng nhóm này còn có:

Johnson, Robertson, Watkins⁽⁵⁾, Nicholas⁽⁶⁾

1. “Baker” có nghĩa là thợ bánh.

2. Nghĩa là Thợ gốm, Thợ rèn, Đầu bếp, Thợ may, Anh lính (khu vực ngọn giáo).

3. Nghĩa là John Dài và John Ngắn.

4. Nghĩa là Đen, Nhỏ, Trẻ, Giàu, Tay khỏe, Nhanh nhẹn.

5. Nghĩa là Con trai của John, Con trai của Robert, Người thân của Watt.

6. Dạng tiếng Anh của một vài họ tiếng Hy Lạp mang nghĩa “con của Nikolaos”.

Ở Iceland, người ta luôn đặt tên theo mối liên hệ với cha mẹ người đó. Nếu tên riêng của tôi là Eric, và tôi có một con gái và một con trai, thì chúng sẽ được gọi là Ericsson (“con trai của Eric”) và Ericsdottir (“con gái của Eric”).

Đôi khi ta phải làm công việc trinh thám thì mới tìm hiểu ra vì sao người nọ có cái họ như vậy. Tại sao lại có người tên là Newman (người mới)? Có lẽ là vì anh ta là người mới tới một vùng đất nào đó. Tại sao có người lại tên là Palmer? Bởi vì anh ta đã hành hương tới Đất Thánh với một cành cọ (palm). Tại sao lại có người tên là Leach? Bởi vì ông ta là bác sĩ và đã dùng đĩa (leech) để chữa bệnh.

Một khi đã có tên của mình, chúng ta thường giữ tên đó suốt cuộc đời. Vậy điều gì khiến người ta thay đổi tên của mình? Việc này có thể xảy ra trong một số buổi lễ tôn giáo nào đó. Ở một số nước, trong Lễ Thêm Sức, người ta thêm tên thánh vào cái tên đã có. Một số người cải đạo cũng thường đổi tên riêng của mình - như võ sĩ quyền Anh Cassius Clay đã đổi tên thành Muhammad Ali khi theo đạo Hồi. Và khi một người phụ nữ trở thành bà xơ, trong một số tôn giáo cô có thể lấy một cái tên mới - thậm chí là tên nam giới. Vậy là, trong Cơ đốc giáo, ta có thể thấy những cái tên như Xơ Luke hay Xơ Bernard - đặt theo tên của các vị thánh nam nổi tiếng.

Người ta cũng cố ý đổi tên nếu như không thích cái tên của mình - hoặc thấy nó không phù hợp với công việc của mình. Những cái tên mới này được gọi là *nghệ danh* hoặc *bút danh*. Đó là lý do vì sao rất nhiều tác giả văn học, ngôi sao điện ảnh, và ngôi sao nhạc pop thay đổi tên của mình. Bạn có biết Charles Dodgson, Marshall Bruce Mathers, và David McDonald là ai không? Bạn sẽ biết nếu gọi tên họ là Lewis Carroll (tác giả của *Alice ở xứ sở diệu kỳ*), ngôi sao nhạc pop Eminem, và diễn viên David Tennant (đóng phim *Dr Who*).

Đôi khi, người ta lại không thể có lựa chọn nào khác. Diễn

viên không thể dùng tên thật nếu như đã có một diễn viên khác mang tên đó. Họ phải đổi tên mình đi. Nếu không thì sẽ rất phiền hà. Đó là lý do vì sao ngôi sao điện ảnh Mỹ Michael J. Fox có chữ J. trong tên mình. Và diễn viên người Anh David Walliams (đóng phim *Little Britain*) không thể dùng tên David Walliams cũng vì lý do đó.

Kết hôn là thời điểm phổ biến nhất cho việc thay đổi họ. Nhưng có hơn một cách để thực hiện việc thay đổi này.

- Phương pháp truyền thống là người vợ lấy họ của chồng. Thế là, nếu Mary Williams cưới Michael Smith, cô sẽ trở thành Mary Smith.
- Cách khác là người vợ lấy họ của chồng nhưng vẫn dùng họ của mình làm tên đệm. Thế là, nếu Mary Williams lấy Michael Smith, cô sẽ trở thành Mary Williams Smith. Đôi khi người chồng cũng làm điều này, thế là anh ta sẽ trở thành Michael Williams Smith. Như vậy, cả hai người có thể nối hai họ này với nhau bằng một dấu gạch nối, để có họ “kép”: Mary và Michael Williams-Smith.
- Một cách khác là người vợ giữ nguyên tên của mình ở nơi làm việc nhưng dùng họ của chồng ở nhà, và như thế cô có tới hai tên. Việc này xảy ra phổ biến khi người vợ là một người nổi tiếng và nhiều người đã biết đến tên cô từ trước.
- Cũng có khi, rất hiếm khi thôi, người chồng lấy họ của người vợ. Vậy là, nếu Mary Williams lấy Michael Smith, Michael sẽ trở thành Michael Williams.
- Nhưng nếu bạn không muốn lựa chọn giữ tên nào, tên chồng hay tên vợ, thì sao? Hay bạn không thể quyết định được tên nào đứng trước nếu muốn giữ cả hai thì sao? Có một giải pháp. Những năm gần đây, đặc biệt là ở Mỹ, các cặp vợ chồng “nhào nặn” họ của họ - để tạo ra

một họ mới từ hai họ cũ. Thế là, nếu Mary Williams cưới Michael Smith họ sẽ trở thành ông và bà Willsmith hoặc ông và bà Smithiams.

Ta chỉ có một tên riêng thôi, phải không nhỉ? Sai. Hầu hết mọi người có hơn một tên riêng, bởi vì hầu hết chúng ta có tên gọi thân mật hay biệt danh nữa. Ai đó tên Elizabeth còn có thể được gọi là Liz, Lizzy, Lisbet, Beth, Betsy, Elsie, hoặc bất kỳ một cách gọi nào khác của Elizabeth. Những tên này thường chỉ được gia đình và bạn bè của Elizabeth dùng mà thôi. Và Elizabeth có thể còn có một biệt danh nữa. Nếu cô có tóc sáng màu, cô có thể còn được gọi là Vàng Hoe nữa chẳng hạn.

Từ “biệt danh” (nickname) lần đầu được dùng vào thời kỳ Trung Cổ, khi người ta vốn gọi nó là “eke name”⁽¹⁾. “Eke” (đọc là “eek”) có nghĩa là “cũng”. Một biệt danh là một cái tên thêm, thể hiện mối quan hệ đặc biệt. Những người là bạn bè thường đặt biệt danh cho nhau:

Chuck dành cho Charles

Spike dành cho Michael

Ginger (Đỏ Cam) dành cho người có mái tóc đỏ

Spud dành cho người có họ Murphy (vì “spud” và “murphy” đều là từ lóng chỉ củ khoai tây)

Người yêu nhau cũng gọi nhau bằng biệt danh, như là Bánh ngọt hay Chuột chít. Tất nhiên biệt danh không phải lúc nào cũng dễ thương, đặc biệt khi trẻ con dùng chúng. Không ai muốn bị gọi là Heo, Lợn, hay là Bốn Mắt, nhưng chúng ta đều đã nghe những biệt danh kiểu đó nhiều rồi.

Chúng ta không chọn những kiểu biệt danh như vậy. Người

1. Nghĩa là “tên bổ sung”.

khác gán biệt danh cho chúng ta. Học sinh đặt biệt danh cho giáo viên. Các nhà báo đặt biệt danh cho các chính trị gia. Tội phạm thường có biệt danh, như là Al Capone Mặt Sẹo hay Jack Phan Thây. Thậm chí các vị vua và nữ hoàng cũng có biệt danh, ví dụ như Richard Sư Tử Tâm (vua Richard I) hay Vua Vui Vẻ (vua Charles II).

Các nhóm người cũng có thể có biệt danh, đặc biệt là các nhóm hội và tổ chức trong con mắt quần chúng. Tories là ai? Đảng Bảo thủ ở Anh. Pháo thủ thì sao? Đội bóng đá Arsenal⁽¹⁾. Bạn có đi mua sắm ở Marks and Sparks không? Đây là Marks and Spencers. Thậm chí một thành phố hay một bang cũng có thể có biệt danh nữa. Thành phố nào ở nước Anh được gọi là Pompey? Là Portsmouth. Bang Ngôi sao Cô đơn là bang nào? Bang Texas.

Nhưng còn có một tình huống mà chính ta chọn biệt danh cho mình. Đó là khi ta lên mạng internet. Nếu bạn gia nhập một nhóm trò chuyện hoặc một mạng xã hội như Facebook, hoặc khi viết nhận xét cho các trang viết, hoặc gửi email, bạn có thể dùng biệt danh nếu muốn - người ta hay gọi là “nick” đấy. Có một số nick khá sáng tạo trên không gian mạng. Người ta tự gọi mình bằng đủ thứ tên điên rồ.

changtraingoisao, cobedienro, Yoyo, Dave66, XXYYZZ

Thậm chí những nick này còn không nhất thiết phải đọc được nữa chứ!

1. “Arsenal” có nghĩa là “kho vũ khí đạn dược”.

BẠN CÓ QUEN ALF A BETT KHÔNG?

Các tác giả văn học rất thích bịa ra những cái tên phản ánh tính cách nhân vật. Charles Dickens có một số ví dụ rất tuyệt, như là Scrooge^[1], Pecksniff^[2], Bumble^[3], và Sweedlepipe^[4]. J. K. Rowling có Hagrid^[5], Kettleburn^[6], Dumbledore^[7], Sprout^[8], và nhiều nhiều nữa.

Thật thú vị khi thấy một số tên nghe hay còn một số tên nghe tệ. Những cái tên có phụ âm êm như là [m], [n], và [l] thường nghe dễ chịu hơn những cái tên có phụ âm gắt như [k] và [g]. Thử tưởng tượng chúng ta tới một hành tinh, nơi đó có hai giống người sinh sống. Một giống là người Lamonian. Giống kia là Gratak. Giống nào nghe thân thiện hơn? Hầu hết mọi người sẽ nghiêng về người Lamonian bởi vì cái tên nghe thân thiện hơn. Gratak là cái tên nghe rất ghê gớm.

Người ta còn thích bày trò với các âm có trong tên nữa. Ta thấy có rất nhiều tên như thế này trong các cuốn sách kể chuyện cười, sáng tạo ra những cái tên thế này cũng rất vui.

Chris Cross	Jim Nasium	Mustapha Camel
Dan D Lion	Laura Norder	Noah Zark
Dinah Mite	Minnie Buss	Patty Cake
Eva Brick	Mona Lott	Stan Duppl ^[1]

1. Đến từ "scrounge", có nghĩa là xoáy, cuỗm. (BT)
2. Đến từ hai động từ là "peck" (mỏ) và "sniff" (ngửi), gợi ra hình ảnh một sinh vật cơ hội, liên tục phán đoán hướng gió để xoay theo. (BT)
3. Đến từ "bumptious", có nghĩa là tự phụ. (BT)
4. Có liên hệ đến "sweet" (ngọt ngào), "wheedle" (vòi vĩnh, dỗ dành), và "pipe" (hót với giọng cao). (BT)
5. Từ địa phương theo tiếng Anh cổ mang nghĩa là có một đêm khó nhọc. Theo J. K. Rowling, cái tên đến từ việc Hagrid là người hay uống rượu. (BT)
6. Có nghĩa là ấm nước chảy. (BT)
7. Từ cổ có nghĩa là ong vò vẽ. Theo J. K. Rowling, cái tên đến từ thói quen tự ngâm nga (như tiếng vo ve) của Dumbledore. (BT)
8. Nghĩa là nảy mầm. Sprout là giáo sư Thảo dược học ở Hogwarts.
1. Phát âm tương đương với crisscross (đường đan chéo), dandelion (bồ công anh), dynamite (thuốc nổ), Eva Briggs, gymnasium (phòng tập gym), law and order (luật lệ và trật tự), minibus (xe buýt nhỏ), moan a lot (rên rất nhiều), Mustafa Kemal, Noah's Ark (Con thuyền của Noah), pattycake (một loại bánh, cũng là tên một bài đồng dao), stand up (đứng dậy).



Cuộc cách mạng điện tử

Máy tính đã thay đổi bản chất đời sống ngôn ngữ loài người. Vào những năm đầu đời, chúng ta chỉ làm công việc lắng nghe và nói. Vào khoảng năm tuổi, chúng ta học đọc và viết. Chỉ có số ít người, khi đã rất nhiều tuổi, học đánh máy bằng một máy đánh chữ. Và chỉ thế thôi. Thế rồi máy tính và điện thoại di động xuất hiện, và giờ đây hàng triệu hàng triệu người đang sử dụng bàn phím và bàn phím số để giao tiếp điện tử với nhau. Thậm chí cả lũ trẻ cũng làm vậy. Tôi có biết mấy em nhỏ tầm ba tuổi đã biết tìm các chữ cái tên mình trên bàn phím và gõ tên của mình hiện lên màn hình. Chúng chưa biết viết nhưng đã biết đánh máy rồi đấy.

Tốc độ đánh máy ban đầu chậm, nhưng chẳng mấy chốc thành nhanh. Và một khi chúng ta đánh máy thuần thục, ta có thể làm được một điều mà máy đánh chữ xưa không làm được. Ta có thể nói chuyện như bình thường mà chỉ cần dùng đến những ngón tay. Hãy xem cuộc trò chuyện này trôi chảy ra sao nhé. Jane và Eric đang nhắn tin với nhau.

Jane: hi

Eric: hi

Jane: bạn k?

Eric: k

Jane: t tg c đag

Jane: tấm

Eric: k

Eric: tuần trước dôi

Jane: 😊

Eric: hay là tháng trước??!!

Eric: chả nớh dc nữa

Đoạn trò chuyện này diễn ra trong vòng chưa đầy nửa phút. Nói chuyện thế này chậm hơn nhiều so với khi nói trực tiếp với nhau, nhưng vậy là cũng khá nhanh rồi.

Qua cách đánh máy của họ, có thể dễ dàng thấy được họ thuộc nhóm trẻ tuổi. Họ nói chuyện theo cách rất đời thường và hiện đại - “hi”, “tg” (tưởng), “đag” (đang) - và cách họ viết cho thấy cách họ nói, dùng “d” thay cho “r” trong “rồi”. Họ sử dụng cách viết tắt trên mạng (“k”, “t” và “c”). Eric đánh “nhớ” bị sai. Cả hai không buồn viết hoa chữ cái đầu câu. Họ bỏ cả dấu chấm cuối câu lẫn dấu ngang chữ <đ>. Eric dùng rất nhiều dấu câu trong một câu nọ (“??!!”), còn Jane thì dùng dấu câu hiện lên trên màn hình thành mặt cười, hay biểu tượng cảm xúc.

Một số người sẽ nói đoạn trò chuyện này chứng tỏ Jane và Eric không giỏi môn văn cho lắm. Ta có thể thấy họ đánh giá thế này: “Chúng chẳng biết đánh dấu câu hay viết hoa ra làm sao cả. Còn Eric không biết viết cả chữ ‘nhớ’! Tệ quá!” Họ nói có đúng không?

Không, không hề đúng. Tôi may mắn biết hai người này là ai. Thực tế, mới gần đây tôi có nhận được lá thư của Jane gửi, mở đầu thế này:

Thưa chú David,

Cảm ơn chú đã gửi thư mấy hôm trước ạ. Cháu xin lỗi đã không trả lời sớm hơn, nhưng vừa rồi cháu mới đi du lịch.

Rõ ràng cô biết cách dùng dấu chấm câu và các dấu khác. Và nếu có được đọc hết cả lá thư, bạn cũng sẽ chẳng thể tìm nổi một lỗi chính tả nào hết. Rõ ràng cô biết cách sử dụng tiếng Anh chuẩn đấy chứ. Và Eric cũng vậy. Thực tế, Eric là một tác giả nổi tiếng làm nghề viết sách.

Điều mà Jane và Eric đã làm là học một phong cách viết tiếng Anh mới phù hợp với máy tính. Mục đích chính của việc nhấn tin tức thời là những lời trao đổi diễn ra càng nhanh càng tốt. Đó là lý do vì sao người ta gọi nó là “tức thời”. Vì thế người nhấn không tốn thời giờ vào việc gõ những phím ruộm rà. Dùng phím shift để viết hoa chữ cái đầu câu sẽ làm chậm tốc độ khá nhiều. Và nếu câu đã rõ nghĩa mà không cần đến dấu câu, thì họ cũng chẳng bận tâm điền thêm làm gì. Tương tự, họ không lãng phí thời gian sửa lỗi đánh máy nếu như từ dù có bị sai vẫn dễ nhận ra. Không khó để nhận ra “nớh” là gì, vì vậy Eric không buồn sửa lại từ này.

Đoạn trao đổi trên cũng cho thấy một số cách dùng ngôn ngữ rất mới mẻ. Thử nhìn lại biểu tượng cảm xúc kia nhé. Nếu đây là một cuộc trò chuyện trực tiếp, ta có thể hình dung Jane sẽ phản ứng thế nào. Cô sẽ cười to. Giờ thì việc đó là hoàn toàn có

thể, cô có thể cười qua bàn phím - bằng cách dùng mặt cười. Nó tiết kiệm thời gian để cô không phải nghĩ ra từ ngữ để thể hiện cảm xúc của mình. Cô có thể viết “ha ha” hoặc “lol” (“buồn cười quá”), hoặc một cái gì khác, nhưng mặt cười thể hiện thẳng thắn và rõ ràng ý định đó rồi.

Hãy để ý đến cả cách Jane và Eric đôi khi còn ngắt câu của mình thành các đoạn, như thế này:

Jane: t tg c đag

Jane: tsm

Người ta thích viết câu ngắn khi đang đối thoại trên mạng. Thường thì khó mà tìm được một câu nhiều hơn sáu hay bảy từ trong các trò chuyện này. Vậy nên khi ai đó định viết câu dài, họ thường ngắt thành những đoạn nhỏ. Một ví dụ khác trong đoạn nối tiếp của cuộc trò chuyện trên diễn ra như sau:

Jane: t chỉ muốn hỏi

Jane: xem cậu đã xem dvd xong chưa

Jane: dvd c mượn tuần trước đó

Jane: vì Emma muốn xem

Tất nhiên khi ai đó làm như vậy, người kia có thể ngắt ngang mà đáp lại bất kỳ lúc nào. Nếu Eric đoán được Jane đang chuẩn bị hỏi gì, thì anh có thể đã đáp thế này:

Jane: t chỉ muốn hỏi

Jane: xem cậu đã xem dvd xong chưa

Eric: rồi

Jane: dvd c mượn tuần trước đó

Eric: xem hay lắm

Jane: vì Emma muốn xem

Đây là một đoạn trò chuyện kỳ cục. Nếu đang nói chuyện trực tiếp ta sẽ chẳng làm như vậy. Và tất nhiên nó cũng không giống bất kỳ một cuộc trò chuyện trong các tiểu thuyết hay vở kịch nào. Giống như hai người đã nói cùng một lúc vậy. Nhưng nó hoàn toàn dễ hiểu, và một khi người ta quen với việc dùng máy tính theo cách này, họ thậm chí còn không nhận ra hai dòng thoại đang đan cài vào nhau như thế này.

Tin nhắn tức thời chỉ là một cách giao tiếp mới mẻ mà máy tính cho phép chúng ta thực hiện. Còn có rất nhiều cách khác nữa.

- Ta có thể gửi email.
- Ta có thể tham gia nhóm trò chuyện.
- Ta có thể viết blog.
- Ta có thể gia nhập một mạng xã hội, như Facebook chẳng hạn.
- Ta có thể gửi tin nhắn ngắn gọn bằng một hệ thống như Twitter chẳng hạn.
- Ta có thể gửi tin nhắn văn bản.
- Ta có thể tìm kiếm các trang Web.
- Ta có thể chơi trò chơi trên mạng.
- Ta có thể dùng máy tính để gọi điện thoại.

Điều đáng kinh ngạc là hầu hết các khả năng này đều ra đời gần đây. World Wide Web mới được phát minh vào năm 1991. Hầu hết mọi người chưa từng gửi email cho tới giữa thập kỷ 1990. Trước năm 1999, một hệ thống tìm kiếm như Google còn chưa ra đời. Tin nhắn văn bản chưa phổ biến cho tới thời điểm thế kỷ mới bắt đầu. Viết blog nhanh chóng được yêu thích ngay sau đó. Facebook bắt đầu năm 2004. Twitter năm 2006. Nói cách khác - tôi đang viết những dòng này năm 2009 - hầu hết những thứ chúng ta làm trên mạng đều đã diễn ra cách đây trên dưới 10 năm. Vậy mà cảm giác như chúng đã diễn ra từ đời nào rồi.

Tất nhiên, đối với những người trẻ, những điều này đã diễn ra cả đời họ rồi. Nếu bạn đang ở độ tuổi teen, bạn sẽ chẳng nhớ rằng đã từng có thời không có internet. Bạn đã lớn lên cùng với chúng ngay bên cạnh. Bạn đã biết, gần như chẳng phải suy nghĩ gì, nói chuyện và viết với máy tính một cách tự nhiên, cũng như khi bạn học tiếng mẹ đẻ. Những người già thì không được dễ dàng như vậy. Đối với họ, học cách giao tiếp trên máy giống như là học ngoại ngữ vậy!

Thật ra, nói là “các ngoại ngữ” thì sẽ chính xác hơn. Bởi vì một trong những điều thú vị về cách chúng ta giao tiếp bằng máy tính là có rất nhiều phong cách khác nhau. Chúng ta không viết blog, email, và tin nhắn văn bản theo cách giống nhau. Thực tế phần mềm đôi khi sẽ không cho phép chúng ta làm như vậy. Nếu ta muốn gửi một tin nhắn Twitter, độ dài phải dưới 140 ký tự. Tin nhắn văn bản cho phép lượng ký tự lên tới 160. Điều đó có nghĩa là ngôn ngữ ta dùng phải rất khác với ngôn ngữ ta viết blog hay là gửi tin nhắn trên diễn đàn ở Facebook, vì những trường hợp đó không có giới hạn như vậy.

Để thấy ngôn ngữ điện tử khác biệt ra sao, chương tiếp theo sẽ bàn kỹ hơn về một trong những phương tiện phổ biến nhất, tin nhắn văn bản.

ĐỪNG CÓ LA LÓN

Bạn sẽ nghĩ gì nếu nhận được một email thế này?

MANG DVD QUA CHO TÔI NHA. TED

Rất có thể bạn sẽ giật mình, bởi vì toàn là chữ hoa cả. Như thể Ted đang hét vào vào mặt bạn vậy. Cậu ta đang cáu à? Hay đang bức?

Thực tế, có khi chỉ là Ted lỡ để lệnh viết hoa nên tất cả những chữ cái xuất hiện đều là chữ hoa. Và cậu không nghĩ ngợi gì đến hiệu ứng việc này mang lại cho bạn.

La hét như thế này là một "cung cách dùng mạng" không tốt. Lại còn khó đọc nữa. Các hướng dẫn sử dụng máy tính đều nói KHÔNG nên làm thế - trừ phi bạn cố tình làm như vậy.

Tất nhiên viết hoa một từ nào đó để nhấn mạnh thì không sao. Viết như thế này thì không vấn đề gì cả:

Tôi thấy phim đó rất TUYỆT.

Nhưng bạn sẽ thấy còn có các cách khác để nhấn mạnh từ nữa, như là thay đổi nét chữ hoặc thêm đoạn cách, dấu sao, hoặc gạch dưới.

Tôi thấy phim đó rất **tuyệt**.

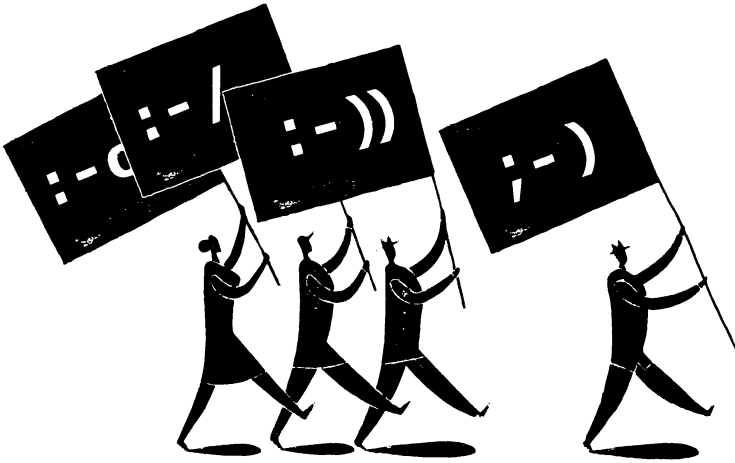
Tôi thấy phim đó rất t u y ệ t.

Tôi thấy phim đó rất *tuyệt*.

Tôi thấy phim đó rất _tuyệt_.

Còn quá sớm để nói phương pháp nào sẽ trở thành chuẩn cho việc nhấn mạnh từ. Người ta sẽ bình chọn bằng cách tự dùng. (Tôi thì tôi chọn cách dùng dấu sao.)

CHƯƠNG 30



Nhắn tin

“Ngôn ngữ gì kỳ cục. Chẳng hiểu nổi một chữ nào hết!” Tôi đã từng nghe có người nhận xét về các tin nhắn như vậy. Và người đó còn thêm: “Nếu cứ thế này thì bọn trẻ sẽ không còn biết viết thế nào cho đúng nữa!”

Nào, các độc giả của tôi, các bạn chính là bọn trẻ mà người đó đang nói tới. Có đúng như lời ông ấy nói không? Chắc các bạn đều nhắn tin cả. Ngôn ngữ tin nhắn có thật sự là một ngôn ngữ mới không? Và các bạn có thật là không biết viết sao cho đúng không?

Ngày khi chúng tôi bắt đầu nghiên cứu tin nhắn một cách cẩn thận, điều mà một nhà ngôn ngữ học cần phải làm, thì hóa ra chúng không kỳ quặc như một số người nghĩ đâu. Một số ví dụ tin nhắn thật mà tôi thu thập được đây.

b cx thế nhé. Mừng là chuyến đi OK cả.

b nói gì cơ?

Hạ cánh an toàn. Đang trên đg về thị trấn. Xxx

tôi sẽ đến trc 7h

bọn tôi vừa đi uống với Jon!!!!

Ai gửi những tin này đây? Đủ hết mọi độ tuổi đấy. Tin đầu tiên và tin cuối cùng là của nhóm tuổi teen. Những tin còn lại là của những người ở độ tuổi 40 và 50.

Hai ví dụ tiếp theo đây. Bạn nghĩ là ai viết?

Con bão nhiệt đới Barry (Đại Tây Dương) đã hình thành, nằm cách Tampa Florida 330 dặm (520km) về phía Tây Nam.

Barack đã chọn Thượng nghị sĩ Joe Biden làm ứng viên cho vị trí Phó tổng thống.

Tin đầu tiên là từ một đài dự báo thời tiết Mỹ, cảnh báo người ta về một cơn bão đang tới gần. Tin thứ hai là của văn phòng vận động tranh cử của Barack Obama, vào tháng 8 năm 2008, khi ông công bố nhân vật mà ông lựa chọn vào vị trí Phó tổng thống. Hãy chú ý rằng, trong những tin nhắn này, không có một từ viết tắt nào mà chúng ta hay liên hệ với việc nhắn tin. Các câu này được viết theo phong cách tiếng Anh chuẩn với đầy đủ các chữ viết hoa và dấu câu.

Hầu hết các tin nhắn văn bản được gửi tới gửi lui trên thế giới ngay lúc này đều giống như vậy. Chúng được gửi đi từ các tổ chức khác nhau, như đài phát thanh và đài truyền hình, các trường học, cửa hàng và công ty, các nhóm tôn giáo, và các tổ chức nhà nước. Các tin nhắn này gửi đi thông tin về những gì đang xảy ra trên thế giới, và để xem phản ứng của chúng ta. Ta

khó lòng thấy những chữ viết tắt như kiểu “bb bn hiền”⁽¹⁾ trong những tin này. Hẳn là do hầu hết các tổ chức này đều không cho phép người viết tin sử dụng chúng, bởi họ biết rất có thể người đọc tin nhắn sẽ không hiểu được.

Thậm chí tin nhắn của nhóm tuổi teen không lạ lẫm như một số người vẫn thường nghĩ. Đây là một bài tập nghiên cứu mà ai cũng có thể làm được. Ta thu thập một loạt tin nhắn, rồi đếm tất cả các từ trong đó. Sau đó, ta chỉ đếm những từ được gọi là “ngôn ngữ tin nhắn” - các từ viết tắt như “bb”, “bn”, “tn”⁽²⁾, vân vân. Kết quả là gì? Hãy thử làm bài tập này với hai đoạn tin nhắn sinh nhật sau của nhóm bạn tuổi thanh thiếu niên nhé:

chúc mừng sinh nhật bn t. mong hôm nay là ngày tốt đẹp nhất và mọi điều ước của c đều thành sự thật. yêu và thương từ tớ và tom

này, thêm 1 tuổi rồi. thế có phải là khôn thêm 1 năm k? ngày tuyt dzời nhé. thấp nển này. cắt bánh này. nhảy múa này. iu thương từ mng ở câu lạc bộ

Từ vựng tin nhắn		Từ bình thường			
	bn t c k tuyt dzời iu thương mng 1	chúc mừng sinh nhật mong hôm nay là (x2) ngày (x2) tốt đẹp nhất và (x3) mọi	điều ước của đều thành sự thật yêu thương từ (x2) tớ tom	này (x4) thêm (x2) tuổi rồi thế có phải khôn năm nhé	thấp nển cắt bánh nhảy múa ở câu lạc bộ
TỔNG CỘNG	8	46			

1. “bye bye bạn hiền”.
2. “bye bye”, “bạn”, “tin nhắn”.

Đây là một kết quả điển hình. Chỉ một phần nhỏ trong số các từ thu được từ tin nhắn thật sự là ngôn ngữ tin nhắn. Thông thường con số này nằm ở khoảng 10 đến 20%. Hầu hết mọi người đều bất ngờ về điều này.

Một bất ngờ khác nữa là khi người ta biết rằng những từ viết tắt “mới” kia không hề mới chút nào. Có phải những dạng như “u” với nghĩa “you” và “gr8” cho “great” được sáng tạo ra chỉ để dùng trên điện thoại di động không? Không hề. Chúng ta có thể thấy người ta dùng những cách viết tắt này hơn 200 năm trước. Chúng được gọi là đồ hình rebus và đây là dạng câu đố từng rất thịnh hành. Nữ hoàng Victoria từng chơi đồ hình rebus. Lewis Carroll cũng vậy.

Khi còn nhỏ, tôi từng được tặng quà Giáng sinh là những cuốn sách tập hợp nhiều hoạt động, trong đó có các trò đồ hình rebus. Các câu đố này hơi giống cách phát triển hệ thống chữ viết xa xưa, như ta đã thấy ở Chương 17. Tôi đọc một dãy các biểu tượng như sau, và sẽ phải nghĩ xem câu này là gì:

YY U R YY U B I C U R YY 4 ME

Hầu hết những người lớn tuổi sẽ nhớ lại câu này. Ta phải đọc thành câu như sau:

too wise you are, too wise you be, I see you are too wise
for me⁽¹⁾

Vậy nên ai mà nghĩ rằng ngôn ngữ tin nhắn là một “ngôn ngữ mới” là không đúng. Hầu hết tất cả các từ viết tắt thường thấy trong các tin nhắn bằng tiếng Anh đều đã tồn tại nhiều năm rồi.

1. Nghĩa là “bạn thực khôn ngoan, quá sức khôn ngoan, mình thấy là quá khôn ngoan đối với mình”.

Và điều tương tự cũng đúng trong các ngôn ngữ khác. Rất ít trong số này là mới hoàn toàn: “lol”, nghĩa là “laughing out loud”⁽¹⁾, là một từ mới; và “brb” cũng vậy, nghĩa là “be right back”⁽²⁾.

Tất nhiên, những người sử dụng tin nhắn trẻ tuổi cũng chơi chữ với các từ viết tắt như ông bà họ từng làm. Họ rất thích sáng tạo ra từ viết tắt mới, và càng điên rồ càng tốt. Một số từ tôi đã thấy như sau:

imo	in my opinion
imho	in my humble opinion
imnsho	in my not so humble opinion
imhbco	in my humble but correct opinion
rotfl	rolling on the floor laughing
rotflol	rolling on the floor laughing out loud
rotfluts	rolling on the floor laughing unable to speak
rotflmao	rolling on the floor laughing my ass off ⁽³⁾

Người ta còn lập từ điển thống kê hàng trăm từ được tạo ra như thế này nữa. Nhưng hầu như những từ này không xuất hiện trong các đoạn tin nhắn được gửi đi hàng ngày.

Tại sao người ta lại sử dụng từ viết tắt khi họ nhắn tin cho nhau? Lý do rõ ràng nhất là để tiết kiệm thời gian và công sức. Viết “u” nhanh hơn viết “you” nhiều. Chúng ta cũng thấy kiểu viết tắt này được dùng trong các lĩnh vực khác của giao tiếp máy tính khi người ta muốn đánh máy nhanh, như là trong phòng chat hoặc trong email.

Tuy nhiên, còn có một lý do thứ hai nữa. Người ta nghĩ làm như vậy cũng khá vui. Họ thấy gửi tin nhắn với các kiểu chơi

1. Nghĩa là “buồn cười quá”.
2. Nghĩa là “đang ra ngoài một tí thôi”.
3. Nghĩa là “theo ý tôi”, “theo thiên ý của tôi”, “theo ý không được thiên lắm của tôi”, “theo thiên ý nhưng là ý đúng của tôi”, “cười lăn cười lộn”, “cười rú lên lăn lộn”, “cười ngất không nói nổi”, “cười lăn cười lộn hết cả hơi”.

chữ thật sành điệu - bỏ bớt chữ cái ra và sử dụng biểu tượng để thay thế chữ cái, ví dụ như “8” và “@”. Đây là điều họ không thể làm được ở các hình thức viết lách khác.

Nhưng thử nghĩ kỹ mà xem. Như tôi đã nói ở Chương 9, nếu bỏ bớt chữ cái ra mà là sành điệu, ta phải biết những chữ đó ban đầu ở đâu đã. Nói cách khác, ta phải biết viết đúng chính tả trước khi ta nhấn tin được tốt. Và ta phải biết liên hệ chữ cái với âm nữa, nếu không thì ta sẽ không bao giờ biết viết “gr8” và “2day”⁽¹⁾. Vậy không có gì là ngạc nhiên nữa, khi ta nhận ra rằng những người nhấn tin sành sỏi nhất chính là những người viết chính tả chuẩn chỉ nhất.

Nếu ta nhấn tin thật sự tốt, ta có lẽ cũng khá sáng tạo nữa. Minh chứng là ở cách người ta chơi chữ khi viết tin nhắn và làm các bài thơ tin nhắn nữa. Họ còn thử dịch các tên sách và tên phim nổi tiếng ra ngôn ngữ tin nhắn, như thế này:

ChRIE & t chocl8 factrE

Alice in 1derl&⁽²⁾

Và người ta đã từng tổ chức một số cuộc thi làm thơ tin nhắn. Tôi nghĩ một số bài thơ rất hay. Đây là một trong những bài yêu thích của tôi, bài dự thi của một trường cấp 1 ở Úc mấy năm trước:

quik hurry up & txt me
tell me u luv me
tell me how much u want me
tell me im da 1
oops wrong prsn
i sent it 2 my mum

1. “8” (eight) có cùng âm [ây] với “great” (tuyệt vời). “2” (two) có cùng âm [tu] với “today” (hôm nay). (BT)

2. Tên các tác phẩm *Charlie & the Chocolate Factory* (Charlie và nhà máy sô cô la), *Alice in Wonderland* (Alice ở xứ sở diệu kỳ).

Tạm dịch:

đi mà nhấn e bít
rằng aye
rằng a cần e bnhiu
rằng e là số 1
á nhầm ng rồi
nhầm thành mẹ, bắt nhột

Đây là cả một thử thách, viết một bài thơ với giới hạn 160 ký tự và các dòng phải nằm vừa vặn trên màn hình. Bạn không cần phải dùng từ viết tắt nếu không muốn, và một số bài thơ hiệu quả nhất lại là những bài viết đúng chính tả tiếng Anh chuẩn. Đây là một bài thơ viết cho chương trình truyền hình BBC năm 2005 về các giọng địa phương và phương ngữ ở xứ Wales:

This is my voice
The voice of my family
The voice of my friends
The voice of my town
The voice of my past
The voice of my future
The voice of my heart
This is one of the voices of Wales

Tạm dịch:

Đây là tiếng nói tôi
Tiếng nói gia đình tôi
Tiếng nói bạn bè tôi
Tiếng nói thành phố tôi
Tiếng nói quá khứ tôi
Tiếng nói tương lai tôi
Tiếng nói trái tim tôi
Đây là một tiếng nói xứ Wales

Tổng cộng 146 ký tự, không kể dấu cách.

Tất nhiên đây không phải là lần đầu tiên các nhà thơ nỗ lực sáng tạo trong khuôn khổ khắt khe. Thơ haiku là một ví dụ nổi tiếng, đây là thể thơ đã tồn tại hàng trăm năm qua ở Nhật Bản. Mỗi bài thơ đều ghi lại một khoảnh khắc trải nghiệm và rất ngắn, thường không nhiều hơn 17 âm tiết và không nhiều hơn ba dòng. Không khó để dùng phong cách này với tiếng Anh. Dưới đây là một ví dụ:

sunflash of sea birds
flying beyond the horizon
time to move on

Tạm dịch:

chim biển công năng tràn
vội tít tận chân trời xoải cánh
lên đường thôi kìa bạn

Vậy thì mình cùng tiếp tục hành trình nhé.

NHẮN TIN Ở NƯỚC NGOÀI

Người ta nhắn tin bằng các ngôn ngữ khác như thế nào? Câu trả lời là: cũng giống kiểu ta làm với tiếng Anh. Họ bỏ bớt chữ cái và lấy con số thay cho âm.

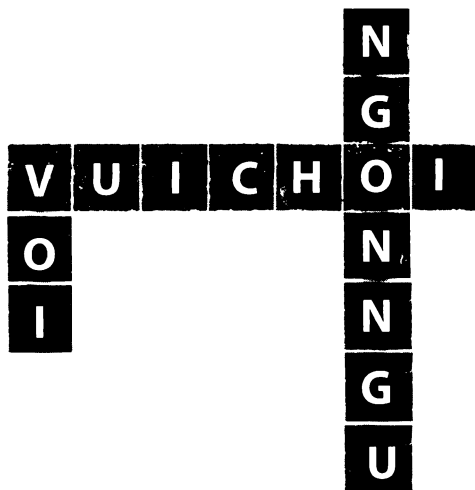
Từ "cảm ơn" trong tiếng Pháp là "merci", phát âm "mare-see". Từ chỉ số 6 trong tiếng Pháp nhìn giống "six" trong tiếng Anh, nhưng đọc khác, thường nghe như là "see". Thế là người Pháp nhắn tin hay viết "cảm ơn" thành "mr6".

Từ "achtung" tiếng Đức có nghĩa là "chú ý". Từ "acht" tiếng Đức nghĩa là "số 8". Thế là người Đức nhắn tin hay viết "achtung" thành "8tung".

Từ "saludos" tiếng Tây Ban Nha nghĩa là "chào", phát âm là "sa-loo-doss". Từ "dos" tiếng Tây Ban Nha nghĩa là "số 2", cũng đọc là "doss". Vậy là người Tây Ban Nha nhắn tin hay viết "saludos" thành "salu2".

Từ "nawr" tiếng Wales nghĩa là "bây giờ", đọc giống "now" tiếng Anh nhưng có thêm "r" ở cuối. Từ "naw" trong tiếng Wales có nghĩa là "số 9", đọc là "now". Thế là người xứ Wales nhắn tin hay viết "nawr" thành "9r".

CHƯƠNG 31



Vui chơi với ngôn ngữ

Nhấn tin là trải nghiệm cho thấy con người nhanh nhạy trong việc chơi với ngôn ngữ đến mức nào. Chẳng bao lâu sau khi điện thoại di động được phát minh, họ bắt đầu gửi tin nhắn cho nhau với những biến thể của cách viết chính tả thông thường. Không lâu sau đó, như ta đã thấy ở Chương 30, họ bắt đầu nhắn tin bằng thơ. Và không chỉ thơ đâu. Có một số vùng trên thế giới như Trung Quốc và Nhật Bản chẳng hạn, hàng triệu triệu người đọc tiểu thuyết qua tin nhắn!

Chúng ta thích bày trò để chơi với ngôn ngữ, và ta cũng khoái nhìn người khác chơi cùng ngôn ngữ. Và ta có thể làm điều đó bằng hàng trăm cách khác nhau. Mỗi lĩnh vực của ngôn ngữ mà ta đã bàn tới trong cuốn sách này đều có thể là mục tiêu cho ta bày trò chơi, nhưng người ta thường thích chơi với âm thanh và con chữ nhất.

Hằng ngày ta vẫn nghe thấy người khác giả giọng nói buồn cười. Có thể là giọng Homer Simpson, hoặc Ali G, hoặc Bugs Bunny, hoặc giọng của hàng chục các nhân vật trên phim và chương trình truyền hình khác mà ta biết. Một sinh viên có thể giả giọng giáo viên của mình. Một cậu bé có thể sẽ nhại giọng một cô bé trong lớp mình - hoặc ngược lại. Ai đó có thể bắt chước giọng Anh-Mỹ (nếu anh ta là người Anh) hoặc giọng Anh-Anh (nếu anh ta là người Mỹ), hoặc giọng “nhà quê” hoặc giọng “cướp biển” - đi vòng vòng kêu “ooh-arr”. Ai cũng có thể nhại những giọng kỳ cục, và một số người còn cực kỳ giỏi nhại giọng. Nhiều khả năng trong tương lai họ sẽ trở thành các diễn viên hoặc các nhân vật chuyên bắt chước giọng người nổi tiếng khác trên tivi.

Một cách chơi với âm thanh phổ biến khác là chơi chữ. Chơi chữ là khi ta thay một từ có nghĩa nọ bằng một từ khác phát âm y hệt nhưng có nghĩa khác. Ví dụ:

You shouldn't write with a broken pencil because it's pointless.⁽¹⁾

Từ “point” có hai nghĩa: “đầu nhọn” và “mục đích”. Tất nhiên chúng ta phải biết cả hai nghĩa này thì mới hiểu được câu nói đùa đó.

Đôi khi các từ trong trò chơi chữ không nhất thiết phải phát âm y hệt nhau, nhưng phải đủ giống để người nghe có thể liên hệ được hai từ đó với nhau.

Bệnh nhân: Doctor, doctor, I think I'm a bird.

Bác sĩ: I'll tweet you in a minute.⁽²⁾

1. Nghĩa là “Bạn không nên dùng bút chì gãy vì nó có mũi chì đầu.” Hay “Bạn không nên dùng bút chì gãy vì như thế chỉ vô ích thôi.”

2. Nghĩa là “Bác sĩ, bác sĩ, tôi nghĩ tôi là chim.”

“Tôi sẽ hót ngay cho anh đây” hay là “Tôi sẽ chữa ngay cho anh đây”.

Đây là một trò chơi chữ khá thông minh, vì ta phải biết rằng (1) chim thì kêu “tweet”, (2) bác sĩ thì “treat” bệnh nhân, và (3) đôi khi người ta thay âm “r” bằng âm “w” - giống như gương mặt truyền hình Anh Jonathan Ross.

Các tấm thiệp mừng sinh nhật thường đầy các trò chơi chữ. Nếu ta thích mèo, bạn bè có thể sẽ gửi cho ta một tấm thiệp ghi thế này:

I didn't FUR-get
I looked in the CATalogue
And found this card.
So do PAWS
And have a PURR-fect birthday⁽¹⁾

Người ta còn thích chơi đùa với chữ cái nữa. Scrabble có lẽ là ví dụ nổi tiếng nhất, để chơi trò này người chơi dùng các chữ cái ghép lại thành từ để giành điểm cao nhất. Nhưng còn có rất nhiều trò chơi với chữ cái khác mà ta có thể tự chơi mà không cần đến dụng cụ nào.

- Tìm từ hoặc câu đọc xuôi đọc ngược đều giống nhau:

Was it a cat I saw?
Madam, I'm Adam.⁽²⁾

Trường hợp này gọi là lối chơi chữ xuôi-ngược palindrome.

- Tìm từ nào có các chữ cái đảo thứ tự thì thành một câu hoặc một cụm từ có nghĩa liên quan đến từ đó:

the eyes = they see

1. Nghĩa là “Tôi đâu quên

Tôi đã xem catalog rồi

Để tìm ra tấm thiệp này.

Thế nên hãy ngừng lại chút nào

Và thưởng thức ngày tuyệt nhất đời”.

Những chữ in hoa: “lông”, “mèo”, “vuốt”, “tiếng rừ rừ”.

2. Nghĩa là “Có phải tôi vừa thấy con mèo?” và “Thưa bà, tôi là Adam”.

Harry Potter = try trap hero⁽¹⁾

Trường hợp này gọi là phép đảo chữ *anagram*.

- Tìm các câu mà trong đó không xuất hiện một chữ cái nào đấy, ví dụ như chữ “e”, chữ cái phổ biến nhất trong bảng chữ cái tiếng Anh:

I am going to show you how to do this right now.⁽²⁾

Trường hợp này gọi là lối chơi chữ loại tự *lipogram*. Một tác giả là Ernest Wright từng viết một cuốn tiểu thuyết tên là *Gadsby* dài tới 50.000 từ mà không hề dùng đến chữ cái “e” một lần nào hết.

- Tìm các câu mà tất cả các từ trong đó đều dùng chung một nguyên âm:

Cool schoolboys do not do sports on top of London shopfronts.⁽³⁾

Trường hợp này gọi là lối chơi chữ độc âm *univocalics*, đọc là “you-nee-voh-cal-iks”.

Các tác phẩm truyện tranh và các cuốn sách tập hợp hoạt động theo chủ đề có rất nhiều những ví dụ khác như ô chữ hay ô giấu chữ. Tự sáng tác thêm trò chơi kiểu này không khó. Hãy thử viết một câu mà tất cả các từ bắt đầu bằng một chữ cái theo đúng thứ tự của bảng chữ cái xem nào! Câu dưới đây là một ví dụ:

A big cowboy, dancing elegantly for grand hotels in Jersey, knitting lovely mittens nicely on pretty quilted rubber shoes, thought untrained vets would X-ray yellow zebras.⁽⁴⁾

1. Nghĩa là “đôi mắt = họ thấy” và “Harry Potter = thử bẫy anh hùng”

2. Nghĩa là “Tôi sắp chỉ cho anh cách làm cái này ngay bây giờ”.

3. Nghĩa là “Nam sinh sành điệu không chơi thể thao ngoài dãy cửa hiệu .London”.

4. Nghĩa là “Một cậu cao bồi to lớn nhảy nhót duyên dáng cho những khách sạn lớn ở Jersey, đan những chiếc bao tay đáng yêu gọn ghẽ lên những chiếc giày cao su chần, cậu nghĩ rằng những bác sĩ thú y không được tập huấn sẽ chụp X-quang những chú ngựa vằn màu vàng”.

Tất nhiên tôi không hề nói là câu phải có nghĩa nhé!

Một trong những nơi nghiên cứu các trò chơi với ngôn ngữ tốt nhất ở ngay trước mặt bạn kìa: đó chính là sân trường trong giờ ra chơi, đặc biệt là trường tiểu học. Ở đó ta có thể thấy đủ các loại trò chơi diễn ra dưới sự kiểm soát của ngôn ngữ. Hãy quan sát lũ trẻ nhảy dây, ném bóng, hay là đếm người chơi, ta sẽ thấy chúng đều làm những việc đó theo nhịp ngôn ngữ. Ta sẽ nghe thấy các câu vè như thế này:

Vòng quanh sô cô la
Bánh đa sữa đậu nành
Pepsi sống hay chết
Trả lời ngay.
Rồng rắn lên mây
Có cây lúc lắc
Có nhà điểm binh
Hỏi thăm thầy thuốc
Có nhà hay không?

Ta cũng sẽ nghe được các câu hát trong những trò chơi vô nghĩa, hay là những trò chơi khiến người chơi gập rắc rối.

Ngày đẹp giữa đêm trong vắn vắt,
Hai xác chết muốn thử đánh nhau,
Tựa lưng nhau nhìn nhau chằm chằm
Rút kiếm ra bắn nhau pằng pằng.
Lặng như tờ trong sân vắng,
Lặng như tờ ngoài đường trắng,
Thằng rồ của nước Anh
Chuẩn bị nói - nhanh!

Nhiều học giả đã thu thập vô số đoạn vè như thế này. Có tới

hàng nghìn câu. Mỗi thế hệ lại dùng một số câu về xưa và sáng tác thêm một vài câu về mới.

Tại sao mọi người lại bày trò chơi với ngôn ngữ như vậy? Chúng ta đổ nhau, đặt về, nói ngược, sáng tạo các câu nói lú lỏi, vờ nói tiếng nước ngoài, và kể đủ thứ chuyện đùa, và hàng nghìn trò khác nữa. Phải, hàng nghìn cơ đấy. Tôi có một cuốn sách có tên *Một nghìn câu đùa cho trẻ em*. Hầu hết các câu đùa tẻ tới mức bạn phải kêu lên ầy. Nhưng suy cho cùng, vui là ở chỗ đó.

Tại sao chúng ta làm tất cả những chuyện này? Tôi đã gọi ý câu trả lời ngay ở chương đầu tiên của cuốn sách này. Bạn có nhớ tôi đã bắt đầu bằng câu “Đôi khi ta dùng ngôn ngữ vào những việc kỳ cục” không? Và tôi đã nói tiếp về chuyện khi một em bé ra đời, ta trò chuyện với bé bằng nhi ngữ không? Thì đấy, nhi ngữ chính là trò chơi với ngôn ngữ. Đó là những gì ta nghe thấy, từ khoảnh khắc ta chào đời. Mọi người quanh ta luôn chơi với ngôn ngữ. Chẳng trách mà khi lớn lên ta cũng muốn làm điều đó.

Khi lũ trẻ lớn lên, các trò chơi với ngôn ngữ trở nên đa dạng hơn. Khi chúng được sáu tháng tuổi, cha mẹ chơi những trò như “ú ồa” và “xà lách xách tai”. Vào năm hai tuổi, chúng bắt đầu nghe thấy những bài hát trẻ thơ và những bài vè. Chúng chơi các trò nhảy nhót theo vần vè nhịp điệu. Giờ kể chuyện đưa chúng đến với một thế giới đầy những nhân vật sắc màu như các chàng khổng lồ, những chú lợn, những con sói, tất cả đều nói năng kỳ lạ. Chương trình tivi và đĩa phim DVD mang đến cho chúng Mickey Mouse, Goofy, Donald Duck (cái tên nghe mới kỳ cục làm sao!), Tigger, Pooh, và một loạt các nhân vật hoạt hình khác, hầu hết chúng đều có những giọng nói điên rồ nhất. Cho đến tuổi đi học, lũ trẻ hẳn phải thấy rằng cuộc đời hầu như chính là một sân chơi ngôn ngữ.

Tất nhiên, khi đi học, chúng nhận ra sự thật đáng buồn! Ngôn ngữ không phải chỉ để cho vui. Nó còn được dùng cho những mục đích nghiêm túc khác nữa.

GRAFFITI BÁ CHỦ, OK?

Chúng ta không chỉ nghe thấy các trò chơi với ngôn ngữ xung quanh mình. Ta còn nhìn thấy các trò ấy nữa, điển hình là graffiti. Tôi thì không thích cái kiểu người ta làm rối tinh mọi thứ lên với những đường sơn chằng chịt trên tường, nhưng tôi phải thừa nhận rằng đôi khi graffiti đúng là có những trò chơi chữ thông minh vô cùng. Chủ đề "OK?" là một ví dụ điển hình.

Không ai biết đích xác từ khi nào người ta bắt đầu viết kiểu thứ gì đó "là bá chủ, nha?" lên các bức tường. Có lẽ là từ những năm đầu thế kỷ 20, và lời giải thích hợp lý nhất là những băng đảng đối địch nhau huênh hoang rằng chúng mới là những kẻ thống trị - có nghĩa là, chúng là số một. Nhưng bên cạnh đó còn có cả các cổ động viên bóng đá nữa:

ARSENAL BÁ CHỦ, OK?

Kể từ đó công thức này đã được tiếp nhận và sử dụng bằng hàng nghìn cách khác nhau. Tự thu thập các ví dụ thì dễ, nhưng có tới mấy cuốn sách sưu tầm hàng trăm ví dụ hay ho nhất. Dưới đây là một vài ví dụ tôi khoái nhất:

James Bond bá chủ, OOK?

Nữ hoàng Elizabeth bá chủ UK

Xúc xích bán cả tủ, OK?

Và tất nhiên:

Ngữ pháp là bá chủ, OK?⁽¹⁾

1. Nguyên văn "Grammar rules, OK?" cũng có nghĩa là "Quy tắc ngữ pháp, OK?".

CHƯƠNG 32



Tại sao ta sử dụng ngôn ngữ?

Ngôn ngữ là để làm gì? Tại sao loài người lại học nói, học viết, học ra ký hiệu? Mục đích của ngôn ngữ là gì? Ta có thể cho rằng câu trả lời rất đơn giản: để giao tiếp với nhau. Đó cũng là điều tôi đã nói về ngôn ngữ ở phần đầu cuốn sách. Nhưng còn có nhiều điều khác nữa.

Rõ ràng mục đích đầu tiên của ngôn ngữ là để giao tiếp. Chúng ta dùng ngôn ngữ để truyền đạt ý tưởng và quan điểm của mình với người khác. Chúng ta dùng ngôn ngữ để lấy thông tin từ người khác và cho họ biết suy nghĩ của mình khi họ hỏi ta. Đôi khi chúng ta nói sự thật. Đôi khi chúng ta nói dối. Nhưng trong mọi trường hợp, mục đích cơ bản rất rõ. Chúng ta muốn ý tưởng từ trong đầu mình tới được đầu người khác. Và để điều đó xảy ra chúng ta phải nói ra, viết ra, hoặc ra ký hiệu về chúng.

Nhưng còn có một số tác dụng khác của ngôn ngữ mà mục đích cơ bản lại không liên quan gì đến chuyện giao tiếp. Tôi vừa mới bàn về một trong những tác dụng này ở Chương 31: để vui đùa.

Thử tưởng tượng một nhóm người đang chơi chữ với nhau. Mary mở đầu bằng việc kể cho mọi người rằng con mèo của cô đang bị ốm, điều này khiến John nói:

Aw, poor thing, did it have catarrh?⁽¹⁾

Tất cả mọi người cười phá lên, và rồi họ nói ra đủ các câu đùa về mèo mà họ có thể nghĩ được:

What a catastrophe!

A catalogue of disasters!

She must have been eating caterpillars.

Perhaps she got her paws caught in her catapult.⁽²⁾

Chú mèo không thể hiểu nổi một từ nào họ đang nói, nhưng tất cả mọi người lại rất thích thú, cười rú lên vì càng lúc các câu đùa càng tệ hơn nữa.

Còn bây giờ hãy dừng lại và nghĩ về loại ngôn ngữ này. Đây không phải là thứ ngôn ngữ được dùng với mục đích trao đổi ý tưởng. Chú mèo không bị viêm mũi, cũng không ăn sâu bướm và không có máy bắn đá nào cả. Đây là thứ ngôn ngữ được dùng để nói những điều vô nghĩa - và không ai lấy đó làm phiền, vì như thế rất vui.

1. Nghĩa là "Ồi, thương thế, nó có bị viêm mũi không?"

2. Nghĩa là "Thật kinh khủng!"

"Một catalog của những thảm họa!"

"Chắc tại nó ăn sâu bướm chứ gì."

"Hay là tại cô nàng kẹt chân vào máy bắn đá."

Những phần in đậm đều là "mèo".

Còn đây là một tác dụng khác của ngôn ngữ không liên quan gì đến việc trao đổi thông tin: biểu lộ bản sắc. Ở phần đầu cuốn sách này, Chương 12, tôi đã nói về phương ngữ và giọng. Những khái niệm này cho người khác biết chúng ta là ai và từ đâu đến. Chúng là cách ta biểu lộ bản sắc của mình.

Còn có các cách khác nữa. Hãy nghe bài ca này của đám đồng cổ vũ một trận bóng đá dưới đây.

CỔ LÊN ROYALS! CỔ LÊN ROYALS!

Họ có thể nói điều này hàng trăm lần suốt trận đấu. Không có một “ý tưởng” nào được truyền đạt ở đây cả. Người ta hô như vậy là để thể hiện sự ủng hộ tới đội bóng của mình. Lời nói của họ cho biết họ đứng về phía đội nào. Lời nói biểu lộ bản sắc của họ.

Bản sắc có thể cũng được biểu lộ bằng chữ viết nữa. Lần tới khi đến quầy bán báo, bạn hãy để ý các tờ báo khác nhau thể hiện sự khác biệt ra sao nhé. Một số tờ, như *Sun* và *Mirror* ở Anh chẳng hạn, nổi bật bởi đều có băng màu đỏ chạy ngang trang nhất. Và mỗi tờ báo cũng có kiểu chữ riêng của mình. Chẳng hạn, chúng ta có thể dễ dàng phát hiện tờ *The New York Times* với kiểu chữ riêng của mình:

The New York Times

Không một tờ báo nào khác ở Mỹ sử dụng kiểu chữ giống như vậy.

Một tác dụng khác của ngôn ngữ là để thể hiện cảm xúc của chúng ta. Thử tưởng tượng bạn đang đóng một cái đinh vào một miếng gỗ, nhưng có chuyện gì đó xảy ra và bạn gõ búa vào ngay ngón tay mình. Miệng bạn sẽ thốt ra gì nào? Tất nhiên, nếu là người rất dũng cảm có thể bạn sẽ chẳng kêu lên. Nhưng hầu hết

chúng ta đều sẽ kêu tướng lên. Và khá nhiều người sẽ quát cái búa. “Đồ ngu!” có thể ta sẽ thốt lên như vậy, như thể đấy là lỗi của cái búa. Và tôi ngờ rằng khá nhiều người sẽ chửi thề tướng lên, và sẽ nói “chết tiệt” - hay một câu gì đó còn tệ hơn nữa.

Đây là kiểu ngôn ngữ gì vậy? Nếu ta nói cái búa là đồ ngu, thì đây không thể là truyền đạt ý tưởng chứ? Cái búa chẳng có não, nên nó chẳng thể hiểu ta được. Vậy chúng ta nói chuyện với nó để làm gì?

Điều ta đang làm là loại bỏ năng lượng bồn chồn căng thẳng của mình. Ta cảm thấy ổn hơn sau khi la hét với cái búa. Đó là lý do vì sao ta có thể sẽ chửi thề với nó. Việc đó khiến ta cảm thấy tốt hơn. Ai cũng chửi thề, kể cả khi từ ngữ mạnh mẽ nhất của họ cũng khá nhẹ nhàng, như là “Giời ạ!” hay “Hay thật đấy!” hay “Khỉ ạ!”

Tác dụng cảm xúc của ngôn ngữ có khi còn hữu ích theo một cách khác nữa. Bằng cách la tướng lên, ta cho người khác biết rằng có chuyện không hay đã xảy ra. Từ ngữ chửi thề thực chất là cách kêu cứu. Vậy kiểu ngôn ngữ này đúng là có truyền đạt thông tin gì đó, nhưng thông tin không rõ ràng cho lắm, như ta có thể thấy ở đoạn nói chuyện dưới đây:

John (đập mạnh vào ngón cái): Ui! Đồ ngu!

Mẹ: Gì thế?

John: Con đập vào ngón tay!

Câu nói đầu tiên của John không truyền đạt gì nhiều. Câu sau mới là thông tin cho mẹ biết về việc đã xảy ra. John đang sử dụng ngôn ngữ theo hai cách khác nhau.

Chúng ta cũng dùng ngôn ngữ chỉ để làm thân với người khác. Hãy nghĩ đến lúc ta hắt xì nhé. Thông thường, trong tiếng Anh, người ta sẽ nói “Bless you” (Chúa phù hộ bạn!) Và người hắt xì nói “Thank you” (Cảm ơn). Tại sao chúng ta làm như vậy?

Đây là một tác dụng khác của ngôn ngữ - để tránh xấu hổ.

Khi chúng ta gây ra một âm thanh bất ngờ, như một tiếng hắt xì chẳng hạn, ta sẽ thấy hơi ngượng ngùng. Ta không thể không nói gì được. Đây sẽ là quãng im lặng đầy ngại ngùng. Thế là hoặc ta phải nói gì đó hoặc những người xung quanh phải nói gì đó. Và thường thì người nghe sẽ là người lên tiếng trước.

Có rất nhiều tình huống ta nói gì đó chỉ để lấp một khoảng im lặng kỳ cục. Đó là lý do vì sao người ta đôi khi nói những câu như kiểu “Nhìn như sắp mưa ấy” hay “Đẹp trời quá” khi họ gặp nhau. Họ không muốn bắt đầu một cuộc nói chuyện nghiêm chỉnh, nhưng họ thấy để im lặng thì thô lỗ quá. Thế là họ nhận xét về thời tiết.

Điều tương tự xảy ra khi tôi gặp mọi người lần đầu tiên, và họ nói “Anh thế nào?” Thật ra họ không hỏi xem tôi thế nào đâu. Không có một đòi hỏi cung cấp thông tin nào ở đây cả. Họ sẽ rất ngạc nhiên nếu tôi bắt đầu kể lể về sức khỏe của mình: “Cảm ơn chị đã hỏi. Thực ra hôm nay tôi hơi nóng đầu, tôi nghĩ chắc mình sắp bị cảm rồi đây. Tối qua tôi lại còn bị đau bụng nữa chứ”. Không, họ chỉ đang mong đợi tôi đáp lại bằng câu “Chị thế nào?” thôi. Đây chỉ là một câu chào.

Mỗi ngày, chúng ta thể hiện việc quen thân với người khác bằng cách sử dụng ngôn ngữ để xây dựng các mối quan hệ xã hội. Đó là lý do vì sao chúng ta nói những câu như là “Chào nhé”, “Chúc ngủ ngon”, và “Gặp lại sau nhé”. Nó cho thấy chúng ta đang hòa hợp với người mà ta nói chuyện cùng. Và nếu ta không nói những điều đó, thì hóa ra không phải như vậy.

Chúng ta còn có thể dùng ngôn ngữ để thay đổi thế giới nữa! Hãy tưởng tượng cảnh này. Một con tàu được hạ thủy ở bến cảng, và Nữ hoàng Anh có mặt ở đó để đặt tên cho nó. Một chai sâm-banh được buộc vào một đầu dây thừng treo cạnh thân tàu. Sau khi Nữ hoàng nói “Ta đặt tên cho con tàu là...”, chai sâm-banh sẽ bị du mạnh cho va vào thân tàu và vỡ ra, và con tàu sẽ lướt trên mặt nước lần đầu tiên trong cuộc đời lênh đênh của nó.

Cách sử dụng ngôn ngữ trên rất khác thường. Chúng ta sử dụng ngôn ngữ để thay đổi cách ta nhìn nhận thế giới. Trước khi Nữ hoàng cất lời, con tàu chưa có cái tên chính thức. Sau khi Nữ hoàng lên tiếng, thì nó đã có. Chính ngôn ngữ đã tạo nên sự khác biệt.

Điều tương tự xảy ra trong nhiều tình huống khác nữa. Bạn đã bao giờ đến một buổi đấu giá chưa? Người điều khiển đấu giá một món đồ đưa ra giá khởi điểm, và những người tham gia phiên đấu giá muốn sở hữu nó sẽ đưa ra mức giá của mình. Khi người điều khiển thấy không còn ai đưa ra mức giá cao hơn mức giá cuối cùng, ông ta hô to:

...LẦN THỨ NHẤT... LẦN THỨ HAI... ĐÃ BÁN

Ngay sau khi ông ta nói từ “bán”, và gõ búa - chứ không phải trước khi nói và gõ đầu nhé - thì món đồ được bán đứt. Ở đây cũng vậy, ngôn ngữ đã tạo ra sự khác biệt.

Rất nhiều tôn giáo và xã hội có các buổi lễ mà mọi người phải dự nếu muốn gia nhập. Người theo đạo Cơ đốc phải được rửa tội, và người đó chưa thể trở thành con chiên Cơ đốc giáo nếu linh mục dẫn dắt buổi rửa tội chưa nói “Ta rửa tội cho con...”. Trong các tôn giáo trên khắp thế giới, con người tin rằng họ đang thay đổi cuộc đời khi họ cầu xin sự giúp đỡ, cầu nguyện, và thực hiện các nghi lễ tâm linh. Tương tự, trong một số xã hội, người ta cho rằng các nghi lễ mang tính chất ma thuật sẽ tác động lên bản chất của thế giới. Trong tất cả các trường hợp, các nghi lễ đều sử dụng và phụ thuộc vào ngôn ngữ.

Ma thuật là khái niệm nghe hơi xa xôi. Nhưng thử nghĩ mà xem. Nếu ta chưa nói “Tôi hứa” thì đúng là ta chưa hứa hẹn điều gì cả. Nếu ta chưa nói “Mình xin lỗi” thì đúng là ta chưa nhận lỗi gì hết. Đấy cũng chính là ma thuật.

Tôi đã để dành đoạn cuối cùng này để nói về tác dụng quan

trọng nhất của ngôn ngữ: ta dùng ngôn ngữ để suy nghĩ. Bạn đã bao giờ tự nói chuyện với chính mình chưa? Đôi khi việc này rất có ích khi bạn ở một mình và đang cố gắng giải quyết một vấn đề nào đó. Có lần tôi nghe thấy có người đang tự nói với mình khi làm một thiết bị gì đó với các loại dây điện nhiều màu, ốc vít và đủ thứ. Lúc đầu ông xem tờ hướng dẫn, rồi sau đó chăm chú vào việc mình làm, và luôn tự nói với mình như thế này:

Rồi, vậy dây xanh lá quấn vào con vít bên trái còn dây đỏ quấn vào con vít ở giữa. Rồi... tốt rồi... Còn lại dây xanh nước biển và dây cam thì quấn vào...

Ông dừng lại, xem hướng dẫn, rồi tiếp tục:

... dây xanh nước biển cũng quấn vào con vít ở giữa này... không phải, không thể được...

và ông cứ thế tự nói chuyện với mình cho tới khi xong việc.

Tại sao ông lại nói chuyện? Ông không nói chuyện với tôi (tôi đang ở bên ngoài căn phòng) và không có ai xung quanh cả. Thực chất, việc đó giúp ông suy nghĩ. Bằng cách nói thành tiếng các bước hướng dẫn, ông đã khiến việc nhớ các bước đó dễ dàng hơn.

Chúng ta đều làm những việc tương tự khi cố gắng ghi nhớ hướng dẫn. Đó là lý do vì sao đôi khi chúng ta lặp lại điều người khác đã nói:

Mary: Vậy anh rẽ trái ở ngã rẽ đầu tiên, rồi đi qua ngã rẽ tiếp theo, rẽ phải ở ngã rẽ sau đó, đi qua một ngã rẽ có đèn xanh đèn đỏ, đường nhà John sẽ là đường đầu tiên ở phía bên trái.
Tôi: Vậy là, trái đầu tiên, phải thứ hai, qua ngã rẽ có đèn, đường đầu tiên bên trái.

Mary: Phải rồi.

Tôi (vừa lẩm nhẩm vừa lên đường): Trái đầu tiên, phải thứ hai, qua ngã rẽ có đèn, đường đầu tiên bên trái... trái đầu tiên, phải thứ hai...

Chúng ta làm điều tương tự khi viết lách, khi ta ghi chép để sắp xếp các ý cho mạch lạc, hay khi ta viết nháp cho một bài viết nào đó. Chính hành động viết ra hay đánh máy có thể giúp chúng ta suy nghĩ kỹ xem mình định nói điều gì. Các tác giả đôi khi phải viết nháp tới hàng trăm bản trước khi thật sự hài lòng rằng bài viết của mình đã thể hiện được điều mình muốn nói. Như ta sẽ thấy ở Chương 35, điều này xảy ra đặc biệt ở lĩnh vực văn học, lĩnh vực này cũng lại là một tác dụng đặc biệt nữa của ngôn ngữ. Và một trong những lý do cho điều này là từ ngữ không chỉ thể hiện ngữ nghĩa; chúng còn thể hiện cảm xúc nữa.

NGÔN NGỮ DÙNG ĐỂ KẾT NỐI

Mạng internet đã mang đến cho chúng ta một tác dụng mới của ngôn ngữ: đường kết nối siêu văn bản. Đây là một đoạn văn bản chúng ta sẽ bấm vào khi muốn chuyển từ trang này sang trang khác hay từ miền này sang miền khác. Nó thường có màu sắc khác hoặc được gạch dưới. Có thể là một địa chỉ miền đầy đủ (ví dụ như "www.davidcrystal.com"), một mục nào đó (ví dụ như "Tin tức" hay "Giỏ hàng"), hoặc chỉ là một từ (ví dụ như "bấm vào đây").



Giờ đây việc bấm vào các đường link kết nối này tự nhiên tới mức ta không nhận ra tác dụng mới mẻ này của ngôn ngữ. Đây là thứ ngôn ngữ mà mục đích duy nhất của nó là đưa bạn từ A đến B. Trước khi mạng internet ra đời chúng ta đã từng bao giờ có bất kỳ điều gì như thế này trong ngôn ngữ viết hay chưa?

Thứ gần giống với nó nhất là việc dùng chú thích cuối trang và phần đối chiếu trong cùng một tác phẩm. Nếu tôi đọc được câu này trong sách:

Các loài thú sống trong các lồng nuôi đặc biệt.⁽¹⁾

Con số trên cho tôi biết rằng có một chú thích mang số tương tự ở đâu đấy và sẽ cho tôi thêm thông tin về nội dung đó. Có thể là ở

cuối trang sách đó hoặc ở cuối cuốn sách đó. Điều này hơi giống với đường kết nối siêu văn bản - chỉ khác là ta không thể bấm vào đó! Tương tự, nếu ta đọc được thể này:

Các loài thú sống trong các lồng nuôi đặc biệt (xem trang 318).

thì chỉ dẫn đối chiếu kia cũng hơi giống với đường kết nối siêu văn bản.

Nhưng có một sự khác biệt rất lớn giữa những yếu tố này với các đường kết nối siêu văn bản. Chúng ta *không bắt buộc* phải dùng chú thích hay chỉ dẫn đối chiếu trong ngôn ngữ viết truyền thống. Rất nhiều tác phẩm không hề có chú thích. Nhưng nếu không có đường kết nối siêu văn bản nào thì mạng internet không tồn tại. Đó là lý do vì sao hệ thống đó được gọi là "interNET", nghĩa là mạng lưới, và là lý do vì sao World Wide Web được gọi là một "WEB" hay là mạng nhện. Đó là một cách chia sẻ thông tin chứa đựng trong tất cả các máy tính trên thế giới được kết nối với nhau bằng hệ thống kết nối chung (hay là "giao thức mạng"). Và ngôn ngữ chính là phương tiện biến điều này thành hiện thực.

WWW.



Ngôn ngữ hướng đến cảm xúc

Ngôn ngữ thường cho phép chúng ta nói một điều theo nhiều cách khác nhau, nhưng luôn có sự khác biệt nhỏ giữa các cách này. Dưới đây là cuộc trò chuyện của Mary, Susan, và Joan về lũ trẻ đang chơi ở phòng bên.

Mary: Nghe bọn nhỏ kia!

Susan: Nghe lũ khỉ kia!

Joan: Nghe lũ nhãi con kia!

Từ ngữ cho ta biết về cảm xúc của người nói. Mary hẳn nghĩ rằng lũ trẻ con thật đáng yêu. Susan hẳn cho là chúng hơi nghịch ngợm, và có lẽ ăn mặc không được nghiêm chỉnh. Còn Joan hẳn thấy lũ trẻ thật phiền hà. Tất nhiên nếu họ không muốn thể hiện cảm xúc của mình, họ đã có thể nói: “Nghe lũ trẻ kia!”. “Lũ trẻ” là một từ trung tính.

Cảm xúc mà chúng ta có khi nghe hoặc nhìn thấy một từ được gọi là *sắc thái nghĩa*. “Bọn nhỏ”, “lũ khỉ”, và “lũ nhãi con” có những sắc thái nghĩa khác nhau. Một số sắc thái mang tính *tích cực* - chúng tạo cho ta cảm giác dễ chịu và thoải mái. Một số sắc thái mang tính *tiêu cực* - chúng tạo cho ta cảm giác khó chịu và không thoải mái.

Tất cả mọi ngôn ngữ đều có hàng trăm từ khiến ta nghĩ về sự vật và sự việc theo cách có cảm xúc nhất định. Đây là một số cặp từ có cùng ý nghĩa. Trong mỗi trường hợp, tôi đã để nghĩa “tốt” trước và nghĩa “xấu” sau.

Joanne rất mảnh mai.

Joanne rất gầy gò.

Nhà mình ấm cúng.

Nhà mình chật chội.

Anh ấy cư xử như trẻ thơ vậy.

Anh ấy cư xử như con nít vậy.

Bánh tôi vừa nướng mềm ẩm.

Bánh tôi vừa nướng iu xiu xiu.

Thêm nữa nhé? Chúng ta không ưa người “keo kiệt”, “bủn xỉn”, và “chấp nhặt”. Chúng ta ưa người “tiết kiệm”, “biết tính toán”, và “kỹ lưỡng”.

Đây là lý do vì sao chúng ta phải rất cẩn thận khi đọc báo, nghe tin tức, hay đọc các trang mạng. Chúng ta luôn phải đề phòng. Người viết có đang cố đưa cảm xúc của họ vào trong đầu ta không? Chúng ta có thể thấy một nhan đề trên báo như sau:

QUÂN KHỦNG BỐ DI CHUYỂN VỀ PHÍA NAM

Nhưng trong một tờ báo khác, cũng viết về chính nhóm người đó, ta có thể sẽ đọc được nhan đề thế này:

NHỮNG NGƯỜI ĐẤU TRANH VÌ TỰ DO DI CHUYỂN VỀ PHÍA NAM

Qua cách lựa chọn từ ngữ của họ, ta có thể đoán được tờ báo nào đứng về phía nhóm người nọ và tờ báo nào đứng ở phía bên kia.

Hay là thử tưởng tượng một bản tin nói về một số người vào ở một tòa nhà hoang vì họ không còn chỗ nào để ở. Nếu bản tin đó viết thế này:

Một số kẻ cầu bơ cầu bất đã vào ở trong tòa nhà

người viết khiến ta cho rằng hành động của họ là xấu, vì “cầu bơ cầu bất” có sắc thái tiêu cực. Nhưng nếu bản tin viết thế này:

Một số người vô gia cư đã vào ở trong tòa nhà

người viết khiến ta cho rằng hành động của họ không có gì xấu, vì “vô gia cư” có sắc thái tích cực. Nó dễ khiến ta cảm thấy đồng cảm.

Khi ngôn ngữ khiến ta nghĩ theo một cách nào đó, ta nói nó mang “thiên kiến”. Thử nghĩ về tình huống một sân bay muốn xây một đường băng mới. Nếu người viết muốn thuyết phục ta ủng hộ ý tưởng đó, họ sẽ viết là “Xây dựng đường băng mới sẽ tạo ra công ăn việc làm cho hàng trăm người”. Nếu họ muốn ta phản đối ý tưởng đó, họ sẽ viết là “Nếu khởi công đường băng thì hàng trăm ngôi nhà sẽ bị phá dỡ”. Một báo cáo trung tính sẽ đưa quan điểm của cả hai phía vào bản tin. Một báo cáo thiên kiến sẽ chỉ đưa vào quan điểm từ một phía.

Một trong những lý do quan trọng nhất của việc tìm hiểu ngôn ngữ - và việc đọc một cuốn sách như cuốn này chẳng hạn - là khiến ta ý thức được cách con người thường điều khiển suy nghĩ và cảm xúc của người khác thông qua những gì họ viết hoặc nói. Họ muốn thuyết phục người khác hành xử theo một cách nào đó, và họ làm việc này bằng cách chọn lựa từ ngữ, âm thanh, cấu trúc câu một cách khéo léo. Chúng ta nghe thấy các chính trị gia làm điều này khi họ diễn thuyết kêu gọi ta bầu cho họ. Chúng ta thấy các nhà quảng cáo làm việc này khi ta xem các quảng cáo mời ta mua thứ gì đó. Chúng ta cần phải biết người ta đang có mục đích gì, để ta không bị lừa. Nói ngắn gọn, chúng ta phải hiểu *thuật tu từ* của họ.

Thuật tu từ là cách dùng ngôn ngữ để thuyết phục hay tác động người khác. Các quảng cáo dùng rất nhiều yếu tố tu từ, bởi chúng đang thuyết phục chúng ta mua thứ gì đó. Có những từ khiến một mặt hàng trở nên rất hấp dẫn:

mới mẻ, tuyệt vời, đẹp, tốt nhất, giá trị, thơm ngon, đặc biệt, thêm, đáng yêu, giòn tan, an toàn.

Bạn sẽ không thấy những quảng cáo mà lại dùng các từ sau để miêu tả sản phẩm:

bốc mùi, nguy hiểm, đắt, nhạt nhẽo, bình thường, tệ nhất, lẠc hậu.

Chúng ta có thể chắc chắn rằng một quảng cáo về đồ ăn kiêng sẽ nói thế này:

Sở hữu thân hình thon thả, đơn giản thôi mà!

Và không nói thế này:

Sở hữu thân hình gầy gò, đơn giản thôi mà!

Các quảng cáo cũng sử dụng các âm thanh và tiết điệu hay ho để khiến cái tên của sản phẩm in sâu vào trí óc ta:

Maybe it's Maybelline! (một hãng mỹ phẩm)

You can't get better than a Kwik-Fit filter.⁽¹⁾ (một dịch vụ phụ tùng xe)

Mỗi một yếu tố ngôn ngữ trong một quảng cáo đều được chọn lựa rất cẩn thận để quảng cáo đó có tác động tu từ chính xác tới người đọc hoặc người nghe. Những người viết quảng cáo có khi phải mất hàng tháng trời mới tìm được từ ngữ cho chính xác. Và bằng chứng cho việc tìm đúng yếu tố cần thiết chính là việc người ta nhớ tên sản phẩm và muốn mua nó.

Không phải chỉ có các nhà báo, công ty quảng cáo, và chính trị gia mới sử dụng thuật tu từ. Tất cả mọi người đều dùng nó. Ví dụ, Kate muốn đi xem hòa nhạc, nhưng cô bạn thân Sue không muốn đi. Vậy Kate sẽ làm gì? Cô sẽ phải cố gắng hết sức để thuyết phục Sue đi bằng cách nói về buổi hòa nhạc sẽ hay thế nào, về việc vé không đắt lắm, vân vân. Đó chính là tu từ.

Những người trẻ tuổi nghe thuật tu từ từ cha mẹ và thầy cô của mình từ khi còn nhỏ tuổi. Tại sao một số loại thức ăn tốt cho họ và số khác thì không. Tại sao họ phải mặc đồng phục đi học. Tại sao họ không nên đánh em. Và cha mẹ và các thầy cô cũng nhận lại đủ thuật tu từ. "Cho con đi tiệc với bạn nhé. Ai cũng đi hết. Con sẽ không về muộn đâu. CON XIN ME!"

Trong tất cả các ví dụ trên, ngôn ngữ không phải chỉ đang "truyền đạt ý tưởng". Nó còn khiến người ta cảm nhận hoặc nghĩ

1. Nghĩa là "Có thể đó là Maybelline!", "Bạn không thể kiếm được gì hơn bộ lọc Kwik-Fit".

về các ý tưởng theo một cách cụ thể. Tại sao chúng ta nói “con xin mẹ”? Không phải chỉ là để lịch sự. Nói “xin” có thể thuyết phục được người khác làm điều ta muốn. “Con đúng là rất biết thuyết phục mẹ”, đôi khi người ta sẽ nói vậy. Điều đó cho thấy thuật tu từ đã có hiệu quả.

Chúng ta còn thấy ngôn ngữ được sử dụng để thể hiện cảm xúc mỗi khi ta nghe hai người nào đó cãi nhau. Xem thử một tập phim truyền hình, và cãi cọ chính là điều bạn nghe thấy trong hầu hết diễn biến phim! Các nhân vật dường như luôn tranh cãi. Và khi cuộc tranh cãi càng ngày càng căng thẳng hơn, ngôn ngữ cũng càng ngày càng nhiều cảm xúc hơn. Người ta bắt đầu gọi nhau là đồ này đồ kia. Người ta chửi thề vào mặt nhau (mặc dù là hạn chế vì ở trên tivi nên cũng bị kiểm soát). Và khi người ta không thể nghĩ được bất kỳ thứ gì khác để nói, thì họ sẽ không sử dụng ngôn ngữ nữa. Một trong số họ sẽ hầm hầm đi ra và đóng sầm cửa lại. Cuộc tranh cãi kết thúc - nhưng chỉ trong cảnh đó thôi. Các nhân vật sẽ phải nói chuyện với nhau trong tập tiếp theo.

Khi tranh cãi, ta rất khó kiểm soát được cảm xúc của mình. Đó là lý do vì sao tranh luận là một việc rất thú vị. Trong một cuộc tranh luận, hai bên phải đưa ra các quan điểm của mình với thái độ bình tĩnh và có sức thuyết phục nhất có thể và lắng nghe nhau một cách tôn trọng. Đó là kỹ năng mà ai cũng có thể học được. Những người tranh luận giỏi là người học được cách trình bày cả hai phía của vấn đề mà không để cảm xúc lấn át. Họ không cần phải la hét, hay chửi thề, hay gọi nhau bằng tên nọ tên kia, hay hầm hầm bỏ đi. Họ dùng ngôn ngữ được chọn lọc cẩn thận để làm mọi thứ cần thiết.

Chọn lựa thứ ngôn ngữ phù hợp chắc chắn là điều chúng ta luôn cố gắng làm cho được, cho dù có là nói, viết, hay ra ký hiệu đi nữa. Nhưng việc này không phải lúc nào cũng dễ dàng, như ta sẽ thấy ở Chương 34.

HÃY BẦU CHO TÔI!

Một số người rất giỏi sử dụng thuật tu từ để khiến người khác ủng hộ họ. Chúng ta có thể khẳng định được thông qua cách những người lắng nghe họ phản ứng. Các chính trị gia giỏi hùng biện là những người biết cách điều khiển người nghe, khiến người nghe bị thuyết phục và vỗ tay tán thưởng nồng nhiệt trước những lời lẽ họ nói ra. Một trong những mẹo của họ là hùng biện "ba bậc", nghĩa là nói như đoạn sau đây, với ngữ điệu câu sau to và mạnh mẽ hơn câu trước:

Tôi không chỉ HỨA, như họ vẫn hứa.
Và tôi không NUỐT lời, như họ vẫn nuốt lời.
Tôi GIỮ lời. (HOAN HỒ)

Barack Obama làm đúng kỹ thuật này, ngay trong một câu, khi đọc bài diễn văn chiến thắng vào tháng Mười một năm 2008:

Chúng ta đã đợi chờ lâu lắm rồi, nhưng tối nay, nhờ vào chính những điều ta đã làm vào ngày hôm nay, trong cuộc bầu cử này, ở giây phút quyết định này, đổi thay đã tới với nước Mỹ.

Nếu ta thể hiện câu nói trên như thế này, ta sẽ thấy thuật tu từ rõ ràng hơn:

Chúng ta đã đợi chờ lâu lắm rồi, nhưng tối nay, nhờ vào
chính những điều ta đã làm
vào ngày hôm nay,
trong cuộc bầu cử này,
ở giây phút quyết định này,
đổi thay đã tới với nước Mỹ.

Đám đông dậy sóng hò reo.

CHƯƠNG 34



Đúng đắn về mặt chính trị⁽¹⁾

Trong những năm gần đây, ngôn ngữ mà chúng ta dùng để miêu tả người khác đã có nhiều đổi thay. Cách đây không lâu, rất nhiều nghề có tới hai tên gọi trong tiếng Anh, tùy thuộc vào giới tính của người thực hiện công việc đó.

Công việc của nam giới

steward (tiếp viên hàng không)

manager (quản lý)

poet (thi sĩ)

sculptor (điều khắc gia)

policeman (cảnh sát)

Công việc của nữ giới

stewardess (nữ tiếp viên hàng không)

manageress (nữ quản lý)

poetess (nữ thi sĩ)

sculptress (nữ điều khắc gia)

policewoman (nữ cảnh sát)

1. Nguyên văn "political correctness".

Ngày nay, hầu hết từ “nữ” (hậu tố “-ess” trong tiếng Anh) đã biến mất, đây là kết quả của một phong trào xã hội rất lớn với nỗ lực đòi hỏi sự công bằng giữa nam giới và nữ giới ở nơi làm việc. Ta vẫn thường nghe thấy “nữ diễn viên”, “nữ bồi bàn” và một số khác, nhưng đã lâu lắm rồi tôi không còn nghe các nhà thơ nữ và nhà điêu khắc nữ được gọi là “nữ thi sĩ” và “nữ điêu khắc gia” nữa. Ngày nay họ chỉ đơn giản là “thi sĩ” và “điêu khắc gia”. Trong các cửa hàng, các nữ quản lý ngày nay đơn giản là “quản lý”, trên máy bay là “tiếp viên hàng không”, và ở các đồn cảnh sát chúng ta sẽ chỉ thấy có “nhân viên cảnh sát” mà thôi.

Chúng ta đặc biệt tránh dùng một số cách gọi nếu như chúng tạo ra cảm giác bị xúc phạm. Và nếu ai đó sử dụng những từ này và bị bắt gặp, thì họ sẽ gặp rắc rối - cho dù họ không có ý xúc phạm ai chút nào. Việc này đã xảy ra với Hoàng tử Harry vào năm 2009, khi một đoạn video quay tại nhà lọt ra ngoài công chúng, trong đó anh gọi một người đồng đội từ Pakistan là “Paki”. Anh đã bị chỉ trích đồng loạt, mặc dù anh dùng từ đó theo cách thân mật, và chính người đồng đội Pakistan cũng không lấy đó làm phiền chút nào.

Có một số từ đã được sử dụng mang tính chất rất xúc phạm trong quá khứ, tới nỗi không ai dùng chúng mà không gây ra tổn thương tới người khác. Ở Anh, “Paki” là một từ như vậy. Nếu bạn là một người Pakistan nhập cư và cả đời bạn nghe thấy người ta gọi mình là “Paki” theo kiểu xách mé, thì rõ ràng bạn sẽ chẳng bao giờ thích từ đó cả. Và rất có thể bạn sẽ thấy khó chịu mỗi khi nghe thấy từ đó - kể cả khi đó là câu nói đùa của một hoàng tử.

Hầu hết mọi người đều biết câu thành ngữ này:

Lời nói gió bay.⁽¹⁾

1. Nguyên văn: “Sticks and stones will break my bones/But names will never hurt me”.

Điều này không hề đúng! Đừng tin. Lời nói có thể làm ta đau. Và nỗi đau sẽ rất lâu dài. Ít nhất là nếu ai đó đánh ta, và ta bị thâm tím, ta cũng biết rằng vết thâm sẽ chỉ tồn tại một vài ngày thôi. Nhưng nếu ai đó “đánh ta” bằng một lời nói hay gán cho ta một cái tên khủng khiếp, đôi khi ta sẽ không bao giờ quên được.

Những người di cư từ một vùng đất khác lại đặc biệt dễ bị gán cho những cái tên thô lỗ. Nhưng đây không chỉ là vấn đề chủng tộc. Những người chỉ cần khác biệt với đa số trong xã hội ở bất kỳ điểm nào cũng sẽ bị gán cho những cái tên tồi tệ. Những đứa trẻ đeo kính bị gọi là “bốn mắt”. Những người không có tóc bị gọi là “tên trọc”. Và điều đáng buồn là xã hội của chúng ta có những con người luôn sẵn sàng cười nhạo một người khiếm thính hay khiếm thị, hoặc người nói lắp, hoặc ai đó có vết chàm, hoặc để lộ bất kỳ một tình trạng sức khỏe nào khác biệt với người xung quanh. Thông thường, những kẻ gọi người khác bằng những cái tên thô lỗ không nhận ra được rằng những tên đó làm đau lòng họ. Đây chính là một trong những lý do để ta đọc sách về ngôn ngữ. Nó giúp chúng ta hiểu về sức hủy hoại con người có thể gây ra mỗi khi họ gọi người khác bằng những cái tên tồi tệ.

Nếu có những cái tên gọi lên sự độc ác mà ta muốn tránh, thì ta sẽ dùng gì để thay thế cho chúng? Sự thật là rất có thể việc tìm một cái tên mới mà tất cả mọi người đều ưng không phải là một việc dễ dàng. Ví dụ, làm thế nào để ta nói về những người phải dùng xe lăn sao cho họ không phiền lòng? Mới gần đây thôi, họ vẫn còn bị gọi là “bọn què”, là cái tên mà chẳng ai thích cả. Cuộc săn lùng cái tên nào hay hơn tên đó cứ tiếp diễn. Có thời gian, “tàn tật” hoặc “khuyết tật” là cách gọi khá phổ biến, nhưng những cái tên này cũng vẫn có vấn đề. Nếu ta gọi ai đó là “tàn tật” hoặc “khuyết tật”, nghe cứ như thể là ta coi họ không làm được điều gì hữu ích. Thực tế ta biết rất rõ rằng người dùng xe lăn có thể làm những điều tuyệt vời, ví dụ như chơi bóng rổ hay hoàn thành cuộc chạy marathon.

Bạn có thể thấy vấn đề ở đây là gì rồi đấy. Liệu trong tiếng Anh có một từ nào mô tả chân thực về người dùng xe lăn mà không mang sắc thái tiêu cực chút nào không? Sự thực đáng buồn là không có. Và xã hội vẫn chật vật tìm cách tốt nhất để có thể nói về những người đã mất khả năng đi lại bằng chân, hay những người đã mất một tay hoặc một chân. Thỉnh thoảng lại có ai đó gợi ý một cách gọi mới. Ví dụ, chúng ta nghe thấy những người này được gọi là “có khả năng khác biệt” hoặc “có khó khăn về thể chất”. Không có cách nào thỏa mãn được tất cả mọi người. Một số người thích cụm từ “có khó khăn về thể chất”. Một số khác thì ghét. Nếu ta đi hỏi những người đã mất đi bộ phận cơ thể tay hoặc chân, mọi sự cũng y như vậy. Một số người vui vẻ khi được gọi là “khuyết tật”. Một số thì ghét.

Chúng ta thấy cùng một vấn đề này khi nói về các nhóm người khác. Ta gọi người già thế nào? Người “có tuổi”, “cao tuổi”, “công dân lớn tuổi”, hay là gì khác? Ta gọi người có trí thông minh rất thấp là gì? “Khuyết tật tâm thần”, “chậm phát triển”, “khó khăn về trí tuệ”, “người gặp chứng khó học”, hay là gì khác? Ta gọi người béo thế nào? “Quá cân”, “kích cỡ khác biệt”, “ngoại cỡ”, hay là gì khác? Các cửa hiệu bán quần áo có vấn đề thực sự cần giải quyết ở đây.

Ở Mỹ mọi người lo lắng bao nhiêu năm trời về việc làm thế nào để tìm từ hay nhất để gọi người da đen. Từ “negro” gây ra cảm giác xúc phạm, cũng như từ “người da đen”. Cuối cùng cái tên “người Mỹ gốc Phi” trở nên phổ biến, và cả từ “người Mỹ-Phi” cũng được sử dụng rộng rãi ngày nay. Nhưng không có điều gì đảm bảo rằng cái tên phổ biến trong thời này sẽ vẫn phổ biến sau 10 năm nữa.

Các chính phủ, các chủ lao động, và các nhóm xã hội khác đôi khi cố gắng giải quyết vấn đề bằng cách nghiêng về cách dùng một tên này và cấm cách gọi khác. Họ nói, “Mọi người nên dùng tên này”. Và nếu ta không dùng nó, rất có thể ta sẽ gặp

chuyện không hay. Chúng ta có thể bị phạt hoặc mất việc nếu không dùng cách gọi “đúng”. Đây là lý do vì sao chúng ta thấy ngày nay cụm từ “đúng đắn về mặt chính trị” được sử dụng rất nhiều. Nói rằng một cách gọi nào đó là đúng đắn về mặt chính trị có nghĩa đây là cách gọi chính thức cho một nhóm đối tượng nào đó. Nó cũng có nghĩa cái tên này được cho là không xúc phạm đến nhóm đối tượng đó.

Ý tưởng ban đầu của khái niệm đúng đắn về mặt chính trị là rất tốt. Việc tránh sử dụng ngôn từ có thể gây xúc phạm đến người khác là ý tưởng tuyệt vời. Và bằng cách chú trọng đến ngôn ngữ chúng ta sử dụng hằng ngày, chúng ta suy nghĩ kỹ hơn về điều mình nói ra. Nó cũng giúp chúng ta nhìn nhận mọi người đúng như vốn có - những cá thể toàn vẹn. John có thể phải đi lại bằng xe lăn, nhưng có lý gì khiến ta phải coi đó là điều duy nhất ta cần biết về John hay không? Biết đâu John có thể làm thơ hay tuyệt hoặc vẽ rất đẹp hay là giỏi giang ở bất kỳ lĩnh vực nào khác. Và tôi có thể dễ dàng hình dung John sẽ rất buồn phiền nếu điều duy nhất mọi người nhắc đến anh chỉ là “tàn tật”.

Đúng đắn về mặt chính trị ban đầu là một ý tưởng tốt. Nhưng tiếc thay, người ta bắt đầu tưởng tượng rằng họ đang xúc phạm ai đó trong khi thực tế là không. Và một số người còn cẩn thận quá mức khi tránh dùng những từ mà thực ra không hề mang tính xúc phạm. Họ sợ bị chỉ trích tới mức họ sáng tạo ra những cách nói năng kỳ quái khiến cho người khác bật cười. Ngày nay điều đó vẫn còn xảy ra. Chúng ta thường nghe các diễn viên hài nói đùa về những người phải sử dụng răng giả là “có khó khăn về răng”. Hay chúng ta cũng hay nghe nhan đề truyện cổ tích quen thuộc là “Nàng Bạch Tuyết và bảy người đàn ông gặp khó khăn theo chiều thẳng đứng”, nhằm tránh những người lùn có thể cảm thấy bị động chạm.

Rất nhiều người nghĩ rằng phong trào đúng đắn về mặt chính trị đã đi quá xa và khiến ta nhạy cảm về những từ ngữ thực

chất là không hề có vấn đề gì. Khi từ “đen” (với nghĩa là người có màu da đen) lần đầu tiên được coi là mang nghĩa kỳ thị, rất nhiều câu chuyện từ nước Mỹ kể về những người cố gắng tránh dùng từ này trong mọi hoàn cảnh. Họ sợ việc gọi một ly “cà phê đen”, thay vào đó họ gọi “cà phê không sữa”. Các giáo viên sợ nhắc đến “bảng đen”. Và một số trường mẫu giáo - ở Anh cũng như ở Mỹ - đã thận trọng tới mức gọi ý rằng câu hát “Be be, cừu đen ơi, có còn len?” nên được đổi thành “cừu trắng” hoặc thậm chí là “cừu bảy sắc cầu vồng”. Thỉnh thoảng đây đó ta đọc được những câu chuyện như vậy trên báo chí. Những đề nghị này thường dẫn đến tranh cãi, vì rất nhiều người nghĩ rằng chúng thật nực cười.

Và giờ đây tôi nhận các tấm thiệp Giáng sinh ghi “Mùa lễ vui vẻ”, chứ không phải “Giáng sinh vui vẻ”. Tôi hình dung ra rằng người gửi đã chọn chúng bởi vì họ sợ tôi có thể sẽ thấy bị xúc phạm nếu tôi nhận được một tấm thiệp chúc mừng một lễ của người Cơ đốc. Điều này thực sự đáng tiếc. Tôi quen biết nhiều người theo rất nhiều tôn giáo khác nhau - Cơ đốc giáo, Hindu giáo, Do Thái, Hồi giáo - và họ gửi cho nhau những tấm thiệp mừng lễ mỗi khi tới các mùa lễ hội khác nhau. Họ hạnh phúc với sự khác biệt đó. Tôi cũng biết những người không theo một tôn giáo nào đơn giản vẫn rất vui sướng khi gửi thiệp hoặc nhận thiệp vào các mùa lễ hội. Trong tâm trí, tôi hình dung đó là điều nên làm. Tôi hy vọng sẽ không bao giờ tới cái ngày mà tất cả các tấm thiệp đều in “Mùa lễ vui vẻ”.

Dù điều đó có xảy ra hay không cũng không nằm trong quyền kiểm soát của tôi. Nó phụ thuộc vào việc thế hệ tiếp theo sẽ quyết định xem liệu khái niệm đúng đắn về mặt chính trị có đang đi quá xa hay không. Thế hệ đó chính là bạn đấy.



ĐÚNG ĐẪN VỀ MẶT CHÍNH TRỊ Ở NƯỚC NGOÀI

Tất cả các ví dụ ở Chương 34 đều là trong tiếng Anh. Tiếng Anh là ngôn ngữ được đặc biệt chú ý, bởi hầu hết những mối quan tâm là khởi nguồn của phong trào đúng đắn về mặt chính trị, trong hai thập niên 1960 và 1970, đều bắt nguồn từ Mỹ.

Nhưng những ngôn ngữ khác cũng có các từ ngữ đúng đắn về mặt chính trị. Dưới đây là ba ví dụ trong số đó:

- Cũng như việc "binman" (người quét rác) ở Anh được đổi thành "refuse collector" (người thu gom rác) hay "refuse disposal officer" (nhân viên thu gom rác), ở Ý từ "netturbino" được thay bằng "operatore ecologico" (hay là "ecological operator" (người điều hành sinh thái)).
- Ở Pháp, người ta đã tranh luận rất nhiều về từ "aveugle" để gọi một người mù, với lựa chọn thay thế đúng đắn về mặt chính trị là "non-voyant" ("không-nhìn thấy").
- Ở Đức, người ta tránh dùng các từ gợi nhớ về thời kỳ Phát xít của hai thập niên 1930 và 1940. Những ngày đó, Nghị viện Đức được gọi là "Reichstag" (nghĩa là "quốc hội đế quốc"). Ngày nay, nó được gọi là "Bundestag" (nghĩa là "quốc hội liên bang").

CHƯƠNG 35



Ngôn ngữ trong văn chương

Ngôn ngữ, như ta đã thấy ở Chương 32 và 33, có thể khiến chúng ta suy nghĩ và cảm nhận. Nó có thể dẫn dụ trí óc ta và cả trái tim ta nữa. Và, chỉ riêng trên khuôn mặt ta, nó còn có thể dẫn dụ đôi tai và đôi mắt ta, bằng cách có âm thanh đẹp, hoặc có cách viết đẹp, hoặc ngược lại, bằng cách có âm thanh hoặc cách viết xấu xí. Đôi khi nó làm cả bốn điều này cùng một lúc. Chúng ta có thể đọc một đoạn văn bản kể về một câu chuyện hay, khiến ta cười và khóc, được trình bày gọn gàng trên trang sách, và (khi ta đọc thành tiếng) nghe lại rất vừa tai. Thử ngôn ngữ như vậy thường thấy nhất là ở các tiểu thuyết, truyện ngắn, tiểu luận, kịch, và thơ. Nói tóm lại, trong *văn chương*.

Từ “văn chương” hầu như có thể chỉ bất kỳ thứ gì xuất hiện ở dạng chữ viết. Nếu ta muốn tìm hiểu về các kỳ nghỉ ở Hy Lạp, đại lý du lịch sẽ đưa cho ta xem một ít “văn chương” về Hy

Lạp - đó là tờ rơi và quảng cáo. Nếu đến thư viện, ta sẽ thấy các cuốn sách về lịch sử, luật, triết học, y học, và các lĩnh vực khác cũng thường được gọi là “văn chương”. Ta có thể nghe thấy ai đó nói rằng họ đang tìm kiếm thông tin về một căn bệnh “trong văn chương y học”⁽¹⁾. Từ “văn chương” dùng để bao quát tất cả những gì mà ở đó người ta dùng ngôn ngữ để sáng tạo một sản phẩm đặc biệt như một tác phẩm nghệ thuật. Ta thường chia các tác phẩm này ra thành hai loại chính: *hư cấu* và *phi hư cấu*. Ở mảng hư cấu, người ta sử dụng trí tưởng tượng của mình để kể các câu chuyện, ví dụ như các cuốn sách về Harry Potter, hay các cuốn sách của Roald Dahl hay là Terry Pratchett. Ở mảng phi hư cấu, người ta nói về thế giới thực, như là khi họ viết về các chuyến du lịch của mình hay kể câu chuyện cuộc đời của ai đó (trong một cuốn *tiểu sử*). Đôi khi họ viết những truyện hòa trộn hai mảng này với nhau, như khi một tác giả viết truyện về Shakespeare với một phần là thông tin xác thực và một phần là hư cấu.

Hầu hết văn chương trong xã hội phương Tây đều dưới dạng thành văn. Chúng ta đọc văn chương. Nhưng ở rất nhiều nơi trên thế giới, như đã thấy ở Chương 20, nhiều ngôn ngữ chưa bao giờ được viết ra. Vậy là ở những nền văn hóa đó, người ta phải lắng nghe văn chương. Trong số họ có những người có kỹ năng kể chuyện và đọc thơ tài tình. Những câu chuyện được học thuộc lòng và kể đi kể lại vào những thời gian và địa điểm khác nhau. Đây được gọi là “văn học truyền miệng”.

Văn chương trong tiếng Anh hơn một nghìn năm trước cũng giống như vậy. Có một bài thơ bằng tiếng Anh cổ mang tên *Beowulf* dài 3.182 câu. Đó là bài thơ kể câu chuyện về một người anh hùng tuyệt vời tên là Beowulf và những cuộc chiến chống lại những con quái vật và rồng. Có lẽ nhà thơ viết nên bài thơ ấy đã

1. Đoạn này nói về một số cách dùng từ “văn chương” (literature) trong tiếng Anh. (BT)

ngâm thơ và chơi đàn hạc, còn người nghe thì quây quần quanh ngọn lửa một tối nào đó. Có lẽ ông đã mất tới 3 giờ đồng hồ để kể toàn bộ câu chuyện. Cuối cùng ai đó đã chép lại bài thơ mà ta biết đến ngày hôm nay. Bài thơ được chuyển thể thành phim vào năm 2007.

Dù là truyền miệng hay thành văn, tất cả các nền văn chương đều có chung một điểm. Các tác giả cố gắng dùng ngôn ngữ một cách hiệu quả nhất. Họ muốn cách viết, cách nói của mình thật đẹp, đầy quyền lực, nhiều kịch tính, đáng nhớ, mang tính nguyên bản, và có thể lay động chúng ta theo một cách nào đó. Họ muốn cho độc giả cảm thấy vui hoặc buồn hoặc sợ hãi hoặc hồi hộp hoặc bất kỳ một cảm xúc nào khác nữa. Họ muốn khiến cho ta yêu mến một số nhân vật này và căm ghét một số nhân vật khác. Và họ muốn ta ngưỡng mộ âm thanh và hình dáng của điều họ vừa làm nên - cũng giống y như cách chúng ta thích thú một bức tranh, ngoại trừ việc các tác giả ở đây vẽ tranh bằng ngôn từ, chứ không phải màu sắc.

Dưới đây là một bức tranh bằng ngôn từ. Nó nằm trong một câu chuyện của Charles Dickens mang tên “Bài ca mừng Giáng sinh”, kể về một tay hà tiện tên là Scrooge. Câu chuyện được dựng thành phim tới mấy lần, trong đó có bộ phim với các nhân vật Muppet (con rối) và có Michael Caine đóng vai chính. Đây là cách mà Dickens miêu tả Scrooge. Từ nào cũng được lựa chọn một cách cẩn thận, giống như từng nét vẽ trên một bức tranh.

Chao ôi! Chẳng phải hẳn chính là nắm đấm siết chặt cục đá mài ư, Scrooge! Một kẻ tội lỗi luôn vắt cổ chày ra nước, tóm lấy, cạo vét, giữ chặt, vơ đầy của cải! Cứng sắc như đá lửa mà không thép nào đánh lên nổi ánh lửa hào phóng; bí ẩn và co cụm, đơn độc như một con hàu trong vỏ. Hơi lạnh bên trong đóng băng vẻ già nua của hắn, làm buốt cái mũi nhọn hoắt, quắt queo đôi má, hóa gỗ đáng người; làm đỏ con mắt,

làm xanh môi mỏng; và thốt lên lạnh buốt một giọng nói gai người. Suong giá phủ mờ mái đầu, đôi lông mày, và đầu cằm lỏm chỏm.

Sau khi đọc đoạn miêu tả như thế này, tôi nghĩ chúng ta có thể bắt đầu vẽ được một bức tranh khá chính xác về Scrooge rồi.

Sau đây là một bức tranh ngôn từ khác. Đó là những dòng mở đầu của một cuốn tiểu thuyết. Nhưng lần này mục đích của tác giả lại khác. Ông muốn chúng ta phải thật sự chú ý theo dõi và đọc mãi không rời mắt. Đây là cách ông làm điều đó, chỉ trong một câu duy nhất:

Một đêm mùa xuân ấm áp nọ có một nắm đấm nào gõ lên cửa mạnh tới mức bản lề cong gập lại.

Ngay lập tức chúng ta bị thu hút. Cánh cửa nào? Nắm đấm nào? Hẳn phải là một người khổng lồ thì mới làm bản lề bị cong gập được. Đọc tiếp xem sao nhé:

Một người đàn ông mở cửa và hé mắt nhìn ra phố. Có một làn sương mù phả tới từ con sông, đêm đó cũng là một đêm nhiều mây. Cứ như thể anh ta đang cố nhìn xuyên qua một tấm nhung màu trắng.

Giờ thì chúng ta bắt đầu cảm thấy không khí bí ẩn rồi đây. Có sương mù. Vậy cái gì đã gõ lên cánh cửa trong làn sương mù...? Chúng ta phải đọc tiếp thôi:

Nhưng sau anh nghĩ là ngoài đó rõ ràng là có những hình dáng, phía bên kia nguồn sáng tràn trên mặt đường. Rất nhiều hình dáng, đang quan sát anh thật cẩn thận. Anh nghĩ có lẽ còn có cả những điểm sáng lơ lửng...

Lại cả hình dáng. Rất nhiều hình dáng. Đang quan sát anh ta.
Đọc tiếp nào!

Dù vậy không thể nhầm lẫn gì về hình dáng ngay trước mặt anh. Nó to, tối đen, màu đỏ, và trông như một thằng người mô hình bằng đất sét của trẻ con. Đôi mắt của nó là hai cục than hồng.

Rất khó để có thể ngừng đọc ở đây và cất sách lại lên giá. Nhưng tôi không thể tiếp tục được vì tôi còn phải giải quyết xong cuốn sách của tôi đã. Xin lỗi nhé. (Nếu bạn chưa đọc truyện này, và muốn đọc nó, thì hãy tìm cuốn *Chân đất sét (Feet of clay)*, tác giả là Terry Pratchett.)

Tiếp đây là một bức tranh ngôn từ khác nữa. Lần này là một bài thơ. William Wordsworth đang đứng trên cầu Westminster ở London vào ngày 3 tháng Chín năm 1802, và những gì ông nhìn thấy được đã hớp hồn ông:

Thế gian có còn gì đẹp hơn chăng:
Chắc hẳn ai ngốc nghếch mới thờ ơ
Một cảnh tượng nguy nga và lay động:
Phút giây này thành phố mặc áo sang
Bình minh lên nguy nga và tĩnh lặng,
Nào tàu, nào tháp, nhà hát, đền thờ
Rộng khắp lan xa đồi xanh chân trời;
Rực rỡ long lanh ban mai trong vắt.
Mặt trời chưa bao giờ lên đẹp hơn thế
Trong hào quang tinh khôi ấy, thung lũng, núi đồi
Tôi đã khi nào, mắt thường, chiêm ngưỡng hết
Con sông lướt trôi trong bình thản ngọt ngào
Chúa ơi! Những mái nhà còn say sưa ngái ngủ
Và trái tim hùng vĩ vẫn bình thản nằm yên!

Hầu hết chúng ta đều từng đến một nơi nào đó, ngắm cảnh vật và thấy nó tươi sáng và thanh bình như vậy. Ta có thể đã không nghĩ nhiều về nó. Nhưng một bài thơ như thế này dạy cho chúng ta cách cảm nhận, và cách nói về những cảm giác ấy. Ta thường hay nhìn mọi thứ mà lại không ngắm nghĩ thật sâu sắc về chúng. Công việc của một nhà thơ là khiến ta *thấy* và *cảm nhận*.

Hoặc đôi khi là khiến cho ta cười:

Matilda nói lời Dối trá Kinh hồn
Làm ai ai cũng Há hốc và Trợn tròn
Dì của cô, xưa nay từng Quả quyết
Tôn thờ Sự thật, từ ngày đầu Hiểu biết,
Đã thử cố tin lời cô bé
Và suýt mất mạng, đã có lẽ...

Đây là bài thơ “Matilda, Kẻ Chuyên Nói Dối, và Đã Bị Thiêu Tới Chết” của Hilaire Belloc. Chà, đấy là một nhan đề khiến ta háo hức muốn đọc xem ra sao đấy!

Văn chương mang đến cho đời sống chúng ta một phương diện mới. Dù ta đọc trong trang sách hay trên màn hình, nghe qua bản thu âm hay xem ở đĩa DVD, văn chương vẫn cuốn hút trái tim và trí óc ta theo một cách mà không một loại hình nghệ thuật nào làm được. Chúng ta có thể ngắm tranh vẽ và các tác phẩm điêu khắc, lắng nghe âm nhạc và xem múa ballet, và thưởng thức những phút giây tuyệt vời với chúng. Nhưng không gì có thể sánh bằng những giới hạn và chiều sâu chi tiết của việc sử dụng ngôn từ. Ngôn ngữ là thứ phức tạp nhất mà con người từng học được, và nó cũng mở ra bất tận những khả năng thể hiện bản thân. Chúng ta sẽ xem xét thêm lời khẳng định này ở Chương 37.

Nhưng trước đó, hãy nghe lời cuối này từ một nhà thơ. Mấy năm trước, Robert Fisher đã viết một bài thơ mang tên “Để tìm một bài thơ”. Mở đầu như sau:

Để tìm một bài thơ
hãy lắng nghe tiếng gió
thì thầm lời xa lạ
hãy ghé nhìn dưới đá
nhiều khi ta sẽ thấy
thơ dáng hình hóa thạch.
Thơ ẩn hiện muôn nơi
nào ai đoán biết nổi...

Như bạn thấy đấy, ngay cả ở trong một cuốn sách về ngôn ngữ.

THƠ CLERIHEW

Văn chương thực sự rất phong phú. Có đủ các kiểu (hay là "thể loại") tiểu thuyết, kịch, và thơ. Đôi khi ta còn có thể chỉ ra chính xác sự ra đời của một thể loại văn chương mới.

Vào đầu thập niên 1890, Edward Clerihew Bentley thử nghiệm viết tiểu sử bằng thơ phong cách hài hước, mỗi bài dài 4 câu. Ai cũng rất thích, và người ta gọi các bài thơ này là "clerihew". Dưới đây là 4 bài trong số các bài yêu thích của tôi:

Tiểu sử, thường khi,
Khác nhiều Địa lý.
Địa lý toàn về bản đồ,
Tiểu sử thì về người, cả một bồ.

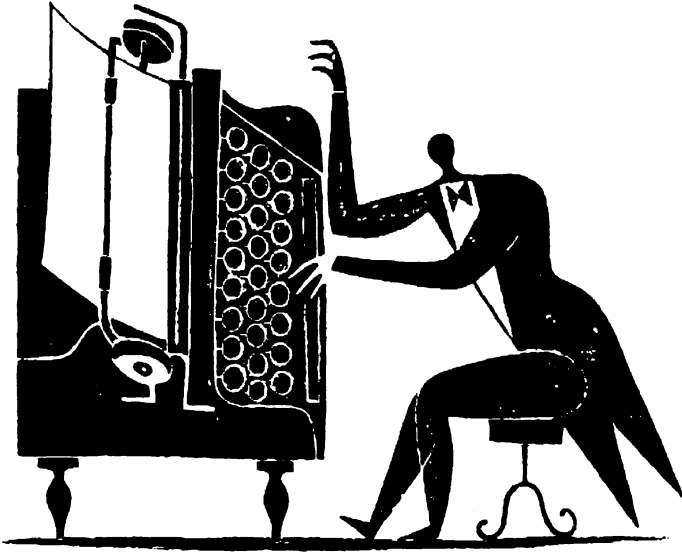
James Hogg
Nuôi chú chó nhóc,
Và vì chuyên chăn cừu
Anh chẳng có lương hưu.

Nam tước Humphry Davy
Chẳng khoái món hành phi
Ông sống trong hiểm tị
Vì tìm thấy Natri.

Thực quá bàng hoàng!
Ta quên mất Nữ hoàng!
Bà tháo vương miện, họ nhủ,
Mỗi khi bà đi ngủ.

Giờ thì bạn hiểu cách viết rồi nhé, hãy thử viết một bài xem sao. Tôi không muốn gợi ý này nọ đâu, nhưng giáo viên là chủ đề khá hay ho đấy...

Mà này, Bentley viết bài thơ clerihew đầu tiên khi ông 16 tuổi, bài về Humphry Davy đấy. Ông đã nghĩ ra ý tưởng về bài thơ ấy ngay trong giờ học môn khoa học!



Phát triển phong cách

Tất cả các tác giả ở Chương 35 đều đã phát triển một phong cách riêng cho mình. Một phong cách là cách riêng của ai đó khi sử dụng ngôn ngữ. Cũng giống như kiểu khi gặp ai đó ấn tượng, ta nói “Tôi thích phong cách của chị!” Ý ta là “Tôi thích cách chị làm những thứ riêng của chị.” Con người cũng thích dùng ngôn ngữ để làm những điều riêng của mình.

Lẽ ra tôi nên mở đầu chương này bằng cách nói rằng: tất cả các tác giả đều đã phát triển những *phong cách* riêng cho mình. Phong cách không giống như dấu vân tay của ta. Ta có thể tạo ra nhiều phong cách khác nhau cho mình để phù hợp với các tình

hướng khác nhau mà ta gặp phải. Một hình ảnh so sánh phù hợp hơn chính là quần áo.

Nếu mở tủ quần áo ra xem, ta sẽ thấy gì nào? Hầu hết trong chúng ta thu thập được một bộ sưu tập khá đa dạng các loại quần áo. Ta có quần áo sang trọng cho những dịp đặc biệt, quần áo đơn giản mặc hằng ngày, quần áo mặc khi nóng nực, quần áo mặc khi lạnh lẽo, quần áo mặc khi vui chơi, đồ bơi, và đủ thứ khác nữa. Chúng ta không lẫn lộn các loại này với nhau. Sẽ thật ngớ ngẩn nếu ta mặc quần đùi đi ra ngoài trời tuyết, hay đi biển vào ngày nóng đổ lửa mà lại mặc áo mưa cao su. Và nếu ta được mời đến một bữa tiệc sành điệu, ta sẽ mặc cho thật đẹp.

Đôi khi ta cũng chẳng có lựa chọn nào khác. Nếu ta tham gia nhóm hướng đạo sinh hay thực tập sinh, hay là đội thiếu sinh quân, hay là hoạt náo viên, hay là một đội bóng, hoặc gia nhập quân ngũ hay hàng ngũ cảnh sát, thì chúng ta sẽ phải mặc đồng phục hoặc trang bị thêm cả các dụng cụ nữa. Và đôi khi người ta được mời tới một buổi tiếp khách hoặc một bữa tiệc, và tờ giấy mời ghi rõ phải mặc gì. Có thể là “váy dạ hội” hay “comple” hoặc “trang phục đặc biệt cầu kỳ”. Người ta sẽ mở tủ xem mình cần mặc bộ nào. Nếu chưa có món đồ đó, thì hoặc họ sẽ ra ngoài mua, đi mượn, hoặc thuê một bộ, hoặc không đi tới buổi đó nữa.

Trong quá trình lớn lên, ta xây dựng một tủ ngôn ngữ trong đầu mình. Thay vì quần áo, ta có phong cách. Ta biết nói và viết theo những cách khác nhau, tùy thuộc vào việc ta đang ở đâu, đang nói chuyện với ai, và ấn tượng mà ta muốn tạo ra đối với người khác là gì. Chúng ta đã thấy một số ví dụ về việc này ở Chương 11, và cả ở Chương 22 và 23 nữa. Chúng ta biết dùng ngôn ngữ trang trọng trong các dịp trang trọng và ngôn ngữ hằng ngày cho những dịp bình thường. Chúng ta biết các kiểu ngôn ngữ hằng ngày khác nhau dành cho việc nói chuyện với gia đình, bạn bè, người quen, và người lạ. Chúng ta biết những cách nói chuyện đặc biệt như khi nói với động vật hay các em bé, như

ta đã thấy ở Chương 1. Và những cách viết đặc biệt nữa, như ta đã thấy khi tìm hiểu về tin nhắn ở Chương 30.

Ở trường, ta học những cách nói và viết trang trọng hơn. Ta biết những cách gọi người khác mới mẻ hơn, bằng cách nói “thầy” hay “cô”. Ta phát hiện ra rằng ta phải nói và viết theo những cách khác nhau để phù hợp với đối tượng. Một phong cách ngôn ngữ, như ta nhanh chóng nhận ra, sẽ không phù hợp với mọi đối tượng. Cách chúng ta viết lời giải cho một bài toán sẽ rất khác với cách ta viết một bài luận môn lịch sử hay địa lý, hay cách viết một bài báo cáo khoa học, hoặc cách viết một truyện hư cấu. Chúng ta còn biết các phong cách nói khác nhau nữa - đọc thành tiếng, tranh luận, tham gia một vở kịch ở trường.

Khi ta rời trường học, có rất nhiều phong cách khác nữa mà ta phải thành thạo. Nghề nghiệp chúng ta làm sẽ khiến chúng ta nói và viết theo những cách nhất định. Tôi đã minh họa một số cách như vậy trong sách này: các chính trị gia, công ty quảng cáo, luật sư, bác sĩ, mục sư, vân vân. Nhưng ta cũng phải học các kỹ năng mới để xoay xở cho phù hợp với các lĩnh vực ngoài công việc. Ta cần phải biết cách điền vào đơn từ, như là khi làm hồ sơ lấy bằng lái xe, hộ chiếu, hay xin học ở trường đại học. Khi chúng ta bắt đầu được trả lương khi đi làm, chúng ta phải hoàn thiện một bản khai thuế cho nhà nước. Và trước khi được nhận vào làm ở bất kỳ đâu, ta phải viết hồ sơ cá nhân của mình (hồ sơ - các bản lưu lại các thành tích và chứng chỉ từ trước tới nay của ta) và gửi cho nơi mình muốn xin việc.

Có những cách đúng và cách sai khi làm tất cả những việc này. Và nếu ta làm sai, ta sẽ không đạt được điều mình muốn. Nếu ta điền sai vào tờ xin cấp hộ chiếu, ta sẽ không có hộ chiếu. Nếu ta gửi hồ sơ xin việc mà không kiểm tra chính tả, có lẽ ta sẽ chẳng xin được việc đâu. Điền sai vào mẫu đơn từ thậm chí có thể còn khiến ta tốn tiền nữa. Có một số trường hợp mà ta phải trả tiền phạt nếu điền sai cách.

Thời gian qua đi, nhưng mọi chuyện không hề dễ dàng hơn. Số các phong cách mà ta phải thông thạo thực sự đã nhân đôi bởi vì có mạng internet. Rất nhiều hoạt động trước đây được giải quyết thông qua đường bưu điện nay đã diễn ra trực tuyến. Và mặc dù có những điểm tương đồng giữa việc điền vào một lá đơn giấy với việc điền vào một lá đơn trên máy, giữa chúng còn có nhiều điểm khác biệt. Ngày nay, tất cả mọi người phải học cách làm mọi thứ bằng máy móc cũng như trên giấy tờ.

Đôi khi, giống như với quần áo, chúng ta đơn giản là không có lựa chọn về việc dùng kiểu ngôn ngữ nào nữa. Nếu chúng ta là những người đi dự các buổi lễ tôn giáo, kiểu ngôn ngữ chúng ta dùng được ấn định sẵn từ trước rồi. Người ta cầu nguyện theo một cách cố định - thường là khi đó tất cả mọi người cùng nói với nhau. Khi ai đó đọc cuốn sách thánh thành tiếng, việc đó phải diễn ra với một phong cách phù hợp.

Nguyên tắc tương tự cũng được áp dụng nếu như ta phải dự một phiên tòa. Ở đó, mọi người đều nói theo một cách đặc biệt - thẩm phán, các luật sư, người làm chứng, bị cáo. Chúng ta có thể sẽ phải đọc lời thề, tức là nhắc lại chính xác từng từ một cái câu mà người ta nói cho ta nghe. Nếu ta đưa ra bằng chứng, ta phải trả lời tất cả các câu hỏi và thực hiện điều này bằng một phong cách tôn trọng và đúng mực. Nếu không, ta có thể bị buộc tội “coi thường tòa án”. Và nếu thẩm phán cho rằng tội này của ta rất nghiêm trọng, chúng ta thậm chí có thể bị phạt tiền hoặc đi tù.

Vì thế việc biết thật nhiều phong cách ngôn ngữ khác nhau, cũng như thành thạo nhiều phong cách nhất có thể, là điều thực sự có giá trị. Và nói thành thạo một phong cách thì có nghĩa là phát triển một sự nhạy bén để biết khi nào thì dùng nó và khi nào thì không. Nếu ta có sự “nhạy bén về trang phục”, điều đó có nghĩa là chúng ta biết bằng trực giác của mình loại trang phục nào sẽ phù hợp với dịp nào. Với ngôn ngữ cũng như vậy. Chúng ta cũng phải phát triển sự “nhạy bén về ngôn ngữ”.

Chúng ta làm điều đó như thế nào? Ngày nay các trường phổ thông và đại học thường có các khóa học “kỹ năng ngôn ngữ” hay “nhận thức về ngôn ngữ” để giúp học viên thực hành phát triển phong cách mà họ cần. Những khóa học này tạo nên nền tảng tốt cho việc phát triển bản thân trong tương lai. Ở một số nước người ta còn có thể theo một khóa luyện thi để được huấn luyện và kiểm tra về nhận thức về ngôn ngữ, như là chương trình môn tiếng Anh A-level⁽¹⁾ ở Anh. Nếu không có những khóa học như vậy, vẫn có thể học được chút ít về ngôn ngữ từ các nguồn khác, như là các diễn đàn trực tuyến - và tất nhiên, bằng cách đọc những cuốn sách như cuốn này chẳng hạn!

Vậy thì, đến một mức độ nào đó, phong cách là vấn đề tuân theo cách mọi người thực hiện mọi thứ. Nhưng điều đó không có nghĩa cái gì cũng cần phải giống hệt với người khác thì mới là đúng phong cách. Giới hạn để ta là chính mình còn rất rộng, ví dụ như khi ta gửi tin nhắn tới các trang blog hoặc các diễn đàn, viết thư điện tử và các bài luận, viết thơ và viết truyện, gửi tin nhắn và các đoạn tweet, nói chuyện với gia đình và bạn bè, phát biểu và tuyên bố, nghĩ ra các lời chúc để viết thiệp mừng sinh nhật, cũng như làm hàng chục công việc khác hằng ngày liên quan đến ngôn ngữ.

Chúng ta hình thành phong cách cá nhân của mình như thế nào? Một trong những cách ta có thể dùng là tìm các hình mẫu mà ta ngưỡng mộ và bắt chước hình mẫu đó. Nếu bạn thấy Terry Pratchett là một nhà văn tuyệt vời thì hãy thử viết như ông xem sao. Nếu bạn thấy đoạn miêu tả Scrooge của nhà văn Charles Dickens cực kỳ thú vị thì hãy thử viết đoạn mô tả một ai đó theo cách tương tự xem sao. Bạn sẽ thấy rằng một số phong cách hình thành tự nhiên hơn một số khác. Bằng cách thử nghiệm thật nhiều, cuối cùng bạn sẽ phát hiện ra được một phong cách

1. Môn học với nội dung tương đương với trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông.

mà mình dùng thoải mái nhất. Phong cách đó sẽ không giống hết phong cách của Pratchett hay Dickens, hay bất kỳ ai mà bạn dùng làm hình mẫu. Phong cách đó sẽ là phong cách của bạn.

Một cách khác mà bạn có thể dùng là thử chơi đùa một chút với các nguyên tắc trong tiếng mẹ đẻ của mình, để xem chúng vận hành ra sao, và để xem bạn có thích một cách thể hiện nào hơn các cách khác không. Ví dụ nhé, trong một câu, người ta có thể đổi vị trí các từ đi khá nhiều.

Rất nhanh chóng các anh lính chạy xuyên cánh đồng.
Các anh lính rất nhanh chóng chạy xuyên cánh đồng.
Các anh lính chạy rất nhanh chóng xuyên cánh đồng.
Các anh lính chạy xuyên cánh đồng rất nhanh chóng.

Chúng đều có chung một nghĩa, nhưng tiết điệu của mỗi câu lại khác nhau, và có cả các khác biệt về yếu tố được nhấn mạnh nữa. Nếu bạn đang viết truyện, bạn sẽ chọn câu nào? Cách duy nhất để tìm ra câu trả lời là thử từng câu một rồi chọn. Nhưng, để thử từng câu một, đầu tiên bạn phải biết rằng có bốn lựa chọn như vậy đã.

Bạn càng biết nhiều về ngữ pháp trong tiếng mẹ đẻ của mình, bạn càng có khả năng làm việc đó tốt hơn. Ví dụ dưới đây cho thấy có tới sáu lựa chọn:

Cũ kĩ, đổ nát, ngôi nhà làm chúng tôi sợ hãi ngay khi vừa nhác trông thấy.
Ngôi nhà cũ kĩ, đổ nát làm chúng tôi sợ hãi ngay khi vừa nhác trông thấy.
Ngôi nhà, cũ kĩ, đổ nát, làm chúng tôi sợ hãi ngay khi vừa nhác trông thấy.
Cũ kĩ và đổ nát, ngôi nhà làm chúng tôi sợ hãi ngay khi vừa nhác trông thấy.

Ngôi nhà cũ kỹ và đổ nát làm chúng tôi sợ hãi ngay khi vừa nhắc trông thấy.

Ngôi nhà, cũ kỹ và đổ nát, làm chúng tôi sợ hãi ngay khi vừa nhắc trông thấy.

Bạn thích lựa chọn nào nhất? Không có câu trả lời nào được coi là “đúng” cả. Và bạn thậm chí có thể chọn câu đầu cho trang 1 và câu cuối cho trang 20 trong truyện của mình. Khi chúng ta quan sát cẩn thận cách viết của các tác giả chuyên nghiệp, ta thường thấy các biến thể như vậy. Đây được gọi là “phân tích phong cách”, và đối với tôi thì đây là một trong những hoạt động thú vị nhất của việc nghiên cứu về ngôn ngữ.

PHONG CÁCH CỦA GIÁN ARCHY

Phong cách luôn là vấn đề lựa chọn. Một ngôn ngữ cho chúng ta nhiều hơn một cách để nói một điều gì đó, và chúng ta lựa chọn cách mà ta nghĩ là phù hợp nhất với điều ta muốn nói hoặc với hoàn cảnh mà ta nói. Dù vậy, đối với một vài tác giả, điều đó chưa đủ. Họ còn thật sự phá vỡ quy tắc bình thường của ngôn ngữ để tạo ra một phong cách nổi bật cho mình. Một ví dụ đặc trưng là việc không dùng chữ hoa.

Một tác giả người Mỹ tên là Don Marquis đã trở nên nổi tiếng với các câu chuyện về một con gián tên là Archy và một con mèo hoang tên là Mehitabel. Archy đêm đêm mò ra dùng máy đánh chữ của Don Marquis để gõ ra những bài thơ mình sáng tác - nhưng cậu gặp một khó khăn. Cậu nhỏ quá không thể nhấn được nút shift cùng lúc với nút chữ cái, thế là cậu không thể viết hoa được chữ nào cả, và cậu không thể dùng được dấu câu. Kết cục là tất cả các bài thơ của cậu đều giống kiểu này:

nếu bạn buồn xin cứ
bỏ ra một giờ nghỉ ngơi
và nghĩ xem
thế giới này tốt đẹp
hơn địa ngục bao nhiêu
đương nhiên nó có làm bạn vui
mấy đâu nếu có ngày
bạn muốn tới cái chỗ ấy tối thui

Không quá tệ đâu, nếu xét đến việc đó là tác phẩm của một con gián!

CHƯƠNG 37



Sự phức tạp của ngôn ngữ

Tôi đã nói rằng ngôn ngữ là thứ phức tạp nhất mà loài người từng học được ở Chương 35. Hãy dừng lại và ngẫm nghĩ vì sao lại như thế nhé.

Bạn thử nhìn lại đoạn văn mà mình đang đọc đây nhé. Não của bạn đang xử lý, ở một tốc độ tuyệt vời, tất cả 29 chữ cái của bảng chữ cái, một số chữ to, một số chữ nhỏ, và khoảng hơn một chục các loại dấu câu. Những chữ cái này được kết hợp với nhau thành từ, và có (như ta đã thấy ở cuối Chương 3) hàng nghìn từ để ta lựa chọn trong mỗi ngôn ngữ. Rất nhiều từ trong số này, ở tiếng Anh chẳng hạn, cho phép tồn tại các tiền tố và hậu tố khác nhau (ví dụ như “happy”, “unhappy”, “happiness”, “unhappiness”⁽¹⁾), và tiếng Anh có khoảng dăm chục các yếu tố này. Rồi các từ lại kết hợp với nhau thành câu, và có khoảng vài

1. Nghĩa là “vui”, “không vui” (tính từ), “vui”, “không vui” (danh từ).

nghìn cách để làm điều này. Có hơn nghìn nghìn cách nữa để kết hợp các câu lại thành đoạn, các đoạn thành chương, và các chương thành cuốn sách trọn vẹn. Và, đồng thời, khi ta chuyển từ ấn phẩm này sang ấn phẩm khác ta phải xoay xở với một lượng lớn các biến thể về hình thức của ngôn ngữ trên văn bản giấy - cỡ chữ, kiểu chữ khác nhau, vân vân.

Lời nói cũng như vậy. Nếu ta đọc thành tiếng, ta sẽ phải dùng các âm vị của ngôn ngữ - trong tiếng Anh là 40 âm vị, như ta đã thấy ở Chương 5. Các âm vị này kết hợp lại thành âm tiết, và có vài trăm cách để kết hợp như vậy - ta phải học được rằng các khúc đoạn âm như “up”, “shoe”, và “spots”⁽¹⁾ trong tiếng Anh là những cách kết hợp hợp lý, còn “ngop”, “shmfi”, và “doprns” thì không. Vậy là, cũng giống như việc viết lách, chúng ta kết hợp các từ này lại thành câu. Nhưng, khác với việc viết, chúng ta không nói chuyện theo đoạn và chương. Mà đúng hơn, chúng ta nói theo cuộc hội thoại và bài phát biểu. Và để khiến chúng sống động hơn ta dùng hàng trăm tông giọng khác nhau - ngữ điệu, độ lớn của âm thanh, tốc độ, và tiết điệu của lời nói.

Mục đích là gì? Là để cho phép chúng ta nói và viết bất kỳ thứ gì ta muốn. Không có giới hạn nào cả. Điều này thực sự tuyệt vời. Một khi đã học được vài nghìn từ, và học được các cách tạo câu mà ngôn ngữ cho phép, ta có thể nói được những điều mà chưa ai từng nói bao giờ. Ví dụ như thế này:

Mười hai cảnh sát đi tắt vàng cười lừa dộc bờ biển.

Tôi cá đây là lần đầu tiên một ai đó nói hoặc viết câu trên trong lịch sử thế giới. Tôi vừa mới bịa ra nó đấy, và mặc dù bạn chưa bao giờ thấy nó, bạn vẫn hiểu ngay mà không gặp vấn đề gì cả. Đó là điều ngôn ngữ cho phép chúng ta làm được.

1. Nghĩa là “lên”, “giày”, “chấm tròn”.

Thực tế, hầu hết các câu mà tôi viết trong sách này đều là câu mới. Tôi chưa bao giờ viết chúng, và cũng chưa ai từng viết chúng ra trước đây. Và bạn cũng chưa bao giờ đọc chúng trước đây. Tất nhiên, không phải tất cả các câu này đều mới. Tôi không phải là người đầu tiên trong vũ trụ này viết câu mà tôi đã dùng ở đầu đoạn văn vừa rồi: “Mục đích là gì?” Tôi vừa gõ câu này vào trang Google, và nhận kết quả là gần nửa triệu câu trả lời. Nhưng tôi gõ câu “Mười hai cảnh sát” của tôi vào trang Google, và kết quả là không có câu trả lời nào cả. Tất nhiên, một công cụ tìm kiếm không bao gồm dữ liệu của tất cả những thứ từng được viết ra hoặc nói ra. Nhưng nó vẫn có thể cho chúng ta hình dung được về điều gì là thông dụng và điều gì là hiếm thấy trong một ngôn ngữ.

Nếu muốn, thậm chí ta còn có thể có tính nguyên bản hơn nữa kia. Nếu ta có một ý tưởng trong đầu muốn nói ra, và ta không thể tìm được từ nào để diễn đạt, thì ta có thể tạo ra từ mới để thể hiện ý nghĩ của mình. Trong tiếng Anh ta có thể tạo ra từ mới bằng cách thêm tiền tố “un-” (không) chẳng hạn. Các từ như thế này:

uncool, unchoosy, unfunny, unsorry⁽¹⁾

Các tác giả đã đùa nghịch với ngôn từ như thế này nhiều trăm năm trước rồi. Hơn một thế kỷ trước, Lewis Carroll viết một cảnh trong truyện *Alice ở xứ sở diệu kỳ* về việc Alice gặp nhân vật Mad Hatter và các nhân vật khác ngồi quanh một cái bàn trà. Hôm đó không phải là ngày sinh nhật của cô, thế là họ chúc cô một ngày “unbirthday”⁽²⁾ vui vẻ. Và khoảng hơn 400 năm trước, Shakespeare viết vở *Macbeth*, trong đó có một nhân vật là Malcolm

1. Nghĩa là “không sành điệu”, “không kén chọn”, “không buồn cười”, “không hối lỗi”.

2. Nghĩa là “không phải sinh nhật”.

đã nói dối nhiều lần về bản thân. Khi Malcolm cuối cùng cũng thừa nhận là những điều mình nói không đúng sự thật, anh ta nói anh ta sẽ “unspeak”⁽¹⁾ điều mà anh ta đã nói. Shakespeare rất thích phát minh ra những từ giống như “unspeak” này.

Khả năng lấy những mẫu quen thuộc của ngôn ngữ để kết hợp lại với nhau nhằm tạo ra từ mới hay câu mới là thứ khiến ngôn ngữ khác biệt so với những cách giao tiếp khác của con người. Hãy xem hai người đang nói chuyện với nhau nhé. Vừa nói chuyện, họ vừa nhìn nhau, và ta có thể thấy các biểu cảm trên khuôn mặt họ bổ sung rất nhiều cho những điều họ nói. Họ mỉm cười và nhú mồm, rồi mang nét ngạc nhiên nữa. Họ có khi còn thể hiện cảm xúc qua những động tác hay cử chỉ, như là nhún vai hay giơ ngón cái lên. Họ có thể còn chạm vào nhau, như khi bắt tay hoặc hôn nhau. Tất cả những biểu hiện này đều là phương thức giao tiếp. Nhưng chúng có phải “ngôn ngữ” không?

Không, không phải. Đôi khi người ta dùng cụm từ “ngôn ngữ cơ thể” để miêu tả biểu cảm trên khuôn mặt, cử chỉ, và hành vi đụng chạm. Nhưng đây không phải là khái niệm “ngôn ngữ” như ta đang dùng trong cuốn sách này. Chúng ta phải cẩn thận với từ “ngôn ngữ”. Từ này thường được dùng theo một cách sinh động khi nhắc đến bất kỳ cách kết nối nào đó của người với người. Có người từng viết như sau trong một bài nhận xét trên báo:

Ban nhạc thật sự tài giỏi. Tất cả các nhạc cụ đều nói chung một ngôn ngữ.

Nhận xét trên là thế nào? Nó không có nghĩa là các nhạc cụ cùng nói tiếng Anh, hay tiếng Pháp, hay bất kỳ thứ tiếng nào cả. Đó là một cách mô tả sự nhuần nhuyễn trong sự phối hợp của các nhạc công. Họ thể hiện sự thấu hiểu mà con người đạt được giống như

1. Tạm dịch “phủ ngôn”.

khi nói chuyện với nhau. Đây là một cách dùng đặc biệt của từ “ngôn ngữ”.

“Ngôn ngữ cơ thể” cho thấy một cách dùng đặc biệt khác của từ này. Khi người ta dùng khuôn mặt hay đôi tay để thể hiện cảm xúc của mình, họ làm điều rất khác với khi họ nói, viết, hay là sử dụng ngôn ngữ ký hiệu. Các điểm khác biệt chính là như sau:

Khác biệt về quy mô

Có bao nhiêu từ trong một ngôn ngữ? Trong trường hợp một ngôn ngữ tương tự tiếng Anh thì sẽ là hơn một triệu. Có bao nhiêu biểu cảm trên khuôn mặt? Chỉ khoảng vài chục thôi. Hoặc có thể là vài trăm, nếu ta gộp chung cả những cử động tay linh hoạt, “biết nói” trong một số loại hình múa. Nhưng đây vẫn là một con số rất nhỏ bé so với ngôn ngữ.

Khác biệt về tính sáng tạo

Chúng ta có thể dễ dàng sáng tạo ra từ mới trong một ngôn ngữ, như trong trường hợp “unbirthday”. Ta có thể dễ dàng tạo ra các biểu cảm mới trên khuôn mặt không? Cứ thử xem nhé. Hãy tạo ra ngay một biểu cảm mới trên khuôn mặt. Không thể được. Ngôn ngữ mang tính sáng tạo theo một cách mà việc giao tiếp bằng cơ thể không có được.

Khác biệt về cấu trúc

Ngôn ngữ có một cấu trúc “hai tầng” thú vị. Bản thân chữ cái và âm thanh không có ý nghĩa. Chúng ta không thể nói rằng “p”, “n”, hay “i” có nghĩa gì được cả. Chúng chỉ là âm và chữ cái mà thôi. Nhưng ngay khi ta kết hợp chúng lại với nhau thành từ, nó sẽ có ý nghĩa. Cứ như là phép màu vậy: “pin” “níp”. Các biểu cảm trên khuôn mặt không như vậy. Chúng luôn luôn mang một ý nghĩa nào đó.

Chúng ta học rất nhiều quy tắc ngữ pháp để có thể thể hiện các ý nghĩa khác nhau, ví dụ như thay đổi trật tự từ trong câu (như ở ví dụ “con chó thấy thằng bé” ở Chương 19). Nhưng chúng ta không có quy tắc nào để thay đổi thứ tự của các biểu cảm trên khuôn mặt nhằm thể hiện các ý nghĩa khác nhau.

Tôi mới chỉ nói về biểu cảm trên khuôn mặt để làm rõ các điểm khác biệt trên mà thôi. Tuy vậy, các vấn đề tương tự cũng xảy ra khi ta giao tiếp bằng cử chỉ hay đụng chạm.

Chỉ có một tình huống mà cử chỉ trở thành ngôn ngữ thực sự, và đó là khi người khiếm thính biến chúng thành ngôn ngữ ký hiệu, theo cách mà tôi đã mô tả ở Chương 18. Nhưng cách ra ký hiệu của người khiếm thính hoàn toàn không giống với các cử chỉ thông thường mà những người bình thường sử dụng hằng ngày.

Tương tự, khả năng đụng chạm của chúng ta có thể được phát triển thành một ngôn ngữ cụ thể. Đây là điều xảy ra trong trường hợp nổi tiếng của tác gia thế kỷ 20 Helen Keller, một người khiếm thính và khiếm thị bẩm sinh. Không có khả năng nghe hay nhìn, bà đã học nói bằng cách dùng tay cảm nhận cách chuyển động của các bộ phận phát âm của những người xung quanh mình, rồi bắt chước chúng. Một lần nữa, điều này cũng hoàn toàn khác với sự đụng chạm thông thường mà hầu hết chúng ta thực hiện trong đời sống hằng ngày.

Con người có thể thể hiện ý nghĩ và cảm xúc của mình bằng nhiều cách khác nhau. Nếu tôi có khả năng, tôi sẽ vẽ chúng, nặn tượng chúng, thể hiện chúng qua vũ điệu của mình, viết chúng thành một bản giao hưởng hay một vở ballet hoặc một đoạn nhạc jazz, và thể hiện bản thân bằng mọi cách được coi là “nghệ thuật và thủ công”. Mỗi cách lại làm được điều mà những cách khác không làm được. Và từ “ngôn ngữ” đã được sử dụng liên quan đến tất cả các cách này. Người ta nói về “ngôn ngữ hội họa”, “ngôn ngữ âm nhạc”, vân vân.

Nhưng có một điểm khác biệt cơ bản giữa những hình thức nghệ thuật này và khái niệm “ngôn ngữ” là đối tượng của cuốn sách này. Khi ta thấy một bức họa hoặc một điệu múa, hay nghe một đoạn nhạc, ta không cần ngôn ngữ để có thể thưởng thức những gì mình nhìn thấy và nghe thấy. Nhưng nếu ta muốn mô tả điều mà mình đã nhìn thấy hoặc nghe thấy, hoặc gọi tên nó, hay bàn luận về nó với người khác, thì ta lại cần đến ngôn ngữ. Ngôn ngữ cho phép chúng ta nói về trải nghiệm thế giới của mình theo cách thức mà không một phương tiện giao tiếp nào làm được. Đó là lý do vì sao nó rất đặc biệt. Đó là lý do vì sao nó xứng đáng là chủ đề cho cả một cuốn sách. Và đó là lý do vì sao nó được nghiên cứu trong môn *ngôn ngữ học*.

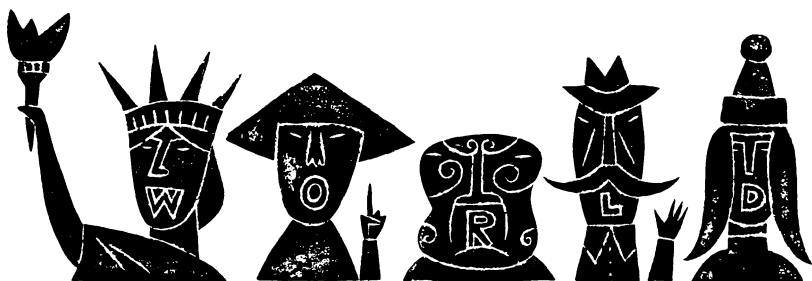
ĐỘNG VẬT VÀ NGƯỜI NGOÀI HÀNH TINH

Đôi khi người ta cũng cho là động vật có ngôn ngữ. Chẳng hạn như người ta nói về "ngôn ngữ" của chim, vượn, ong, cá voi, và cá heo. Và đúng là một số loài động vật đã phát triển nên những cách thức giao tiếp tinh vi tuyệt vời. Khi hai chú chim sáo đen hót với nhau, ta nghe cứ như là chúng đang trò chuyện thật vậy.

Nhưng thực tế có những điểm khác biệt lớn giữa cách động vật giao tiếp và cách con người giao tiếp. Khi động vật tạo ra âm thanh, như là sữa hay gọi nhau, thì đó là phản ứng tức thời với những điều đang diễn ra quanh chúng. Nếu sợ hãi, chúng sẽ gọi nhau cảnh giác. Nếu đói, chúng sẽ gọi nhau thể hiện đói. Động vật không thể gọi để truyền đi thông điệp "Thứ Năm tuần trước tôi sợ phát khiếp" hay là "Chiều nay tôi sẽ đói cho xem". Chỉ có ngôn ngữ loài người mới có thể làm được điều đó.

Các nhà động vật học đã đạt được một số thành công trong việc dạy ngôn ngữ loài người cho động vật. Các thí nghiệm nổi tiếng đã dạy cho tinh tinh dùng tay để tạo ra ký hiệu nói về rất nhiều chủ đề. Trong một số trường hợp, động vật đã có thể xâu chuỗi các ký hiệu lại với nhau để tạo thành câu đơn giản. Tất nhiên để làm được điều này cần bỏ ra công sức và thời gian huấn luyện cực lớn. Dù vậy điều này vẫn cho thấy rằng khoảng cách giữa sự giao tiếp của loài vật và ngôn ngữ loài người có lẽ không lớn như ta từng nghĩ.

Một điều sẽ rất thú vị để quan sát chính là liệu người ngoài hành tinh có sử dụng ngôn ngữ theo cùng một cách như loài người chúng ta hay không, hay liệu họ sẽ nói năng giống như R2D2 trong *Chiến tranh giữa các vì sao*, hay thậm chí còn dùng những cách giao tiếp lạ lùng hơn nữa. Đáng buồn là trong hầu hết các bộ phim khoa học viễn tưởng, rốt cuộc họ đều nói tiếng Anh hết cả!



Ngôn ngữ học

Ngôn ngữ học là ngành khoa học về ngôn ngữ. Và những người nghiên cứu ngôn ngữ theo cách này được gọi là các *nhà ngôn ngữ học*. Tôi là một nhà ngôn ngữ học - và bạn cũng thế nếu bạn đã đọc đến tận đây.

Tất nhiên, cụm từ “nhà ngôn ngữ học” còn có một nghĩa khác. Nó có thể là cụm từ chỉ người thông thạo một số ngôn ngữ nước ngoài - như trường hợp cực kỳ đáng kinh ngạc của Harold Williams mà tôi đã nhắc tới ở Chương 3, người có thể nói được 58 thứ tiếng. Đó là một kỹ năng riêng biệt. Tôi có thể nghiên cứu âm nhạc mà không biết cách chơi thật tốt nhiều nhạc cụ. Ngôn ngữ học cũng như vậy. Tôi có thể nghiên cứu ngôn ngữ mà không cần phải thông thạo nhiều thứ tiếng.

Có một điểm khác biệt lớn giữa “ngôn ngữ” và “các thứ tiếng”. Cuốn sách này là về ngôn ngữ. Nó không giới thiệu về các thứ tiếng khác nhau trên thế giới. Tôi chưa hề nói cho bạn nghe về tiếng Pháp, tiếng Đức, hay tiếng Trung Quốc. Tôi có thể lấy

một số ví dụ trong các thứ tiếng này ở đoạn này đoạn kia, nhưng đó luôn luôn là để minh họa cho một luận điểm chung. Cuốn sách này là về các luận điểm chung. Tất cả các thứ tiếng có điểm gì chung? Chúng khác nhau như thế nào? Người ta nói năng, viết lách, và ra ký hiệu như thế nào? Họ học tiếng của mình ra sao? Tại sao họ lại dùng ngôn ngữ?

Chúng ta có thể nghiên cứu các câu hỏi này ngay cả khi chúng ta chỉ biết một thứ tiếng mà thôi. Những người đọc cuốn sách này rõ ràng là biết tiếng Anh, vậy nên hầu hết các ví dụ của tôi đều là lấy từ thứ tiếng này. Nếu ai đó phải dịch cuốn sách này ra một thứ tiếng khác, họ sẽ phải thay đổi các ví dụ, làm sao để truyền đạt nội dung tới người đọc của thứ tiếng đó tốt hơn. Nhưng họ sẽ không phải thay đổi gì ở những lý giải về việc ngôn ngữ vận hành ra sao. Các cơ quan phát âm tôi sử dụng để nói tiếng Anh cũng giống hệt như các cơ quan phát âm được người Pháp dùng để nói tiếng Pháp - hoặc như người nói tiếng Ả Rập, tiếng Swahili, tiếng Trung Quốc. Chúng ta đều có phổi, lưỡi, và môi. Chúng ta đều có tai và bộ não. Chúng ta có thể nghiên cứu cách các cơ quan phát âm hoạt động cho dù tiếng mẹ đẻ của chúng ta có là gì đi chăng nữa.

Tất nhiên, chúng ta càng biết nhiều ngôn ngữ, hiểu biết của chúng ta về cách ngôn ngữ vận hành càng sâu sắc hơn. Để hiểu những điều cơ bản về một ngôn ngữ không mất nhiều thời gian. Các sinh viên đại học ngành ngôn ngữ học nhận thấy chỉ cần vài giờ đồng hồ là có thể nắm được các điểm cơ bản trong một ngôn ngữ mới. Chỉ trong vòng 10 giờ làm việc với một người nói tiếng nước ngoài, họ có thể hiểu được cách phát âm tất cả các âm trong ngôn ngữ đó, học được vài trăm từ, và thành thạo quy tắc ngữ pháp cơ bản - đủ để sử dụng trong một cuộc hội thoại đơn giản bằng thứ tiếng đó. Tất nhiên còn phải mất một đoạn đường dài mới thành thạo được, và-việc này có thể phải mất tới hàng trăm giờ, vì ta phải học một số lượng từ cực kỳ lớn. Nhưng khởi đầu như vậy là rất tốt rồi.

Mục đích của ngành ngôn ngữ học không phải là để thành thạo thật nhiều thứ tiếng. Nó nhằm tìm hiểu cách thức mà các ngôn ngữ này vận hành. Mỗi ngôn ngữ trong tổng số trên dưới 6.000 ngôn ngữ trên thế giới hoạt động theo những cách khác nhau, như ta đã thấy ở Chương 19. Mỗi ngôn ngữ đều có những quy tắc cho phát âm, ngữ pháp, từ vựng, và hội thoại. Nếu có chữ viết, ngôn ngữ đó sẽ có thêm quy tắc chính tả và dấu câu nữa. Mỗi ngôn ngữ có các phong cách riêng để nói và viết, có các giọng và phương ngữ của mình, và cả văn chương của mình.

Và đây là điều cốt yếu: chỉ có một số trong những ngôn ngữ này được nghiên cứu thật sự chi tiết. Thật vậy, rất nhiều ngôn ngữ trên thế giới chưa hề được nghiên cứu. Những gì chúng ta biết đến thời điểm này, là chúng có thể sở hữu những âm, những từ, những mẫu câu tuyệt vời mà không ngôn ngữ nào khác có được. Các nhà ngôn ngữ học săn tìm chúng, giống như những nhà động vật học và thực vật học săn tìm những loài côn trùng hay hoa mới trên khắp thế giới. Vấn đề là, có rất nhiều ngôn ngữ mà lại không có nhiều nhà ngôn ngữ học. Và khi chúng ta nghĩ về những khía cạnh khác nhau của ngôn ngữ cần phải nghiên cứu (như đã vạch ra ở Chương 37), chúng ta có thể dễ dàng thấy rằng cần rất nhiều thời gian để có thể hoàn thành công việc này.

Thậm chí những ngôn ngữ thông dụng cũng cần nghiên cứu. Bạn có thể cho rằng mọi thứ về một ngôn ngữ như tiếng Anh đã được khám phá ra cả rồi vì người ta đã khảo sát nó nhiều thế kỷ qua. Không phải đâu nhé. Có hàng trăm thứ vẫn còn cần tìm hiểu. Đầu tiên, hãy thử nghĩ đến tất cả những giọng và phương ngữ mà xem. Rất nhiều giọng và phương ngữ trong số này chưa bao giờ được mô tả chi tiết. Hay thử nghĩ về cách mà ngôn ngữ biến đổi. Thứ tiếng Anh chúng ta dùng năm 2000 không giống hệt với tiếng Anh của năm 2010, và nó cũng sẽ lại biến đổi thêm nữa vào năm 2020. Mỗi năm trôi qua lại đem tới nhiều từ ngữ mới, phong cách mới, thường là cả cách phát âm, cách viết chính

tả, và mẫu câu mới. Và chúng đều cất tiếng: “Hãy nghiên cứu tôi đi nào!”

Hãy xem cách mà mạng internet đang phát triển. Kỹ thuật mới cho phép chúng ta sử dụng ngôn ngữ theo những phương thức mới mẻ, như ta đã thấy ở Chương 29. Và rất nhiều trong số các phương thức mới mẻ đó chỉ mới được nghiên cứu một chút ít. Lấy ví dụ như Twitter, một nền tảng chỉ cho phép tin nhắn dài tối đa 140 ký tự. Trong giới hạn như vậy điều gì sẽ xảy ra với ngôn ngữ? Người ta có viết tắt trên Twitter như khi dùng tin nhắn thoại không? Những mẫu câu nào được ưa chuộng? Người dùng có viết câu ngắn không, hay là sử dụng câu dài? Nam và nữ có viết tweet khác nhau không? Tôi không biết câu trả lời cho những câu hỏi này - chưa thì đúng hơn.

Một trong những điều mà các nhà ngôn ngữ học làm là tìm cách trả lời những câu hỏi này. Nếu muốn nghiên cứu các dòng tweet, ta sẽ bắt đầu như thế nào? Điều đầu tiên ta sẽ phải làm là tạo một bộ sưu tập (hay còn gọi là “kho ngữ liệu”) các dòng tweet. Chúng ta xem xét cẩn thận tất cả các ví dụ trong kho ngữ liệu và xem xem kiểu ngôn ngữ như thế nào hay xuất hiện. Tất nhiên chúng ta phải biết về ngôn ngữ thì mới làm được. Ta phải biết về ngữ pháp, từ vựng, và đủ các thứ khác mà ta đã bàn đến trong cuốn sách này. Nhưng, nếu ta có một chút kiến thức này trong đầu, ta sẽ nhanh chóng khám phá ra những điều thú vị.

Tất cả các mảng của ngôn ngữ đều như vậy. Mỗi chủ đề trong cuốn sách này mở ra một mảng nghiên cứu. Khi ta xem đến những cuốn sách nâng cao hơn về ngôn ngữ, ta sẽ thấy các mảng này được đặt cho những cái tên khác biệt. Dưới đây là một số mảng như vậy.

- Cuối Chương 5 tôi nói về *ngữ âm*, mảng nghiên cứu về âm thanh lời nói. Một người nghiên cứu ngữ âm được gọi là *nhà ngữ âm học*.

- Ở Chương 6, tôi xác định khái niệm *ngữ pháp*, mảng nghiên cứu về cấu trúc câu. Một người nghiên cứu ngữ pháp là một *nhà cú pháp học*.
- Tôi đã nói nhiều về ý nghĩa trong cuốn sách này, và đặc biệt là về từ vựng. Tất cả những điều này thuộc về *ngữ nghĩa học*, mảng nghiên cứu về ý nghĩa trong ngôn ngữ. Một người nghiên cứu ngữ nghĩa học là một *nhà ngữ nghĩa học*.
- Tôi đã mất nhiều thời gian bàn về sự liên hệ của ngôn ngữ với xã hội, thông qua các giọng, các phương ngữ, và các biến thể mà chúng ta sử dụng. Tất cả những điều này thuộc về *ngôn ngữ học xã hội*. Một người nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội là một *nhà ngôn ngữ học xã hội*.
- Mảng nghiên cứu về cách trẻ em học ngôn ngữ là một chủ đề quan trọng, và nó thuộc mảng nghiên cứu chung về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và cách chúng ta nghĩ và học. Tất cả những vấn đề này được nghiên cứu trong môn *ngôn ngữ học tâm lý*. Một người nghiên cứu ngôn ngữ học tâm lý là một *nhà ngôn ngữ học tâm lý*.
- Tôi cũng nói nhiều về cách ngôn ngữ biến đổi qua thời gian, và về lịch sử của âm, từ ngữ, và câu. Các chủ đề này được nghiên cứu trong môn *ngôn ngữ học lịch sử*. Những người nghiên cứu ngôn ngữ học lịch sử là các *nhà ngôn ngữ học lịch sử*. Đôi khi họ cũng được gọi là các *nhà bác ngữ học*.

Đây không phải là một danh sách hoàn chỉnh các nhánh của ngôn ngữ học, nhưng tôi hy vọng bạn đã có một hình dung cơ bản về rất nhiều mảng của ngôn ngữ mà con người nghiên cứu, và cũng là nơi có thể khám phá ra những điều thú vị.

Sau khi chúng ta nghiên cứu ngôn ngữ theo cách này, chúng ta sẽ nhận được một phần thưởng. Đó là khi chúng ta thấy rằng

các phát hiện không những thú vị - chúng còn có ích nữa. Một lượng kiến thức khoa học về ngôn ngữ hóa ra có ích với những người khác theo rất nhiều cách khác nhau. Hãy thử xem xét một vài cách như vậy nhé.

.

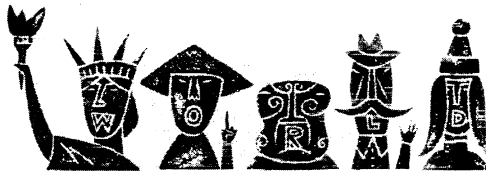
NHỮNG CÂU HỎI CỐT LÕI

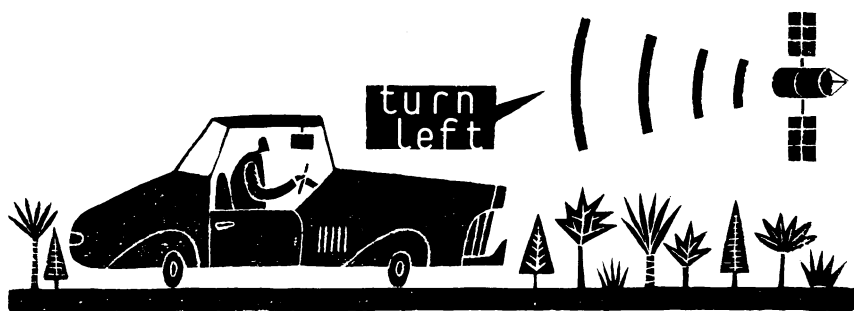
Con người sinh ra với bộ não và các cơ quan phát âm giống nhau, nhưng đến giai đoạn 3 tuổi con người bắt đầu bước những bước tiến dài trong việc học nói một hoặc một vài trong số 6.000 ngôn ngữ trên thế giới. Con người đã làm cách nào? Họ không thể làm điều đó nhanh như vậy nếu bộ não không được "chuẩn bị" để học ngôn ngữ theo một cách nào đó. Con người có sinh ra với cơ chế sẵn sàng học ngôn ngữ hay không? Rất nhiều người nghĩ là có.

Họ thấy bộ não của một em bé có một cơ chế ngôn ngữ tiềm tàng, cơ chế này được đưa vào vận hành ngay khi ai đó kích thích nó. Bạn hẳn còn nhớ tôi đã gọi nó là "công cụ hấp thụ ngôn ngữ" ở Chương 3. Nó hẳn là hơi giống chuông chống trộm, khi ai đó tác động nó sẽ tự động reo ngay. Trong trường hợp của ngôn ngữ, nó được tác động khi ai đó nói chuyện với đứa bé. Ngay khi đứa bé nghe thấy lời nói, nó bắt đầu cố tìm hiểu. Đó có phải là một câu không? Hay là một từ? Hai âm đó có phải là một không?

Nếu mọi ngôn ngữ trên thế giới có những điểm chung nhất định, thì có lẽ chúng là những đặc điểm bẩm sinh của bộ não con người. Ví dụ, tất cả các ngôn ngữ có danh từ và động từ. Các em bé liệu có "biết" về những thứ này ngay từ đầu không? Và có bao nhiêu điểm chung như vậy?

Đối với một nhà ngôn ngữ học, không có chủ đề nghiên cứu nào quan trọng hơn việc cố gắng xác định được các đặc tính cơ bản nhất của ngôn ngữ loài người. Những đặc trưng nào định hình nên một ngôn ngữ? Các ngôn ngữ có điểm gì chung? Tại sao các ngôn ngữ lại khác nhau? Đây là những câu hỏi cốt lõi mà các nhà ngôn ngữ học hy vọng sẽ trả lời được vào một ngày nào đó.





Ngôn ngữ học ứng dụng

Ngôn ngữ có ở khắp mọi nơi. Tất cả mọi người dùng nó, và mong muốn dùng nó thật tốt. Nhưng thông thường người ta thấy mình không biết cách dùng nó thật tốt. Và một số người thấy mình còn không biết sử dụng nó tí nào cả.

Tôi biết một cậu bé tên là Tom. Cậu ta tuy lên 4 nhưng nói năng như một em bé mới 2 tuổi. Cậu nói những từ như là “đá bóng” và “muốn xe”, và dùng rất nhiều câu chứa duy nhất một từ, như những câu tôi đã mô tả ở Chương 4. Nhưng cậu đã 4 tuổi, thế nên cậu lẽ ra đã phải nói một số câu thật dài và biết kể chuyện rồi. Cậu chẳng làm được vậy. Có điều gì đó rất sai.

Có một nhóm không nhỏ trẻ em bị chứng “chậm phát triển ngôn ngữ”. Vì lý do nào đó chúng không học nói nhanh như bình thường. Bạn bè tiến bộ nhanh chóng còn chúng thì bị tụt lại phía sau. Kết quả là chúng sẽ trở nên cô đơn. Suy cho cùng không ai muốn trò chuyện với bạn nếu như bạn không thể trả lời họ.

Liệu có điều gì đó để giúp cho lũ trẻ này hay không? Có đấy. Chúng có thể tới gặp một *nhà trị liệu âm ngữ* - một người có chuyên môn đặc biệt về việc tìm hiểu xem vấn đề nằm ở đâu và biết cách dạy ngôn ngữ cho trẻ em. Đây là điều đã diễn ra với Tom. Nhà trị liệu âm ngữ chơi trò chơi với cậu và nghe cậu nói. Bà ghi âm lại lời nói của cậu, và trò chuyện với cha mẹ cậu về tình hình của cậu. Họ đã đưa cậu đi bác sĩ, và bác sĩ không tìm ra điều gì bất thường. Cậu đã được kiểm tra thính giác, và không có vấn đề gì về mặt này. Cậu có vẻ như hoàn toàn bình thường ở mọi khía cạnh - ngoại trừ việc cậu không chịu nói năng.

Sau khi Tom và cha mẹ về nhà, nhà trị liệu nghe lại cẩn thận đoạn lời nói của cậu mà bà đã ghi âm, và phát hiện chính xác loại từ nào, âm nào, và câu nào Tom đang sử dụng. Rồi bà xem một biểu đồ về sự phát triển của ngôn ngữ ở trẻ em trong độ tuổi 2, 3, 4. Bà có thể thấy rằng Tom đang bị tụt lại rất xa.

Bước tiếp theo, bà quyết định, là phải dạy cho Tom nói được một số câu mới. Nếu cậu đang nói được những câu như “đá bóng”, có lẽ bà có thể giúp cậu nói câu dài thêm một chút. Thế là khi Tom trở lại để gặp bà vài ngày sau đó, bà chơi với cậu những trò chơi ngôn ngữ, để cậu nói những câu như “đá một quả bóng đỏ” và “đá một quả bóng xanh”. Rồi bà giúp cậu nói được “Chú hề đang đá bóng”, và những câu khác tương tự. Đó là một quá trình chậm chạp. Tom không nói được những câu mới ngay lập tức. Nhưng nhà trị liệu rất kiên nhẫn, và sau một vài cuộc gặp khác cậu bắt đầu tiến bộ.

Tom đến gặp nhà trị liệu âm ngữ cho cậu hai lần mỗi tuần trong hơn một năm trời. Trong mỗi cuộc gặp như vậy bà giúp cậu dùng ngôn ngữ phức tạp hơn thứ ngôn ngữ cậu đã dùng tuần trước đó. Công việc trị liệu đã có kết quả tích cực. Khi cậu lên 5, cậu đã bắt kịp được bạn bè một cách tương đối. Cậu chưa được thành thạo như các bạn cùng 5 tuổi, nhưng chắc chắn là cậu có khả năng trò chuyện với người khác mà không gặp vấn đề gì.

Và cậu đã bắt đầu đi học cùng với bạn bè mình.

Bây giờ hãy xem xét câu chuyện này từ một góc nhìn rộng hơn, và nghĩ đến những kỹ năng mà nhà trị liệu phải có để giúp đỡ Tom.

- Bà phải biết về cách mà trẻ em thường học nói, để bà có thể chỉ ra chính xác Tom chậm hơn các bạn đồng lứa bao xa.
- Bà phải tìm ra được chính xác điều gì là vấn đề nghiêm trọng trong ngôn ngữ của Tom, điều này có nghĩa là nghiên cứu phát âm, ngữ pháp, và từ vựng của cậu, cũng như cách cậu trò chuyện.
- Khi đã xong các công đoạn trên, bà phải tính đến phương pháp thúc đẩy Tom từ hiện trạng tới trình độ như mong muốn - từ nói năng như một em bé 2 tuổi đến trò chuyện như một bạn nhỏ 4 tuổi.
- Khi đã bắt đầu con đường này, bà phải cẩn thận chú ý đến việc cậu tiến bộ ra sao. Nếu tốc độ dạy quá chậm, cậu có thể sẽ chán. Nếu tốc độ dạy quá nhanh, cậu có thể sẽ bối rối. Việc dạy học phải vừa đủ.
- Và bà cũng phải cho cha mẹ Tom sự giúp đỡ và lời khuyên. Bà chỉ gặp Tom hai lần một tuần, và 30 phút mỗi lần. Thời gian còn lại điều gì sẽ diễn ra với cậu? Cha mẹ sẽ phải cùng dạy cậu. Và bà cũng phải hướng dẫn cho họ cách làm việc này.

Vậy nên công việc của một nhà trị liệu âm ngữ thật sự là một công việc đòi hỏi nhiều thứ. Họ phải biết tất cả về ngôn ngữ. Và khi người ta học để làm nhà trị liệu âm ngữ, họ phải dành thời gian nghiên cứu ngữ âm, ngữ pháp, ngôn ngữ trẻ em, và rất nhiều mảng khác của ngôn ngữ học. Thật vậy, ngôn ngữ là một môn học quan trọng đối với họ cho nên vài năm trước, ở Anh, tên

gọi công việc này đã thay đổi. Các nhà trị liệu âm ngữ nay được chính thức gọi là “nhà trị liệu âm ngữ và ngôn ngữ”. Ở Mỹ họ được gọi là “chuyên gia bệnh lý âm ngữ”.

Không khó để thấy rằng công việc nghiên cứu của các nhà ngôn ngữ học có thể giúp ích cho các nhà trị liệu âm ngữ như thế nào. Các nhà ngôn ngữ học giúp vẽ ra bản đồ cho con đường mà nhà trị liệu âm ngữ sử dụng để dẫn dắt Tom vượt qua mê cung của hệ thống âm, từ và câu trong tiếng Anh. Họ thực hiện rất nhiều nghiên cứu về cách trẻ bình thường học ngôn ngữ. Ngôn ngữ học là khoa học về ngôn ngữ, thế nên tất cả những thông tin mà nó khai mở về cách ngôn ngữ vận hành và cách học, cách sử dụng nó có thể ngay lập tức được áp dụng vào việc giải quyết các vấn đề như chứng chậm phát triển ngôn ngữ của Tom. Và khi ngôn ngữ học được sử dụng để giải quyết các vấn đề theo cách như vậy, nó được gọi là *ngôn ngữ học ứng dụng*.

Trong suốt thế kỷ 20, các nhà ngôn ngữ học đã sử dụng kiến thức đặc biệt của họ để giúp con người tăng chất lượng dịch vụ ở một số ngành có trọng tâm là ngôn ngữ. Lĩnh vực dạy và học ngoại ngữ là một mảng đặc biệt quan trọng. Mỗi ngày, có hàng triệu hàng triệu người nỗ lực học ngoại ngữ tốt hơn nữa. Vậy nên những câu hỏi như dưới đây luôn tồn tại:

- Làm thế nào để chúng ta tìm được cách giúp người học có thể học dễ dàng hơn và hiệu quả hơn?
- Làm thế nào chúng ta có thể tìm được các phương pháp dạy ngôn ngữ tốt hơn?
- Làm thế nào chúng ta có thể dùng kỹ thuật máy tính hiện đại nhất để biến việc học ngôn ngữ thành một quá trình thú vị hơn, đặc biệt là cho người trẻ?
- Làm thế nào chúng ta có thể cập nhật tới giáo viên và học sinh về sự biến đổi của ngôn ngữ, để họ học được thứ ngôn ngữ mới nhất chứ không phải thứ ngôn ngữ đã lạc hậu?

Đây là những kiểu câu hỏi mà các nhà ngôn ngữ học ứng dụng tìm câu trả lời khi khảo sát việc dạy ngôn ngữ.

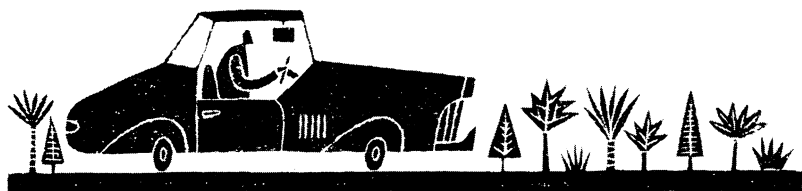
Các nhà ngôn ngữ học ứng dụng hỗ trợ được rất nhiều tình huống. Một số người nghiên cứu về ngôn ngữ được dùng trong chương trình phát triển việc đọc ở trường tiểu học và gợi ý những phương pháp mới để giúp trẻ học đọc. Một số người làm việc với những người nói thứ tiếng đang dần mai một, giống như các thứ tiếng được mô tả ở Chương 20, để xem liệu có cách nào giúp cho thứ tiếng đó tồn tại mãi. Một số người nghiên cứu ngôn ngữ được in trên những thứ chúng ta mua trong các cửa hàng, để xem nó có rõ ràng hay không. Có lần tôi đã nhận đơn thuốc của một bác sĩ ghi “Uống hai viên mỗi ngày”. Nhưng câu này nghĩa là gì? Có phải là tôi phải uống cả hai cùng lúc, một lần mỗi ngày? Hay là tôi phải uống một viên buổi sáng và một viên buổi tối? Khi vấn đề được chỉ rõ thì giải quyết không có gì khó.

Một mảng rất hấp dẫn của ngôn ngữ học ứng dụng thuộc về thế giới điều tra tội phạm. Chúng ta đều đã thấy trên tivi các nhà khoa học pháp y xuất hiện để khám nghiệm hiện trường một vụ án. Họ phân tích vũ khí, tìm kiếm dấu vân tay, vết bánh xe, dấu chân, và làm đủ mọi thao tác nghiệp vụ thông minh để tìm ra “ai đã làm việc đó”. Các nhà ngôn ngữ học pháp y cũng làm công việc tương tự. Họ phân tích thư từ, giọng nói, nhận định của cảnh sát, dữ liệu thư điện tử, tin nhắn thoại, các cuộc trò chuyện trong phòng chat trên mạng, và đủ các mẫu ngôn ngữ khác để tìm ra “ai đã nói điều đó” hay “ai đã viết như vậy”. Nếu John gửi Mary một lá thư nặc danh với lời lẽ đe dọa, hay giả mạo chữ ký của cô, thông thường người ta có thể chứng minh được điều này thông qua những điểm khác biệt rất nhỏ ở cách hai người này sử dụng ngôn ngữ. Nếu một người lớn mò vào một phòng chat trên mạng của lũ thiếu niên và vờ như mình mới 15 tuổi, một nhà ngôn ngữ học pháp y có lẽ sẽ phát hiện ra, bởi ngôn ngữ của anh ta không giống với ngôn ngữ các thiếu niên sử dụng.

Một mảng phát triển nhanh chóng của ngôn ngữ học ứng dụng ngày nay là giúp con người sử dụng mạng internet tốt hơn. Đôi khi rất khó để tìm cách xoay xở trên mạng. Và đôi khi ta thấy những thứ kỳ lạ diễn ra trên mạng. Chẳng hạn, vài năm trước tôi đang đọc một tin trên mạng về một người bị đâm chết trên đường phố tại một thành phố ở Mỹ. Rồi tôi phát hiện ra những dòng quảng cáo phía dưới, góc phải của màn hình. Các dòng quảng cáo chạy thế này “Hãy mua dao của chúng tôi!” và “Mua những con dao chất lượng nhất trên eBay!”

Ta có thể thấy dễ dàng rằng máy tính đã làm được gì. Nó tìm thấy từ “dao” trong câu chuyện giết người nọ, và đoán rằng đó là loại dao ta dùng trên bàn ăn. Đối với câu chuyện này, các quảng cáo phía dưới màn hình lẽ ra phải là các quảng cáo về an toàn và ngăn chặn tội phạm. Vậy đâu là giải pháp? Ai đó phải phân tích ngôn ngữ của trang web để xác minh chính xác câu chuyện là gì, rồi kết nối nội dung trang đó với các quảng cáo phù hợp hơn. Đó là công việc mà các nhà ngôn ngữ học ứng dụng thực hiện.

Vài năm trước không có ai làm kiểu nghiên cứu như thế này. Đây là một trong những mảng mới của ngôn ngữ học ứng dụng. Và đó có lẽ là điều thú vị nhất của việc nghiên cứu ngôn ngữ. Bạn không bao giờ biết được điều gì sẽ xảy ra tiếp theo. Đôi khi ngôn ngữ chuyển động theo những hướng hoàn toàn không dự đoán được. Dự đoán tương lai là điều không thể.



MỘT NGÀY...

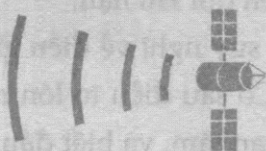
Dự đoán tương lai là điều không thể, tôi đã nói như vậy. Nhưng ta có thể đưa ra một số dự đoán khá an toàn. Sau đây là bốn dự đoán như vậy.

Chúng ta sẽ thấy những cỗ máy nói chuyện với ta ngày càng nhiều. Ngày nay, ngay ở trong ô tô, một hệ thống dẫn đường bằng vệ tinh đã nói với ta nên rẽ lối nào rồi. Một ngày nào đó mọi loại thiết bị khác cũng sẽ nói chuyện với ta. Nếu tôi quên tắt đèn khi ra khỏi cửa, một thiết bị số nào đó sẽ nhắc tôi quay trở lại tắt đèn.

Chúng ta sẽ thấy mình trò chuyện với các cỗ máy nhiều hơn. Ngày nay đã có những hệ thống trả lời điện thoại tự ghi âm và phát lại khi chúng ta đặt lệnh để chúng thực hiện. Và, như tôi đã nhắc đến ở cuối Chương 7, có những chiếc máy giặt sẽ đun sôi nước và vắt khô theo mệnh lệnh của ta. Để làm việc này, chúng phải có những phần mềm rất tốt có thể nhận ra giọng nói, có khả năng hiểu được không chỉ từ ngữ mà còn cả giọng/cách phát âm nữa. Hiện tại, phần mềm này còn hạn chế về chức năng; tuy nhiên một ngày nào đó nó sẽ xử lý được tất cả các âm thanh nghe được.

Chúng ta sẽ thấy các cỗ máy dịch từ tiếng nọ sang tiếng kia một cách hiệu quả hơn. Ngày nay đã có một số trang web cung cấp dịch vụ dịch trên máy tính, nhưng kết quả thường không tốt cho lắm. Chúng sẽ tốt hơn nhiều trong tương lai.

Chúng ta sẽ có thể nhìn thấy điều gì xảy ra với ngôn ngữ trong bộ não. Ngày nay ta đã có thể sử dụng một máy chụp đặc biệt có thể thấy phần não nào hoạt động nhiều nhất khi ta nói, nghe, đọc, và viết. Một ngày nào đó chúng ta sẽ có thể chỉ ra rõ ràng từng âm, từng từ, và từng mẫu câu riêng biệt.



CHƯƠNG 40



Thế giới ngôn ngữ *của bạn*

Tôi đã làm xong phần của mình. Tôi đã kể cho bạn nghe tất cả những gì có thể về ngôn ngữ, trong cuốn sách nhỏ có 40 chương này. Bây giờ là phần của bạn. Người ta luôn nói với chúng ta rằng tương lai của hành tinh này nằm trong tay chúng ta. Điều đó đúng. Và nó cũng áp dụng được với ngôn ngữ giống như với cây cỏ, loài vật, và biến đổi khí hậu.

Vậy thì bạn nên suy nghĩ về điều gì, nếu bạn thật sự quan tâm đến ngôn ngữ? Có sáu điều to lớn mà tôi quan tâm, và tôi hy vọng bạn cũng quan tâm, và biết đâu, một ngày nào đó, bạn sẽ làm điều gì đó để giúp thế giới ngôn ngữ của mình trở thành một nơi tốt đẹp hơn. Bởi vì tôi đang nói đến thế giới của bạn, chứ không chỉ là thế giới của tôi.

I

Tôi hy vọng bạn sẽ quan tâm đến thực tế là quá nhiều ngôn ngữ trên thế giới đang chết dần. Tôi đã nói về chuyện này trong Chương 20. Một nửa số ngôn ngữ trên thế giới có thể sẽ mất đi trong thế kỷ này. Nếu người sử dụng chúng muốn bảo tồn chúng, bạn có cách nào giúp họ không? Có đấy. Cứu sống một ngôn ngữ là điều có thể nếu như công chúng dành đủ sự quan tâm, và nếu các chính trị gia dành đủ sự quan tâm. Các chính trị gia chính là những người quản lý nguồn ngân sách có khả năng cung cấp tài chính để giúp ngôn ngữ tồn tại được. Và ai sẽ bầu lên những chính trị gia này? Bạn đấy. Vì thế: hãy làm cho họ nhận ra sự quan trọng của sự đa dạng về ngôn ngữ.

II

Tôi hy vọng bạn sẽ quan tâm đến các ngôn ngữ thiểu số, cho dù chúng không hẳn là thuộc nhóm nguy cấp. Hãy xem quanh mình, dù đang ở đất nước nào đi chăng nữa, và bạn sẽ thấy hàng chục thứ tiếng đang được các nhóm thiểu số sử dụng. Tôi đã nói về vấn đề này ở Chương 13. Những người này tự hào về ngôn ngữ của họ như bạn tự hào về ngôn ngữ của bạn. Đó là một phần bản sắc của họ, và họ muốn nó được người khác tôn trọng. Ngôn ngữ của họ cũng đẹp đẽ như ngôn ngữ của bạn, và họ tự hào về nó. Họ muốn thể hiện nó trong trường học, các nhóm cộng đồng, thư viện, và các khía cạnh khác của đời sống quần chúng. Bạn có thể giúp được họ không? Bước đầu tiên là thể hiện sự quan tâm đến ngôn ngữ của họ. Nếu bạn nghe thấy những ngôn ngữ khác trong trường mình, hay thành phố mình sống, hãy chú trọng việc tìm hiểu xem chúng là ngôn ngữ gì và cố gắng lắng nghe chúng khi có thể.

III

Tôi hy vọng bạn sẽ quan tâm đủ nhiều đến các thứ tiếng để có thể học thêm nhiều nhất trong khả năng của mình. Bạn không cần phải thành thạo, như tôi đã nói ở Chương 38. Học những gì bạn cần, cho dù chỉ là để phục vụ việc nghe hay việc đọc. Học lấy càng nhiều điều nho nhỏ về ngôn ngữ đó càng tốt - và lưu lại những gì đã làm được, chẳng hạn như bằng cách dùng Europass mà tôi đã mô tả ở cuối Chương 13. Điều quan trọng là phải hình thành một tính cách đa ngữ - để tận hưởng sự đa dạng của ngôn ngữ trên thế giới. Đừng bao giờ sợ thử thách học một ngôn ngữ mới. Đừng bao giờ đến một đất nước khác mà không mang theo một cuốn từ điển nhỏ trong túi áo. Thử dùng ít nhất một từ mới mỗi ngày. Và đừng lo lắng về chuyện mắc lỗi. Tôi mắc lỗi suốt khi cố gắng sử dụng các thứ tiếng mình đang học, và rồi tôi vẫn cứ xoay xở được. Ai ai cũng vui mừng khi tôi cố thử.

IV

Tôi hy vọng bạn sẽ quan tâm đến sự đa dạng trong ngôn ngữ của chính mình. Điều đó có nghĩa là quan tâm đến những thay đổi của ngôn ngữ đó trên khắp đất nước - các phương ngữ và giọng mà tôi nhắc đến ở Chương 12. Tất nhiên bạn không cần phải cho rằng tất cả các phương ngữ và giọng đều hay như nhau, cũng như không nhất thiết phải thấy tất cả các phong cách âm nhạc đều hay như nhau. Nhưng hãy cố gắng tôn trọng sự độc đáo của chúng, và khám phá nguồn gốc của chúng. Và đừng lan truyền, như nhiều người đã làm trước đây, một thái độ cho rằng một số phương ngữ thật “lười biếng” hay là người nói phương ngữ đó nghe thật “ngu độn”. Rất nhiều người nghĩ rằng bạn sẽ đoán được là ai đó nói thật hay nói dối chỉ qua việc nghe cách họ nói năng. Hãy trả lời rằng điều đó thật vớ vẩn.

V

Tôi hy vọng bạn sẽ quan tâm đến một loạt các phong cách sử dụng ngôn ngữ tồn tại ngay trong chính ngôn ngữ của mình, ví dụ như các phong cách tôi đã nhắc tới ở Chương 35. Sự nguy hiểm, đặc biệt trong ngày nay, chính là bạn bị kỹ thuật tân tiến nhất và cơ hội giao tiếp mà chúng cung cấp (như trên Facebook hay Twitter chẳng hạn) lôi cuốn, thế là bạn quên đi mọi thứ khác. Các nhà ngôn ngữ học không thiên vị một phong cách ngôn ngữ. Họ cố gắng giữ cân bằng vì thấy rằng mỗi kiểu ngôn ngữ thực hiện một nhiệm vụ khác các kiểu khác. Hãy nhớ đến chi tiết so sánh với tủ quần áo mà tôi đã dùng ở Chương 36. Bạn phải có khả năng xử lý tất cả các loại phong cách, nếu như bạn muốn giỏi giang và nỗ lực hết khả năng của mình trong xã hội này. Và tất nhiên điều này có nghĩa là thành thạo - thật sự thành thạo - những biến thể chuẩn của ngôn ngữ mình sử dụng. Nó có nghĩa là quan tâm hết mức có thể để làm rõ ý tứ, để tránh mơ hồ, nhầm lẫn, và để kiểm soát được tất cả những tác động mà ngôn ngữ có thể giúp bạn đạt được. Bước đầu tiên, tất nhiên, chính là phải biết được các tác động này là gì. Ngành nghiên cứu ngôn ngữ xuất hiện để giải quyết vấn đề này.

VI

Tôi hy vọng bạn sẽ quan tâm đến những người gặp khó khăn trong việc học hay sử dụng tiếng mẹ đẻ, và sẽ cố gắng giúp họ. Tôi đã kể về một cậu bé như vậy ở Chương 39. Những người gặp vấn đề với việc nói năng thường kể cho tôi nghe về việc họ bị đối xử tệ bạc như thế nào. Người ta dường như luôn sẵn sàng cười cợt những người bị tật đầy lưỡi hay nói lắp hoặc các chứng khó khăn khi nói khác. Nếu bạn là một nhà ngôn ngữ học thực sự, bạn sẽ không thể bỏ qua những vấn đề như vậy. Và đừng e ngại

về việc giúp đỡ những người gặp khó khăn khi biểu lộ bản thân. Ví dụ, có thể khu vực bạn sinh sống có một “nhóm giúp đỡ đột quỵ”, nơi có thể gặp gỡ những người mất khả năng ngôn ngữ vì một mạch máu trên não bị vỡ, gây ra tình huống “đột quỵ”. Họ thường chào đón những người trẻ tuổi dành thời gian đến giúp họ tập nói trở lại. Hãy tìm xung quanh trường học của mình. Những người gặp vấn đề khi nói năng thường rất cô đơn, bởi họ không thể nói chuyện với người khác một cách bình thường. Bạn cũng có thể giúp đỡ những người này nữa đấy.

Ngôn ngữ khác với tất cả những môn học khác mà bạn học, vì ngôn ngữ là một phần của tất cả những thứ bạn học. Nó còn có mặt bên ngoài cánh cổng trường học nữa, nó hình thành nên một phần của tất cả những điều bạn làm. Thậm chí nếu bạn có một trải nghiệm nào không liên quan đến ngôn ngữ - ví dụ như nghe nhạc tại một buổi hòa nhạc hoặc ngắm một bức họa chẳng hạn - thì rồi sau đó bạn sẽ muốn kể về trải nghiệm đó cho người khác.

Ngôn ngữ không bao giờ rời bỏ bạn. Nó ở trong đầu bạn, giúp bạn suy nghĩ. Nó có mặt để giúp bạn tạo các mối quan hệ - và phá vỡ các mối quan hệ. Nó có mặt để nhắc bạn rằng bạn là ai và bạn đến từ nơi nào. Nó có mặt để làm bạn vui - và để làm người khác vui, nếu chẳng may họ đang thấy tinh thần đi xuống.

Ngôn ngữ không làm được mọi thứ. Đôi khi bạn không tìm được từ nào để diễn đạt điều mình muốn nói. Đôi khi một cái ôm lại tốt hơn là lời nói. Đôi khi người ta nói: “Một bức tranh đáng giá hàng nghìn lời nói.” Đúng vậy. Nhưng ngôn ngữ không bao giờ rời xa ta. Để nói về bức tranh đó, bạn có thể sẽ cần một nghìn lời nói.

Chúng ta phải học để biết khi nào nên sử dụng ngôn ngữ và khi nào thì không. Người ta cũng nói thế này, “lời nói là bạc, im lặng là vàng”. Câu thành ngữ này nhắc ta rằng không nên dài dòng vòng vo quá nhiều. Thỉnh thoảng ta cũng cần im lặng. Đây là một lời khuyên tốt. Nhưng chúng ta làm gì trong im lặng?

Chúng ta lắng nghe người khác nói. Và lắng nghe cũng là một phần của ngôn ngữ.

Đây là một “cuốn sách nhỏ” về ngôn ngữ. Nhưng ngôn ngữ là một chủ đề lớn. Đối với tôi, thì không chủ đề nào lớn hơn nó. Đó là Đỉnh Everest của các chủ đề. Tôi cho rằng đó là lý do vì sao tôi thấy nó thật sự hấp dẫn. Và nếu bạn đã cùng tôi đi tận đến trang cuối cùng này, tôi hy vọng giờ đây bạn cũng cảm thấy như vậy.

CHỈ MỤC

@ 87

A

Alexander von Humboldt 173

Â

âm mũi 42-43

âm tiết 141

Ân-Âu 121-123

B

bản sắc

gìn giữ 170

giọng và phương ngữ 96-113

trong lời nói và chữ viết 261-263

bảng chữ cái

lịch sử 142-148

nguồn gốc tên gọi 64

bảng chữ cái La Mã 143

bảng chữ cái ngữ âm NATO 147-148

bảo tồn ngôn ngữ 170-173

bảng chữ cái theo phương pháp ngữ âm
143

không phải tiếng Anh 64

Barack Obama

thuật tu từ 276

tin nhắn 245

bập bẹ 16-17

“bè” chứ không phải “bạn” 162

biên soạn từ điển 210

biên tập viên ngôn ngữ 82

biển báo giao thông 131-1132

biến thể dân tộc 184-185

biến thể ngôn ngữ 182-189

quan tâm đến 323-326

biến thể tầng lớp 185-186

biến thể tuổi tác trong ngôn ngữ 182-
183

biết chữ và không biết chữ 67

biệt danh 234-235

biểu tượng cảm xúc 238-239

bình luận thể thao 193

bút danh/nghe danh 232

C

các ngôn ngữ Celt 120

các ngôn ngữ German 119-120

các ngôn ngữ Slav 120

các ngôn ngữ thiểu số 109-110

quan tâm đến 323

các thứ tiếng

khác phương ngữ 116-117

so sánh 157-165

trên thế giới 114-123

các thứ tiếng Roman 125

cách mạng điện tử 237-243

cách nhấn mạnh trong tin nhắn qua
internet 242

Cách phát âm có giáo dục 101

- cảm xúc thể hiện qua ngôn ngữ 270-276
 - câu
 - mục đích của 51-54
 - quy tắc của 88-90
 - câu mới 303
 - chào hỏi 264
 - Charles Dickens
 - hình ảnh Scrooge 266-267
 - hình mẫu về phong cách 296
 - tên nhân vật 236
 - chấn rung 30-38
 - chim bồ câu 12
 - chính tả 70-78
 - quy tắc và biến thể 79-87
 - thay đổi 179
 - vui chơi với 78
 - chơi chữ
 - một tác dụng của ngôn ngữ 261
 - ngôn ngữ vui chơi 254-255
 - chú thích 269
 - chụp não 321
 - chuyên gia thánh giác 23
 - chữ nổi Braille 68-69
 - chữ tượng thanh 141
 - chữ viết
 - hệ thống hiện đại 139-148
 - nguồn gốc 131-138
 - chữ viết hình nêm 135-136
 - chữ viết hoa 48
 - không dùng 299
 - thay đổi cách dùng 179
 - trong email 243
 - chửi thề 263
 - chứng khó đọc 67
 - clerihew 291
 - công cụ hấp thụ ngôn ngữ 22, 314
 - công cụ kiểm lỗi chính tả 72-73
 - cơ quan phát âm 31-33
 - ở người nguyên thủy 126-127
 - cục lõi thanh quản 33
 - nguồn gốc tên gọi quả táo của Adam 38
 - cung cách dùng mạng 243
- D**
- David Tennant 232
 - David Walliams 233
 - dấu câu 82-87
 - thay đổi 179-180
 - dấu chữ cái 145
 - dấu phẩy 83-85
 - di sản phi vật thể 170
 - dịch máy 321
 - Discworld 228
 - Don Marquis 299
- Đ**
- đa nghĩa 51
 - đa ngữ 106-107
 - đánh vần bằng tay 155-156
 - đặt tên cho tàu 264
 - đếm que và xương 133
 - địa danh 220-228
 - điện thoại, trả lời 181
 - đọc và viết 61-67
 - đồ hình rebus 247
 - đối chiếu 269
 - đối thoại/trò chuyện 56-60
 - điện tử 237-241
 - trong các thứ tiếng khác nhau 163-164
 - động vật
 - giao tiếp 307
 - con người nói chuyện với 12
 - đùa 258
 - đúng đắn về mặt chính trị 277-283
 - đường kết nối siêu văn bản 268
- E**
- Edward Clerihew Bentley 291

- em bé
 học ngôn ngữ 23-24
 lắng nghe lời nói 22-23
 trong bụng mẹ 21
 trong thí nghiệm của Psamtik 129-130
- Eminem 232
- Eric Partridge 201
- Ernest Wright 256
- Europass 113
 sử dụng 324
- F**
- Facebook 325
- G**
- gián Archy 299
- giảng dạy ngôn ngữ 318-319
- giao tiếp bằng ngôn ngữ 260
- giao tiếp với máy móc 321
- giọng 99-105
 quan tâm đến 324
 trong ngôn ngữ ký hiệu 153-154
- giọng cao/giọng thấp 34-35
 nam giới và nữ giới 183
- giọng kỳ cục 254
- giới tính và biến thể ngôn ngữ 183-184
- Google 302
- Gordon Brown 102
- graffiti 259
- “groom”, nguồn gốc 219
- “gù” 15
- H**
- haiku 251
- hành vi đụng chạm 303
- Harold Williams
 hoàn cảnh 24
 là người thông thạo đa ngữ 107
 là nhà ngôn ngữ học 308
 “hậu quả”/“hệ quả”, nghĩa 207-209
- hậu tố 160-161
- hậu tố thể hiện cách 159-161
- Helen Keller 305
- hiếu 22-28
- Hilaire Belloc 289
- họ 230-232
- hoàn cảnh gây ra biến thể ngôn ngữ 187-188
- Hoàng tử Harry 278
- học ngôn ngữ 324
- hộ chiếu ngôn ngữ 113
- hồi sinh 170-171
- hộp trên/dưới (chữ hoa/thường) 65
- hùng biện “ba bậc” 276
- Huw Edwards 102
- hư cấu và phi hư cấu 285
- hữu thanh và vô thanh 36
 phân biệt [d] và [t] 41
- J**
- J.K. Rowling 236
- Jane Austen 177
- Jerrold Zar 72
- Jonathan Ross 255
- K**
- katakana 141-142
- khóc 13-14
- kiểu chữ 65
- khuyết tật về ngôn ngữ 315-316
 quan tâm đến 315-327
- L**
- “là bá chủ, OK”? 259
- Lewis Carroll
 bút danh/nghệ danh 232
 đồ hình rebus 247
 sáng tạo từ “unbirthday” 302
- lắng nghe
 với em bé 21-24

- với người lớn 326
- với trẻ nhỏ 56-58
- lịch sử
 - hỏi tuổi 165
 - trẻ em học cách 58
- lối chơi chữ độc âm univocalics 256
- lối chơi chữ loại tự lipogram 256
- lối chơi chữ xuôi ngược palindrome 255
- lời nói của nam giới và nữ giới 184
- lưỡi gà 42

M

- mạng internet
 - chính tả 71-72
 - dấu câu 85-86
 - ngôn ngữ 320
- Mark Medoff 152
- Marlee Matlin 152
- máy trả lời tự động 181
- mặt cười 238-240
- mặt mã 196
- Michael Caine 286
- Michael J. Fox 233
- mối quan hệ
 - duy trì trong hội thoại 264
 - thể hiện qua cách gọi 186
- Muhammad Ali 232

N

- nếp gấp thanh đới 33
 - phân biệt âm thanh 41
- Ngày Ngôn ngữ châu Âu 110
- Ngày Quốc tế Tiếng mẹ đẻ 110
- ngại viện, ngôn ngữ dùng trong 187-188
- ngôi thứ hai, từ chỉ 187
- ngôn ngữ báo chí 188
- ngôn ngữ biệt lập 124
- ngôn ngữ cảm xúc 262-263
- ngôn ngữ chuẩn 86-95
- ngôn ngữ có thanh điệu 158

- ngôn ngữ cơ thể 303-304
- ngôn ngữ đầu giá 265
- ngôn ngữ học 308-314
- ngôn ngữ học lịch sử 312
- ngôn ngữ học pháp y 319
- ngôn ngữ học tâm lý 312
- ngôn ngữ học ứng dụng 315-321
- ngôn ngữ học xã hội 312
- ngôn ngữ khoa học 192
- ngôn ngữ ký hiệu 149-156
 - không giống ngôn ngữ cơ thể 304
- ngôn ngữ ma thuật 265
- ngôn ngữ nghề nghiệp 190-196
- ngôn ngữ nguy cấp 166-173
 - quan tâm đến 323
- ngôn ngữ ở nơi làm việc 190-196
- ngôn ngữ rửa tội 265
- ngôn ngữ tôn giáo
 - trong các buổi lễ 295
 - trong các nghi lễ 265
- nguồn gốc của chữ viết 131-138
- nguồn gốc của lời nói 124-130
- nguyên âm 45
- ngữ âm 45
 - một mảng của ngôn ngữ học 311
- ngữ điệu 19-20
- ngữ hệ 115-123
- ngữ liệu 311
- ngữ nghĩa học 312
- ngữ pháp 312
 - mục đích 51-54
 - ở trẻ 49-50
 - quy tắc và biến thể 88-95
 - thay đổi 176-177
 - trong phương ngữ 98
 - vui chơi 54
- người ngoài hành tinh 307
- nhà bác ngữ học 312
- nhà ngôn ngữ học 308

nhà trị liệu âm ngữ 316-318
 nhắn tin 244-252
 thơ ca 251
 trong các ngôn ngữ khác nhau 252
 nhận thức về ngôn ngữ 296
 nhì ngữ 7-12
 nhóm giúp đỡ đột quỵ 326
 những ngôn ngữ sắp mất đi 166-173
 quan tâm đến 323
 niêm phong (bằng chữ viết) 134-135
 Noah Webster
 tác động đến chính tả 79-80
 từ điển 210
 nói "làm ơn"
 trong các thứ tiếng khác nhau 183-184
 trong thuật tu từ 274
 nói "xin chào" và "tạm biệt" 180
 Nữ hoàng Victoria 247

O

Oscar Wilde 85

P

Paul Hogan 102
 phản hồi 58
 phát âm 39-46
 thay đổi 178-179
 phép đảo chữ anagram 256
 phiên tòa
 gọi tên 187
 ngôn ngữ bắt buộc 294
 phong cách 292-299
 quan tâm đến 325
 phụ âm 45-46
 phương ngữ 96-99
 quan tâm đến 323-324
 so sánh với ngôn ngữ 115-116
 Psamtik, thí nghiệm của 129-130

Q

quảng cáo
 ngôn ngữ 273-274
 thiết kế 188
 trực tuyến 320

R

Rachel Berwick 171
 Ray Tomlinson 87
 Roald Dahl 285
 Robert Fisher 289

S

Samuel Johnson
 tác động đến chính tả 81
 từ điển 210
 sắc thái nghĩa 271
 song ngữ 105-113
 gìn giữ bản sắc 170
 ở trẻ em 24
 ùng hộ 324
 sóng âm 31
 suy nghĩ bằng ngôn ngữ 265-266
 sự phức tạp của ngôn ngữ 300-307
 sự thay đổi của ngôn ngữ 174-181

T

tác dụng của ngôn ngữ 260-269
 Terry Pratchett
 hình mẫu về phong cách 296
 sáng tác phi hư cấu 285
 tên đường 228
 ví dụ về phong cách 288
 tên gọi
 bày trò với 236
 lựa chọn 186-187
 người 229-236
 nơi chốn 220-228
 thuật ngữ 229-230
 xúc phạm 278
 tên riêng 229-236

- thay đổi thế giới bằng ngôn ngữ 264-265
 - thay nhau nói 56
 - thể loại 291
 - thiên kiến 272
 - thiệp chúc mừng 282
 - thơ ca 250-251
 - thông thạo tam ngữ 106
 - thuật ngữ chuyên môn 193
 - thuật tu từ 273-276
 - thứ tự bảng chữ cái 147
 - tiền tố “un-” 302-303
 - tiến hóa
 - nguồn gốc của giọng 104
 - nguồn gốc của lời nói 125-128
 - tiếng Anh không chuẩn 91
 - tiếng Anh-Anh và Anh-Mỹ 79-80
 - tiếng Bangla 110
 - tiếng Basque 124-125
 - tiếng Catalan 109
 - tiếng Hebrew 38
 - tiếng Kaurna 171-172
 - tiếng Latin 117-118
 - bảng chữ cái 143
 - trật tự từ 160-161
 - tiếng lóng 197-204
 - tiếng lóng có vần 204
 - tiếng Nhật Bản
 - chữ viết 141-142
 - lời nói của nam giới và nữ giới 183-184
 - tiếng Maori 171
 - tiếng Pháp, “tu” và “vous” 187
 - tiếng Romania 89
 - tiếng Tây Ban Nha 85
 - tiếng Trung Quốc
 - chữ viết 137-138
 - ngôn ngữ ký hiệu 153-154
 - thanh điệu 158-
 - tiết điệu 18
 - tiếng xứ Wales
 - tái sinh 171
 - trật tự từ 158-159
 - tiết điệu 18-19
 - tiểu sử 285
 - Tim Storms 35
 - tin nhắn tức thời 238-239
 - tinh tinh 307
 - tổ ấm ngôn ngữ 171
 - tranh cãi 275
 - trật tự từ 89-90
 - khác biệt trong các ngôn ngữ 158-159
 - khác biệt về phong cách 297-298
 - trò chơi Scrabble 255
 - trò chơi với ngôn ngữ 254-258
 - đồ hình rebus 247
 - tròn môi 8
 - tử ngôn ngữ 293
 - từ đầu tiên 25
 - từ điển 205-212
 - số lượng từ 28-29
 - từ điển đồng nghĩa 211
 - từ nguyên học 213-219
 - từ vựng
 - chủ động và thụ động 27
 - đúng đắn về mặt chính trị 277-283
 - khác biệt trong các ngôn ngữ 161-1621
 - mới 302-303
 - ở trẻ em 47-49
 - số từ ta biết 29
 - số từ trong tiếng Anh 207
 - thay đổi 174-177
 - tự lặp lại lời mình 9
 - Tướng Franco 109
 - Twitter 325
 - các câu hỏi nghiên cứu 311
- V**
- văn chương và ngôn ngữ 284-291
 - văn học truyền miệng 285

văn tự ngữ tổ 137-138
vật biểu trưng bằng đất sét 133-135
vẹt biết nói 173
vỡ giọng 35
vui chơi với ngôn ngữ 253-259

W

William Caxton 75
William Hurt 152
William Jones 120
William Shakespeare
 “arrant knaves” 175
 “bully rook” 201
 “naughty” 217
 nói tạm biệt 180
 sáng tạo từ ngữ 302-303
 tên vở kịch thành tên nhà 226
 thơ ca 18
 truyện viết về 285
 viết tên mình 74
William Wordsworth 288
Wordle 211

X

xấu hổ 263-264

Y

Yoda, trật tự từ của 95

CÂU CHUYỆN NGÔN NGỮ

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. TRẦN ĐOÀN LÂM

Biên tập	Hoàng Thị Mai Anh
Biên tập viên Nhã Nam	Thu Hằng
Thiết kế bìa	Thu Ngân
Trình bày	Thành Khánh
Sửa bản in	Phạm Thủy

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

46 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024. 38253841 | Fax: 024. 38269578

Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh
Số 7 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028. 38220102
Email: marketing@thegioipublishers.vn
Website: www.thegioipublishers.vn

LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÃ NAM

59 Đỗ Quang, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024 35146875 | Fax: 024 35146965
Website: www.nhanam.vn
Email: info@nhanam.vn
<http://www.facebook.com/nhanampublishing>

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh
Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê,
Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 38479853 | Fax: 028 38443034
Email: kinhdoanhsg@nhanam.vn

In 2.000 cuốn, khổ 15.5x24cm tại Công ty CP In Viễn Đông, km 19+400, Giai Phạm, Yên Mỹ, Hưng Yên. Căn cứ trên số đăng ký xuất bản: 1637-2021/CXBIPH/03-95/ThG, và quyết định xuất bản số 808/QĐ-ThG của Nhà xuất bản Thế Giới ngày 19.7.2021. Mã ISBN: 978-604-77-9613-7. In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.

Hiện nay, trên thị trường đã xuất hiện hàng loạt cuốn sách làm giả sách của Nhã Nam với chất lượng in thấp và nhiều sai lỗi. Mong quý độc giả hãy cẩn thận khi chọn mua sách. Mọi hành vi in và buôn bán sách lậu đều vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả và nhà xuất bản.